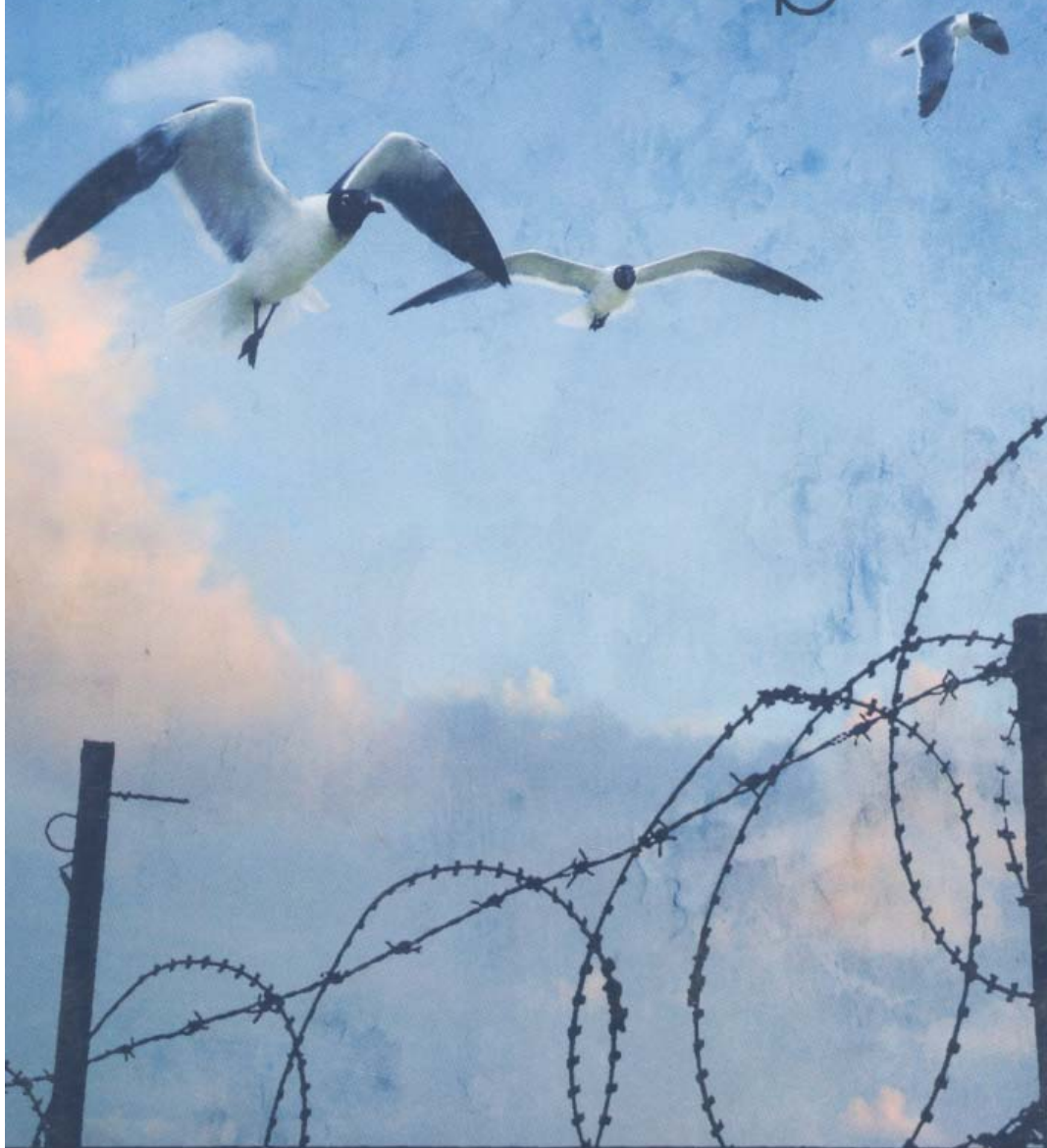


MARC LEVY



Những đứa con
của tự do

NHỮNG ĐỨA CON CỦA TỰ DO

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: *Les enfants de la liberté* của Marc Levy

© Editions Robert Laffont, S.A., Susanna Lea Associates, Paris, 2007

Xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Editions
Robert Laffont, Susanna Lea Associates và Nhà Nam, 2008.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa và Truyền thông
Nhà Nam, 2008.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao
chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc
phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản
của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi
của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành
vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

MARC LEVY

NHỮNG ĐỨA CON CỦA TỰ DO

LÊ HỒNG SÂM dịch



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

*Tôi rất yêu cái động từ “kháng cự”.
Kháng cự, với những gì giam cầm ta, với
những thành kiến, với những xét đoán hấp
tấp, với thềm muôn xét đoán, với tất cả
những gì xấu trong ta và chỉ đòi biểu lộ, với
thềm muôn buông xuôi, với nhu cầu được
xót thương ái ngại, với nhu cầu được nói về
mình để thiệt cho người, với thời thượng,
với những tham vọng không lành mạnh, với
tình trạng hoang mang bối rối quanh ta.*

Kháng cự, và... mỉm cười.

Emma DANCOURT

Tặng cha tôi,
tặng chú Claude em cha,
tặng tất cả những người con của tự do.

Tặng con trai của cha
và tặng em yêu của anh.

Mai này tôi sẽ yêu em, hôm nay tôi còn chưa biết em. Tôi khởi đầu bằng việc đi xuống cầu thang tòa nhà cũ kỹ nơi tôi ở, xin thú nhận với em là bước chân hơi vội vã. Ở tầng trệt, bàn tay tôi, đã siết chặt hàng lan can, cảm nhận chất sáp ong mà vào các ngày thứ Hai người gác cổng thoa một cách quy củ cho đến khúc ngoặt đầu cầu thang tầng hai và vào các ngày thứ Năm thì đến những tầng gác cuối. Dù ánh nắng dát vàng lên mặt tiền các tòa nhà, song lẽ đường hầy còn óng ánh nước mưa sáng sớm. Thế mà về những bước chân nhẹ nhõm ấy, tôi còn chưa biết gì hết, tôi chẳng biết gì về em hết, em là người chắc chắn một ngày kia sẽ trao cho tôi tặng phẩm đẹp đẽ nhất mà cuộc đời ban cho con người.

Tôi bước vào quán giải khát nhỏ trên phố Saint-Paul, tôi có nhiều thì giờ rảnh cho mình. Ba người đứng bên quầy, chúng tôi là số ít ỏi những kẻ giàu thời gian vào buổi sáng xuân hôm ấy. Thế rồi, hai bàn tay chắp sau tấm áo choàng len treó go, cha tôi bước vào, cha tì khuỷu tay lên quầy cứ như đã không nhìn thấy

tôi, một phong thái lịch sự rất riêng nơi cha. Cha gọi một tách cà phê đặc và tôi có thể thấy nụ cười cha cố giấu tôi dù khéo dù vụng, vụng thì đúng hơn. Bằng cách vỗ nhẹ tay xuống quầy, cha cho tôi biết rằng trong phòng “yên tĩnh”, rằng cuối cùng tôi có thể xích lại gần. Khi chạm khế vào áo cha, tôi cảm thấy sức mạnh nơi cha, gánh nặng của nỗi buồn đè trĩu vai cha. Cha hỏi liệu tôi “vẫn chắc chắn chứ”. Tôi chẳng chắc chắn điều gì hết, nhưng tôi gật đầu. Thế là cha rất kín đáo đẩy chiếc tách của mình. Bên dưới đĩa lót, có một tờ năm mươi phrăng. Tôi từ chối, nhưng cha nghiêng rất chặt hai hàm và lầm bầm rằng, muốn chiến đấu, thì bụng phải no. Tôi cảm tờ bạc và, qua cái nhìn của cha, tôi hiểu bây giờ mình phải đi. Tôi chỉnh lại mũ lưỡi trai, mở cửa quán giải khát và đi ngược con phố.

Khi đi dọc theo cửa kính, tôi nhìn cha ở bên trong quán, một thoáng nhìn trộm, như thế đấy; còn cha tặng tôi nụ cười cuối cùng của cha, như để ra hiệu rằng cổ áo tôi không chỉnh.

Trong mắt cha có một sự khẩn cấp mà phải mất nhiều năm tôi mới hiểu, nhưng giờ đây tôi chỉ cần nhắm mắt và nghĩ đến cha là gương mặt cuối cùng của cha trở lại trong tôi, nguyên vẹn. Giờ đây tôi biết cha buồn vì tôi ra đi, giờ đây tôi cũng đoán biết cha dự cảm rằng chúng tôi sẽ không còn gặp lại nhau. Cha đã mừng tượng không phải cái chết của cha, mà là cái chết của tôi.

Giờ đây tôiغم nghĩ lại về cái khoảnh khắc ấy trong quán giải khát Tourneurs. Ất phải đòi hỏi rất nhiều can đảm ở một người để đưa tang con trai mình trong khi đang uống tách cà phê-rau diếp ngay bên cạnh nó, để vẫn giữ im lặng và không bảo nó “Con về nhà ngay lập tức và làm bài đi.”

Một năm trước, mẹ tôi đã đến sở cảnh sát nhận những ngôi sao vàng của chúng tôi. Với chúng tôi đó là dấu hiệu di cư và chúng tôi đã đi Toulouse. Cha tôi là thợ may và ông sẽ không bao giờ khâu cái vật bản thủ ấy lên một mảnh vải nào.

Ngày 21 tháng Ba năm 1943 ấy, tôi mười tám tuổi, tôi bước lên xe điện và đi tới một bến đỗ không có tên trên bản đồ nào hết: tôi đi tìm chiến khu.

Mười phút trước tôi còn mang tên Raymond, từ lúc xuống bến cuối của đường tàu số 12, tôi mang tên Jeannot. Jeannot không họ. Vào khoảnh khắc hầy còn êm đềm ấy trong ngày, rất nhiều người trong thế giới của tôi chẳng biết những gì sắp đến với mình. Cha và mẹ chẳng biết rằng người ta sẽ sớm xăm một số hiệu lên cánh tay mình, mẹ chẳng biết rằng trên một sân ga, người ta sẽ chia lìa mẹ với người đàn ông mà mẹ hầu như yêu hơn cả chúng tôi.

Còn tôi, tôi cũng chẳng biết rằng mười năm sau, tôi sẽ nhận ra trong một đồng những cặp kính chất cao gần năm mét, tại Đài Tưởng niệm Auschwitz, đôi gọng cha đã cắt vào túi trên áo vét, lần cuối cùng tôi gặp cha

ở tiệm giải khát Tourneurs. Claude em trai tôi chẳng biết rằng tôi sắp tạt qua tìm em, và nếu như em không nói đồng ý, nếu hai chúng tôi không cùng nhau đi qua những năm tháng ấy, thì chẳng một người nào trong hai anh em còn sống sót. Bảy chiến hữu của tôi, Jacques, Boris, Rosine, Ernest, François, Marius, Enzo, chẳng biết rằng mình sẽ chết trong khi hô “Nước Pháp muôn năm”, và hầu như tất cả đều hô với một âm sắc ngoại quốc.

Giờ đây tôi rất ngờ rằng ý nghĩ mình đang lộn xộn, rằng từ ngữ đang xô đẩy nhau trong óc tôi, nhưng kể từ giữa trưa ngày thứ Hai ấy và ròn rã hai năm, tim tôi sẽ đập không ngừng trong lồng ngực theo nhịp do nỗi sợ hãi áp đặt; tôi đã sợ hai năm ròn rã, giờ đây thỉnh thoảng tôi còn thức dậy ban đêm với cái cảm giác chết tiệt ấy. Nhưng em đang ngủ bên tôi, em yêu, dù tôi còn chưa biết điều này. Vậy thì đây là một khúc của câu chuyện về Charles, Claude, Alonso, Catherine, Sophie, Rosine, Marc, Émile, Robert, bạn bè tôi, người Tây Ban Nha, Italia, Ba Lan, Hungari, Rumani, những người con của tự do.

PHẦN MỘT

1

Em cần hiểu bối cảnh trong đó chúng tôi từng sống, bối cảnh là quan trọng, đối với một câu chẳng hạn. Ra khỏi ngữ cảnh câu thường thay đổi nghĩa, và trong những tháng năm về sau, rất nhiều câu sẽ ra khỏi ngữ cảnh của chúng để xét đoán một cách thiên vị và để bài xích nhiều hơn. Đó là một thói quen sẽ chẳng mất đi.

Vào những ngày đầu tháng Chín, quân đội Hitler đã xâm lược Ba Lan, nước Pháp đã tuyên chiến và chẳng ai ở nơi đây hay nơi ấy lại nghi ngờ rằng quân đội chúng ta sẽ không đẩy lùi được kẻ địch đến biên giới. Nước Bỉ đã bị làn sóng những sư đoàn xe bọc thép Đức quét sạch, và trong vài tuần lễ mười vạn binh sĩ của chúng ta sẽ chết trên các chiến trường phía Bắc và mạn sông Somme.

Thống chế Pétain được cử đứng đầu chính phủ; hôm sau nữa, một vị tướng không chấp nhận thất bại đã ra lời kêu gọi kháng chiến từ Luân Đôn. Pétain ưng

ký kết đầu hàng, từ bỏ mọi hy vọng của chúng ta. Chúng ta đã bại trận nhanh hết sức.

Quy phục nước Đức quốc xã, thống chế Pétain kéo nước Pháp vào một trong những thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử đất nước. Nền cộng hòa bị thủ tiêu vì cái mà từ nay trở đi người ta sẽ gọi là Quốc gia Pháp. Bản đồ bị gạch ngang một nét và đất nước chia thành hai vùng, một vùng ở phía Bắc, bị chiếm đóng, còn vùng kia ở phía Nam, gọi là vùng tự do. Nhưng tự do ở đây hết sức tương đối. Mỗi ngày lại thấy xuất hiện một loạt sắc lệnh, dồn vào tình trạng bấp bênh hai triệu đàn ông, đàn bà và trẻ em ngoại quốc đang sống tại Pháp từ nay bị tước mất các quyền: quyền làm nghề của mình, quyền đến trường học, quyền đi lại tự do và chẳng bao lâu nữa, rất nhanh, quyền chỉ tồn tại mà thôi.

Tuy nhiên, những người ngoại quốc đến từ Ba Lan, từ Rumania, từ Hungari ấy, những người tị nạn Tây Ban Nha hay Italia ấy, đất nước đã thành mất trí nhớ từng cần đến họ vô cùng. Từng rất cần làm đông đảo lại dân cư cho một nước Pháp đã bị mất đi, hai mươi lăm năm trước, một triệu rưỡi người, chết trong những đường hào của cuộc Đại chiến. Người ngoại quốc, đó là trường hợp của hầu hết bạn bè tôi, và mỗi người đều đã chịu sự đàn áp, ngược đãi từ nhiều năm nay ở nước mình. Các nhà dân chủ Đức hiểu rõ Hitler là ai, các chiến sĩ Tây Ban Nha biết rõ nền độc tài của Franco, các chiến sĩ Italia biết chế độ phát xít của Mussolini. Họ đã là những người đầu tiên chứng kiến

mọi niềm căm ghét, mọi sự quyết liệt không dung tha, chúng kiến cái dịch bệnh lan khắp châu Âu kéo theo hậu quả khủng khiếp là chết chóc và khốn khổ. Tất cả đều đã biết rằng bại trận chỉ là một mùi vị đoán trước, điều tệ hại hơn hầy còn chưa tới. Nhưng ai muốn nghe những kẻ đưa tin xấu tới chứ? Ngày nay, nước Pháp không còn cần họ nữa. Thế là những kẻ tha hương ấy, đến từ phía Đông hay phía Nam, bị bắt và giam giữ trong các trại.

Thống chế Pétain không chỉ bỏ cuộc mà thôi, ông ta sắp câu kết với những kẻ độc tài của châu Âu, và trên đất nước chúng ta, đất nước đang thiêu ngử quanh ông lão ấy, đã chen chúc nào thủ tướng, nào các bộ trưởng, tỉnh trưởng, quan tòa, hiến binh, cảnh sát, dân binh, kẻ nọ năng nổ hơn kẻ kia trong công việc kinh khủng của họ.

2

Mọi sự đã khởi đầu như một trò chơi con trẻ, cách đây ba năm, ngày 10 tháng Mười một năm 1940. Vị thống chế thảm hại của nước Pháp, có vài tỉnh trưởng đeo nhành nguyệt quế bạc tháp tùng, mở đầu bằng Toulouse chuyển thăm *vùng tự do* của một đất nước tuy nhiên lại chính là tù nhân của chiến bại của mình.

Nghịch lý lạ lùng là những đám đông quần chúng hoang mang, thần phục khi nhìn cây gậy của Thống chế giơ lên, cây quyền trượng của một cựu chỉ huy nay trở lại cầm quyền và mang theo một trật tự mới. Nhưng trật tự mới của Pétain sẽ là một trật tự của khốn cùng, của phân biệt đối xử, của tố cáo, của loại trừ, của giết chóc và dã man.

Trong những người sắp tạo thành đội của chúng tôi, một số có biết các trại giam giữ, nơi chính phủ Pháp đã cho nhốt tất cả những ai mắc lỗi là người

ngoại quốc, Do Thái hay cộng sản. Và trong những trại ở mạn Tây Nam ấy, dù là Gurs, Argelès, Noé hay Rivesaltes, cuộc sống thật tồi tệ. Khác nào nói với em rằng đối với những ai có bạn bè, có người thân trong gia đình bị giam giữ, việc Thống chế đến được trải nghiệm như một đòn tấn công cuối cùng vào chút tự do ít ỏi còn lại của chúng tôi.

Và bởi dân chúng đang sửa soạn hoan hô ông ta, cái ông Thống chế ấy, thì cần phải khua lên hồi chuông cảnh báo của chúng tôi, đánh thức mọi người khỏi nỗi sợ hãi hết sức nguy hiểm ấy, cái nỗi sợ lây lan trong các đám đông và dẫn họ đến chỗ buông tay, chấp nhận bất cứ điều gì; đến chỗ câm nín với lý do duy nhất bào chữa cho sự hèn nhát là người bên cạnh cũng làm thế và nếu người bên cạnh cũng làm thế, vậy thì cần phải làm như thế.

Với Caussat, một trong những người bạn thân nhất của em trai tôi, cũng như với Bertrand, Clouet hay Delacourt, không có chuyện buông tay, không có chuyện câm nín, và cuộc diễu hành hiểm ác sắp bày ra trên các đường phố Toulouse sẽ là diễn trường cho một tuyên cáo oai nghiêm.

Điều quan trọng hôm nay, đó là những lời lẽ của chân lý, một vài lời lẽ của lòng dũng cảm và phẩm giá trút xuống đoàn người. Một bài viết vụng về, tuy thế vẫn tố cáo điều đáng phải tố cáo; với lại có quan trọng gì đâu điều bài viết nói lên hoặc không nói lên. Còn

phải nghĩ cách nào để truyền đơn được tung ra rộng rãi nhất, mà không để mình bị các lực lượng an ninh bắt giữ ngay.

Nhưng các bạn đã suy nghĩ kỹ miếng đòn. Vài giờ trước cuộc diễu hành, họ băng qua quảng trường Esquirol. Trên tay họ là những bọc những gói. Cảnh sát đã triển khai lực lượng, nhưng ai quan tâm đến những gã trai mới lớn có dáng dấp ngây thơ ấy? Họ đến đúng địa điểm rồi, một tòa nhà ở góc phố Metz. Thế là, cả bốn lên vào cầu thang và trèo lên tận mái nhà, mong sao không một lính canh nào ở đó. Chân trời thoáng vắng và thành phố trải rộng dưới chân họ.

Caussat ráp nối dụng cụ mà cậu cùng các bạn đã nghĩ ra. Bên rìa mái nhà, một tấm ván con dựa trên một giá đỡ nhỏ, sẵn sàng chao nghiêng như một chiếc đu. Bên này họ đặt chồng truyền đơn mà họ đã đánh máy, bên kia là một bi đồng đầy nước. Một lỗ thùng nhỏ dưới đáy bình, thế là nước chảy vào ống máng trong lúc họ đã chuồn ra phố.

Xe hơi của Thống chế tiến lại gần, Caussat ngừng đầu lên và cười mỉm. Chiếc limousine ngả mũi từ từ đi ngược con phố. Trên mái nhà, chiếc bi đồng gần như rộng không, nó chẳng còn trọng lượng; thế là tấm ván chao nghiêng và truyền đơn bay phấp phới. Ngày 10 tháng Mười một năm 1940 ấy sẽ là mùa thu đầu tiên của viên thống chế phản bội. Hãy nhìn lên trời, các tờ giấy xoay lượn, và hạnh phúc tột cùng cho các chú

gavroche¹⁾ với súng khí đầy ngầu hứng ấy, một vài tờ đến đậu trên vành mũ của thống chế Pétain. Đông đảo mọi người cúi xuống nhặt truyền đơn. Mọi sự rối tung, cảnh sát chạy khắp các ngã và những kẻ tưởng nhìn thấy các chú nhãi hoan hô đoàn diễu hành như tất cả những người khác không biết rằng các chú đang ăn mừng thắng lợi đầu tiên của mình.

Họ phân tán và giờ đây mỗi người lách ra xa. Chiều tối hôm ấy về nhà, Caussat không tưởng tượng được rằng ba ngày sau, do có kẻ tố cáo, cậu sẽ bị bắt và sẽ trải qua hai năm tù ngục tại đề lao Nîmes. Delacourt không biết rằng vài tháng nữa cậu sẽ bị cảnh sát Pháp giết chết, trong một nhà thờ ở Agen, nơi cậu ẩn nấu vì bị truy lùng. Clouet không biết rằng năm sau, cậu sẽ bị xử bắn ở Lyon; còn về Bertrand thì sau này chẳng ai tìm lại được mảnh ruộng nhỏ nơi cậu yên nghỉ. Ra tù, phổi bị bệnh lao ăn ruỗng, Caussat sẽ tìm vào chiến khu. Lại bị bắt, lần này cậu phải đi đày. Khi chết ở Buchenwald, cậu hai mươi hai tuổi.

Em thấy đó, với bạn bè của chúng tôi, mọi sự đã khởi đầu như một trò chơi con trẻ, một trò chơi của những đứa trẻ sẽ không bao giờ có thời gian thành người lớn.

1. Những chú thích không ghi chú "*của tác giả*" là của người dịch.

Gavroche, thường được sử dụng như một danh từ chung, là nhân vật trong tiểu thuyết *Những người khốn khổ* của Victor Hugo, điển hình của "chú nhãi con" Paris, tinh nghịch và hào hiệp, tiêu biểu cho tinh thần tự do không khoan nhượng của dân chúng.

Vậy tôi cần phải nói với em về họ, Marcel Langer, Jan Gerhard, Jacques Insel, Charles Michalak, José Linarez Díaz, Stefan Barsony, về tất cả những ai sẽ tham gia cùng họ trong những tháng ngày sắp tới. Họ chính là những đứa con đầu tiên của tự do, những người đã lập nên đội 35. Để làm gì? Để kháng chiến! Chính câu chuyện của họ mới quan trọng, không phải chuyện của tôi, và hãy tha lỗi cho tôi nếu thỉnh thoảng ký ức tôi làm lạc, nếu tôi mơ hồ lẫn lộn hoặc nhầm tên nhầm họ.

Có cần gì những cái tên, một hôm anh bạn Urman của tôi đã nói thế, thuở ấy chúng tôi không đông đảo, và kỳ thực, chúng tôi chỉ là một mà thôi. Thuở ấy chúng tôi sống trong nỗi sợ hãi, trong cảnh bất hợp pháp, chúng tôi không biết mỗi ngày hôm sau sẽ ra sao, và hôm nay lật giở lại ký ức của chỉ một trong những ngày đó thôi bao giờ cũng khó khăn.

3

Hãy tin tôi đi, chiến tranh không bao giờ giống một bộ phim, không người bạn nào của tôi có gương mặt của Robert Mitchum, và giả như Odette có được đủ chỉ là cặp chân của Lauren Bacall thôi, thì chắc tôi đã thử ôm hôn cô thay vì ngần ngại như một thằng ngu trước rạp chiếu bóng. Càng ngu hơn nữa bởi đó lại là hôm trước của buổi chiều mà hai tên quốc xã giết cô ở góc phố Xiêm Gai (Acacias). Từ đó, tôi không ưa cây xiêm gai.

Điều gay go nhất, tôi biết rằng thật khó tin, chính là tìm được lực lượng Kháng chiến.

Từ khi Caussat và bè bạn cậu mất tăm, em trai tôi và tôi phiền muộn lo lắng. Ở trường trung học, cuộc sống chẳng vui lắm, giữa những tư tưởng bài Do Thái của ông thầy sử-địa và những lời châm chọc của đám

học trò ban triết mà bọn tôi thường đánh lộn. Các buổi tối tôi ngồi trước máy radio, để rình tin tức Luân Đôn. Khi trường khai giảng, chúng tôi đã thấy trên bàn học những tờ giấy nhỏ mang tiêu đề “Chiến đấu”. Tôi đã nhìn thấy anh chàng đang lên ra khỏi lớp; đó là một cậu người Alsace bị nạn tên là Bergholtz. Tôi chạy ba chân bốn cẳng để đuổi kịp cậu ta trong sân, để bảo cậu rằng tôi muốn làm như cậu, phân phát truyền đơn cho Kháng chiến. Cậu đã cười cợt khi tôi nói thế, nhưng dù vậy tôi vẫn thành trợ thủ của cậu. Và những ngày sau đó, tan học, tôi đợi cậu bên lề đường. Cậu vừa đến góc phố, là tôi bắt đầu đi, còn cậu rảo bước để đuổi kịp tôi. Cùng nhau, chúng tôi luồn những tờ báo ủng hộ De Gaulle vào các hòm thư, thỉnh thoảng chúng tôi ném báo từ chỗ đứng ở đầu toa tàu điện trước khi nhảy xuống lúc tàu đang chạy và bỏ trốn.

Một chiều, Bergholtz không xuất hiện khi tan trường, và ngày hôm sau cũng không...

Từ đó, tan học, tôi cùng em Claude lên con tàu nhỏ đi dọc con đường Moissac. Chúng tôi lén lút đến “Trang viên”. Đó là một trú sở rộng lớn nơi sống ẩn náu khoảng ba chục đứa trẻ mà bố mẹ đã bị đi đày; các nữ hướng đạo sinh đã thu nạp và chăm sóc chúng. Claude và tôi đến xới đất nhặt cỏ trong vườn rau, thỉnh thoảng chúng tôi dạy toán và văn cho những đứa bé hơn. Tôi lợi dụng mỗi ngày ở Trang viên để van nài

Josette, chị phụ trách, mách tôi một mối giúp tôi có thể tham gia Kháng chiến, và lần nào chị cũng nhìn tôi mà ngược mắt lên trời, làm ra vẻ chẳng hiểu tôi đang nói với chị cái gì.

Nhưng một hôm, Josette gọi riêng tôi vào văn phòng của chị.

- Chị nghĩ là chị có cái gì cho em đây. Hai giờ chiều nay em hãy đến trước số nhà 25 phố Bayard. Một người qua đường sẽ hỏi em mấy giờ. Em sẽ trả lời rằng đồng hồ của em không chạy. Nếu người ấy bảo em “Cậu là Jeannot ư?” thì đúng người rồi đấy.

Và điều ấy đã xảy ra như thế đó...

Tôi đưa em trai theo và chúng tôi đã gặp Jacques trước số nhà 25 phố Bayard, ở Toulouse.

Anh đi vào con phố, khoác áo choàng màu xám và đội mũ dạ, một ống điếu ngậm bên khoe môi. Anh ném tờ báo của mình vào chiếc giỏ buộc ở cột đèn; tôi không nhận vì không phải lời dặn. Lời dặn, đó là đợi anh hỏi giờ tôi. Anh dừng chân ngang tầm chỗ chúng tôi, ngấm kỹ chúng tôi và khi tôi trả lời rằng đồng hồ của tôi không chạy, anh bảo tên anh là Jacques và hỏi trong chúng tôi ai là Jeannot. Tôi lập tức bước lên một bước bởi lẽ Jeannot, chính là tôi.

Jacques đích thân tuyển mộ người tham gia. Anh không tin ai hết và anh có lý. Tôi biết rằng nói như vậy là không quảng đại lắm, nhưng phải đặt lại mình vào bối cảnh.

Vào khoảnh khắc ấy, tôi không biết rằng mấy ngày sau, một người kháng chiến tên là Marcel Langer sẽ bị kết án tử hình vì một viên chương lý Pháp đã đòi mạng anh và đã đạt được điều ấy. Và không một ai trên nước Pháp, tại vùng tự do hay không tự do, lại ngờ được rằng sau khi một người trong chúng tôi hạ được viên chương lý kia ở dưới nhà hấn, vào một ngày Chủ nhật, khi hấn đi đến nhà thờ dự lễ, thì không một Pháp đình nào còn dám đòi xử tử một người kháng chiến bị bắt nữa.

Tôi cũng không biết rằng tôi sẽ đi diệt một tên đề tiện, giữ chức trách cao trong Dân binh, kẻ tổ cáo và răn sát bao thanh niên kháng chiến. Tên dân binh này không bao giờ biết được rằng cái chết của y chỉ treo đầu sọt rác. Rằng tôi sợ bắn đến nỗi có thể tè ra đấy, rằng tôi suýt buông rơi khẩu súng và nếu đồ rác rưởi ấy không nói “Xin rủ lòng thương”, y là kẻ đã không có lòng thương với ai hết, thì tôi đã không đủ giận dữ để hạ y bằng năm phát đạn vào bụng.

Chúng tôi đã giết. Tôi đã để nhiều năm mới nói lên điều này, người ta không bao giờ quên khuôn mặt của kẻ nào đó mà mình sắp bắn. Nhưng chúng tôi chưa bao giờ giết một người vô tội, ngay cả một kẻ ngu dại cũng không. Tôi biết như thế, các con tôi cũng sẽ biết như thế, đó là điều đáng kể.

Lúc này, Jacques đang nhìn tôi, cân nhắc xem xét

tôi, gần như hít ngửi đánh hơi tôi tựa một động vật, anh tin ở bản năng của mình thế rồi anh ngạo nghễ đứng trước mặt tôi; điều anh sắp nói hai phút sau sẽ làm cuộc đời tôi chao đảo:

- Chính xác thì cậu muốn gì?

- Đến với Luân Đôn.

- Thế thì tôi không giúp gì được cậu, Jacques nói.

Luân Đôn ở xa mà tôi không có sự tiếp xúc nào hết.

Tôi chờ đợi anh quay lưng lại với tôi và bỏ đi nhưng Jacques vẫn đứng trước mặt tôi. Anh không rời mắt khỏi tôi, tôi thử vận may lần thứ hai.

- Anh có thể giúp tôi liên lạc với du kích được không? Tôi muốn đi đánh nhau cùng với họ.

- Việc ấy cũng không thể được, Jacques vừa chậm lại ổng điều vừa đáp.

- Tại sao?

- Tại cậu bảo là cậu muốn đánh nhau. Ở chiến khu mọi người không đánh nhau; khá lắm là thu hồi các bao kiện được tiếp tế, chuyển các thông điệp, nhưng ở đó cuộc kháng chiến hãy còn thụ động. Nếu cậu muốn đánh nhau, thì là cùng chúng tôi.

- Chúng tôi?

- Cậu có sẵn sàng để chiến đấu trên các đường phố hay không?

- Điều tôi muốn, là giết một tên quốc xã trước khi chết. Tôi muốn một khẩu súng ngắn.

Tôi đã nói điều đó với vẻ tự hào. Jacques phá lên

cười. Tôi thì tôi không hiểu có gì là ngộ nghĩnh ở đây, thậm chí tôi thấy điều này bí tráng thì đúng hơn! Chính cái đó lại khiến Jacques cười cợt.

- Cậu đã đọc quá nhiều sách đấy, sẽ phải tập cho cậu sử dụng cái đầu của mình.

Nhận xét mang tính gia trưởng của anh hơi làm tôi phật ý, nhưng chớ có để anh thấy điều này. Đã mấy tháng nay tôi tìm cách liên lạc với lực lượng Kháng chiến thế mà giờ đây tôi đang làm hỏng mọi chuyện.

Tôi tìm kiếm những từ ngữ xác đáng mà không ra, tìm một lời nói chứng tỏ mình là một người mà các chiến sĩ có thể tin cậy. Jacques đoán được ý tôi, anh mỉm cười, và trong mắt anh, đột nhiên tôi thấy như có một ánh trù mền.

- Chúng ta không giao chiến để chết, mà vì cuộc sống, cậu hiểu chứ?

Chuyện cứ như chẳng có gì, nhưng cái câu ấy, tôi đã tiếp nhận nó như một cú đấm. Đó là những lời lẽ hy vọng đầu tiên tôi nghe thấy kể từ khi chiến tranh bắt đầu, kể từ khi tôi sống không quyền lợi, không phận vị, chẳng có bất kỳ căn cước nào trong cái đất nước mới ngày hôm qua còn là đất nước của tôi. Tôi nhớ cha tôi, nhớ cả gia đình tôi nữa. Chuyện gì đã xảy ra thế? Xung quanh tôi tất cả đã tan biến, người ta đã cướp đi cuộc sống của tôi, chỉ vì tôi là Do Thái và với đàn đàn lũ lũ những con người điều ấy là đủ để muốn tôi phải chết.

Đằng sau tôi, em tôi đang đợi. Nó ngờ rằng điều gì đó quan trọng đang diễn ra, thế là nó khế húng háng

để nhắc nhở rằng cả nó cũng đang ở đây. Jacques đặt tay lên vai tôi.

- Đi nào, ta đừng ở lại chỗ này. Một trong những điều đầu tiên cậu cần phải học, là không bao giờ đứng im hết, như thế là làm mình bị phát hiện đấy. Một gã trai đợi chờ ngoài phố, vào thời buổi này, bao giờ cũng đáng khả nghi.

Thế là chúng tôi đi bộ dọc lề đường một con phố nhỏ tối tăm, có Claude theo sau.

- Có lẽ tôi có việc cho các cậu. Tối nay, các cậu sẽ đến ngủ ở số 15 phố Ruisseau, nhà bà lão Dublanc, bà ấy sẽ là chủ cho các cậu thuê nhà. Các cậu sẽ bảo bà ấy rằng cả hai cậu đều là sinh viên. Chắc chắn bà ấy sẽ hỏi là chuyện gì đã xảy ra với Jérôme. Hãy trả lời rằng các cậu thay vào chỗ cậu ấy, rằng cậu ấy về với gia đình ở miền Bắc.

Tôi đoán đó là một câu thần chú sẽ cho chúng tôi vào được một ngôi nhà và, biết đâu, còn vào được cả một gian phòng có lửa ấm nữa. Thế là, nhận vai trò của mình một cách rất nghiêm chỉnh, tôi hỏi xem cậu Jérôme kia là ai, chả là để sắm vai cho đúng nếu bà lão Dublanc định tìm hiểu thêm về các khách trọ mới của bà. Jacques lập tức dẫn tôi trở về với một thực tế sống sượng hơn.

- Cậu ấy chết hôm kia, cách đây hai phố. Và nếu trả lời câu hỏi của tôi "Cậu có muốn tiếp xúc trực tiếp với chiến tranh hay không?" cậu vẫn bảo có, thì ta hãy coi như đó là người mà giờ đây cậu thay thế. Tối nay, ai

đó sẽ gõ cửa nhà cậu. Người ấy sẽ bảo cậu là do Jacques cử đến.

Với một âm sắc trong giọng nói như thế, thì tôi biết rõ đây không phải tên thật của anh, nhưng tôi cũng biết rằng khi ta tham gia Kháng chiến, thì cuộc đời trước đây của ta không tồn tại nữa, và họ tên ta cũng mất tăm cùng. Jacques luồn vào tay tôi một chiếc phong bì.

- Chừng nào cậu còn trả tiền thuê nhà, bà lão Dublanc sẽ không hỏi han gì cậu. Các cậu hãy đi chụp ảnh, có một phòng chụp ở nhà ga đấy. Bây giờ thì biến đi. Ta sẽ có dịp gặp lại nhau.

Jacques tiếp tục đi. Đến góc con phố nhỏ, dáng hình cao cao của anh mờ trong mưa bụi. Claude nói:

- Mình đi chứ?

Tôi đưa em trai vào một quán giải khát và chúng tôi chỉ uống vừa đủ chút gì cho ấm người. Ngồi bên chiếc bàn sát cửa kính, tôi nhìn tàu điện ngược lên đường phố lớn. Claude vừa ghé môi vào tách nước bốc khói vừa hỏi:

- Anh chắc chứ?

- Còn em?

- Em thì em chắc chắn rằng em sẽ chết, ngoài điều đó ra thì em không biết.

- Nếu chúng ta tham gia Kháng chiến, là để sống, không phải để chết. Em hiểu chứ?

- Anh lấy ở đâu ra một điều như vậy?

- Anh Jacques vừa mới bảo anh thế.

- À nếu là anh Jacques bảo...

Rồi thỉnh lặg một lúc lâu. Hai dân bình bước vào quán, chúng ngồi xuống chẳng để ý đến chúng tôi. Tôi sợ Claude làm trò gì ngu xuẩn, nhưng em chỉ nhún vai. Bụng em sôi òng ọc. Em nói:

- Em đói. Em đói không chịu được nữa.

Tôi hổ thẹn vì đói mặt mình là một thằng bé mười bảy tuổi ăn không đủ no, hổ thẹn vì tình trạng bất lực của mình; nhưng tối nay có thể rốt cuộc chúng tôi sẽ tham gia Kháng chiến và khi ấy, mọi sự rồi sẽ thay đổi, tôi tin chắc như vậy. Mùa xuân sẽ trở lại, một ngày nào đó Jacques sẽ nói thế, khi ấy, một ngày nào đó, tôi sẽ dẫn em trai vào một hiệu bánh, tôi sẽ đãi nó mọi thứ bánh trái trên thế gian mà nó sẽ ngon ngấu cho đến ngắc ra không ăn được nữa, và mùa xuân ấy sẽ là mùa xuân đẹp nhất trong đời tôi.

Chúng tôi rời quán, và sau khi dừng ở sảnh nhà ga một lát ngắn, chúng tôi đến địa chỉ được Jacques dặn.

Bà lão Dublanc không hỏi han gì. Bà chỉ bảo chắc Jérôme chẳng thiết mấy đến đồ đạc của mình nên mới ra đi như vậy. Tôi đưa tiền cho bà còn bà giao cho tôi chìa khóa một gian phòng ở tầng trệt, nhìn ra phố. Bà nói thêm:

- Phòng cho một người ở thôi!

Tôi giải thích rằng Claude là em tôi, rằng em đến đây thăm tôi vài ngày. Tôi cho rằng bà lão Dublanc có

ngờ vực đôi chút chúng tôi không phải là sinh viên, nhưng chừng nào mọi người trả đủ tiền nhà, thì cuộc sống của khách thuê nhà không liên quan đến bà. Gian phòng trông chẳng tươm tất gì, một bộ đồ trải giường cũ kỹ, một bình đựng nước và một chậu thau nhỏ. Đại tiểu tiện ở một túp nhà con cuối vườn.

Chúng tôi chờ đợi hết buổi chiều. Vào lúc mặt trời lặn, có người gõ cửa. Không phải cái cách làm ta giật nảy người, không phải tiếng gõ quả quyết của đám Dân binh khi chúng đến bắt giữ ta, chỉ đúng hai tiếng gõ khẽ vào khuôn cửa. Claude ra mở. Émile bước vào và ngay lập tức tôi cảm thấy chúng tôi sẽ thân thiết với nhau.

Émile không cao lắm và cậu ghét mọi người bảo mình lùn. Đã một năm nay cậu sống bất hợp pháp và mọi điều trong thái độ của cậu đều cho thấy cậu đã quen với tình trạng này. Émile điềm tĩnh, cậu nở một nụ cười kỳ cục, như thể chẳng có cái gì là quan trọng nữa.

Mười tuổi, cậu trốn khỏi Ba Lan vì ở đó họ ngược đãi những người thân của cậu. Chưa đầy mười lăm tuổi, nhìn quân đội Hitler diễu hành tại Paris, Émile hiểu rằng những kẻ từng muốn tước đoạt cuộc sống của cậu ở quê hương cậu đã đến tận đây để hoàn tất công việc bẩn thỉu của chúng. Đôi mắt nhóc con mới lớn của cậu mở to và không bao giờ cậu có thể nhắm hẳn lại được. Có lẽ vì thế mà cậu có nụ cười kỳ cục nọ; không, Émile không lùn, vóc người cậu thấp đậm.

Chính bà gác cổng đã cứu Émile. Phải nói rằng ở

cái nước Pháp buồn thảm này, có những bà chủ nhà cực kỳ, những người nhìn chúng ta theo cách khác, không chấp nhận để thiên hạ giết những con người trung hậu, chỉ vì tôn giáo của họ khác biệt. Những người đàn bà không quên rằng một đứa trẻ là thiêng liêng, dù là kiều dân hay không là kiều dân.

Cha Émile đã nhận được thư của quận bắt ông phải đi mua những ngôi sao vàng để khâu lên áo khoác, ở ngang ngực, sao cho nhìn thật rõ, tờ thông tri bảo vậy. Thời ấy, Émile và gia đình sống tại Paris, phố Sainte-Marthe, quận X. Cha Émile đã đến sở cảnh sát ở phố Vellefaux; ông có bốn con, vậy là họ giao cho ông bốn ngôi sao, thêm một ngôi cho ông và một ngôi nữa cho vợ ông. Cha Émile trả tiền các ngôi sao và ông quay về nhà, đầu cúi gằm, như một con vật đã bị đóng dấu sắt nung. Émile đeo ngôi sao của mình, rồi những cuộc vây ráp bắt đầu. Cậu đã phản kháng, bảo cha dứt bỏ cái vật bẩn thỉu ấy, song vô hiệu. Cha Émile là một người sống theo pháp luật, và lại ông tin tưởng vào đất nước đã đón nhận ông; ở nơi đây, người ta không thể làm điều gì hại đến những người lương thiện.

Émile đã tìm được chỗ trú ngụ trong một căn phòng áp mái dành cho đầy tớ. Một hôm, khi cậu đang đi xuống, bà gác cổng đã lao theo cậu.

- Cháu trở lên ngay đi, họ đang bắt giữ rất cả những người Do Thái trong phố, đâu đâu cũng là cảnh sát. Họ điên rồi. Émile, lên nhà ẩn nấp nhanh đi.

Bà bảo cậu đóng cửa lại và không trả lời ai hết, bà sẽ mang cho cậu thứ gì đó để ăn. Vài ngày sau, Émile ra ngoài mà không đeo ngôi sao. Cậu quay về phố Sainte-Marthe, nhưng trong căn hộ của cha mẹ cậu, không còn ai nữa; không có cha, không có mẹ, không có hai em gái, một em sáu tuổi, em kia mười lăm, cả người anh trai mà cậu đã van nài hãy ở lại cùng cậu, đừng trở lại căn hộ phố Sainte-Marthe.

Émile chẳng còn một ai; tất cả bạn bè cậu đều bị bắt; hai người trong số đó, đang tham gia cuộc biểu tình ở cửa ô Saint-Martin, đã tẩu thoát được qua phố Lancry khi bọn lính Đức cưỡi xe máy nã súng liên thanh vào đoàn người; nhưng họ bị bắt lại. Cuối cùng họ bị bắn chết bên một bức tường. Để phục thù, ngày hôm sau một người kháng chiến mang tên Fabien đã diệt một sĩ quan địch ở bến tàu điện ngầm ga Barbès, nhưng hai bạn của Émile chẳng vì thế mà hồi sinh được.

Không, Émile chẳng còn ai nữa, trừ André, một bạn học cuối cùng mà cậu từng học chung ở lớp kế toán. Thế là cậu đến gặp bạn, để tìm kiếm đôi chút giúp đỡ. Bà mẹ André mở cửa cho cậu. Và khi Émile báo cho bà biết gia đình cậu đã bị vây bắt, cậu trợ trợ một mình, bà đã lấy tờ giấy khai sinh của con trai mình đưa cho Émile và khuyên cậu rời ngay Paris. “Cháu hãy làm điều gì cháu có thể với tờ giấy này, cũng có khi cháu xin được cả một thẻ căn cước đấy.” Họ của André là Berté, cậu không phải người Do Thái, tờ chứng nhận là một giấy thông hành bằng vàng ròng.

Tại ga Austerlitz, Émile chờ cho đến khi chuyến tàu đi Toulouse móc nối xong các toa. Cậu có một ông chú ở Toulouse. Rồi cậu lên một toa và ẩn nấp dưới gầm ghế, không động cựa. Hành khách trong khoang không biết rằng nép sau chân họ là một thằng bé đang lo sợ cho mạng sống của nó.

Tàu chuyển bánh, Émile vẫn náu mình, bất động, nhiều giờ liền. Khi tàu đã vượt sang vùng tự do, cậu rời chỗ ẩn nấp. Hành khách ngỡ ngàng khi thấy thằng nhóc chui ra từ đâu không biết; cậu thú thật rằng cậu không có giấy tờ; một người đàn ông bảo cậu hãy lập tức trở lại chỗ ẩn náu, ông đi tuyến đường này đã quen và hiến binh sẽ sớm đi kiểm tra tiếp. Ông sẽ báo cho cậu biết khi nào có thể ra được.

Em thấy đó, ở cái nước Pháp buồn thảm này, chẳng những có những bà gác cổng và những bà chủ nhà tuyệt vời, mà còn có cả những bà mẹ quảng đại, những hành khách rất cừ, những con người vô danh kháng chiến theo cách của mình, những con người vô danh không chịu làm như người bên cạnh, những con người vô danh vi phạm phép tắc bởi những phép tắc này xấu xa nhục nhã.

*

*

*

Chính trong căn phòng bà lão Dublanc cho tôi

thuê được vài tiếng đồng hồ, Émile vừa bước vào, cùng với toàn bộ câu chuyện của cậu, cùng với toàn bộ quá khứ của cậu. Và ngay cả nếu tôi chưa biết nó, chưa biết câu chuyện của Émile, thì qua ánh mắt cậu tôi vẫn hiểu rằng chúng tôi sẽ rất hợp ý nhau.

- Vậy người mới là cậu hả? Émile hỏi.

- Là chúng tôi, em tôi sửa lại, nó chán ngấy chuyện mọi người làm như không có nó ở đây.

- Các cậu có ảnh chứ? Émile lại hỏi.

Rồi cậu rút trong túi ra hai thẻ căn cước, các phiếu thực phẩm và một con dấu. Giấy tờ làm xong, cậu đứng lên, xoay chiếc ghế dựa và lại ngồi xuống, chân choãi sang hai bên.

- Ta hãy bàn về nhiệm vụ đầu tiên của cậu. À thôi, vì các cậu có hai người, hãy nói là nhiệm vụ đầu tiên của các cậu.

Mất em tôi sáng long lanh, tôi không biết do cái đói hành hạ dạ dày nó không ngừng hay do niềm háo hức mới mẻ của một hy vọng được hành động, nhưng tôi thấy rõ, mất nó sáng long lanh.

- Sẽ phải đi lấy cắp xe đạp, Émile nói.

Claude quay lại giường, mặt ỉu xiu.

- Kháng chiến là thế ư? Là chôm xe đạp ư? Tôi đã đi cả chặng đường này để mọi người bảo tôi làm kẻ cắp ư?

- Vì cậu tưởng cậu sẽ đi xe hơi mà hành động hả? Xe đạp, đó là bạn tốt nhất của người kháng chiến. Hãy suy nghĩ hai giây đồng hồ đi, nếu như vậy không phải

là đòi hỏi cậu quá nhiều. Chẳng ai để ý đến một người đàn ông đi xe đạp; cậu chỉ là một gã đang từ nhà máy về hay đang đi làm tùy theo giờ giấc. Một người đi xe đạp hòa mình vào đám đông, anh ta cơ động, luôn lách khắp nơi. Cậu đánh miếng đòn của cậu, cậu chuồn bằng xe đạp, và trong lúc mọi người chỉ mới hiểu được sơ sơ điều vừa xảy ra, thì cậu đã ở đầu bên kia thành phố rồi. Vậy nếu cậu muốn mọi người giao cho mình những nhiệm vụ quan trọng, thì hãy khởi đầu bằng việc đi chôm chiếc xe đạp của mình!

Thế đó, bài học vừa được dạy. Còn phải biết mình sẽ đi chôm xe đạp ở đâu. Chắc Émile đã đoán trước câu hỏi của tôi. Cậu đã dò được chỗ và chỉ cho chúng tôi hành lang một tòa nhà nơi ba chiếc xe đạp nằm đấy, không bao giờ khóa. Chúng tôi cần hành động tức thời; nếu mọi chuyện ổn, thì chấp tôi chúng tôi phải gặp lại cậu ở nhà một người bạn mà cậu yêu cầu tôi học thuộc lòng địa chỉ. Nơi đó cách đây vài cây số, mạn ngoại ô Toulouse, một nhà ga nhỏ bỏ không ở khu Loubers. Émile nhấn mạnh: “Các cậu làm gấp đi, các cậu sẽ phải đến được chỗ ấy trước giờ giới nghiêm.” Đang là mùa xuân, còn nhiều giờ nữa trời mới tối và tòa nhà có xe đạp cách đây không xa. Émile ra đi còn em tôi tiếp tục giận dỗi.

Tôi thuyết phục được Claude rằng Émile không sai đâu, và có lẽ đây là một sự thử thách. Em tôi cau mày nhưng đồng ý đi theo tôi.

Chúng tôi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đầu tiên này. Claude nắp ngoài phổ, dù sao chúng tôi cũng có thể bị hai năm tù về tội ăn cắp xe đạp. Hành lang vắng ngắt và, như Émile đã báo trước, đúng là có ba chiếc xe đạp, cái nọ để sát cái kia, không hề khóa buộc gì.

Émile đã bảo tôi chôm hai chiếc xe đầu tiên, nhưng chiếc thứ ba, dựng sát tường, là một xe kiểu thể thao khung màu đỏ rực và tay lái có nắm cầm bằng da. Tôi dịch chiếc xe đầu tiên, nó đổ xuống trong tiếng loảng xoảng hái hùng. Tôi đã thấy mình buộc lòng phải bịt miệng người gác cổng, thật may, phòng gác không người và chẳng ai đến quấy rầy công việc của tôi. Chiếc xe tôi thích không dễ lấy ra được. Khi ta sợ, bàn tay kém khéo léo. Các bàn đạp vướng vít vào nhau và tôi chẳng làm thế nào tách rời được hai cái xe. Với trăm ngàn nỗ lực, cố làm dịu đến đâu hay đến đâu những nhịp đập của con tim, tôi đạt mục đích. Em tôi đã thò mặt vào, vì chấy thời gian thật dài khi châu chực một mình bên lề đường.

- Khiếp, anh làm cái quái gì thế?

- Này, thay vì cãi nhau thì em hãy cầm lấy xe của mình đi.

- Thế tại sao em lại không có cái đồ chứ?

- Vì nó quá cao đối với em!

Claude vẫn còn cãi nhau, tôi lưu ý nó rằng chúng tôi đang làm nhiệm vụ theo mệnh lệnh và không phải lúc tranh cãi. Em nhún vai rồi lên xe. Mười lăm phút sau, đạp hết tốc lực, chúng tôi đi dọc con đường sắt đã

bỏ không sử dụng, hướng về nhà ga nhỏ cũ Loubers.

Émile mở cửa cho chúng tôi.

- Cậu xem những cái xe này, Émile!

Bộ dạng Émile kỳ cục, như thể cậu có vẻ không hài lòng khi gặp chúng tôi, thế rồi cậu để chúng tôi vào. Jan, một người cao, mảnh dẻ, mỉm cười nhìn chúng tôi. Jacques cũng đang ở trong nhà; anh khen ngợi cả hai chúng tôi rồi, thấy chiếc xe đỏ tôi chọn, anh lại phá lên cười.

- Charles sẽ hóa trang để chúng thành không nhận ra được, anh nói thêm và càng cười rữ.

Tôi vẫn không thấy ra điều gì là kỳ cục và nhìn bộ dạng Émile thì chắc hẳn cậu ta cũng vậy.

Một người đàn ông mặc áo nịt sát người bước xuống cầu thang, chính anh ở đây, trong nhà ga nhỏ bỏ không này và lần đầu tiên tôi gặp người sửa chữa chế tác của đội. Người tháo rời và lắp lại các xe đạp, người tạo ra bom để làm nổ các đầu tàu, người giảng giải cách phá hoại, trên các sàn toa xe lửa, những khoang máy bay lắp ráp tại các nhà máy địa phương, hoặc cách cất dây cáp ở cánh những phi cơ ném bom để một khi được lắp bên Đức, máy bay của Hitler không sớm rời mặt đất. Tôi sẽ phải nói với em về Charles, anh bạn đã mất hết răng cửa trong cuộc chiến Tây Ban Nha, anh bạn từng đi qua nhiều xứ sở đến mức anh đã trộn lẫn các thứ tiếng để sáng tạo ra phương ngữ riêng của mình, thành thử chẳng ai hiểu anh thực sự. Tôi sẽ phải

nói với em về Charles vì, nếu như không có anh, chúng tôi sẽ chẳng bao giờ thực hiện được tất cả những gì chúng tôi sắp làm trong những tháng tiếp theo.

Tối hôm ấy, trong gian phòng tầng trệt một nhà ga cũ bỏ không, tất cả chúng tôi đều ở tuổi mười bảy và hai mươi, chúng tôi sắp chiến đấu và mặc dù vừa rồi anh đã phá lên cười khi nhìn thấy chiếc xe đạp đồ của tôi, song Jacques có vẻ lo lắng. Tôi sẽ hiểu ngay tại sao.

Có người gõ cửa và lần này Catherine bước vào. Catherine đẹp, và chẳng, cứ nhìn ánh mắt cô trao đổi với Jan, tôi dám thề họ là một cặp, nhưng điều đó không thể được. Quy tắc số một, không có chuyện yêu đương khi ta hoạt động kháng chiến ngầm, ở bàn ăn Jan sẽ giải thích trong lúc chỉ vẽ cho chúng tôi cách xử sự. Như thế quá nguy hiểm, nếu bị bắt ta có nguy cơ khai ra để cứu chàng trai hay cô gái mà ta yêu. “Điều kiện của người kháng chiến, đó là không gắn bó”, Jan nói vậy. Tuy nhiên, anh gắn bó với mỗi người trong chúng tôi và điều ấy tôi đã đoán hiểu được rồi. Em tôi chẳng nghe gì hết, nó ngốn ngấu món trứng tráng của Charles; có những lúc tôi tự nhủ nếu mình không ngăn nó lại, thì cuối cùng nó ăn cả nửa mắt. Tôi nhìn thấy nó liếc trộm cái chảo. Charles cũng nhìn thấy, anh mỉm cười, đứng dậy và lấy cho nó thêm một phần nữa. Quả thực món trứng tráng của Charles ngon tuyệt, còn ngon hơn nữa đối với những cái bụng rỗng từ lâu của chúng tôi. Đằng sau nhà ga, Charles trồng một vườn

rau, anh nuôi ba con gà mái và cả những con thỏ. Charles làm vườn, rất cuộc, đó là vỏ bọc của anh và những người dân địa phương rất yêu mến anh, mặc dù giọng anh có một âm sắc ngoại quốc kinh khủng. Anh cho họ các loại rau sống. Với lại vườn rau của anh, đó là một mảng sắc màu ở cái khu buồn tẻ này, thế là những người dân địa phương rất yêu mến anh, chàng họa sĩ tô màu ngẫu hứng, mặc dù giọng anh có một âm sắc ngoại quốc kinh khủng.

Jan nói với giọng từ tốn. Anh chỉ lớn hơn tôi đôi chút nhưng đã có dáng vẻ của một người đứng tuổi, sự điềm tĩnh của anh buộc người ta phải kính trọng. Những gì anh nói khiến chúng tôi say mê, quanh anh như có một không khí huyền bí. Những từ ngữ của Jan ghê gớm, khi anh kể cho chúng tôi các nhiệm vụ mà Marcel Langer và các thành viên đầu tiên của đội đã thực hiện. Một năm nay rồi họ đã hoạt động ở miền Toulouse, Marcel, Jan, Charles và José Linarez. Trong mười hai tháng trời đó họ đã ném lựu đạn vào một bữa tiệc của các sĩ quan quốc xã, châm lửa vào một sà lan chở đầy xăng, đốt cháy một nhà để xe tải Đức. Rất nhiều hoạt động, mà riêng danh sách thôi cũng không thể nói hết chỉ trong một buổi tối; chúng thật ghê gớm những từ ngữ của Jan, ấy thế mà, từ anh tỏa ra một thứ thương mến mà tất cả chúng tôi ở đây đều thiếu, chúng tôi những đứa trẻ bị bỏ rơi.

Jan đã ngừng lời, Catherine từ thành phố về đem

theo tin tức của Marcel Langer, chỉ huy đội. Anh bị giam ở nhà ngục Saint-Michel.

Thật ngỡ ngàng hết sức, cái cách mà anh bị tóm. Anh đã đến nhà ga Saint-Agne để nhận một va li do một cô gái trong đội chuyên chở. Va li đựng chất nổ, những thỏi cốt mìn, chất ablonite EG chống đồng có đường kính hai mươi tư milimet. Các thỏi nặng sáu mươi gram này được một vài thợ mỏ Tây Ban Nha ủng hộ kháng chiến, làm việc trong công xưởng của các mỏ đá ở Paulilles, để dành ra.

Chính José Linarez đã tổ chức công tác nhận hàng. Anh không chịu để Marcel lên đoàn tàu nhỏ đảm nhận việc qua lại giữa các thành phố miền Pyrénées; cô gái và một chiến hữu Tây Ban Nha đã thực hiện một mình chuyến khứ hồi cho đến Luchon và lấy kiện hàng; việc chuyển giao phải diễn ra ở Saint-Agne. Điểm đỗ Saint-Agne thuộc về nơi đường xe lửa cắt ngang đường cái thì đúng hơn là một nhà ga. Không có đông người ở mảnh đất thôn quê mới đô thị hóa chút ít này; Marcel đứng đợi phía sau rào chắn. Hai hiến binh đi tuần, rình chặn những hành khách biết đâu lại vận chuyển lương thực cho chợ đen trong vùng. Khi cô gái xuống tàu, ánh mắt cô bắt gặp ánh mắt gã hiến binh. Cảm thấy mình bị quan sát, cô lùi lại một bước, khiến ray kia lập tức để ý. Marcel hiểu ngay rằng cô sẽ bị kiểm tra, thế là anh đi đến trước mặt cô. Anh ra hiệu cho cô đến gần thanh chắn ngăn điểm đỗ với đường cái, lấy chiếc va li từ tay cô và hạ lệnh cho cô cuốn xéo. Gã hiến

binh không bỏ sót điều gì trong cảnh này và xông đến bên Marcel. Khi hắn hỏi anh va li đựng gì, Marcel trả lời là anh không có chìa khóa. Gã hiến binh muốn anh đi theo hắn, lúc ấy Marcel bảo rằng đây là đồ gửi cho Kháng chiến và phải để anh đi.

Gã hiến binh không tin, Marcel bị dẫn về sở cảnh sát chính. Bản báo cáo đánh máy nói rõ là một tên khủng bố sở hữu sáu mươi thỏi cốt mìn đã bị bắt giữ tại ga Saint-Agne.

Vụ việc có tầm quan trọng. Một viên cảnh sát tên là Caussie đến thay phiên, và rờn rã nhiều ngày liền Marcel bị đánh đập. Anh không hở ra một cái tên nào, một địa chỉ nào. Viên cảnh sát Caussie cẩn thận đi đến Lyon để xin ý kiến cấp trên. Cuối cùng cảnh sát Pháp và Gestapo⁽¹⁾ cũng nắm được một trường hợp kiểu mẫu: một tên ngoại quốc sở hữu chất nổ, lại còn là Do Thái và cộng sản nữa; cũng bằng như nói đó là một tên khủng bố hoàn hảo và một thí dụ hùng hồn mà họ sẽ sử dụng để dẹp yên mọi mong muốn kháng chiến trong dân chúng.

Quy tội rồi, Marcel bị đưa ra xử ở bộ phận đặc biệt của viện công tố Toulouse. Viên biện lý Lespinasse, kẻ theo phái cực hữu, kịch liệt chống cộng, tận tâm với

1. Cách viết tắt của *Geheime Staatspolizei* "cảnh sát mật quốc gia": cảnh sát chính trị thành lập năm 1933, do Himmler và Heydrich cải tổ năm 1936, hoành hành tại Đức và tất cả các lãnh thổ bị lực lượng quốc xã chiếm đóng.

chế độ Vichy, sẽ là vị chưởng lý lý tưởng, chính phủ của Thống chế có thể tin cậy ở sự trung thành của y. Với y, luật pháp sẽ được thi hành không có sự dè dặt nào, không có tình tiết giảm nhẹ nào, không quan tâm đến bối cảnh. Chúc trách vừa được phê chuẩn, Lespinasse, dương dương tự đắc, thề với mình sẽ đòi được mạng Marcel trước Tòa.

Trong thời gian ấy, cô gái đã thoát được vụ bắt giữ đến báo cho đội. Bạn bè lập tức tìm cách tiếp xúc với trưởng đoàn luật sư Arnal, một trong những luật sư giỏi nhất đoàn. Với ông, kẻ địch là Đức, và đã đến lúc bày tỏ rõ lập trường bên vực những người bị ngược đãi vô cớ. Đội đã bị mất Marcel, nhưng vừa tranh thủ được cho chính nghĩa một người có tầm ảnh hưởng, được kính trọng ở thành phố. Khi Catherine nói với ông về thù lao, Arnal đã từ chối không để mọi người trả tiền ông.

Buổi sáng ngày 11 tháng Sáu năm 1943 sẽ khủng khiếp, nó khủng khiếp trong ký ức các chiến sĩ. Mỗi người sống cuộc đời của mình và các số phận sắp giao nhau. Marcel đang ở trong ngục, anh nhìn trời hứng sáng qua khuôn cửa nhỏ trở trên mái, hôm nay họ xét xử anh. Anh biết họ sẽ kết án anh, anh chẳng có mấy hy vọng. Ở một căn hộ không xa nơi đó, vị luật sư già sắp đảm trách việc biện hộ cho anh đang tập hợp lại các bản ghi chép của mình. Bà giúp việc bước vào văn phòng và hỏi xem luật sư có muốn bà sửa soạn bữa

điểm tâm cho ông hay không. Nhưng luật sư Arnal không thấy đối vào buổi sáng ngày 11 tháng Sáu năm 1943 ấy. Suốt đêm ông nghe thấy giọng nói của viên biện lý đòi lấy mạng khách hàng của ông; suốt đêm ông trằn trọc trên giường, tìm những lời lẽ mạnh, những lời lẽ xác đáng sẽ ngăn cản được bản buộc tội từ địch thủ của ông, chương lý Lespinasse.

Và trong lúc luật sư Arnal xem lại và xem lại nữa, thì tay Lespinasse đáng sợ bước vào phòng ăn trong ngôi nhà sang trọng của y. Y ngồi vào bàn, mở tờ báo và uống tách cà phê buổi sáng do vợ y phục vụ, ở phòng ăn trong ngôi nhà sang trọng của y.

Trong ngục, Marcel cũng uống thức uống nóng mà người cai ngục mang cho anh. Một nhân viên vừa trao cho anh giấy triệu tập ra trước Pháp đình đặc biệt của tòa án Toulouse. Marcel nhìn qua khuôn cửa sổ trên mái, bầu trời cao hơn ban nãy một chút. Anh nghĩ đến cô con gái nhỏ của anh, đến vợ anh, ở đâu đó tại Tây Ban Nha, bên kia những dãy núi.

Vợ Lespinasse đứng dậy hôn vào má chồng, cô ta đi dự một cuộc họp từ thiện. Viên biện lý khoác áo choàng ngoài, soi gương, tự hào vì đáng về lịch sử của mình, tin chắc sẽ thắng. Y thuộc lòng bài nói của y, nghịch lý kỳ lạ đối với một kẻ chẳng có mấy tấm lòng. Một xe Citroën đen đợi trước nhà và đã đưa y đến Tòa án.

Ở đầu bên kia thành phố, một hiến binh đang chọn trong tủ quần áo chiếc sơ mi đẹp nhất của mình, áo trắng, cổ hồ bột. Chính anh ta đã bắt giữ bị cáo và

hôm nay được gọi ra hầu tòa. Trong lúc thất cà vạt, tay anh ta dập dính ướt, tay hiến binh trẻ Cabannac ấy. Có cái gì đó không ổn trong những điều sắp diễn ra, cái gì đó xấu, anh biết như thế, Cabannac; và chẳng, nếu như được làm lại, có lẽ anh sẽ để cho hắn chuồn đi, cái gã có chiếc va li đen ấy. Kẻ địch, đó là bọn Đức, đâu phải những gã trai như hắn. Nhưng anh nghĩ đến Quốc gia Pháp và đến cơ chế hành chính của Quốc gia. Anh thì anh chỉ là một bánh xe nhỏ và anh không thể thiếu sót được. Anh ta hiểu rõ cơ chế, anh hiến binh Cabannac, bố anh đã dạy cho anh mọi thứ, và cả đạo lý đi cùng cơ chế ấy. Những ngày nghỉ cuối tuần, anh rất thích sửa chiếc xe máy của anh trong nhà để xe của ông bố. Anh biết rõ là nếu thiếu một bộ phận, thì toàn bộ máy móc kẹt cứng lại. Vậy là, hai bàn tay dập dính ướt, Cabannac thất lại nút cà vạt trên chiếc cổ hồ bột của áo sơ mi trắng đẹp rồi tiến về phía ga tàu điện.

Một xe Citroën đen lướt nhanh từ xa và vượt đoàn tàu điện. Ở phía sau toa tàu, ngồi trên chiếc ghế dài gỗ nhỏ, một ông già đang đọc lại các bản ghi chép. Luật sư Arnal ngẩng đầu rồi lại cúi tiếp. Cuộc đấu xem chừng ráo riết nhưng chưa có gì là thất bại. Không thể tưởng tượng được một Tòa án Pháp lại kết tội chết một người yêu nước. Langer là một người can đảm, một trong những con người hành động vì họ đúng cảm. Ông đã biết điều đó ngay khi vừa gặp anh trong ngục. Mặt anh biến dạng hẳn đi; dưới đôi gò má,

người ta đoán được những nắm đấm đã giáng xuống đây, cặp môi rách bầm tím, sưng phồng. Ông tự hỏi Marcel trông thế nào trước khi họ đánh đập anh như vậy, trước khi gương mặt anh biến dạng, mang dấu vết sự bạo hành mà anh đã phải chịu. Cứ thật, họ chiến đấu cho tự do của chúng ta, Arnal nghiền ngẫm, dù sao cũng chẳng khó khăn gì để nhận ra điều ấy. Nếu Tòa còn chưa thấy ra, thì ông cam đoan là mình sẽ mở mắt cho họ. Thì cứ kết một án tù cho anh ta để làm gương, đồng ý, sẽ giữ được thể diện, nhưng tội chết, thì không. Đó sẽ là một sự xét xử không xứng đáng với các quan tòa Pháp. Trong lúc tàu dừng với tiếng kim loại rít ken kết ở bến đỗ Pháp đình, luật sư Arnal đã khôi phục được niềm tin cần thiết để việc biện hộ của ông tiến hành được tốt đẹp. Ông sẽ thắng vụ này, ông sẽ đo kiểm với đối thủ của mình, biện lý Lespinasse, và ông sẽ cứu mạng chàng thanh niên ấy. Marcel Langer, ông khẽ nhắc lại trong khi trèo lên các bậc thềm.

Trong lúc luật sư Arnal tiến bước trong hành lang dài của Pháp đình, thì Marcel, bị khóa tay vào một hiến binh, đang đợi trong một văn phòng nhỏ.



Phiên tòa xử kín. Marcel ở trong khuôn cửa các bị cáo, Lespinasse đứng lên và không may may nhìn anh; y coi khinh con người mà y muốn kết án, nhất là

y không muốn biết kẻ đó. Trước mặt y, chỉ có gọi là vài tờ ghi chép. Thoạt tiên y tỏ lòng tôn kính sự sáng suốt của hiến binh, đã vô hiệu hóa được hoạt động phá hoại của một tên khủng bố nguy hiểm, thế rồi y nhắc nhở bốn phạm của Tòa, bốn phạm tuân thủ pháp luật, làm cho pháp luật được tôn trọng. Chỉ tay vào bị cáo mà vẫn không hề nhìn anh, viên biện lý Lespinasse kết tội. Y liệt kê danh sách dài những vụ xâm hại mà nạn nhân là người Đức, y cũng nhắc nhở rằng nước Pháp đã ký kết đình chiến trong danh dự và bị cáo, thậm chí chẳng phải là người Pháp, không có một quyền gì đặt lại vấn đề về uy lực của Quốc gia. Cho anh ta hưởng tình tiết giảm nhẹ sẽ tương đương với việc nhạo báng lời của Thống chế. “Nếu như Thống chế đã ký kết đình chiến, đó là vì lợi ích của Dân tộc”, Lespinasse hung hăng nói tiếp. “Và không phải một tên khủng bố ngoại quốc có thể nhận định điều ngược lại.”

Để thêm vào đôi chút hài hước, cuối cùng y nhắc nhở rằng không phải Marcel Langer chuyên chở pháo cho ngày 14 tháng Bảy⁽¹⁾, mà là chất nổ để phá hủy các thiết bị của người Đức, vậy là để gây rối loạn cho sự an bình của các công dân. Marcel mỉm cười. Thật xa vời biết mấy những ánh pháo hoa ngày 14 tháng Bảy.

Trong trường hợp phía biện hộ có thể đưa ra một số lập luận thuộc phạm trù ái quốc nhằm mục đích cho Langer được hưởng các tình tiết giảm nhẹ, thì Lespinasse

1. Ngày Quốc khánh Pháp

lại nhắc nhở thêm với Tòa rằng bị cáo là kẻ không quốc tịch, rằng y đã ưng bỏ vợ và con gái lại bên Tây Ban Nha, nơi mà, mặc dù là người Ba Lan và ở bên ngoài cuộc xung đột, y đã đến để kích động thêm tình hình. Rằng nước Pháp, với lòng khoan hòa, đã đón nhận y, nhưng không phải để y đến đây, trên đất nước chúng ta, gieo rắc lộn xộn và hỗn loạn. “Làm sao một người vô tổ quốc lại có thể tự nhận là đã hành động vì lý tưởng ái quốc được?” Và Lespinasse cười khẩy vì lời nói hay của mình, về cách hành văn của mình. Sợ rằng Tòa mắc chứng mất trí nhớ, thì đây y nhắc lại bản cáo trạng, nêu lên các đạo luật kết vào tội chết những hành vi như vậy, lấy làm mừng vì tính nghiêm khắc của các văn bản pháp luật hiện hành. Rồi y dừng một chút, quay về phía người bị y kết tội và cuối cùng chịu nhìn người ấy. “Anh là người ngoại quốc, cộng sản và kháng chiến, ba lý do mà mỗi lý do cũng đủ để tôi đòi mạng anh trước Tòa.” Lần này, y xoay người lại, hướng về các quan tòa và bằng giọng điềm tĩnh yêu cầu xử tử Marcel Langer.

Luật sư Arnal tái nhợt người, ông đứng lên đúng lúc Lespinasse, thỏa mãn, đang ngồi xuống. Vị luật sư già lìm dim mắt, cầm chui về phía trước, bàn tay siết chặt trước miệng. Phiên tòa lặng lẽ, bất động; viên lục sự chỉ hơi dám đặt bút xuống. Ngay các hiến binh cũng nín thở, chờ ông nói. Nhưng lúc này, luật sư Arnal chẳng thể nói gì hết, ông thấy buồn nôn.

Vậy ông là người cuối cùng tại đây hiểu ra rằng

phép tắc bị giả mạo, rằng án đã quyết rồi. Thế mà trong nhà ngục, Langer đã bảo ông điều ấy, anh biết rằng mình bị kết tội trước. Nhưng vị luật sư già vẫn còn tin ở công lý và không ngừng cam đoan với anh rằng anh làm, rằng ông sẽ bênh vực anh theo đúng lẽ và ông sẽ thắng. Sau lưng ông, luật sư Arnal cảm nhận sự hiện diện của Marcel, ông tưởng như nghe tiếng anh thì thào: “Ông thấy đó, tôi đúng, nhưng tôi không trách ông đâu, dù thế nào đi nữa, ông cũng chẳng làm gì được.”

Thế là ông giơ hai cánh tay lên, những ống tay áo dường như bông bênh phơ phất trong không khí, ông hít vào và bắt đầu bài biện hộ tối hậu. Làm sao khen ngợi được việc làm của hiến binh, khi ta nhìn thấy trên mặt bị cáo vết tích những sự bạo hành anh đã phải chịu? Làm sao dám đùa cợt về ngày 14 tháng Bảy tại cái nước Pháp không còn quyền làm lễ mừng ngày ấy? Và vị chương lý biết được điều gì thực sự về những người ngoại quốc mà ông ta kết tội?

Trong khi tìm hiểu Langer ở phòng gặp gỡ, ông đã khám phá ra rằng những người không quốc tịch, như Lespinasse nói, yêu quý biết mấy đất nước đã đón nhận họ; đến mức, giống như Marcel Langer, hy sinh đời họ để bảo vệ đất nước ấy. Bị cáo không phải là kẻ mà chương lý đã miêu tả. Đó là một con người chân thành và lương thiện, một người cha yêu vợ mình và con gái của mình. Anh đã không đến Tây Ban Nha để kích động thêm tình hình, mà vì anh yêu nhân loại và tự do của con người hơn hết thảy. Gần đây thôi nước

Pháp chẳng vẫn là đất nước của quyền con người hay sao? Kết tội chết cho Marcel Langer, đó là kết tội niềm hy vọng vào một thế giới tốt đẹp hơn.

Arnal đã biện hộ hơn một giờ đồng hồ, sử dụng cho đến những sức lực cuối cùng của ông; nhưng giọng nói ông vang lên không tiếng đồng vọng trong cái tòa án đã phán quyết rồi. Buồn thảm thay ngày 11 tháng Sáu năm 1943 ấy. Án đã tuyên, Marcel sẽ bị đưa lên máy chém. Khi Catherine biết được tin này tại văn phòng của Arnal, môi cô mím chặt lại, cô chịu miếng đòn. Luật sư thề rằng ông chưa thôi đâu, rằng ông sẽ đến Vichy cái đòi đặc xá.

*

* *

Tối hôm ấy, tại nhà ga nhỏ được cải dụng làm nơi ở và xưởng của Charles, bàn ăn thêm người. Từ khi Marcel bị bắt, Jan chỉ huy đội. Catherine ngồi cạnh anh. Qua ánh mắt họ trao cho nhau, lần này tôi hiểu là họ yêu nhau. Tuy thế, ánh mắt Catherine buồn bã, môi cô chỉ hơi dám phát âm những tiếng mà cô phải nói với chúng tôi. Chính cô báo cho chúng tôi biết Marcel bị kết tội chết bởi một viên chương lý Pháp. Tôi không biết Marcel, nhưng cũng như tất cả bạn bè ngồi quanh bàn, lòng tôi nặng trĩu còn em tôi, nó chẳng thấy thêm ăn gì nữa.

Jan đi lại quanh phòng. Tất cả mọi người nín lặng, chờ anh nói.

- Nếu chúng đi đến cùng, sẽ phải diệt Lespinasse, để làm chúng hoảng; nếu không bọn đề tiện ấy sẽ xử tội chết tất cả những người kháng chiến rơi vào tay chúng.

- Trong khi Arnal yêu cầu đặc xá, chúng ta có thể chuẩn bị hành động, Jacques nói tiếp.

- Chuyện này xé đôi hồi nhều xời dang hơng, Charles thì thăm bằng thứ tiếng kỳ lạ của anh.

- Và trong khi chờ đợi, ta không làm gì sao? Catherine xen vào, cô là người duy nhất hiểu được anh nói gì.

Jan ngẫm nghĩ và tiếp tục sải bước quanh phòng.

- Phải hành động bây giờ. Bởi chúng đã kết án Marcel, ta cũng kết án một tên trong bọn chúng. Ngày mai, ta sẽ hạ một tên sĩ quan Đức ngay giữa phố và sẽ phân phát một tờ truyền đơn để giải thích hành động của chúng ta.

Tất nhiên tôi chẳng có nhiều kinh nghiệm về các hoạt động chính trị, nhưng một ý tưởng luẩn quẩn trong đầu tôi và tôi đánh bạo nói lên.

- Nếu ta muốn làm bọn chúng hoảng thực sự, thì tung truyền đơn trước, rồi hạ tên sĩ quan Đức sau, còn hay hơn nữa.

- Và như thế thì tất cả bọn chúng sẽ cảnh giác. Cậu còn những ý tưởng khác cùng kiểu ấy nữa chứ? Émile trách, dường như cậu quyết nổi cáu với tôi.

- Nó không dở đâu, ý tưởng của tôi ấy, không dở

nếu các hành động chỉ cách nhau vài phút và được thi hành đầu ra đây. Tôi xin nói rõ. Nếu khừ tên Đức trước rồi tung truyền đơn sau, chúng ta sẽ bị coi như hèn nhát. Trong mắt dân chúng, trước hết Marcel đã được đưa ra xét xử rồi sau đó mới bị kết án.

Tôi không chắc tờ *Điện tín* đưa tin về việc kết án tùy tiện một người kháng chiến anh dũng. Họ sẽ thông báo là một tên khủng bố đã bị một tòa án kết tội. Thế thì ta hãy chơi bằng các luật chơi của họ, thành phố phải đứng về phía ta, chứ không chống chúng ta.

Émile muốn ngắt lời tôi nhưng Jan ra hiệu cho cậu cứ để tôi nói. Lập luận của tôi logic, tôi chỉ còn phải tìm ra lời lẽ chính xác để giải thích với các bạn điều tôi có trong đầu.

- Ngay sáng mai ta hãy in một cáo thị thông báo rằng để trả thù việc kết tội Marcel Langer, lực lượng Kháng chiến đã kết tội chết một sĩ quan Đức. Ta cũng thông báo rằng án sẽ được thi hành ngay buổi chiều. Tôi lo việc tên sĩ quan, còn các anh, cùng lúc ấy, các anh tung truyền đơn khắp nơi. Mọi người sẽ xem được truyền đơn ngay lập tức, trong khi tin tức về hành động phải mất nhiều thời gian hơn để lan truyền trong thành phố. Báo chí sẽ chỉ nói về hành động trong số ra ngày hôm sau, thứ tự thời gian của các sự kiện sẽ được tôn trọng, theo bề ngoài.

Jan lần lượt tham khảo ý kiến các thành viên quanh bàn ăn, cuối cùng ánh mắt anh gặp mắt tôi. Tôi biết là anh tán thành lập luận của tôi, trừ một chi tiết,

có lẽ: anh đã hơi nhẵn mặt lúc tôi phát biểu rằng chính tôi sẽ diệt tên Đức.

Dù thế nào đi nữa, nếu anh quá ngần ngại, tôi có một lý lẽ không thể bác bỏ; xét cho cùng, ý tưởng là của tôi, thế rồi tôi đã lấy cắp được chiếc xe đạp của mình, với đội tôi theo đúng thể thức.

Jan nhìn Émile, Alonso, Robert, rồi Catherine, cô gật đầu đồng ý. Charles chẳng bỏ sót điều gì trong cảnh này. Anh đứng lên, tiến về phía gầm cầu thang rồi quay lại với một hộp đựng giày. Anh giơ ra cho tôi một khẩu súng tay có ổ chứa đạn.

- Tối nay, iêm cậu và cậu ngủ lại đơri xì tôốc hơng.
Jan lại gần tôi.

- Cậu sẽ là người bắn, và cậu, chàng Tây Ban Nha, anh vừa nói vừa chỉ Alonso, là người canh gác, còn cậu người ít tuổi nhất, cậu sẽ giữ xe đạp ở hướng chạy trốn.

Vậy đó. Tất nhiên, nói lên như thế này, thì vô thường vô phạt, trừ chuyện đêm đến Jan và Catherine lại ra đi, còn tôi bây giờ có trong tay một khẩu súng với sáu viên đạn và thằng em ngu ngốc cứ muốn xem súng vận hành thế nào. Alonso nghiêng mình sang tôi và hỏi làm thế nào Jan lại biết được cậu là người Tây Ban Nha, khi mà cả buổi tối cậu không nói một tiếng nào hết. "Thì làm thế nào anh ấy biết được rằng người bắn sẽ là tớ?" tôi vừa nói vừa nhún vai. Tôi đã không trả lời câu bạn hỏi nhưng sự im lặng của cậu chứng tỏ câu hỏi của tôi chắc hẳn đã thắng được câu hỏi của cậu.

Tối hôm ấy, lần đầu tiên chúng tôi ngủ trong

phòng ăn nhà Charles. Lúc đi nằm tôi mệt lử, nhưng dù thế vẫn thấy nặng trĩu trên ngực; trước hết là cái đầu của thằng em đã mắc thói quen tôi tặc đeo dính lấy tôi mà thiếp ngủ từ khi chúng tôi xa lìa bố mẹ, và tặc hơn nữa là khẩu súng có ổ chứa đạn ở túi bên trái áo ngực. Ngay dù súng không có đạn, tôi vẫn sợ là trong khi tôi ngủ, nó bắn thủng đầu thằng em tôi.

Khi tất cả mọi người đã thiếp ngủ thực sự, tôi rón rén dậy và đi ra mảnh vườn phía sau nhà. Charles có một chú chó thật dễ thương và cũng thật ngốc nghếch.

Tôi nghĩ đến nó vì tối hôm ấy, tôi cần ghê cần găm cái mồm chó xù của nó. Tôi ngồi xuống chiếc ghế dựa ở bên dưới dây phơi quần áo, tôi nhìn trời rồi lấy súng trong túi ra. Con chó đến hít ngửi nòng súng, tôi bèn xoa đầu nó và bảo nó rằng có lẽ nó là sinh vật duy nhất có thể hít ngửi nòng vũ khí của tôi khi tôi còn sống. Tôi nói thế vì lúc ấy tôi thực sự cần ra vẻ vững vàng.

Cuối một buổi chiều, bằng cách lấy cắp hai chiếc xe đạp, tôi đã gia nhập Kháng chiến, và chỉ trong lúc nghe tiếng ngáy trẻ thơ ngạt mũi của thằng em, tôi mới nhận ra điều ấy. Jeannot, thuộc đội Marcel Langer; trong những tháng sắp tới, tôi sẽ làm nổ những toa tàu, những cột điện, sẽ phá hoại động cơ và cánh các máy bay.

Tôi tham gia một nhóm bạn bè, là nhóm duy nhất đã hạ được các máy bay ném bom Đức... với chiếc xe đạp.

4

Chính Boris đánh thức chúng tôi. Trời mới hưng hừng sáng, dạ dày tôi cồn cào nhưng tôi không được nghe nó than vãn, chúng tôi sẽ không có bữa điểm tâm. Với lại tôi có một nhiệm vụ phải thực hiện. Có lẽ cái sợ làm bụng tôi thắt lại, hơn là cái đói. Boris ngồi xuống bên bàn, Charles đã đang làm việc; chiếc xe đạp đỏ biến hóa trước mắt tôi, nó không còn những tay cầm bằng da, giờ đây chúng không đồng bộ, một bên đỏ, một bên xanh lam. Thấy kẻ sự thanh lịch của cái xe, tôi chịu thừa nhận lẽ phải, điều quan trọng là mọi người không nhận ra những chiếc xe đạp bị lấy cắp. Trong lúc Charles kiểm tra lại bộ lốp, Boris ra hiệu cho tôi đến gặp anh. Anh bảo:

- Kế hoạch đã đổi, Jan không muốn cả ba cậu cùng đi. Các cậu là lính mới và, trong trường hợp gay go, anh ấy muốn có một lính cựu ở đó để tăng viện.

Tôi không biết liệu như thế có phải là đội còn

chưa đủ tin tôi hay không. Vậy là tôi chẳng bảo gì và tôi để Boris nói.

- Em cậu sẽ ở lại. Tớ sẽ tháo rùng cậu, tớ sẽ đảm bảo việc tẩu thoát của cậu. Bây giờ thì nghe tớ cho kỹ, sự việc phải diễn ra như thế này đây. Để hạ một kẻ địch, có một phương pháp và điều rất quan trọng là tuân thủ phương pháp ấy chính xác từng li từng tí. Cậu có nghe tớ không đấy?

Tôi gật đầu, chắc Boris đã cảm nhận thấy tâm trí tôi ở đâu đâu trong một khoảnh khắc. Tôi nghĩ đến thằng em; nó sẽ giận dữ, khi biết rằng nó bị gạt ra ngoài vụ việc. Và thậm chí tôi sẽ không thể thú nhận với nó rằng tôi an tâm khi biết rằng, sáng nay, mạng sống của nó không bị nguy hiểm.

Điều khiến tôi an tâm gấp đôi, đó là Boris là sinh viên năm thứ ba ngành y, thế thì nếu tôi bị thương trong khi hành động, có lẽ anh sẽ cứu được tôi, cho dù chuyện đó hoàn toàn ngu xuẩn, bởi lẽ, khi hành động, nguy cơ lớn nhất không phải bị thương, mà là bị bắt hoặc đơn giản là bị giết chết, rốt cuộc thì cũng là một mà thôi trong phần lớn các trường hợp.

Kể ra những điều ấy rồi, tôi xin thú nhận rằng Boris không nhầm, có lẽ đầu óc tôi hơi ở đâu đâu trong khi anh đang nói với tôi; nhưng, để biện hộ cho mình, xưa nay tôi vẫn có một thiên hướng đáng tiếc là ưa mơ màng, các giáo sư dạy tôi đã bảo rằng bản tính tôi lo lắng. Đó là trước khi chày hiệu trưởng trường trung học cho tôi về hôm tôi đến thi tú tài. Bởi lẽ với cái họ

của tôi, thì bằng tú tài, quả thực không thể có.

Thôi được, tôi trở về với hành động sắp tới, nếu không thì may nhất là tôi sẽ bị đồng chí Boris mắng nhiếc, anh đang mất công giảng giải cho tôi sự việc sắp diễn ra như thế nào, còn tệ nhất là anh sẽ tước đi của tôi nhiệm vụ vì thiếu chú ý. Anh hỏi:

- Cậu đang nghe rõ chứ?

- Vâng, vâng, hẳn rồi!

- Khi mọi người định vị được mục tiêu của chúng ta, thì cậu sẽ kiểm tra xem khóa an toàn của súng đã thật mở ra chưa. Bọn mình từng thấy những bạn bè bị thất bại nghiêm trọng vì nghĩ rằng vũ khí bị kẹt, trong khi họ đã ngốc nghếch quên mở khóa an toàn.

Tôi thấy điều đó quả thật ngu xuẩn, nhưng khi người ta sợ, sợ thực sự, người ta kém khôn khéo đi nhiều, hãy tin tôi đi. Điều quan trọng là đừng ngắt lời Boris, và tập trung vào những gì anh bảo.

- Phải là một sĩ quan, chúng ta không giết binh lính thường. Cậu hiểu rõ chứ? Mọi người sẽ theo dõi hẳn ở cách quãng, không gần quá, không xa quá. Tớ thì tớ lo khoảng chu vi kề cận. Cậu lại gần gã đó, cậu nã đạn và cậu đếm kỹ các phát súng để giữ lại một viên đạn. Điều này rất quan trọng cho việc tẩu thoát, cậu có thể cần đến nó, không bao giờ biết được. Việc tẩu thoát, có tớ che chắn. Cậu thì cậu chỉ lo đạp xe thôi. Nếu có người muốn xen vào, tớ sẽ can thiệp để bảo vệ cậu. Dù xảy ra chuyện gì, cậu chớ có ngoảnh lại! Cậu đạp xe và lao đi, cậu nghe rõ chứ?

Tôi định nói vâng, nhưng miệng tôi khô khốc đến nỗi lưỡi dính chặt lại. Boris kết luận rằng như thế là tôi đồng ý và anh tiếp tục.

- Khi ở được khá xa rồi, cậu hãy giảm tốc độ và đi như bất kỳ anh chàng nào đi xe đạp. Chỉ có điều cậu thì cậu sẽ đi thật lâu. Nếu kẻ nào đó theo sau cậu, cậu phải biết được chuyện ấy và chờ bao giờ lâm vào tình trạng dẫn hấn đến địa chỉ của cậu. Hãy dạo trên các bến tàu, hãy thường xuyên dừng lại, để kiểm tra xem mình có nhận ra một gương mặt nào từng gặp nhiều lần hay không. Chớ có tin vào những sự trùng hợp ngẫu nhiên, trong cuộc sống của chúng ta, không bao giờ có trùng hợp ngẫu nhiên hết. Nếu cậu chắc chắn là mình an toàn, lúc đó và chỉ lúc đó thôi, cậu có thể quay về.

Tôi chẳng còn bất kỳ thêm muốn lơ đãng nào và tôi thuộc lòng bài học, trừ một chuyện: điều tôi không biết gì hết, đó là làm thế nào để bắn vào một người.

Charles từ xưởng quay về cùng chiếc xe đạp của tôi, bị thay hình đổi dạng rất nhiều. Anh bảo, điều trọng yếu là anh tin chắc được ở bàn đạp và xích. Boris ra hiệu với tôi, đã đến giờ xuất phát. Claude vẫn đang ngủ, tôi tự hỏi liệu có nên đánh thức em không. Trong trường hợp xảy ra với tôi chuyện gì, em vẫn có thể giật dỗi vì tôi thậm chí không chào tạm biệt nó trước khi chết. Nhưng tôi ưng để em ngủ hơn; tỉnh dậy, em sẽ thèm ăn hùng hực mà chẳng có gì cho vào miệng. Mỗi giờ ngủ là chừng ấy thời gian thắng được những cào

cầu của cái đối. Tôi hỏi tại sao Émile không đi với chúng tôi. “Cho qua đi!” Boris khế bảo tôi. Hôm qua, Émile bị mất cấp xe đạp. Cái thằng ngu ấy đã để xe trong hành lang nhà hần mà không khóa. Còn đáng tiếc hơn nữa vì đó là một kiểu xe khá đẹp có tay nắm bằng da, đúng hệt như chiếc xe tôi đã cuỗm được! Trong khi chúng tôi hành động, thì cậu ta phải đi chôm một cái khác. Boris nói thêm rằng và chẳng Émile đang khá cáu giận vì chuyện này!



Nhiệm vụ diễn ra như Boris đã miêu tả. Tóm lại là gần như thế. Viên sĩ quan Đức mà chúng tôi đã xác định đang bước xuống mười bậc thang của đường phố, dẫn tới một khoảng trống nhỏ, nơi chễm chệ một *vespasienne* công cộng. Đây là tên của những bồn tiểu màu xanh lục mà ta thấy ở thành phố. Chúng tôi, thì chúng tôi gọi thứ đó là tách chén, vì hình dạng của chúng. Nhưng vì chúng do một hoàng đế La Mã mang tên Vespasien phát minh, nên người ta đặt tên cho chúng thế. Rốt cuộc, lẽ ra tôi có thể lấy được bằng tú tài, nếu như tôi không mắc sai lầm là người Do Thái vào kỳ thi tháng Sáu năm 1941.

Boris ra hiệu cho tôi, địa điểm thật lý tưởng. Khoảng trống nhỏ ở thấp bên dưới đường phố và quanh đó không có ai; tôi đi theo tên Đức, hần chẳng

ngghi ngờ gì. Với hấn, tôi là một kẻ không có chung đáng dấp, hấn trong bộ quân phục màu xanh không chề vào đầu được, tôi thì ăn mặc khá tồi tàn luộm thuộm, song lại chung một mong muốn. Vì chỗ tiểu có hai ngăn, nên hấn ắt không thấy đáng phẩn bác gì việc tôi đi xuống cùng cầu thang với hấn.

Vậy là tôi thấy mình đang ở trong một nhà tiểu, cùng một viên sĩ quan Đức, tôi sắp trút vào hấn ổ đạn trong khẩu súng tay (trừ một viên như Boris đã nói rõ). Tôi đã cẩn thận mở khóa an toàn, thì một vấn đề thực sự thuộc lương tâm lướt qua óc tôi. Ta có thể đường đường chính chính tham gia lực lượng Kháng chiến với tất cả sự cao quý mà điều đó tiêu biểu, và giết một kẻ có cửa quần kéo xuống và hấn đang ở một tư thế ít vẻ vang đến như vậy hay không?

Không thể hỏi ý kiến đồng chí Boris, người đang đợi tôi cùng hai chiếc xe đạp ở bên trên các bậc thang, để đảm bảo việc tẩu thoát. Tôi chỉ có một mình và tôi phải quyết định.

Tôi không bắn, điều đó không thể hình dung được. Tôi không sao chấp nhận nổi ý nghĩ kẻ địch đầu tiên mình sắp diệt lại đang đi tiểu vào thời điểm hành động anh dũng của mình. Nếu tôi có thể nói điều này với Boris, có lẽ anh đã nhắc nhở tôi rằng kẻ địch mình đang bàn đến thuộc về một quân đội không tự đặt cho nó một câu hỏi nào hết, khi nó bắn vào gáy trẻ em, khi nó nã liên thanh vào những đứa bé ở các góc phố của chúng ta, và càng ít đặt câu hỏi hơn nữa khi nó tiêu

diệt không tính đếm trong các trại tử thần. Có lẽ anh ấy chẳng sai đâu anh Boris, nhưng vậy đó, tôi thì tôi mơ làm người lái trong một phi đội của Không lực Hoàng gia Anh, thế thì, chẳng có máy bay, danh dự của tôi dù sao cũng sẽ vẹn toàn. Tôi đợi cho viên sĩ quan của tôi trở lại trạng thái đáng bị tiêu diệt. Tôi không để mình bị nhăng ý vì nụ cười bên khước miệng hấn lúc hấn rời địa điểm còn hấn cũng chẳng để ý hơn đến tôi khi tôi lại theo sau hấn hướng về phía cầu thang. Chỗ tiểu ở cuối một ngõ cụt, để đi khỏi đó chỉ có một con đường duy nhất.

Không thấy tiếng nổ, chắc Boris phải tự hỏi tôi làm cái gì trong suốt thời gian ấy. Nhưng viên sĩ quan của tôi đang trèo lên các bậc thang trước tôi và dù sao tôi cũng sẽ không bắn vào sau lưng hấn. Cách duy nhất để hấn quay lại là gọi hấn, việc này khó nếu mọi người xét rằng vốn tiếng Đức phổ thông của tôi chỉ giới hạn ở hai từ: *ja* và *nein*⁽¹⁾. Thây kệ, vài giây nữa hấn sẽ trở lên đường phố và mọi sự sẽ hồng bát. Đã liệu mọi hiểm nguy như vậy để thất bại vào khoảnh khắc cuối cùng thì thật quá xuẩn ngốc. Tôi ưỡn ngực và lấy hết sức lực hét lên *ja*. Chắc viên sĩ quan hiểu rằng tôi nói với hấn, vì hấn quay ngay người lại và tôi đã tận dụng điều đó để nã năm phát đạn vào ngực hấn, nghĩa là bắn vỡ mặt. Phần sau tương đối theo đúng các chỉ dẫn của Boris. Tôi cất súng vào trong quần, làm mình bị bỏng vì sự

1. *ja*: có; *nein*: không.

phải nòng súng nơi năm viên đạn vừa đi qua với một tốc lực mà trình độ toán học của tôi không cho phép tôi ước lượng.

Đến đầu cầu thang, tôi cuời lên xe và rơi mất khẩu súng vì nó tuột khỏi thắt lưng. Tôi đặt chân xuống đất để nhặt lấy vũ khí của mình, nhưng tiếng Boris hét “Xéo ngay mẹ kiếp” dẫn tôi trở về thực tế của khoảnh khắc hiện tại. Tôi hết hơi hết sức đạp, luôn lách giữa những người qua đường đã đang chạy đến chỗ phát ra tiếng súng.

Dọc đường, tôi không ngừng nghĩ đến khẩu súng bị mất. Trong đội vũ khí đang hiếm. Khác với các chiến khu, chúng tôi không được hưởng đồ tiếp tế do Luân Đôn thả dù; điều này quả thực bất công, vì du kích ở chiến khu chẳng làm gì nhiều với những thùng hòm người ta gửi đến cho họ, trừ việc cất giấu chúng để phục vụ cho một cuộc đổ bộ của đồng minh trong tương lai, xem ra chẳng phải ngày mai đâu. Với chúng tôi, phương kế duy nhất để kiếm ra vũ khí là thu hồi của kẻ địch; trong những trường hợp hiếm hoi, bằng cách thực hiện những nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm. Chẳng những tôi đã không sáng ý lấy khẩu Mauser viên sĩ quan giắt ở thắt lưng, mà hơn nữa, lại còn để thất lạc súng của mình. Tôi cho là tôi nghĩ đến chuyện ấy trên hết để tìm cách quên đi rằng, nếu rốt cuộc mọi sự đã diễn ra như Boris nói, thì dù sao tôi cũng vừa giết chết một người.



Có người gõ cửa. Claude, nằm dài trên giường, mắt nhắm nhắm nhìn trần nhà, làm như chẳng nghe thấy gì, cứ tựa thể nó đang nghe nhạc; vì trong phòng yên lặng, tôi suy ra rằng nó dối.

Để an toàn, Boris tiến đến tận cửa sổ và khê nhắc rèm liếc nhìn ra ngoài. Đường phố yên tĩnh. Tôi mở cửa để Robert vào. Tên thật của anh là Lorenzi, nhưng ở chỗ chúng tôi mọi người chỉ gọi anh là Robert; thỉnh thoảng mọi người cũng gọi anh là “Lừa-Thần-chết” và biệt danh này không hề có nghĩa xấu. Đó chỉ là vì Lorenzi tích tụ một số tư chất. Trước hết là tài bắn chính xác; tài ấy không ai sánh kịp. Tôi chẳng thích mình ở trong tầm ngắm của Robert, vì tỷ lệ ngắm sai ở anh bạn chúng tôi gần bằng không. Anh đã được Jan cho phép giữ súng thường trực bên mình, trong khi chúng tôi, vì lý do đội thiếu vũ khí, phải trả lại vật dụng khi hành động đã hoàn tất, để một người khác có thể sử dụng sau đó. Dù điều này có vẻ lạ lùng đến mấy, song mỗi người đều có sổ nhật ký hàng tuần của mình, trong đó, tùy tình hình, ghi một cần trục phải làm nổ trên dòng kênh, một xe tải quân sự phải đốt cháy ở đâu đó, một chuyến tàu phải làm trật bánh, một đồn binh cần tấn công, danh sách thật dài. Tôi tranh thủ chỗ này để nói thêm rằng ngày tháng qua đi, nhịp độ mà Jan áp đặt cho chúng tôi sẽ gia tăng không ngừng. Những ngày giải lao thành hiếm

hoi, đến mức chúng tôi kiệt sức.

Người ta thường nói về những kẻ lấy cò súng nhanh nhạy rằng bản tính họ dễ kích động, thậm chí không đúng lúc nữa; Robert thì hoàn toàn ngược lại, anh điềm tĩnh và từ tốn. Rất được những người khác ngưỡng mộ, với bản tính nồng nhiệt, bao giờ anh cũng có một lời nói dễ thương và làm phấn chấn, điều hiếm thấy trong thời buổi này. Thế rồi Robert là một người bao giờ cũng đưa được các anh em làm nhiệm vụ với mình trở về, cho nên có anh che chắn cho, thì thực sự yên tâm.

Một ngày kia, tôi sẽ gặp anh trong một quán giải khát ở quảng trường Jeanne-d'Arc, nơi chúng tôi hay đến ăn đậu tằm, một thứ rau giống như đậu lăng và người ta thường cho gia súc ăn; mọi người đánh hài lòng với sự giống nhau vậy. Thật điên rồ phi lý những gì ta có thể tưởng tượng khi ta đối.

Robert ngồi ăn bữa tối trước mặt Sophie và, qua cách họ nhìn nhau, tôi những muốn thề rằng cả họ cũng yêu nhau. Nhưng chắc tôi nhầm vì Jan đã bảo rằng chúng tôi không có quyền yêu nhau giữa những người kháng chiến, bởi lẽ như vậy quá nguy hiểm cho sự an toàn. Khi tôi suy nghĩ lại về số những bạn bè vào đêm trước ngày bị hành quyết chắc phải tự trách mình đã tuân thủ quy định, tôi thấy đau thắt lòng.

Tối nay, Robert ngồi xuống đầu giường còn Claude không động cựa. Một ngày nào đó tôi sẽ phải nói với

nó, với thằng em tôi, về tính cách của nó. Robert chẳng chấp chuyện ấy và vừa chìa tay ra cho tôi vừa khen ngợi tôi về nhiệm vụ đã hoàn thành. Tôi không nói gì, bị giằng co vì những tình cảm mâu thuẫn, chuyện này, do bản tính lơ đãng như các giáo sư của tôi từng bảo, lập tức nhấn chìm tôi vào trạng thái câm lặng hoàn toàn mà nguyên nhân là nghĩ ngợi sâu xa.

Và trong lúc Robert cứ ở yên đấy, trước mặt tôi, thì tôi nghĩ rằng tôi đã tham gia Kháng chiến với ba mơ ước trong đầu: đến với tướng De Gaulle tại Luân Đôn, gia nhập Không lực Hoàng gia Anh và giết một kẻ địch trước khi chết.

Hiểu rất rõ rằng hai ước mơ đầu tiên sẽ ở ngoài tầm tay, việc ít ra đã thực hiện được ước mơ thứ ba lẽ ra phải khiến tôi tràn đầy vui mừng, càng vui mừng hơn bởi tôi vẫn không chết, khi mà hành động đã là chuyện trước đây vài giờ rồi. Sự thực, lại hoàn toàn trái ngược. Tưởng tượng ra viên sĩ quan Đức của tôi, giờ này, vì yêu cầu của việc điều tra, vẫn ở tư thế như tôi đã để hấn lại, nằm sòng soài dưới đất, hai cánh tay bắt chéo trên các bậc thang nhìn xuống phía dưới là một nhà tiểu, chẳng khiến tôi thấy thỏa mãn chút nào.

Boris khê húng hắng, Robert chìa bàn tay ra cho tôi không phải để tôi siết tay anh - dù tôi tin chắc rằng anh sẽ chẳng có gì phản đối, vốn tính anh nồng nhiệt -, mà hiển nhiên là anh muốn lấy lại vũ khí của mình. Bởi vì khẩu súng tay có ổ chứa đạn mà tôi đã làm thất lạc, đó là súng của anh!

Tôi không biết rằng Jan đã cử anh đi bảo vệ vòng hai, vì đoán trước những nguy hiểm liên quan đến tình trạng non nớt thiếu kinh nghiệm của tôi vào lúc nổ súng và tẩu thoát sau đó. Như tôi đã nói, Robert bao giờ cũng đưa được người của anh về. Điều khiến tôi xúc động, đó là tôi qua anh đã giao khẩu súng của anh cho Charles để Charles đưa tôi, trong khi tôi chỉ hơi để ý đến anh đôi chút trong bữa ăn, vì quá mãi mê với phản ứng trảng của mình. Và nếu Robert, đảm nhiệm làm hậu vệ cho tôi và Boris, đã có một cử chỉ hào hiệp đến như thế, đó là vì anh muốn tôi được sử dụng một khẩu súng tay không bao giờ bị kẹt, trái ngược với các vũ khí tự động.

Nhưng ắt hẳn Robert đã không thấy phần cuối của hành động và chắc cũng không thấy khẩu súng nóng bỏng của anh đã tuột khỏi thắt lưng tôi để rơi xuống mặt đường lát đá, đúng trước lúc Boris ra lệnh cho tôi chuồn hết tốc lực.

Thấy ánh mắt của Robert trở nên riết ráo, Boris đứng lên và mở ngăn kéo của thứ đồ đặc duy nhất trong phòng. Anh lấy ra từ chiếc tủ thô mộc khẩu súng được mong chờ hết sức và trả ngay cho chủ nhân, không một lời bình luận.

Robert cất súng vào đúng chỗ và tôi lợi dụng điều đó để học hỏi cách luồn nòng súng dưới khâu gài thắt lưng như thế nào cho khỏi bị bỏng phía trong bắp đùi và khỏi phải gánh chịu hậu quả của điều ấy.



Jan hài lòng về hành động của chúng tôi, từ nay trở đi chúng tôi được chấp nhận trong đội. Một nhiệm vụ mới đang chờ chúng tôi.

Một anh chàng trong chiến khu đã uống rượu cùng Jan. Trong lúc trò chuyện, anh đã cố tình hớ hênh, để lộ giữa nhiều chi tiết khác sự tồn tại của một nông trại có cất giữ một số vũ khí do người Anh thả dù. Với chúng tôi, thì việc này khiến chúng tôi phát điên, việc người ta cất giữ, để dành cho cuộc đổ bộ của đồng minh, những vũ khí mà ngày nào chúng tôi cũng thiếu. Thế thì xin lỗi các đồng chí trong chiến khu nhé, Jan đã quyết định đến tự phục vụ ở chỗ các đồng chí. Để tránh tạo những bất hòa vô ích, và phòng ngừa mọi sơ xuất, chúng tôi sẽ ra đi không vũ trang. Tôi không nói là không có vài sự cạnh tranh giữa các phong trào theo De Gaulle và đội chúng tôi nhưng không có chuyện nhờ ra làm bị thương một “anh em họ” kháng chiến, cho dù quan hệ họ hàng chẳng phải bao giờ cũng sóng êm biển lặng cố định. Vậy có chỉ thị là không nhờ cậy đến vũ lực. Nếu việc trực trực, thì tách, chấm hết.

Nhiệm vụ phải diễn ra có nghệ thuật và phong thái. Vả lại, nếu kế hoạch do Jan nghĩ ra được thực hiện không trắc trở, tôi thách những người kháng chiến phái De Gaulle mách với Luân Đôn chuyện xảy ra với họ, bởi họ có nguy cơ bị coi là ngờ nghệch thực sự, và

có nguy cơ làm cạn nguồn tiếp tế của mình.

Trong lúc Robert giảng giải hành động như thế nào, thằng em tôi làm như thể nó bất cần hoàn toàn, nhưng tôi, thì tôi có thể thấy nó không bỏ sót một tí gì của cuộc chuyện trò. Chúng tôi phải xuất hiện ở nông trại cách thành phố vài cây số về phía Tây, giải thích với những người ở đấy rằng chúng tôi được một anh chàng Louis nào đó cử tới, rằng bọn Đức nghi ngờ nơi cất giấu và chúng sắp đến ngay; chúng tôi tới giúp họ chuyển hàng đi chỗ khác và những người chủ nông trại coi như cần giao cho chúng tôi mấy hòm lựu đạn và tiểu liên họ đã cất giữ. Một khi các hòm này được đưa lên những rơ moóc nhỏ móc sau xe đạp của chúng tôi, thì chúng tôi biến, và việc đã rồi. Robert nói:

- Cần sáu người để hành động.

Tôi biết rõ mình không nhằm về Claude, vì nó nhóm dậy trên giường, như thể giấc ngủ trưa của nó vừa đột ngột kết thúc, ở đấy, bây giờ, chỉ do ngẫu nhiên. Robert hỏi nó:

- Cậu muốn tham gia không?

- Với kinh nghiệm giờ đây tôi đã có trong vụ ăn cắp xe đạp, tôi coi như mình cũng đủ tư cách để chôn vũ khí. Chắc tôi phải có bộ mặt một thằng ăn cắp nên mọi người mới một mực nghĩ đến tôi trong cái loại nhiệm vụ thế này.

- Hoàn toàn ngược lại đấy, cậu có bộ mặt một thanh niên lương thiện và chính vì thế mà cậu đặc biệt đủ tư cách, cậu không gây nghi ngờ.

Tôi chẳng biết có phải Claude coi đây là một lời khen hay nó chỉ hài lòng vì Robert trực tiếp nói với nó, bày tỏ sự coi trọng mà dường như nó đang thiếu, song nét mặt nó lập tức dần ra. Thậm chí tôi ngỡ thấy nó mỉm cười. Thật là điên rồ khi một sự thừa nhận, dù nhỏ nhoi đến mấy, mà ta được hưởng, lại có thể an ủi tâm hồn ta đến thế. Rốt cuộc, cảm thấy mình vô danh bên những người đang chen vai thích cánh với mình là một nỗi đau hệ trọng hơn người ta tưởng rất nhiều, cứ như thể mình vô hình.

Có lẽ cũng chính vì thế mà chúng tôi khổ sở rất nhiều vì tình trạng bất hợp pháp, và cũng chính vì thế mà ở trong đội, chúng tôi tìm lại được một thứ gia đình, một quần thể nơi tất cả chúng tôi đều có một sự tồn tại. Và điều ấy rất quan trọng với mỗi người trong chúng tôi.

Claude đã nói "Tôi tham gia". Cùng Robert, Boris và tôi, còn thiếu hai người. Alonso và Émile sẽ nhập bọn cùng chúng tôi.

Trước hết sáu thành viên làm nhiệm vụ phải đến ngay Loubers, ở đó một chiếc rơ moóc sẽ được móc vào xe đạp của mỗi người. Charles đã yêu cầu chúng tôi tắt qua lần lượt; không phải vì xương của anh nhỏ bé, mà để tránh việc một đoàn xe khiến láng giềng để ý. Cuộc hẹn hò vào khoảng sáu giờ ở đầu làng, hướng về miền quê, tại địa điểm được gọi là "Dốc Đá lát".

5

Claude là người đầu tiên đến gặp chủ nông trại. Nó theo đúng răm rắp những chỉ dẫn mà Jan có được nhờ tiếp xúc với các du kích chiến khu.

- Chúng tôi do Louis cử đến. Anh ấy dặn tôi nói với bác là đêm nay *thủy triều sẽ xuống*.

- Thấy kế việc đánh cá, người đàn ông đáp.

Claude không phản đối ông ta về điểm ấy và nói ngay phần sau của thông điệp.

- Bọn Gestapo đang trên đường, cần chuyển vũ khí đi chỗ khác!

- Mẹ kiếp, thật kinh khủng, người chủ trại thốt lên.

Ông ta nhìn những chiếc xe đạp của chúng tôi và nói thêm “Xe tải của các anh đâu?”. Claude không hiểu câu hỏi, để kể cho trung thực thì cả tôi cũng không hiểu và tôi nghĩ là các bạn ở đằng sau cũng thế. Nhưng Claude chẳng mất đi tẹo nào tài ứng đối và trả lời ngay

“Xe đi sau chúng tôi, chúng tôi ở đây để bắt đầu tổ chức việc di chuyển”. Người chủ trại dẫn chúng tôi về phía nhà kho của ông ta. Tại đó, đằng sau những bao cỏ khô chất cao nhiều mét, chúng tôi khám phá ra điều về sau sẽ khiến nhiệm vụ này được mang bí danh là “Hang động của Ali Baba”. Chồng chất thẳng hàng trên mặt đất là những hòm đầy lựu đạn, súng cối, tiểu liên Sten, những bao đạn nguyên vẹn, những dây dẫn, thuốc nổ, súng liên thanh và còn những thứ mà chắc chắn tôi quên mất.

Đúng lúc ấy, tôi ý thức được hai điều có tầm quan trọng ngang nhau. Trước hết, cần phải xem xét lại sự đánh giá mang tính chính trị nơi tôi về lợi ích của việc chuẩn bị cho đồng minh đổ bộ. Quan điểm của tôi vừa thay đổi, càng thay đổi hơn khi tôi chợt hiểu rằng nơi cất giấu này chắc hẳn chỉ là một trong nhiều kho chứa đang được lập ra trên đất nước. Điều thứ hai, là chúng tôi đang lấy trộm những vũ khí mà một ngày nào đó chiến khu chắc hẳn sẽ bị thiếu.

Tôi giữ kín không chia sẻ những điều cân nhắc này với đồng chí Robert, chỉ huy nhiệm vụ của chúng tôi; không phải vì sợ bị cấp trên đánh giá sai, mà đúng hơn là vì, sau khi ngẫm nghĩ đầy đủ hơn, tôi thỏa thuận với lương tâm mình: với sáu rơ moóc nhỏ sau xe đạp, chúng tôi sẽ chẳng lấy đi của chiến khu nhiều nhận gì.

Để hiểu những gì tôi đang cảm thấy trước các vũ khí kia, khi giờ đây biết được rõ hơn giá trị của từng khẩu súng trong đội và nhân cơ hội ấy cũng nhận ra ý

nghĩa câu hỏi thiện chí của người chủ trại “thế xe tải của các anh đâu?”, chỉ cần tưởng tượng cảnh thằng em tôi do phép màu mà thấy mình ngồi trước một bàn đầy khoai tây rán giòn tan và vàng óng, nhưng lại vào một ngày nó đang buồn nôn.

Robert chấm dứt nỗi xúc động chung nơi chúng tôi và hạ lệnh là trong lúc chờ đợi chiếc xe tải trú danh, chúng tôi hãy bắt đầu chất những gì có thể vào các rơ moóc. Đúng lúc ấy người chủ trại đặt câu hỏi thứ hai khiến tất cả chúng tôi bàng hoàng sửng sốt.

- Làm gì với những người Nga đây?

- Người Nga nào? Robert hỏi.

- Louis không bảo gì các anh ư?

- Điều này cũng tùy vấn đề, Claude nói xen vào, rõ ràng cậu càng tự tin hơn.

- Chúng tôi đang giấu hai tù nhân người Nga, họ đã vượt một nhà ngục tại bức tường Đại Tây Dương. Cần phải làm một điều gì đó. Không thể để họ có nguy cơ bị bọn Gestapo tìm thấy, chúng sẽ bắn họ ngay tức khắc.

Có hai điều làm lòng ta bối rối trong những gì người chủ trại vừa thông báo với chúng tôi. Thứ nhất, đó là tuy không muốn song chúng tôi sắp gây ra một cơn ác mộng cho hai anh chàng tội nghiệp mà về phần họ chắc đã có đủ ác mộng lắm rồi; nhưng, làm lòng ta còn bối rối hơn nữa, là người chủ trại đã không một lúc nào nghĩ đến mạng sống của chính mình. Tôi sẽ phải nghĩ đến việc bổ sung các chủ nông trại vào bản

danh sách những con người tuyệt vời ở cái thời kỳ ít về vang này.

Robert đề nghị những người Nga đến ẩn nấp qua đêm trong các lùm cây thấp rậm mọc bên dưới tán cây to trong rừng. Người nông dân hỏi liệu có ai trong chúng tôi đủ khả năng giải thích cho họ điều ấy hay không, vì từ khi đón nhận hai anh chàng tội nghiệp này, việc ông thực hành thú tiêng của họ tỏ ra chẳng giỏi giang gì. Sau khi quan sát kỹ chúng tôi, ông kết luận là ông ưng tự lo việc này. “Như thế công hiệu hơn”, ông nói thêm. Và trong lúc ông đến với họ, chúng tôi chất đầy các rơ moóc. Émile còn lấy cả hai bọc đạn sẽ chẳng dùng được việc gì vì chúng tôi không có loại súng với đường kính hòng súng tương ứng, nhưng điều này, thì khi chúng tôi về nhà Charles mới cho chúng tôi biết.

Chúng tôi để lại ông chủ trại với hai người Nga bị nạn của ông, lòng chẳng khỏi có đôi chút cảm giác tội lỗi, và chúng tôi đạp hết hơi hết sức, kéo theo những chiếc rơ moóc nhỏ trên đường về xưởng.

Khi vào đến ngoại ô thành phố, Alonso không tránh được một ổ gà, và một trong các bao đạn do cậu chuyên chở rơi khỏi rơ moóc. Người qua đường dừng lại, kinh ngạc vì thứ hàng vừa rơi vãi ra đường. Hai người thợ đến bên Alonso, giúp cậu nhặt đạn, đặt lại vào thùng rơ moóc mà không hỏi han gì.

Charles kê biên những thứ chúng tôi lấy được và xếp vào chỗ thích hợp. Anh gặp lại chúng tôi ở phòng

ăn, tặng chúng tôi một trong những nụ cười không răng tuyệt diệu của anh, và thông báo bằng ngôn ngữ hết sức đặc biệt của mình: “Vịch nhàn dắc tôốc. Ta có đứng xú để xục hiệệng íc da nhà môộc chãm hần độn.” Chúng tôi lập tức dịch ra là: “Việc làm rất tốt. Ta có những thứ để thực hiện ít ra là một trăm hành động.”

6

Tháng Sáu trôi đi theo dòng các hoạt động của chúng tôi, đã gần hết tháng. Những cần trục do thuốc nổ của chúng tôi nhỏ bật lên đã nghiêng xuống dòng kênh, không bao giờ có thể đứng thẳng lại, những đoàn tàu đã trật bánh khi lăn trên các đường ray bị chúng tôi dịch chuyển, những con đường mà các đoàn xe Đức qua lại bị chặn ngang vì các cột điện đổ gục. Vào giữa tháng, Jacques và Robert đặt được ba quả bom ở sở Hiến binh Đức, gây thiệt hại rất lớn. Giám đốc sở cảnh sát địa phương lại một lần nữa kêu gọi dân chúng; bản thông điệp thảm hại, xúi giục ai nấy hãy tố cáo bất kỳ người nào có thể thuộc một tổ chức khủng bố. Trong tờ cáo thị của y, tay chỉ huy lực lượng cảnh sát Pháp miền Toulouse đã kích những kẻ nhận mình thuộc một lực lượng tự xưng là Kháng chiến, những kẻ phiến loạn làm hại đến trật tự công cộng và đến sự an lạc của người dân Pháp. Những kẻ phiến loạn được nói

đến, chính là chúng tôi, và chúng tôi móc cần biết tay giám đốc cảnh sát nghĩ gì.

Hôm nay, chúng tôi đã cùng Émile lấy lựu đạn ở chỗ Charles với nhiệm vụ đến quăng chúng vào bên trong một trung tâm điện thoại của Quân lực Đức⁽¹⁾.

Chúng tôi đi bộ trong phố, Émile chỉ cho tôi những ô cửa sổ cần nhắm trúng, và khi cậu ra hiệu, chúng tôi đã phóng ra những quả lựu đạn của mình. Tôi nhìn thấy chúng tung mình lên cao, tạo một đường cong gần như hoàn hảo. Thời gian dường như đông cứng lại. Tiếp đó là tiếng kính vỡ và thậm chí tôi nghe thấy lựu đạn lăn trên sàn và bước chân những tên Đức chắc hẳn đang lao đến cánh cửa ra vào đầu tiên. Hai người làm loại công việc này thì tốt hơn; một mình, có vẻ khó thành công.

Vào giờ này, tôi cho rằng việc điện đàm liên lạc của bọn Đức phải một quãng thời gian khá lâu nữa mới khôi phục được. Nhưng chẳng có gì trong những điều ấy khiến tôi vui thích, em tôi phải chuyển nhà.

Giờ đây Claude đã gia nhập đội. Jan quyết định rằng việc anh em tôi ở cùng nhau quá nguy hiểm, không phù hợp với quy tắc an toàn. Mỗi chiến hữu phải sống một mình, để tránh làm liên lụy bạn cùng nhà nếu mình bị bắt. Sao tôi nhớ đến thể sự hiện diện của thằng em, và từ nay buổi tối tôi không thể đi nằm

1. *Wehrmacht*: Quân lực của nhà nước quốc xã Đức

mà không nghĩ đến nó. Nếu nó đang hành động, tôi cũng không biết được tin nữa. Thế là, nằm dài trên giường, tay để sau đầu, tôi cố ngủ song chẳng bao giờ thiếp đi được hoàn toàn. Cô đơn và cái đói là bạn đồng hành tồi tệ. Thỉnh thoảng tiếng òng ọc của dạ dày phá rối sự tĩnh lặng bao quanh tôi. Để thay đổi ý nghĩ, tôi dăm dăm nhìn bóng đèn trên trần nhà và chẳng mấy chốc, nó biến thành một ánh sáng trong khuôn cửa kính chiếc phi cơ tiêm kích Anh của tôi. Tôi đang lái một chiếc Spitfire của Không lực Hoàng gia. Tôi bay lượn bên trên biển Manche, tôi chỉ cần nghiêng máy bay là nhìn thấy ở đầu đôi cánh đỉnh những con sóng cũng như tôi đang lướt nhanh về phía nước Anh. Chỉ cách vài mét, máy bay của em tôi kêu vù vù, tôi liếc nhìn động cơ của nó để biết chắc là không có làn khói nào gây nguy hiểm cho việc nó quay về, nhưng phía trước chúng tôi đã in hình bờ biển và những dốc đá trắng. Tôi cảm nhận làn gió đang thổi vào khoang lái và vi vu quanh những bắp chân tôi. Hạ cánh rồi, chúng tôi sẽ ăn uống thỏa thích quanh một bàn nhiều thức ngon ở câu lạc bộ sĩ quan... Một đoàn xe tải Đức đi qua trước cửa sổ nhà và tiếng máy nổ giòn đưa tôi trở lại với căn phòng và nỗi cô đơn của mình.

Nghe tan dần trong đêm tiếng đoàn xe tải Đức, bất kể cái đói quái quỷ đang giày vò mình, cuối cùng tôi rìm được đủ can đảm tắt ngọn đèn trên trần nhà. Trong bóng tối mờ, tôi tự nhủ mình đã không bỏ cuộc. Có lẽ tôi sẽ chết nhưng tôi sẽ không bỏ cuộc, dù sao tôi từng

nghĩ rằng mình chết sớm hơn thế song tôi vẫn còn sống, vậy ai mà biết được? Có thể rồi cuộc, Jacques đúng, một ngày nào đó mùa xuân sẽ trở lại.



Tảng sáng, Boris đến gặp tôi, một nhiệm vụ khác đang chờ chúng tôi. Và trong khi chúng tôi đạp xe đến nhà ga cũ kỹ Loubers để lấy vũ khí, thì luật sư Arnal tới Vichy để biện hộ cho Langer. Cục trưởng cục hình sự và ân xá tiếp ông. Quyền hành của ông ta rất lớn và ông ta biết như vậy. Ông ta nghe vị luật sư một cách lơ đãng, đầu óc ông ta để ở nơi khác, kỳ nghỉ cuối tuần sắp đến và ông ta băn khoăn về chuyện mình sẽ qua kỳ nghỉ như thế nào, liệu ả tình nhân của mình có đón nhận mình hay không giữa cặp đùi ấm nóng của ả sau bữa đêm ngon lành đặt trước cho ả tại một tiệm ăn trên phố. Cục trưởng cục hình sự đọc lướt rất nhanh hồ sơ mà Arnal khẩn cầu ông ta xem xét. Các sự kiện ở đó, rõ ràng, và nghiêm trọng. Bản án không khắc nghiệt đâu, ông ta nói, nó công bằng. Không trách cứ được các quan tòa điều gì hết, họ đã làm phận sự của họ khi thi hành pháp luật. Ý ông ta đã quyết, nhưng Arnal vẫn nằn nì, thế thì ông ta chấp nhận, vì vấn đề tế nhị, sẽ triệu tập Hội đồng ân xá.

Sau đó, trước các ủy viên Hội đồng, ông ta sẽ luôn phát âm tên họ của Marcel theo cách để mọi

người hiểu rằng đây là một người ngoại quốc. Và trong lúc vị luật sư già Arnal rời Vichy, thì Hội đồng phủ quyết việc ân xá. Và trong lúc vị luật sư già Arnal lên chuyến tàu đưa ông trở lại Toulouse, thì một công văn cũng thực hiện chuyến đi nho nhỏ của nó; nó đến chỗ bộ trưởng bộ Tư pháp, ông ta lập tức cho đem nó đến văn phòng của Thống chế Pétain. Thống chế ký vào biên bản, số phận của Marcel từ nay đã được xác nhận, anh sẽ bị xử chém.



Hôm nay, ngày 15 tháng Bảy năm 1943, cùng với Boris, ở quảng trường Carmes chúng tôi đã phá hoại trụ sở của nhóm “Hợp tác”. Ngày kia, Boris sẽ tấn công một gã Rouget nào đó, kẻ hợp tác năng nổ và là một trong những tên chỉ điểm lợi hại nhất của Gestapo.



Trong lúc rời Pháp viện để đi ăn trưa, viên biện lý Lespinasse hết sức vui vẻ. Nếp mòn hành chính sáng nay đã đến nơi cần tới. Bản phủ quyết đề nghị ân xá cho Marcel đang ở trên bàn giấy của y, có chữ ký của Thống chế. Lệnh hành quyết đi kèm. Cả buổi sáng Lespinasse ngắm nghía mảnh giấy rộng vài centimet vuông này. Tờ

giấy hình chữ nhật ấy đối với y như một phần thưởng, một giải thưởng hạng ưu mà các bậc quyền cao chức trọng nhất Quốc gia tặng cho y. Đây không phải phần thưởng đầu tiên y giành được. Ngay từ trường tiểu học, năm nào y cũng đem về cho cha y một giấy khen, đạt được nhờ ân huệ của sự học hành chăm chỉ, nhờ ân huệ của niềm quý mến nơi các thầy giáo... ân huệ đặc xá... đó là điều Marcel sẽ không đạt được. Lespinasse thở ra một hơi dài, y nhắc lên vật trang trí nhỏ bằng sứ ngự trên bàn giấy, trước tấm lót tay bằng da. Y luôn tờ giấy vào rồi lại đặt vật trang trí lên trên. Không nên để tờ giấy đó làm mình lảng trí; y phải thảo xong bài diễn văn cho buổi thuyết giảng sắp tới, nhưng đầu óc y lảng đãng hướng về cuốn sổ tay. Y mở sổ, lật các trang, một ngày, hai, ba, bốn, đây rồi, ở chỗ này. Y ngần ngại khi định ghi mấy chữ “hành quyết Langer” bên trên “ăn trưa Armande”, vì trang sổ đã đầy những cuộc hẹn. Thế là y chỉ vẽ một dấu chữ thập. Y gấp cuốn sổ lại rồi soạn tiếp bài nói. Được vài dòng và thế là y cúi xuống tờ công văn trời ra ngoài chiếc đế của vật trang trí. Y mở lại sổ tay và, trước hình chữ thập, ghi con số 5. Đó là giờ y sẽ phải có mặt trước cửa nhà ngục Saint-Michel. Cuối cùng Lespinasse cất sổ vào túi áo, đẩy chiếc rọc giấy bằng vàng trên bàn, xếp nó lại cho thẳng hàng, song song với cây bút máy. Đã mười hai giờ trưa và bây giờ viên biện lý cảm thấy đói. Lespinasse đứng lên, vuốt thẳng nếp quần và bước ra hành lang Pháp viện.

Ở đầu bên kia thành phố, luật sư Arnal đặt xuống bàn của ông cũng tờ giấy ấy, ông nhận được sáng nay. Bà giúp việc bước vào phòng. Arnal nhìn bà đắm đắm, không một âm thanh nào có thể phát ra khỏi cuống họng. Bà giúp việc khẽ nói:

- Ông khóc ư, thưa luật sư?

Arnal cúi xuống chiếc giỏ đựng giấy vụn và nôn ra mặt đắng. Người ông rung lên vì những cơn co thắt. Bà ngần ngại, bà già Marthe, bà chẳng biết phải làm gì. Thế rồi lương tri thắng thế, bà đã có ba con hai cháu, bà già Marthe, nghĩa là bà từng biết, những chuyện nôn mửa ấy. Bà lại gần và đặt bàn tay lên trán vị luật sư già. Và mỗi lần ông cúi xuống chiếc giỏ, bà cũng làm theo động tác của ông. Bà chìa cho ông một khăn tay bằng vải bông trắng, và trong lúc ông chủ lau miệng, ánh nhìn của bà đưa xuống mảnh giấy và lần này chính đôi mắt của bà già Marthe đắm lệt.

*

* *

Tối nay, chúng tôi sẽ gặp lại nhau trong ngôi nhà của Charles. Ngôi xếp ngay xuống đất, Jan, Catherine, Boris, Émile, Claude, Alonso, Stefan, Jacques, Robert, tất cả chúng tôi quây thành một vòng tròn. Một bức thư được chuyền tay nhau, mỗi người tìm kiếm những từ ngữ mình không tìm ra. Viết gì đây cho một người bạn sắp chết? “Chúng mình sẽ không quên bạn”, Catherine

thì thắm. Đó là điều mỗi người ở đây đang nghĩ. Nếu cuộc chiến đấu của chúng ta dẫn chúng ta đến chỗ khôi phục được tự do, nếu chỉ một người trong chúng ta sống sót, người ấy sẽ không quên bạn, Marcel, và một ngày kia người ấy sẽ nói lên tên của bạn. Jan lắng nghe chúng tôi, anh cầm bút và nguệch ngoạc bằng tiếng yiddish⁽¹⁾ mấy câu chúng tôi vừa nói. Như vậy, những người canh ngục dẫn bạn lên đoạn đầu đài sẽ không hiểu được. Jan gấp thư lại, Catherine cầm lấy, luồn thư vào áo ngực. Ngày mai, cô sẽ giao nó cho ông giáo sĩ Do Thái.

Không chắc thư của chúng tôi có đến được với người tử tù. Marcel không tin Chúa và có lẽ anh sẽ khước từ sự hiện diện của linh mục tuyên úy, cũng như của giáo sĩ Do Thái. Nhưng rất cuộc, ai mà biết được? Một chút xiu may mắn trong toàn bộ sự khốn khổ này sẽ không thừa. Sao cho cái may mắn khiến bạn đọc được mấy chữ viết ra để nói với bạn rằng nếu một ngày kia chúng ta lại được tự do, thì cuộc đời của bạn sẽ đóng góp vào đó rất nhiều.

1. Ngôn ngữ của các cộng đồng Do Thái ở Trung Âu và Đông Âu.

7

Lúc ấy là năm giờ vào cái buổi sáng buồn thảm ngày 23 tháng Bảy năm 1943. Trong một văn phòng tại nhà ngục Saint-Michel, Lespinasse đang giải khát cùng các quan tòa, giám đốc nhà tù và hai đao phủ. Cà phê cho những ai mặc đồ đen, một cốc vang trắng không pha để làm dịu cơn khát của những người đã nóng bức vì lấp đặt máy chém. Lespinasse không ngừng xem đồng hồ. Y đợi chiếc kim xoay hết vòng của nó. Y nói: “Đến giờ rồi, hãy đi báo cho Arnal.” Vị luật sư già không muốn ở cùng họ, ông nhấn nài chờ một mình ngoài sân. Họ đi tìm ông, ông đến với đoàn người, ra hiệu cho người canh ngục và đi trước một quãng xa.

Giờ báo thức còn chưa điểm nhưng tất cả tù nhân đã dậy hết. Họ biết, khi một người trong số họ sắp bị hành quyết. Một tiếng rì rầm cất lên; giọng những người Tây Ban Nha hòa vào giọng những người Pháp

mà chẳng bao lâu giọng những người Italia cũng đến nhập hội, tới lượt những người Hungari, người Ba Lan, người Tiệp và người Rumanii. Tiếng rì rào đã trở thành tiếng hát cất lên cao và mạnh mẽ. Mọi âm sắc hòa trộn và cùng ca vang những lời giống nhau. Đó là bài *Marseillaise*⁽¹⁾ đang vang vọng trong những bức tường ngục tối của nhà tù Saint-Michel.

Arnal bước vào phòng giam; Marcel thức giấc, anh nhìn bầu trời màu hồng qua khuôn cửa sổ trên mái, và hiểu ngay tức khắc. Arnal ôm lấy anh trong vòng tay. Qua vai ông, Marcel lại nhìn bầu trời và mỉm cười. Anh thì thầm bên tai vị luật sư già “Cháu từng rất yêu cuộc sống.”

Đến lượt người cắt tóc bước vào, phải làm gáy người tử tù hờ ra. Tiếng kéo lách tách và những lọn tóc nhẹ rơi xuống nền đất nện. Đoàn người tiến bước, trong hành lang *Bài ca của những người kháng chiến* đã thay thế *Marseillaise*. Marcel dừng bước ở bên trên cầu thang, anh quay lại, thông thả giờ cao nắm tay và hô: “Vĩnh biệt các đồng chí.” Toàn thể nhà ngục nín lặng một khoảnh khắc ngắn. “Vĩnh biệt đồng chí và nước Pháp muôn năm”, các tù nhân đồng thanh đáp lại. Và bài *Marseillaise* lại tràn ngập không gian, nhưng bóng hình Marcel đã khuất rồi.

Vai kề vai, Arnal choàng áo khoác rộng, Marcel

1. Quốc ca Pháp.

mặc sơ mi trắng, bước về phía điều không tránh khỏi. Nhìn họ từ phía sau, không biết rõ được người nào đang đỡ người nào. Giám thị trưởng rút trong túi ra một bao thuốc lá. Marcel cầm điều thuốc người ấy đưa, một que diêm bật lên và ánh lửa rọi sáng phần dưới khuôn mặt anh. Vài vòng khói phả ra từ miệng anh, nhóm người tiếp tục đi. Đến ngưỡng cửa trông ra sân, giám đốc nhà ngục hỏi xem anh có muốn một cốc rượu mạnh hay không. Marcel đưa mắt nhìn Lespinasse và lắc đầu. Anh nói:

- Đưa cho con người kia thì hơn, hẳn cần cái đó hơn tôi.

Điều thuốc lẫn xuống đất, Marcel ra hiệu anh đã sẵn sàng.

Giáo sĩ bước lại gần, nhưng qua một nụ cười, Marcel tỏ cho ông thấy anh không cần ông.

- Cảm ơn giáo sĩ, nhưng tôi chỉ tin vào một thế giới tốt đẹp hơn cho con người tại nơi đây mà thôi, và chỉ con người một ngày kia có lẽ mới quyết định sáng tạo ra thế giới ấy. Cho họ và cho con cái họ.

Giáo sĩ biết rõ Marcel không muốn sự giúp đỡ của ông, nhưng ông có một nhiệm vụ phải hoàn thành và thời gian thúc bách. Thế là, chẳng đợi thêm nữa, con người của Chúa xô đẩy Lespinasse và gior cho Marcel quyển sách ông cầm trong tay. Ông khẽ nói với anh bằng tiếng yiddish: “Trong ấy có một thứ cho con.”

Marcel ngần ngại, anh sờ nắn cuốn sách và lật giở. Giữa các trang, anh thấy bức thư do Jan nguyệt ngoạc.

Marcel lướt qua những dòng chữ, từ phải sang trái; anh khép mi mắt lại và trả sách cho giáo sĩ.

- Hãy nói với các bạn ấy là tôi cảm ơn các bạn và nhất là, tôi tin vào chiến thắng của các bạn.

Lúc ấy là năm giờ mười lăm, cửa mở ra một trong những sân nhỏ âm u của nhà ngục Saint-Michel. Máy chém dựng ở phía bên phải. Vì tế nhị, các đao phủ đã lắp đặt máy tại đây, để người tử tù chỉ nhìn thấy nó vào khoảnh khắc cuối cùng. Từ trên các chòi gác, những tên lính canh Đức thú vị vì cảnh tượng khác thường đang diễn ra dưới mắt chúng. “Dù sao đó cũng là những gã kỳ cục, những người Pháp ấy, về nguyên tắc thì chúng ta mới là kẻ địch chứ, đúng không?” một tên châm biếm. Tên đồng hương với y chỉ nhún vai và cúi xuống để nhìn cho rõ hơn. Marcel trèo lên các bậc máy chém, anh ngoảnh lại Lespinasse lần cuối: “Máu của ta sẽ lại nhỏ xuống đầu các người”, anh mỉm cười, rồi nói thêm: “Ta chết cho nước Pháp và cho một nhân loại tốt đẹp hơn.”

Không cần ai giúp, Marcel nằm duỗi người trên tấm ván và lưỡi dao hạ xuống. Arnal nín thở, mắt nhắm nhắm nhìn lên bầu trời đặng đặng những đám mây mỏng nhẹ, cứ như là lụa. Dưới chân ông, những viên đá lát sân nhuộm máu đỏ. Và trong khi người ta đặt thi hài Marcel vào quan tài, những người đao phủ đã đang bận rộn lau rửa cổ máy của họ. Người ta rắc ít mùn của xuống đất.

Arnal sẽ đưa tiễn bạn mình đến nơi yên nghỉ cuối cùng của anh. Ông trèo lên phía trước xe tang, cổng nhà

tù mở ra và cõ xe khởi hành. Ở góc phố, ông đi qua bóng hình của Catherine mà thậm chí chẳng nhận ra cô.

Nép mình vào một khuôn cửa, Catherine và Marianne dõi theo đám tang. Tiếng vọng của móng ngựa tắt dần chốn xa xa. Trên cánh cổng nhà tù, một người canh ngục niêm yết bản thông cáo hành hình. Chẳng còn gì để làm nữa. Người nhợt nhạt, các cô rời chỗ nấp và đi bộ ngược lên phố. Marianne giữ trước miệng một chiếc khăn tay, phương tiện thăm hại chống cơn buồn nôn, chống nỗi đau. Vừa mới bảy giờ khi các cô đến gặp chúng tôi ở nhà Charles. Jacques chẳng nói năng gì, anh siết chặt hai nắm tay. Boris lấy đầu ngón tay vẽ một vòng tròn trên mặt bàn gỗ, Claude ngồi dựa vào tường, nó nhìn tôi. Jan nói:

- Ngày hôm nay phải diệt một tên địch.
- Không chuẩn bị gì sao? Catherine hỏi.
- Mình thì mình đồng ý, Boris nói.

*

* *

Tám giờ tối, vào mùa hè, trời hãy còn sáng rõ. Mọi người đi dạo, tranh thủ lúc thời tiết dịu mát trở lại. Hiên trước các quán giải khát đông chật, vài đôi tình nhân hôn nhau ở góc phố. Giữa đám đông này, Boris có vẻ là một thanh niên như những thanh niên khác, hiên lành vô hại. Tuy nhiên, anh nắm chặt báng khẩu súng tay trong túi. Đã một giờ đồng hồ anh tìm kiếm con

mỗi, không phải bất cứ con mỗi nào, anh muốn tìm sĩ quan để trả thù cho Marcel, tìm lon mạ vàng, tìm áo khoác quân phục có gắn sao. Nhưng lúc này anh chỉ mới gặp hai nhãi thủy thủ Đức chuẩn choáng say và các gã trai non nớt ấy không đủ ác để đáng chết. Boris băng qua quảng trường Lafayette, ngược lên phố Alsace, rải những bước dài trên lề đường quảng trường Esquirol. Xa xa nghe thấy tiếng kèn đồng của một đội nhạc. Thế là Boris để cho nhạc dẫn dắt mình.

Một đội nhạc Đức đang chơi dưới một mái nhà bát giác. Boris kiếm được một chiếc ghế dựa và ngồi xuống. Anh nhắm mắt lại và tìm cách làm dịu những tiếng đập của tim mình. Không có chuyện trở về tay trắng, không có chuyện làm các chiến hữu thất vọng. Chắc chắn, đây không phải loại phục thù xứng với Marcel, nhưng đã quyết định rồi. Anh mở mắt, Thượng đế phù hộ anh, một viên sĩ quan bánh bao vừa ngồi vào hàng ghế đầu. Boris nhìn chiếc mũ lưỡi trai mà gã quân nhân đang phe phẩy quạt mát. Trên ống tay áo y, anh thấy dải băng đỏ của chiến dịch tại nước Nga. Hẳn y phải giết nhiều người lắm, viên sĩ quan này, để có quyền nghỉ ngơi ở Toulouse. Hẳn y đã đưa binh lính đến chỗ chết để được hưởng một cách hết sức an bình một buổi tối mùa hè êm dịu ở miền Tây Nam nước Pháp.

Buổi hòa nhạc kết thúc, viên sĩ quan đứng dậy, Boris theo sau y. Cách đó vài bước chân, ở giữa phố, năm phát súng nổ, lửa tóe ra từ nòng súng bạn tôi. Đám đông xô đến, Boris bỏ đi.

Ở một đường phố Toulouse, máu một viên sĩ quan Đức đang chảy xuống cống. Cách đó vài cây số, dưới mặt đất một nghĩa trang Toulouse, máu của Marcel đã khô rồi.

*

* *

Tờ *Điện tín* đưa tin về hành động của Boris; cũng trong số ra hôm ấy, báo thông cáo việc hành quyết Marcel. Mọi người trong thành phố sẽ nhanh chóng liên kết hai vụ việc. Những kẻ có dính líu sẽ hiểu ra rằng máu một người kháng chiến chẳng đổ xuống mà không có hình phạt, những người khác sẽ biết rằng sát bên họ một số người đang chiến đấu.

Giám đốc sở cảnh sát địa phương vội vã ra một cáo thị để làm kẻ chiếm đóng an tâm về thiện chí phục vụ của y đối với chúng. Y công bố: “Ngay sau khi biết tin vụ sát hại, tôi đã bày tỏ niềm công phần của dân chúng với vị tướng chỉ huy bộ tham mưu và với chỉ huy trưởng sở Mật thám Đức.” Phó giám đốc cảnh sát địa phương đã thò cẳng góp phần vào thứ văn chương hợp tác: “Một phần thưởng rất lớn bằng tiền sẽ được các nhà chức trách trao cho bất kỳ người nào giúp nhận dạng kẻ hay những kẻ gây ra vụ sát hại ghê tởm bằng súng vào buổi tối 23 tháng Bảy đối với một quân nhân Đức ở phố Bayard tại Toulouse.” Chấm dứt viện dẫn! Phải nói rằng y vừa mới được bổ nhiệm, tên Barthenet

phó giám đốc cảnh sát. Mấy năm năng nổ phục vụ các cơ quan Vichy⁽¹⁾ đã khiến y nổi tiếng là con người đặc lực cũng như đáng gờm và làm y được thăng cái chức mà y xiết bao mơ ước này. Tay ký giả của tờ *Điện tín* đã ngênh tiếp việc y được bổ nhiệm bằng lời chào mừng y trên trang nhất tờ nhật báo. Chúng tôi cũng thế, theo cách của mình, chúng tôi vừa chào mừng y “kiểu chúng ta”. Và để ngênh tiếp y chu đáo hơn, chúng tôi rải một truyền đơn trong toàn thành phố. Qua vài dòng, chúng tôi thông báo đã diệt một sĩ quan Đức để trả thù cho cái chết của Marcel.

Chúng tôi sẽ không đợi lệnh của ai hết. Vị giáo sĩ Do Thái đã kể cho Catherine điều Marcel nói với Lespinasse trước khi chết trên máy chém. “Máu của ta sẽ lại nhỏ xuống đầu các người.” Thông điệp đã giáng thẳng vào chúng tôi, như một di chúc do chiến hữu của chúng tôi để lại, và tất cả chúng tôi đều đã giải mã được ý muốn cuối cùng của anh. Chúng tôi sẽ lấy mạng của Lespinasse. Công việc cần chuẩn bị lâu. Người ta không diệt một viên chương lý ngay giữa đường phố. Con người của pháp luật chắc chắn được bảo vệ, y ắt chỉ đi lại trên xe hơi có tài xế lái và trong đội chúng tôi không có chuyện một hành động gây chút nguy hiểm nào cho dân chúng. Ngược lại với những kẻ công khai hợp tác

1. Thành phố có suối nước nóng. Từ 10/7/1940 đến 20/8/1944, chính phủ của Pétain đóng tại đây, do đó thường được gọi là chính quyền Vichy.

cùng bọn quốc xā, với những kẻ tổ cáo, những kẻ bắt giữ, những kẻ tra tấn, bắt đi đây, những kẻ kết án, xử bắn, những kẻ, không vương bận bất kỳ trở ngại nào, lương tâm xúng xính khoác tấm áo choàng của một thứ mạo xưng là bốn phận, đang thỏa thuê niềm căm ghét mang tính phân biệt chủng tộc ở chúng, ngược lại với tất cả những kẻ đó, nếu chúng tôi sẵn sàng để tay mình nhúng chàm, những bàn tay ấy sẽ vẫn sạch.



Do Jan yêu cầu, từ vài tuần lễ nay Catherine thành lập một tổ tình báo. Em hãy hiểu điều đó có nghĩa là cùng với một vài bạn gái, Damira, Marianne, Sophie, Rosine, Osna, tất cả những thiếu nữ mà chúng tôi bị cấm yêu, song dù thế chúng tôi vẫn yêu, cô đi lượm lặt những thông tin cần thiết cho việc chuẩn bị nhiệm vụ của chúng tôi.

Những tháng sắp tới, các thiếu nữ trong đội sẽ chuyên trách việc theo dõi, việc chụp lén những bức ảnh, tường kê các hành trình, quan sát các thời gian biểu, điều tra các lảng giềng. Nhờ các cô, chúng tôi sẽ biết được tất cả hay gần như tất cả hành vi và hình tích của những kẻ mà chúng tôi nhằm vào. Không, chúng tôi sẽ không đợi lệnh ai hết. Từ nay trở đi đứng đầu danh sách những kẻ đó là viên biện lý Lespinasse.

8

Jacques đã yêu cầu tôi tìm gặp Damira trong thành phố, tôi phải chuyển cho cô một mệnh lệnh công tác. Cuộc hẹn được định trong cái quán giải khát nơi các chiến hữu gặp gỡ nhau hơi quá thường xuyên, cho đến lúc Jan cấm chúng tôi đặt chân đến đó, vẫn vì lý do an toàn như trước nay.

Chấn động biết mấy, lần đầu tôi nhìn thấy cô. Tôi thì tôi có tóc đỏ hoe, nước da trắng chì chít tàn nhang, đến mức mọi người hỏi xem có phải tôi đã nhìn mặt trời qua một cái rây hay không, và tôi đeo kính kè kè. Damira là người Italia, và điều quan trọng hơn hết thấy trước đôi mắt cận thị của tôi, là cả cô nữa, tóc cô cũng đỏ hoe. Tôi kết luận rằng điều này sẽ tạo nên giữa chúng tôi những mối gắn bó ưu tiên không sao tránh khỏi. Nhưng thôi, tôi đã từng lầm lẫn trong việc đánh giá lợi ích của những kho vũ khí do các chiến khu theo De Gaulle lập nên, thì về những gì liên quan đến

Damira cũng thế, tôi chẳng chắc chắn được điều gì hết.

Ngồi trước đĩa đậu tằm, chắc chúng tôi phải giống một đôi tình nhân trẻ, trừ chuyện Damira không có tình ý gì với tôi, còn tôi thì dù sao cũng đã hơi mê cô rồi. Tôi nhìn cô như thế, sau mười tám năm sống trong cái lồng một gã sinh ra với túm cà rốt trên đầu, tôi phát hiện được một sinh thể giống mình và thuộc giới đối lập; sự đối lập lần này lại là một tin cực kỳ tốt lành.

- Tại sao cậu nhìn mình như vậy? Damira hỏi.

- Chẳng tại sao hết!

- Họ theo dõi chúng ta ư?

- Không, không, không hề!

- Cậu chắc chứ? Vì qua cách cậu nhìn mình chòng chọc, mình ngỡ cậu ra hiệu cho mình là có nguy hiểm.

- Damira, mình hứa với cậu là chúng mình an toàn!

- Thế tại sao trán cậu lại đỏ mồ hôi?

- Trong phòng này nóng như thiêu ải.

- Mình không thấy thế.

- Cậu là người Italia còn mình là dân Paris, chắc cậu phải quen chịu nóng hơn mình.

- Cậu muốn chúng mình ra ngoài đi bộ không?

Giả sử Damira rủ tôi đi tắm trong dòng kênh, có lẽ tôi cũng ừ ngay lập tức. Cô chưa nói hết câu tôi đã đứng dậy rồi, và dịch chiếc ghế của cô để giúp cô đứng lên.

- Một người đàn ông phong nhã, thật là hay, cô vừa nói vừa mỉm cười.

Nhiệt độ bên trong thân thể tôi vừa mới lên cao hơn nữa và, lần đầu tiên kể từ khi chiến tranh bắt đầu,

mọi người có thể tưởng là tôi có sắc mặt tươi tắn khỏe mạnh, vì hai má tôi hẳn phải đỏ lấm.

Cả hai chúng tôi cùng bước về phía dòng kênh nơi tôi tưởng tượng mình đang nô đùa với cô gái Italia lông lầy tóc hoe đỏ của mình trong những trò té nước tình tứ. Chuyện ấy hoàn toàn nực cười vì tắm giữa hai cần trúc và ba sà lan chở nặng hợp chất hydro carbon chưa khi nào có cái gì thực sự lãng mạn. Đúng thế, song ở khoảnh khắc ấy, không gì trên đời có thể ngăn cản tôi mơ mộng. Và chẳng, trong lúc chúng tôi băng qua quảng trường Esquirol, thì tôi đậu chiếc Spitfire của mình (mà động cơ đã hỏng trong một chuyến lượn chúc đầu xuống đất) trên một cánh đồng ven ngôi biệt thự nhỏ đẹp mê hồn nơi Damira và tôi ở tại nước Anh từ khi em có mang đứa con thứ hai của chúng tôi (chắc nó cũng có mái tóc đỏ hoe như đứa con gái đầu của chúng tôi). Và, hạnh phúc tột độ, lại đúng giờ dùng bữa trà giữa chiều. Damira đi đến với tôi, cất trong túi tấm áo tạp dề kẻ ô đỏ và xanh lục mấy chiếc bánh xốp nóng vừa ra lò. Thây kệ, tôi sẽ lo sửa máy bay của mình sau bữa trà; bánh ngọt của Damira ngon tuyệt vời, chắc em đã phải rất vất vả để làm bánh cho riêng tôi. Chỉ một lần thôi, tôi có thể quên đi chốc lát bốn phận sĩ quan của mình và tôn vinh em. Ngồi trước ngôi nhà của chúng tôi, Damira đã tựa đầu vào vai tôi và thở dài, hài lòng vì khoảnh khắc hạnh phúc giản dị này.

- Jeannot, mình cho là cậu đã ngủ thiếp đi.
- Thế nào cơ? tôi vừa giật nảy mình vừa nói.

- Đầu cậu ngã vào vai mình!

Đỏ mặt tía tai, tôi thẳng người dậy. Máy bay Spitfire, biệt thự nhỏ, trà và bánh ngọt đã tan biến và chỉ còn lại ánh phản chiếu âm u của dòng kênh, và chiếc ghế dài trên đó chúng tôi đang ngồi.

Trong khi tuyệt vọng kiếm tìm một vẻ vững vàng giả tạo, tôi húng hắng ho và, tuy không dám nhìn cô bạn ngồi bên, song dù sao tôi vẫn tìm cách hiểu rõ cô hơn.

- Cậu gia nhập đội như thế nào?

- Cậu không phải chuyển cho mình một lệnh công tác sao? Damira trả lời thật lạnh nhạt.

- Có, có, nhưng chúng mình có thì giờ, phải không nào?

- Cậu thì có lẽ, chứ mình thì không.

- Cậu hãy trả lời mình rồi sau đó, xin hứa, chúng mình nói chuyện công việc.

Damira do dự một lát, cô mỉm cười, và đồng ý trả lời tôi. Chắc chắn cô biết là tôi hơi cảm cô, con gái bao giờ cũng biết điều ấy, thường thường trước cả khi tự chúng tôi biết được. Chẳng có gì là thiếu tế nhị trong cách cô xử sự, cô biết rằng nỗi cô đơn đè nặng biết mấy lên tất cả chúng tôi, có lẽ cả cô nữa, nên cô nhận lời chỉ để làm tôi vui và để nói chuyện đôi chút. Chiều đã buông xuống rồi, nhưng đêm còn lâu mới tới, chúng tôi có được vài giờ trước khi giới nghiêm. Hai đứa trẻ ngồi trên một ghế dài, dọc một con kênh, giữa thời Chiếm đóng, chẳng có gì là xấu khi lợi dụng thời gian đang trôi. Ai có thể bảo được chúng tôi còn bao nhiêu

thời gian, người nọ cũng như người kia? Damira nói:

- Mình không nghĩ là chiến tranh sẽ đến tận gia đình mình. Nó tới vào một buổi chiều, qua con đường nhỏ trước nhà: một ông đang đi, ăn mặc giống cha mình, giống một công nhân. Cha đã đến gặp ông và họ nói chuyện hồi lâu. Rồi người ấy lại ra đi. Cha vào bếp, cha trò chuyện với mẹ. Mình thì mình thấy rõ là mẹ khóc, mẹ bảo cha “Chúng ta chịu như thế này còn chưa đủ sao?”. Mẹ nói thế vì anh trai mẹ đã bị bọn Sơ mi đen tra tấn ở Italia. Sơ mi đen là cái tên mà mọi người bên nước mình đặt cho bọn phát xít của Mussolini, giống như bọn Dân binh ở đây.

Tôi đã không qua được kỳ thi tú tài vì những lý do mà mọi người biết rồi, nhưng tôi hiểu rất rõ bọn Sơ mi đen là thế nào. Tuy nhiên, tôi ưng đừng mạo hiểm ngắt lời Damira.

- Mình hiểu vì sao người ấy lại nói chuyện với cha mình ngoài vườn; còn cha, với ý thức của ông về danh dự, ông chỉ chờ có thế. Mình biết là ông đã bảo đồng ý, cho ông, và cho cả các anh em trai của mình nữa. Mẹ khóc vì mọi người sắp tham gia đấu tranh. Mình thì mình tự hào và vui sướng, nhưng mọi người đã đuổi mình về phòng. Ở nhà chúng mình, con gái không có quyền như con trai. Ở nhà chúng mình, có cha, có các anh em trai đàn độn của mình rồi sau đó, và chỉ sau đó, mới đến mẹ và mình. Khác nào nói với cậu rằng về bọn con trai, thì mình thuộc lâu lâu, mình có bốn gã con trai trong nhà.

Khi Damira nói thế, tôi ngẫm nghĩ lại cách cư xử của mình từ khi chúng tôi gặp lại nhau bên bàn ăn ở quán Đĩa Đậu hầm và tôi tự nhủ rằng xác suất của việc cô không phát hiện ra điều tôi cảm thấy với cô còn hơn một sự phải lòng rất nhiều, xác suất ấy chắc phải ở giữa số không và số không thêm dấu chấm. Tôi không nghĩ đến chuyện ngắt lời cô, giả sử thế tôi cũng chẳng phát âm nổi một tiếng nào. Thế là Damira tiếp tục.

- Mình thì mình có tính cách của cha, không phải tính cách của mẹ; hơn nữa mình biết rõ rằng cha mình thích thế, thích mình giống ông. Mình cũng như ông... là một kẻ nổi loạn. Mình không chấp nhận sự bất công. Mẹ bao giờ cũng muốn dạy mình nín lặng, cha thì hoàn toàn ngược lại, bao giờ ông cũng thúc đẩy mình đáp trả, đừng buông xuôi không chống cự, dù ông chỉ thúc đẩy khi không có các anh em trai mình ở đây, vì trật tự đã xác lập trong gia đình.

Cách chúng tôi vài mét, một sà lan khởi hành; Damira im tiếng, cứ như những người chèo thuyền có thể nghe được chúng tôi. Thật là ngốc vì gió thổi qua các cần trục, nhưng tôi để cô nghĩ lấy hơi. Chúng tôi đợi sà lan đi ra xa về phía cửa cống, và Damira nói tiếp.

- Cậu có biết Rosine không?

Rosine, người Italia, âm sắc hơi véo von, giọng nói khơi gợi những cơn rừng mình khó kiểm soát, cao khoảng 1m70, tóc nâu mắt xanh, mái tóc dài, vượt ra ngoài huyễn tượng.

Vì thận trọng, tôi đáp rụt rè:

- Có, mình cho là chúng mình đã gặp nhau một hoặc hai lần.

- Bạn ấy chưa bao giờ nói với mình về cậu.

Điều này chẳng khiến tôi quá ngạc nhiên, tôi nhún vai. Thường thường đó là điều người ta làm một cách ngu xuẩn khi phải đối mặt với một định mệnh.

- Tại sao cậu lại nói với mình về Rosine?

- Vì nhờ bạn ấy mà mình có thể gia nhập đội, Damira nói tiếp. Một buổi tối, có cuộc họp tại nhà mình, bạn ấy ở đó. Khi mình muốn hai đứa đi nằm, bạn ấy bảo bạn ấy không ở đây để ngủ, mà để dự họp. Mình đã bảo cậu là mình ghê sợ sự bất công phải không?

- Ừ, ừ, mới cách đây chưa đầy năm phút, mình nhớ rõ lắm!

- Thế thì đấy, thật là quá lắm. Mình hỏi tại sao mình không thể tham gia cuộc họp, cha bảo mình còn quá ít tuổi. Mà Rosine với mình cùng tuổi. Thế là mình quyết tự định đoạt lấy số phận và mình vâng lời cha lần cuối cùng. Khi Rosine vào phòng với mình, mình không ngủ. Mình đã đợi bạn ấy. Chúng mình chuyện phiếm suốt đêm. Mình thú thật với bạn ấy là mình muốn được như bạn ấy, như các anh em trai của mình, và mình van nài bạn ấy cho mình gặp chỉ huy đội. Bạn ấy phá lên cười và bảo rằng chỉ huy đang ở trong nhà mình, chú ấy ngủ ngay trong phòng khách. Chỉ huy, đó là bạn của cha mình, người một hôm đã đến gặp cha ngoài vườn, cái hôm mà mẹ đã khóc.

Damira ngừng một chút, như muốn biết chắc là tôi vẫn theo sát cô trong câu chuyện, song điều đó hoàn toàn vô ích, vì lúc này tôi sẽ theo cô đến bất cứ nơi nào nếu cô yêu cầu tôi làm thế, và chắc hẳn vẫn theo, ngay cả nếu cô không yêu cầu tôi làm thế.

- Ngày hôm sau mình đến gặp chú chỉ huy trong lúc mẹ và cha bận việc. Chú ấy nghe mình nói và bảo mình rằng trong đội cần tất cả mọi người. Chú nói thêm là mới đầu mọi người sẽ giao cho mình những nhiệm vụ không khó lắm và sau đó sẽ xem thế nào. Đây, cậu biết hết rồi. Nào, bây giờ cậu nói cho mình lệnh công tác chứ?

- Thế còn cha cậu, ông bảo sao?

- Thời gian đầu, ông chẳng nghi ngờ gì, thế rồi cuối cùng ông đoán ra. Mình nghĩ là mình biết ông đã đến gặp chỉ huy và cả hai đã vặc nhau dữ lắm. Cha làm thế chỉ vì vấn đề uy quyền người bố, bởi mình vẫn được ở trong đội. Từ đó, chúng mình làm như chẳng có chuyện gì, nhưng mình thì mình cảm nhận rõ là cha con mình còn gần gũi nhau hơn nữa. Nào, Jeannot, cậu tuân cho mình cái lệnh công tác ấy chứ? Quả thật mình phải về đây.

- Damira này?

- Ừ?

- Mình có thể thổ lộ với cậu một bí mật chứ?

- Mình làm trong bộ phận tình báo ngầm, Jeannot ạ, vậy nên nếu đúng là có ai đó mà ta có thể thổ lộ một bí mật, thì đấy là mình!

- Mình đã hoàn toàn quên bằng mắt lệnh công tác nói gì...

Damira nhìn tôi đăm đăm và cô thoáng mỉm một nụ cười lạ lùng, như thể đồng thời vừa vui vui vừa cáu giận tôi ghê gớm.

- Jeannot này, quả thật cậu quá ngu.

Dù sao cũng không phải lỗi của tôi nếu tay tôi đập dính ưốt đã một giờ đồng hồ, miệng không còn lấy một giọt nước bọt còn hai đầu gối thì gây sự vật vờ nhau. Tôi cố biện giải hết mức có thể.

- Mình tin chắc rằng điều này chỉ là nhất thời nhưng thế đấy, mình như bị mắc một chứng đãng trí kinh khủng.

- Được, mình về đây, Damira nói; còn cậu thì đêm nay cậu cố khôi phục trí nhớ và chậm nhất là sáng mai, mình muốn biết xem là việc gì. Quái thật, chúng mình đang chiến đấu, Jeannot ạ, chuyện nghiêm chỉnh đấy!

Trong tháng vừa qua, tôi đã cho nổ một số bom, hủy diệt những căn trực, một trung tâm điện thoại Đức và vài kẻ ở trung tâm đó; các đêm của tôi hãy còn bị ám ảnh vì cái xác của một viên sĩ quan địch vừa cười gằn vừa nhìn chăm chăm một nhà tiểu, nếu đúng là có ai đó biết những gì chúng tôi làm là nghiêm chỉnh, thì đấy là tôi; nhưng những rối loạn trí nhớ, cứ nói rằng những rối loạn, gọn lỏn thế thôi, chuyện ấy đâu có tự kiểm soát được. Tôi đề nghị Damira để tôi đi thêm vài bước cùng cô, có thể trong khi đi bộ, tôi nhớ lại được chẳng.

Khi lại đi qua quảng trường Esquirol, đường về của chúng tôi phải tách khỏi nhau ở đó, Damira đứng lại đối diện với tôi, vẻ cương quyết.

- Nghe này, Jeannot, những chuyện giữa con trai con gái bị cấm ở chỗ chúng mình, cậu nhớ chứ?

- Nhưng cậu bảo cậu phản kháng mà!

- Mình không nói với cậu về cha mình, gã đàn ă, mà về đội, đó là chuyện cấm và nguy hiểm, thế thì ta gặp nhau trong khuôn khổ nhiệm vụ và ta quên những cái khác đi, đồng ý chứ?

Cô ấy lại còn thẳng thắn nữa chứ! Tôi lúng búng rằng tôi hiểu rất rõ và dù thế nào, tôi cũng không nhận thức khác về mọi điều. Cô bảo tôi rằng bây giờ khi tất cả đều rõ ràng, có lẽ tôi sẽ khôi phục được trí nhớ.

- Cậu phải đến mạn phố Pharaon đi dạo, mọi người quan tâm đến một gã Mas nào đó, chỉ huy Dân binh, tôi nói; và giờ đây tôi xin thề rằng tôi bỗng nhớ lại như thế đấy, liền một mạch!

- Ai sẽ hành động? Damira hỏi.

- Vì đó là một dân binh, nên có nhiều phần chắc là Boris lo công chuyện, nhưng lúc này không có gì chính thức hết.

- Dự liệu là bao giờ?

- Giữa tháng Tám, mình nghĩ thế.

- Mình chỉ còn được vài ngày, thời gian ngắn quá, mình sẽ nhờ Rosine giúp một tay.

- Damira này?

- Ủ?

- Nếu chúng mình không... rồi cuộc... nếu không có những quy tắc an toàn?

- Thôi đi, Jeannot, với màu tóc giống hệt nhau, chúng mình sẽ có vẻ là anh em, với lại...

Damira không nói hết câu, cô lắc đầu và bỏ đi. Tòì ở lại đó, hai cánh tay đu đưa, bồng cô ngoảnh lại và quay trở về bên tôi.

- Cậu có đôi mắt xanh rất đẹp, Jeannot ạ, và ánh nhìn cận thị của cậu sau cặp kính khiến con gái dễ đổ lăm. Thế thì hãy cố cứu lấy đôi mắt ấy khỏi cuộc chiến tranh này và mình không nghi ngờ một chút nào rằng cậu sẽ là một người hạnh phúc trong tình yêu. Chúc một đêm tốt lành, Jeannot.

- Chúc một đêm tốt lành, Damira.

Chia tay Damira tối hôm ấy, tôi đâu biết rằng cô phải lòng đấm đuổi một chiến hữu tên là Marc. Họ gặp nhau giấu giếm, hình như họ còn cùng nhau đi lượn các nhà bảo tàng. Marc có học thức, cậu dẫn Damira đến thăm các nhà thờ và nói với cô về hội họa. Chia tay cô tối hôm ấy, tôi cũng đâu biết rằng mấy tháng sau Marc và Damira sẽ cùng bị bắt và Damira bị đưa đến trại tập trung Ravensbrück.

9

Damira đi thu thập tin tức về tên dân binh Mas. Jan đã đồng thời yêu cầu Catherine và Marianne theo dõi Lespinnasse. Dù điều này có vẻ lạ lùng đến mấy, song Jan đã tìm ra địa chỉ trong cuốn danh bạ. Tay biện lý sống trong một ngôi nhà trung lưu mạn ngoại thành kề cận Toulouse. Thậm chí có cả một biển đồng mang tên y, gắn vào cổng vườn. Hai cô bạn của chúng tôi sống sờ vì điều này, gã đàn ông không sử dụng một biện pháp an ninh nào hết. Y ra ra vào vào không có hộ tống, một mình lái xe lầy, như thể chẳng nghi hoặc điều gì hết. Ấy thế mà, các tờ nhật báo đã tường thuật qua nhiều bài khác nhau rằng nhờ có Lespinnasse mà một tên khủng bố khả ố đã bị vô hiệu hóa không còn gây hại được nữa. Ngay cả Đài Luân Đôn cũng kể lại trách nhiệm của Lespinnasse trong việc xử tử hình Marcel. Từ nay trở đi không một người khách nào trong các quán giải khát, không một công nhân nào

trong các nhà máy lại không biết tên y. Phải u mê cực kỳ mới không ngờ vực một lúc nào rằng lực lượng Kháng chiến căm giận y. Trừ phi, như hai cô gái nghỉ sau mấy ngày theo dõi, thói huênh hoang, sự ngạo mạn ở y quá quắt đến mức y thấy dường như không thể hình dung được có ai đó dám xâm hại đến mạng sống của y.

Việc ẩn nấp chẳng dễ dàng cho hai nữ đồng chí của chúng tôi. Con phố thường hay vắng vẻ không người, điều này lúc chuyển sang hành động sẽ là một lợi thế chắc chắn, nhưng một phụ nữ lẻ loi ở đây lại quá dễ bị phát hiện. Thịnh thoảng nấu mình sau một thân cây, còn phần lớn thời gian trong ngày, như hết thảy các cô gái tình báo, là bước đi, Catherine và Marianne dò xét suốt một tuần lễ.

Công chuyện càng phức tạp hơn vì con mồi của họ dường như không có một chút điều đặn quy củ nào trong thời gian biểu. Y chỉ đi lại bằng chiếc xe Peugeot 202 màu đen, thành ra không thể theo dõi y vượt ra ngoài con phố. Chẳng có thói quen, trừ một điều mà hai cô nhận xét được: ngày nào y cũng rời khỏi nhà vào khoảng ba giờ rưỡi chiều. Vậy đó sẽ là thời điểm trong ngày mà ta cần hành động, các cô đã kết luận trong báo cáo. Tiếp tục điều tra thêm nữa là vô bổ. Không thể theo dõi y, vì chiếc xe hơi; ở Tòa án chẳng bao giờ tìm lại được vết tích của y và rồi nếu ráo riết quá thì các cô có nguy cơ bị phát hiện.

Sau khi Marius đến vào một buổi sáng thứ Sáu để thực hiện một sự định vị cuối cùng và quyết định lộ trình rút lui, hành động được lên chương trình vào thứ Hai tuần sau. Cần phải làm nhanh. Jan cho rằng nếu như Lespinasse sống bình thản đến thế, chắc hẳn y được cảnh sát bảo vệ ngầm. Catherine thì là cô không ghi nhận được điều gì như vậy hết, Marianne cùng quan điểm với cô, nhưng Jan nghi hoặc mọi điều, một cách chính đáng. Một lý do nữa để làm gấp là vào dịp hè này, cái kẻ của chúng tôi có thể đi nghỉ bất cứ lúc nào.

*

* *

Một mỗi vì các nhiệm vụ thực hiện trong tuần, bụng rỗng hơn bao giờ hết, tôi tưởng tượng ngày Chủ nhật mình nằm dài trên giường mà mơ mộng. May mắn một chút thì tôi sẽ gặp được thằng em. Cả hai anh em sẽ đi dạo dọc bờ kênh; như hai chú nhóc tung tăng tận hưởng mùa hè; như hai chú nhóc chẳng đời chẳng sợ hãi, hai gã trai mới lớn chệnh choáng say hương thơm của phụ nữ giữa những hương thơm của mùa hạ. Và nếu được làn gió chiều đồng lõa, có khi gió vui lòng vén tà váy mỏng nhẹ mà các thiếu nữ vẫn mặc, chỉ hơi hơi gọi là để thoáng thấy được một đầu gối, nhưng cũng đủ để xúc động và mơ màng thêm đôi chút khi tối đến thấy lại không khí dập dnh ướt trong những căn phòng ẩm đậm của chúng tôi.

Tất cả những điều này không tính đến lòng nhiệt thành của Jan. Jacques vừa gõ cửa làm cho các hy vọng của tôi điêu đứng. Tôi đã thề với mình sẽ đánh một giấc vào sáng mai, thế là hồng бет và có lý do chính đáng... Jacques giở một tấm bản đồ thành phố và dùng ngón tay chỉ cho tôi một ngã ba. Đúng năm giờ chiều mai, tôi phải bắt liên lạc với Émile và giao cho cậu một bọc hàng mà trước đó tôi sẽ đến lấy ở nhà Charles. Tôi không cần biết gì thêm. Tối mai, họ sẽ hành động cùng một người mới tuyển, cậu ta sẽ đảm bảo việc rút lui, một cậu Guy nào đó, mười bảy tuổi chẵn, nhưng là một gã guồng xe đạp rất cừ. Tối mai, không một người nào trong chúng tôi nghỉ ngơi khi các chiến hữu chưa trở về bình an vô sự.

*

* *

Sáng thứ Bảy, trời quang, chỉ có đôi ba gợn mây xấp như bông. Em thấy đó, nếu đời được sắp xếp hoàn hảo, tôi sẽ ngửi thấy mùi của một bãi cỏ mềm nước Anh, tôi sẽ kiểm tra lại lớp cao su của lốp máy bay, người thợ máy sẽ ra hiệu với tôi là tất cả đều ổn. Thế là tôi tèo vào khoang của phi công, đóng cửa vòm lại và cất cánh bay tuần tra. Nhưng tôi nghe thấy bà lão Dublanc đi vào bếp, và tiếng bước chân bà đưa tôi ra khỏi giấc mơ màng. Tôi xỏ tay vào áo vét, nhìn đồng hồ, bảy giờ. Tôi cần đến nhà Charles và lấy bọc hàng mà tôi

phải giao cho Émile. Hướng ngoại ô. Đến Saint-Jean, tôi đi ngược theo con đường sắt như thường lệ. Đã lâu rồi tàu không còn chạy trên những thanh ray cũ kỹ dẫn đến khu Loubers. Một làn gió nhẹ thổi vào gáy, tôi kéo cổ áo lên và huýt sáo bài *Gò đất Đỏ*. Xa xa, tôi nhìn thấy nhà ga nhỏ bỏ hoang. Tôi gõ cửa và Charles ra hiệu bảo tôi vào.

- Cậu ứn tí cà phê hôn? anh hỏi tôi với âm sắc líu lo trợ trợ tuyệt nhất của anh.

Tôi hiểu được anh ngày một nhiều hơn, anh bạn Charles, chỉ cần pha trộn một từ Ba Lan, một từ yiddish, một từ nửa Tây Ban Nha, đưa thêm vào chút giai điệu Pháp và thế là ổn. Charles đã học được cái ngôn ngữ kỳ cục của anh dọc những nẻo đường di cư.

- Boọc hàng cướ cậu để dưới cầu xang, chắn bao dừ bít ai tín lối. Cậu bảo Jacques dẫn tui đá nhùi ký. Mọi ngời xé nghe thái hần độn từ cất xa nhều cây xố. Bão cậu đi cần chú í, xau ấn chớp, có hai phuốc, hôn nhieu hơng, có khi coòng íc hơng môộc tí.

Một khi đã phiên dịch xong, không thể ngăn nổi đầu óc tôi làm phép tính. Hai phút, coi như hai mươi milimet ngời nổ ngăn cách sự sống với cái chết cho các bạn tôi. Hai centimet để chằm các khối thuốc, đặt chúng xuống và tìm ra đường rút. Charles nhìn tôi và cảm thấy nỗi lo lắng của tôi.

- Bao dừ tui cún để môộc khoãn cất ang toàng nho nhỡ cho các bạg, anh vừa nói thêm vừa mỉm cười, như để làm tôi bình tâm.

Thật ngộ, cái nụ cười của anh bạn Charles. Anh đã mất gần hết răng của trong một vụ máy bay ném bom, điều này, tôi cần nói để biện hộ cho anh, chẳng giúp cho cách phát âm của anh được ổn chút nào. Ăn mặc bao giờ cũng luộm thuộm, nói năng phần lớn là khó hiểu, ấy thế mà trong hết thấy bạn bè, anh là người khiến tôi an lòng hơn cả. Có phải do sự khôn ngoan đức độ dường như có trong anh? Quyết tâm của anh? Nghị lực của anh? Niềm vui sống nơi anh? Anh làm thế nào để còn trẻ tuổi đến thế mà đã trưởng thành? Anh đã trải nghiệm cực nhiều, anh bạn Charles. Ở Ba Lan chúng đã bắt giữ anh, vì cha anh là công nhân, còn anh là cộng sản. Anh đã sống nhiều năm trong nhà tù. Được thả, anh ra đi cũng như một số bạn bè, để sang Tây Ban Nha chiến đấu cùng Marcel Langer. Từ đến dãy Pyrénées, bước đường không đơn giản, nhất là khi người ta chẳng có giấy tờ cũng chẳng có tiền. Tôi thích lắng nghe khi anh nhắc lại chuyến đi của anh qua nước Đức quốc xã. Không phải đây là lần đầu tôi đòi anh kể cho tôi câu chuyện của anh. Charles biết rõ điều đó, nhưng nói về đời mình đôi chút, với anh đó là một cách để thực hành tiếng Pháp và để làm tôi vui, cho nên Charles ngồi xuống một chiếc ghế dựa và những từ ngữ đủ mọi sắc màu tuôn ra từ miệng anh.

Anh lên một chuyến tàu, không vé và mang theo cái gan góc táo tợn đặc trưng của mình, anh đã liều rủi may tới mức ngồi ở hạng nhất, trong một khoang đầy sĩ

quan và những bộ quân phục. Suốt cuộc hành trình, anh đã chuyện trò với họ. Đám nhà binh thấy anh khá dễ thương còn người soát vé tránh không hỏi han bất cứ điều gì với bất kỳ ai trong cái khoang này. Đến Berlin, họ còn chỉ dẫn cho anh làm thế nào để băng qua thành phố đến nhà ga nơi có tàu đi Aix-la-Chapelle. Sau đó là Paris, rồi lên xe ca đến Perpignan, cuối cùng anh đi bộ qua núi. Sang bên kia biên giới, những chiếc xe ca khác đưa các chiến sĩ đến tận Albacete, hướng chiến trận Madrid, trong đội những người Ba Lan.

Sau thất bại, cùng hàng ngàn người tị nạn, anh vượt dãy Pyrénées theo chiều ngược lại và quay về biên giới, đón anh nơi đó là các hiến binh. Hướng trại giam Vernet.

- Ô đời tui nhằm bép cho tấc cã tù nhơng và ai cúng có phầang ăn hàng ngàil anh nói, không khỏi có phần tự hào.

Tất cả là ba năm giam giữ, cho đến hiệu lệnh vượt ngục. Anh đã đi bộ hai trăm cây số cho đến tận Toulouse.

Không phải giọng nói của Charles làm tôi an lòng, đó là những gì anh kể cho tôi. Trong câu chuyện của anh có một mảnh nhỏ hy vọng, nó đem lại một ý nghĩa cho đời tôi. Cả tôi nữa tôi cũng muốn thuần dưỡng cái sự may mắn mà anh muốn tin tưởng. Bao nhiêu người khác sẽ bỏ cuộc? Nhưng ngay cả trong bước đường cùng, Charles sẽ vẫn không tự nhận là mình bị cầm tù. Anh sẽ chỉ trì hoãn vừa đủ để suy nghĩ về cách đi vòng.

- Cậu phải đi thôi, Charles nói, vào bờ ăng bưá chưa đường phố yêng tít hong.

Charles bước về phía gian xếp dưới cầu thang, lấy bọc hàng rồi đặt nó lên bàn. Thật ngộ là anh lại gói bom trong những tờ giấy báo. Ta có thể đọc trên đó câu chuyện về một hành động do Boris thực hiện, tay nhà báo gọi anh là tên khủng bố, hấn kết tội tất cả chúng tôi là những kẻ gây rối loạn trật tự chung. Tên dân binh là nạn nhân, chúng tôi là đao phủ; một cách lạ lùng để xem xét Lịch sử đang tự viết ra hàng ngày trên đường phố ở những thành phố bị chiếm đóng của chúng ta.

Có người gại khế vào cửa. Charles thần nhiên, tôi thì nín thở. Một bé gái bước vào phòng và mặt bạn tôi rạng rỡ. Anh vui vẻ nói:

- Cô áo đại tui tít Pháp đơoi.

Cô bé nhảy vào vòng tay anh và ôm hôn anh. Em tên là Camille. Mẹ em, Michèle, cho Charles trú ngụ ở nhà ga bỏ không này. Cha Camille bị tù bên Đức từ đầu cuộc chiến và Camille không bao giờ đặt ra các câu hỏi. Michèle vờ như không biết Charles là một người kháng chiến. Với chị cũng như với tất cả dân cư địa phương, anh là một người làm vườn đang trồng vườn rau đẹp nhất vùng. Thỉnh thoảng, ngày thứ Bảy, Charles hy sinh một trong các con thỏ của anh để làm cho mẹ con chị một bữa ăn ngon. Tôi rất muốn được ăn món thỏ hầm rượu này, nhưng tôi phải đi. Charles ra hiệu cho tôi, thế là tôi chào cô bé Camille và mẹ cô

rời ra đi, bọc hàng cấp nách. Không chỉ có lũ dân binh và bọn hợp tác, còn có những người như Michèle, những người biết rõ điều chúng tôi làm là tốt, và mạo hiểm để giúp đỡ chúng tôi, mỗi người theo cách của mình. Sau cánh cửa gỗ, tôi còn nghe thấy Charles phát âm những từ mà một cô bé năm tuổi đang hết lòng tập cho anh nhắc lại, “bò, gà, cà chua”, và bụng tôi sôi réo trong lúc tôi đi xa dần.



Đúng năm giờ. Tôi gặp Émile, ở địa điểm do Jacques chỉ định trên bản đồ thành phố, và tôi giao bọc hàng cho cậu. Charles đã để thêm vào giữa những quả bom hai trái lựu đạn. Émile thản nhiên, tôi muốn bảo cậu “Hẹn tối nay nhé” nhưng, có lẽ vì mê tín, tôi nín lặng.

- Cậu có điều thuốc nào không? Émile hỏi.
- Cậu hút thuốc ư?
- Để châm ngòi.

Tôi lục túi quần và đưa cho cậu một bao thuốc gauloise nhàu nhĩ. Còn hai điếu. Bạn tôi chào tôi rồi khua tay ở góc phố.

Đêm buông xuống và làn mưa nhẹ cùng buông theo. Mặt đường bóng loáng và trơn nhẫy. Émile an tâm, bom của Charles không bao giờ sai trật. Thiết bị

thật đơn giản, ba chục centimet ống gang, một đoạn ống máng lấy trộm thật nhanh. Một cái nút siết đỉnh ốc ở mỗi đầu, một lỗ và một ngòi thọc vào chất nổ. Họ sẽ đặt bom trước cửa quán bia, rồi họ sẽ ném lựu đạn qua cửa sổ, và những kẻ thoát ra ngoài được sẽ gặp trận pháo hoa của Charles.

Tối nay ba người hành động, Jacques, Émile và cậu lính mới đảm bảo việc rút lui với một khẩu súng nạp đạn để trong túi, sẵn sàng bắn chỉ thiên nếu những người qua đường đến gần, bắn theo chiều ngang nếu bọn quốc xã đuổi theo. Họ đang ở con phố nơi hành động sẽ diễn ra. Các ô cửa sổ tiệm ăn nơi đang có một bữa tiệc của các sĩ quan địch sáng rực ánh đèn. Miếng đòn quan trọng đây, có khoảng ba chục tên trong đó.

Ba chục sĩ quan, vô khối là vạch trên những áo khoác màu xanh của Quân lực Đức treo trong phòng để áo. Émile ngược lên con phố và lần thứ nhất đi qua trước cánh cửa ra vào lắp kính. Cậu chỉ hơi quay đầu một chút, không có chuyện để mình bị phát hiện. Chính lúc ấy cậu nhìn thấy cô phục vụ. Phải tìm ra một cách bảo vệ cô ta, nhưng trước đó, phải vô hiệu hóa hai tên canh sát đứng đó để canh gác. Jacques đột nhiên tóm lấy một tên và siết họng hắn; anh dẫn hắn đến con phố nhỏ gần đấy và ra lệnh cho hắn cuốn xéo, gã cóm run rẩy chuồn vội. Cái gã do Émile phụ trách không chịu. Émile bèn thúc khuỷu tay làm rơi chiếc mũ lưỡi trai của hắn và nện cho hắn một báng súng. Đến lượt tên canh sát bất tỉnh bị lôi vào ngõ hẻm. Hắn

sẽ tỉnh dậy với máu dính trên trán và một trận nhức đầu. Còn lại cô gái đang phục vụ trong phòng. Jacques phân vân. Émile đề nghị ra hiệu cho cô ta qua cửa sổ, nhưng như vậy chẳng khỏi mạo hiểm. Cô ta có thể báo động. Chắc chắn, hậu quả sẽ tai hại, nhưng tôi chẳng đã nói với em rồi sao? chúng tôi chưa bao giờ giết một người vô tội, ngay cả một kẻ ngu ngốc cũng không, thế thì phải miễn cho cô ta, dù cô ta có phục vụ bọn sĩ quan quốc xã những thực phẩm mà chúng tôi đang hết sức thiếu thốn.

Jacques đến gần cửa kính; từ trong phòng ngó ra, chắc anh phải giống một gã tội nghiệp đói khát đang nhìn một cái cho no. Một gã đại úy trông thấy anh, mỉm cười với anh và nâng cốc. Jacques mỉm cười đáp lại y và đắm đắm nhìn cô phục vụ. Thiếu phụ tròn trĩnh, chắc chắn lương thực của tiệm ăn làm lợi cho cô, cho cả gia đình cô cũng nên. Nói cho cùng, xét đoán thế nào đây? Rất cần phải sống sót trong thời buổi khó khăn này; mỗi người có cách làm của mình.

Émile sốt ruột; ở đầu con phố tối đen, chú nhỏ giữ những chiếc xe đạp giữa hai bàn tay dấp dính ướt. Cuối cùng, ánh mắt của cô phục vụ gặp ánh mắt Jacques, anh ra hiệu cho cô, cô gật đầu, ngần ngại rồi quay trở lại. Cô ta đã hiểu lời nhắn, cô phục vụ tròn trĩnh. Bằng chứng là khi chủ tiệm đi vào phòng, cô giữ lấy cánh tay ông ta và, đọc đoán, kéo ông ta về phía nhà bếp. Bây giờ, mọi sự diễn ra rất nhanh. Jacques phát tín hiệu cho Émile; các ngòi nổ ánh lên màu đỏ, các chốt

lăn xuống rãnh nước, kính cửa sổ vỡ ra và lựu đạn đã lăn trên sàn tiệm ăn. Émile không cưỡng nổi thêm muốn nhồm đây, chỉ để nhìn một tí cảnh tán loạn.

- Lựu đạn! Téch ngay! Jacques hét lên.

Luồng khí hắt Émile xuống đất. Cậu hơi choáng váng nhưng không phải lúc để ngất xỉu. Mùi khói hắc nồng làm cậu ho khục khặc. Cậu nhổ ra; máu đặc chảy xuống bàn tay. Chùng nào chân cậu chưa quy, thì hãy còn cơ hội. Jacques nắm lấy cánh tay cậu và thế là cả hai chạy về phía chú nhỏ với ba chiếc xe đạp của chú. Émile đạp xe, Jacques phóng bên cạnh anh, cần phải chú ý, mặt đường trơn nhầy. Có sự ồn ào kinh khủng đằng sau họ. Jacques ngoảnh lại, thằng bé vẫn đi theo họ chứ? Nếu anh đếm đúng, thì còn chưa đầy mười giây nữa trước tiếng nổ long trời⁽¹⁾. Đây rồi, bầu trời sáng rực lên, hai quả bom vừa nổ. Cậu bé trên xe đạp ngã xuống, bị hất nhào vì tiếng sét, Jacques vòng xe lại, nhưng binh lính đã tỏa ra từ khắp nơi và hai tên trong bọn đã bắt lấy thằng bé đang vùng vẫy cố thoát.

- Jacques, đều chưa kìa, nhìn đằng trước xem! Émile kêu to.

Ở đầu phố, bọn cảnh sát chặn đường, chắc cái gã vừa rồi họ để cho chuồn đã đi tìm người tăng viện. Jacques rút súng khỏi bao, bóp cò nhưng chỉ nghe thấy một tiếng cạch nhỏ. Liếc nhanh một cái nhìn vũ khí, không mất thăng bằng, không rời mục tiêu, ổ đạn lỏng

1. Nguyên văn: *big - bang* (vụ nổ long trời tạo ra nguồn gốc của vũ trụ).

thống, nó không rơi thật là điều kỳ diệu. Jacques gõ mạnh súng xuống tay lái và ấn ổ đạn vào lại được báng súng; anh bắn ba phát, bọn cớm bỏ chạy và nhường đường. Xe đạp của Jacques lại ngang tầm với xe Émile.

- Cậu đang chảy máu đấy, cậu cả.

- Đầu tớ như sắp nổ ra, Émile lúng búng.

- Thằng bé bị ngã, Jacques thổ lộ.

- Ta quay lại chứ? Émile vừa hỏi vừa dợm đặt chân xuống đất.

- Đạp đi! Jacques ra lệnh, bọn chúng đã tóm thằng bé rồi mà tớ chỉ còn có hai viên đạn.

Xe cảnh sát từ khắp nơi đổ đến. Émile chúc đầu xuống và cố tiến lên nhanh hết mức có thể. Nếu không có bóng tối ban đêm che chở, máu đang chảy trên mặt cậu sẽ làm cậu bị lộ ngay tức khắc. Émile thấy đau, cái đau đang tràn ngập mặt cậu thật khủng khiếp, nhưng cậu muốn lờ đi nỗi cực của mình. Cậu bạn ngã dưới đất sẽ đau đớn hơn cậu rất nhiều; bọn chúng sẽ tra tấn cậu ấy. Khi bọn chúng đánh đập cậu, hai thái dương cậu sẽ bầm dập hơn thái dương Émile rất nhiều.

Ở đầu lưới, Émile cảm nhận thấy mảnh kim loại xuyên qua má mình. Một mảnh từ quả lựu đạn của chính mình, thật ngu xuẩn biết mấy! Cần phải ở gần sát sát, đó là cách duy nhất để đánh trúng mục tiêu.

Nhiệm vụ đã hoàn thành, thế thì thầy kệ nếu mình phải toi mạng, Émile nghĩ vậy. Đầu óc cậu quay cuồng, một tấm màn đỏ tràn ngập tầm nhìn của cậu. Jacques thấy chiếc xe lao đảo, anh lại gần, vừa tầm với,

rồi nắm lấy vai bạn.

- Giữ vững nhé, sắp đến nơi rồi!

Họ gặp những gã cảnh sát đang chạy về phía đám khói. Chúng chẳng để ý gì đến họ. Một phố nhỏ nằm ngang, con đường thoát không còn xa lắm, vài phút nữa họ có thể giảm tốc độ.

Vài tiếng gõ dồn ngoài cửa, tôi mở ra. Mặt Émile vấy máu. Jacques nắm cánh tay đỡ cậu. Anh hỏi:

- Cậu có chiếc ghế dựa nào không? Émile hơi mệt.

Và khi Jacques đóng cánh cửa lại sau lưng họ, tôi hiểu là điểm danh thiếu một chiến hữu.

- Phải lấy ra mảnh lựu đạn găm vào mặt cậu ấy, Jacques nói.

Jacques hơ lưỡi dao trên ngọn lửa của chiếc bật lửa rồi rạch vào má Émile. Thỉnh thoảng, khi cái đau quá mạnh, nó dội ngược lên ngực đến mức buồn nôn, thế là tôi giữ lấy Émile lúc đầu cậu gục xuống. Émile đang đấu tranh, cậu không chịu ngất xỉu, cậu nghĩ đến tất cả những ngày sắp tới, tất cả những đêm mà anh bạn ngã xuống trong khi hành động sẽ bị khảo hỏi; không, Émile không muốn lịm đi. Và trong lúc Jacques nhổ mảnh kim loại ra, Émile cũng nhớ lại cả tên lính Đức, nằm sóng soài giữa phố, người bị xé nát vì quả bom của cậu.

10

Đã qua ngày Chủ nhật. Tôi đã gặp em trai, nó còn gầy đi thêm nhưng nó không nói về cái đói của mình. Tôi không thể gọi nó là chú em nhỏ như trước đây được nữa. Mới vài ngày, nó đã già đi bao nhiêu. Chúng tôi không có quyền kể với nhau các hành động của mình vì quy tắc an toàn, nhưng tôi đọc được nơi mắt nó sự khắc nghiệt trong cuộc sống của nó. Chúng tôi đang ngồi ở bờ kênh; để qua thời gian, chúng tôi nói về nhà, về cuộc sống như trước đây, nhưng điều ấy vẫn không giúp ánh mắt nó được ổn. Thế là chúng tôi cùng thỉnh lặng hồi lâu. Cách chúng tôi không xa, một cần trục chân cong oằn, đứng đưa bên trên mặt nước, cứ như thể nó đang hấp hối. Có lẽ Claude đã chơi vớ ấy, nhưng tôi không có quyền hỏi nó. Claude đoán được ý tôi và cười.

- Anh đã làm cái cần trục đấy hả?
- Không, anh lại nghĩ có lẽ là em...

- Em đã lo cái cửa cống ở phía trên một chút, và em có thể bảo anh rằng cống chẳng sớm hoạt động được đâu, nhưng còn cần trục thì em thề với anh là em chẳng dính dáng gì hết.

Chỉ cần vài phút ngồi đây, người nọ bên người kia, vài phút mà chúng tôi cuối cùng tìm lại được nhau, thế là nó lại thành chú em nhỏ của tôi rồi. Nghe giọng nó nói, thì gần như nó xin lỗi đã làm một trò đại dột khi cho nổ tung máy móc vận hành cửa cống. Ấy thế mà, biết bao ngày đình đốn sẽ chắt chùng trong việc vận chuyển trọng pháo hải quân mà quân đội Đức chuyên chở qua dòng kênh, từ Đại Tây Dương đến Địa Trung Hải? Claude cười, tôi xoa mái tóc rối bù của nó và cả tôi cũng cười vui. Đôi khi, giữa hai anh em, sự đồng lõa còn mạnh hơn mọi cảm đoán trên đời rất nhiều. Trời đẹp và cái đói vẫn cứ ở đó. Thế thì, cảm đoán đáp lại cảm đoán, thầy kệ.

- Một cuộc đi dạo về phía quảng trường Jeanne-d'Arc, em thấy thế nào?

- Để làm gì chứ? Claude hỏi với vẻ láu lỉnh.

- Ăn một đĩa đậu lăng, chẳng hạn.

- Quảng trường Jeanne-d'Arc ư? Claude nhấn mạnh, phát âm rõ ràng từng tiếng một.

- Em biết một chỗ khác hay sao?

- Không, nhưng nếu chúng mình bị Jan vớ được, anh biết mình mạo hiểm thế nào chứ?

Tôi những muốn làm bộ ngây thơ nhưng Claude lập tức câu nhẫu:

- Thế thì em bảo cho anh biết nhé, chúng mình có nguy cơ nếm trải một ngày Chủ nhật rất rất tồi tệ!

Cần phải biết rằng toàn đội đã bị Jan khuyến cáo nghiêm khắc vì cái quán ở quảng trường Jeanne-d'Arc. Chính Émile, tôi nghĩ vậy, đã khám phá ra chỗ này. Tiệm ăn có hai cái lợi, ăn ở đây rẻ như bèo, chỉ sơ sơ mấy đồng lẻ, nhưng hơn nữa, ta ra khỏi tiệm no nê và chỉ riêng cảm giác ấy giá trị bằng mọi thực phẩm trên đời. Émile đã không chậm trễ truyền lại cho bạn bè mỗi này và, dần dần, quán bắt đầu đông khách.

Một hôm, đi qua trước cửa kính, Jan kinh hãi phát hiện gần như toàn thể thành viên trong đội của anh đang ăn trưa ở đó. Một vụ càn quét của cảnh sát là chúng tôi bị tóm hết. Ngay tối hôm ấy, chúng tôi được triệu tập *manu militari*⁽¹⁾ đến nhà Charles, và mỗi người đều bị quở mắng. Địa điểm gọi là Đĩa Đậu từ nay dứt khoát bị cấm đối với chúng tôi, nếu không sẽ bị phạt nặng.

- Em đang nghĩ một điều, Claude nói khê. Nếu không ai được quyền đến đây nữa, có nghĩa là không ai trong bọn mình sẽ có mặt ở đây?

Cho đến chỗ ấy, thì lý lẽ của thằng em tôi vững. Tôi để nó tiếp tục.

- Mà nếu không ai trong bọn mình có mặt ở đây, thì nếu anh với em đến, chúng mình chẳng gây cho đội một nguy hiểm nào, phải không?

1. Tiếng La tinh: *bằng biện pháp quân sự*.

Không chỉ trích được gì hết, vẫn vững như thường.

- Và nếu anh em mình cùng đến, thì sẽ không ai biết chuyện và Jan sẽ không trách mắng chúng mình được.

Em thấy đó, trí tưởng tượng của người ta thật là điên rồ khi người ta mang cái bụng rỗng cùng cái đói khốn kiếp đang giày vò nó. Tôi khoác cánh tay thẳng em và, quên ngay con kênh, chúng tôi chạy nước rút hướng quảng trường Jeanne-d'Arc.

Bước vào quán, cả hai chúng tôi đều bị một chấn động kỳ cục. Xem ra, tất cả các chiến hữu trong đội đều đã lập luận giống như chúng tôi; và còn nhiều hơn một sự xem ra, vì ai nấy đều đang ăn trưa ở đó, thành thử chỉ còn hai chiếc ghế trống trong phòng. Hãy thêm vào đó, là các chỗ trống lại ở đúng bên cạnh chỗ ngồi của Jan và Catherine, mà cảnh mặt đối mặt riêng tư tình tứ rành rành là làm hại thanh danh, và lý do thì ai cũng biết! Mặt Jan dài thuôn ra và tất cả cố kìm giữ được đến đâu hay đến đâu trận cười như nắc nẻ. Chủ nhật ấy, chắc ông chủ quán phải tự hỏi vì sao dùng một cái, toàn thể khách ăn của ông lại cười lẫn cười lộn, trong khi rõ ràng là không một ai có vẻ quen biết nhau.

Tôi là người đầu tiên kiểm soát được trận cười như nắc nẻ của mình; không phải vì tôi thấy tình thế ít kỳ cục hơn các bạn khác, nhưng đó là vì ở phía trong cùng của quán, tôi vừa nhìn thấy Damira và Marc cũng đang ngồi ăn riêng với nhau. Và bởi Jan đã để mình bị bắt gặp trong cái quán bị cấm cùng với Catherine, nên

Marc chẳng có một lý do gì phải chịu thiệt; tôi nhìn thấy cậu cầm lấy tay Damira và cô để yên.

Trong khi những hy vọng yêu đương của tôi tiêu tan trước một đĩa đậu lăng giả, thì các bạn, đầu cúi xuống đĩa ăn, đang lau nước mắt. Catherine giấu mặt sau khăn quàng, nhưng cô không dừng được và đến lượt cô bật lên một tràng cười như nắc nẻ khơi lại trạng thái tươi vui trong phòng; ngay cả Jan và ông chủ cuối cùng cũng hòa theo.

Cuối buổi chiều, tôi tiễn Claude về. Chúng tôi cùng ngược lên con phố nơi em ở. Trước khi đi đến bến tàu điện của mình, tôi ngoảnh lại, chỉ đứng một lần, để nhìn cái mặt non choẹt của nó trước khi lại ra đi về phía nỗi cô đơn. Nó thì không ngoảnh lại, và rốt cuộc như thế lại hay hơn. Vì không phải chú em nhỏ của tôi đang về nhà nữa, mà là người đàn ông mà nó đã trở thành. Và tối Chủ nhật ấy, tôi thấy sâu muộn ghê gớm.

11

Kỳ nghỉ cuối tuần đã cáo chung cho tháng Bảy. Sáng thứ Hai ấy là mùng 2 tháng Tám năm 1943. Ngày hôm nay Marcel sẽ được báo thù, chiều hôm nay Lespinasse sẽ bị diệt khi y ra khỏi nhà, vào ba giờ rưỡi như thường lệ, vì đó là lệ thường duy nhất của y.

Buổi sáng thức dậy, Catherine như có một linh cảm kỳ lạ, cô lo lắng cho những người sẽ thực hiện hành động. Có lẽ một chi tiết đã bị cô bỏ qua. Trong chiếc xe hơi đậu bên lề đường có cảnh sát mai phục mà cô đã không nhìn thấy chăng? Cô duyệt lại không ngừng trong óc tuần lễ giám sát của mình. Đã bao nhiêu lần cô sai bước dọc con phố trung lưu nơi viên biện lý sống, một trăm lần, có lẽ nhiều hơn chăng? Cả Marianne cũng không nhìn thấy gì hết, vậy tại sao lại có nỗi lo âu đột ngột này? Để xua đuổi những ý nghĩ không hay, cô quyết định phóng đến tòa án. Cô tự nhủ ở đó mình sẽ nghe được những tiếng vang đầu tiên của hành động.

Kim chỉ ba giờ kém mười lăm trên chiếc đồng hồ lớn đang tích tắc trên mặt tiền tòa án. Bốn mươi lăm phút nữa, các bạn sẽ nổ súng. Để khỏi bị phát hiện, cô lững thững trong hành lang lớn, xem các thông cáo niêm yết trên tường. Nhưng cố đến mấy, cô vẫn cứ đọc lại một dòng chữ ấy, không sao nhớ nổi lấy một từ. Một người đàn ông tiến đến, bước chân vang trên nền nhà, ông ta mỉm cười, nụ cười kỳ cục. Hai người khác đến gặp ông ta và chào ông ta. Một người nói:

- Thưa ngài phó chương lý, xin cho phép tôi được giới thiệu ngài với một người bạn của tôi.

Tò mò băn khoăn, Catherine ngoảnh lại và theo dõi cảnh tượng. Người đàn ông chìa tay cho người đang mỉm cười, người thứ ba tiếp tục giới thiệu.

- Thưa ngài biện lý Lespinasse, đây là ông Dupuis, bạn thân của tôi.

Mặt Catherine sững lại, người đàn ông có nụ cười kỳ lạ chẳng hề là cái người mà cô đã rình rập suốt tuần. Tuy nhiên, chính Jan đã báo cho cô biết địa chỉ, và tên y có trên tấm biển đồng gắn ở cổng vườn nhà y. Đầu Catherine ong ong, tim cô đập gấp gấp trong lồng ngực và dần dần, mọi việc sáng tỏ. Gã Lespinasse sống trong ngôi nhà trung lưu ở ngoại thành Toulouse là một kẻ trùng tên trùng họ! Cùng họ, tề hơn nữa, cùng tên! Làm sao Jan có thể đủ ngớ ngẩn để nghĩ rằng địa chỉ của một viên phó chương lý quan trọng đến thế lại ở trong cuốn danh bạ được? Và trong khi Catherine nghĩ ngợi, đồng hồ trên tường hành lang lớn tiếp tục hành trình không

mét mỗi của nó. Bây giờ là ba giờ, ba mươi phút nữa các bạn sẽ giết một người vô tội, một gã tội nghiệp chỉ có sai lầm duy nhất là mang tên một kẻ khác. Cô phải bình tĩnh, tỉnh táo lại. Trước hết, cần đi khỏi đây mà không để ai thấy nổi bối rối đang làm cô chìm ngợp. Sau đó, ra được ngoài phố rồi, thì chạy, ăn cắp một chiếc xe đạp nếu cần, nhưng bằng bất kỳ giá nào phải đến kịp, để tránh điều xấu nhất. Còn hai mươi chín phút, tuy nhiên với điều kiện là người mà cô đã muốn phải chết và giờ đây cô đang muốn cứu sống không thực hiện thời gian biểu của y sớm hơn... chỉ một lần.

Catherine chạy, đằng trước cô một chiếc xe đạp được một người đàn ông dựa vào tường, thời gian để ông ta mua tờ báo ở quán sách; thời gian thì cô chẳng có, chẳng có để ước lượng rủi may, càng chẳng có để mà do dự, thây kệ, cô cuống lên xe và đạp hết sức lực. Sau lưng cô, không ai kêu “Kẻ trộm”, chắc người kia chưa nhận ra xe của mình bị cuỗm. Cô vượt một đèn đỏ, khăn quàng của cô đang tuột ra thì một chiếc xe hơi đột ngột xuất hiện, một tiếng còi rú lên. Sườn trái phía trước xe sượt qua đuôi Catherine, tay nắm cửa xe quào vào hông cô, cô loạng choạng nhưng giữ lại được thăng bằng. Chẳng có thời gian để đau, chỉ được tí thời gian gọi là để nhắm mắt một cái, chẳng có thời gian để sợ, phải đạp nhanh hơn. Chân cô tăng tốc, các nan hoa bánh xe biến đi trong ánh sáng, nhịp điệu khủng khiếp như địa ngục. Ở lối đi dành cho khách bộ hành, người qua đường chửi bới cô, chẳng có thời gian xin lỗi, thậm

chí chẳng có thời gian để hãm phanh ở ngã ba sau. Chương ngại vật mới, một chuyến tàu điện, vượt lên trước nó, chú ý đến đường tàu, nếu bánh xe lọt vào đấy là chắc chắn ngã và với tốc độ như thế thì lần này chẳng có cơ may nào ngóc dậy được. Những mặt tiền lướt qua, những lề đường chỉ còn là một vạch dài màu xám. Phổi cô sắp nổ tung, ngực cô đau đến chết, nhưng nổi bóng rât nơi cô không thắm vào đâu với cái bóng rât mà kẻ tội nghiệp kia sẽ cảm thấy, khi nhận năm viên đạn vào lòng ngực. Mấy giờ rồi? Ba giờ mười lăm? hai mươi? Cô nhận ra con đường dốc in hình xa xa. Trong tuần ngày nào cô cũng đi con đường ấy để đến thực hiện việc tuần tra.

Và bảo là cô giận Jan, nhưng làm sao cô lại đủ ngớ ngẩn để nghĩ rằng viên biện lý Lespinasse lại ít đề phòng đến như cái người mà cô theo dõi? Ngày nào cô cũng chế nhạo y, lăm bắm trong những giờ chờ đợi đằng đằng là con mồi quả thực quá dễ dàng. Sự ngu dốt mà cô chế nhạo, chính là sự ngu dốt của cô. Thật logic khi cái gã tội nghiệp ấy chẳng có lý do gì để nghi hoặc, khi gã chẳng cảm thấy mình bị lực lượng Kháng chiến hay người nào khác nhằm vào, cũng logic khi gã chẳng bận tâm điều gì hết, bởi gã vô tội trong mọi điều. Bắp chân cô đau như dằm, nhưng Catherine tiếp tục phóng đi, không ngừng nghỉ. Đây rồi, đã vượt qua đường dốc, còn một ngã ba cuối cùng nữa và có thể cô sẽ đến kịp. Nếu hành động đã diễn ra, cô phải nghe thấy tiếng súng, mà lúc này chỉ có một tiếng rít dài vo vo bên tai

cô. Đó là mạch đang đập quá mạnh bên thái dương cô, không phải âm thanh của cái chết, chưa phải.

Con phố đầy ròi, kẻ vô tội đang đóng cửa ra vào và băng qua vườn. Robert tiến lên trên lề đường, tay thọc trong túi, các ngón tay siết lấy bóng súng, sẵn sàng bắn. Giờ đây chỉ còn là vấn đề của vài giây. Một cú hãm phanh, chiếc xe đạp trượt đi. Catherine để mặc nó lăn trên lòng đường và lao mình vào vòng tay người kháng chiến.

- Cậu điên à! Cậu làm cái gì thế?

Cô không còn hơi để nói nữa, mặt tái nhợt, cô giữ lấy tay bạn. Bản thân cô cũng không biết mình còn lấy đâu ra được chừng ấy sức lực. Và vì bạn không hiểu, cuối cùng Catherine nấc lên được:

- Không phải người ấy!

Tay Lespinasse vô tội đã lên xe hơi của mình, động cơ nổ khê và chiếc Peugeot 202 màu đen ra đi bình thản. Khi đi ngang qua cặp trai gái dường như đang quẩn quất, người lái khê lấy tay ra hiệu với họ. "Thật là đẹp những đôi tình nhân", người đó nghĩ khi liếc nhìn vào kính chiếu hậu.

*

* *

Hôm nay là một ngày tồi tệ. Bọn Đức đã đến khám xét trường đại học. Chúng đã chất vấn mười thanh niên trong đại sảnh, lôi họ về phía bậc thềm, dùng bóng súng thúc họ tiến lên và đã mang họ đi. Em

thấy đó, chúng tôi sẽ không bỏ cuộc; ngay cả nếu chúng tôi chết vì đói, ngay cả nếu nỗi sợ hãi ám ảnh chúng tôi đêm đêm, ngay cả nếu các chiến hữu của chúng tôi ngã xuống, chúng tôi vẫn tiếp tục kháng chiến.



Chúng tôi đã vừa vãn tránh được điều xấu nhất, nhưng em thấy đó, tôi đã bảo em rồi, chúng tôi chưa bao giờ giết một người vô tội, ngay một kẻ dấn dộn cũng không. Trong khi chờ đợi, viên biện lý vẫn sống, và phải làm lại cuộc điều tra từ số không. Vì chúng tôi không biết y ở đâu, nên việc theo dõi sẽ bắt đầu từ tòa án. Công việc khó khăn. Gã Lespinasse thật chỉ đi lại bằng chiếc xe Hotchkiss to màu đen, thỉnh thoảng đi xe Renault Primaquatre, nhưng trong mọi trường hợp, đều do tài xế lái. Để khỏi bị phát hiện, Catherine đã sắp đặt đầu ra đẩy một phương pháp. Ngày đầu tiên, một anh bạn đi xe đạp theo sau viên biện lý từ lúc y ra khỏi Tòa án và vài phút sau thì bỏ đấy. Ngay hôm sau, một bạn khác, trên một xe đạp khác, tiếp tục con đường ở chỗ nó bị bỏ lại hôm trước. Qua từng khúc liên tiếp, chúng tôi đã theo được đến tận nhà viên biện lý. Từ giờ, Catherine có thể lặp lại các cuộc đi bộ dài trên một lề đường khác. Vài ngày mai phục nữa là chúng tôi sẽ biết được mọi điều về các thói quen của tên phó chương lý.

12

Đối với chúng tôi, có một kẻ địch còn đáng căm ghét hơn cả bọn quốc xã. Những tên Đức, thì chúng tôi đang có chiến tranh với chúng, còn Dân binh là bè lũ tồi tệ khốn kiếp nhất mà chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa cơ hội có thể sản sinh, là sự căm ghét lang thang di động.

Bọn dân binh cưỡng bức, tra tấn, cướp đoạt tài sản của những người mà chúng tổng đi đây, dùng quyền lực của chúng đối với cư dân để trục lợi. Biết bao nhiêu người đàn bà đã phải dang chân, mất nhắm nghiền, hàm nghiền chặt đến mức chết đi được, để đổi lấy lời hứa hão rằng con cái họ sẽ không bị bắt? Biết bao nhiêu người già cả trong những hàng dài châu chực trước các cửa hiệu thực phẩm trống rỗng đã phải trả tiền cho lũ dân binh hùng chúng để cho yên thân, và biết bao nhiêu người không nộp được tiền đã bị đưa đến các trại để lũ chó hoang đường phố thả nhiên đến

khoảng sạch cửa nhà của họ? Không có lũ hèn hạ bắn thù ấy, thì chẳng bao giờ bọn quốc xã có thể bắt đi đầy nhiều người đến thế, chẳng bắt được quá một phần mười những người sẽ không bao giờ trở lại.

Tôi hai mươi tuổi, tôi sợ, tôi đói, lúc nào cũng đói, còn bọn sơ mi đen ấy thì ăn uống tại những tiệm dành riêng cho chúng. Tôi đã quan sát bao nhiêu đứa trong bọn chúng sau những cửa kính mờ hơi nước mùa đông, đang liếm láp ngón tay, no ứ sau bữa ăn mà chỉ mơ đến thôi cũng khiến dạ dày tôi réo lên òng ọc? Sợ và đói, một hỗn hợp kinh khủng trong bụng.

Nhưng chúng tôi sẽ báo thù được cho mình, em thấy đó, chỉ nói lên cái tiếng ấy thôi, là tôi cảm thấy tim mình lại đập. Ý nghĩ báo thù thật gồm guốc, lẽ ra tôi không nên nói như thế; những hành động mà chúng tôi làm hoàn toàn khác hẳn sự báo thù, những hành động ấy là một bốn phần chân thành nghĩa hiệp, để cứu những ai sẽ không phải ném trái cái số phận đó, để tham gia cuộc chiến tranh giải phóng.

Đói và sợ, một hỗn hợp có thể nổ tung trong bụng! Thật ghê gớm cái tiếng khe khẽ của quả trứng mà người ta đập ra ở quầy hàng, một ngày kia Prévert, được tự do viết lên điều đó, sẽ nói thế; còn tôi, bị sự sống cầm tù, ngày hôm ấy tôi đã biết điều đó rồi.

Ngày 14 tháng Tám vừa rồi, từ nhà Charles về hơi khuya và bất chấp lệnh giới nghiêm cùng vài chiến hữu, Boris thấy mình chạm trán với một nhóm dân binh.

Boris, từng đích thân quan tâm theo dõi nhiều tên trong bầy đàn của chúng, biết sơ đồ tổ chức của chúng rõ hơn ai hết. Chỉ cần ánh sáng nhân từ của một ngọn đèn đường là anh nhận ra ngay tức khắc bộ mặt hiểm ác của kẻ mang tên Costes. Tại sao lại là y? Vì cái gã đang nói đến này chẳng là ai khác ngoài tên tổng thư ký của bọn “vệ binh-thuần túy”⁽¹⁾, một bầy chó man rợ và khát máu.

Trong lúc bọn dân binh đi về phía họ, ngạo mạn như thể đường phố là của chúng, thì Boris đã rút súng khỏi bao. Các bạn cũng làm như vậy và Costes đã gục xuống trong cuộc tắm máu, máu của y, để nói cho chính xác.

Nhưng tối hôm ấy, Boris đã nhầm cao hơn một nấc; anh sẽ tấn công Mas, chỉ huy Dân binh.

Hành động gần như mang tính tự sát. Mas đang ở nhà hẩn, cùng nhiều vệ binh. Boris đã khởi đầu bằng việc nện gục tên bảo vệ dữ tợn canh giữ cổng tòa biệt thự phố Pharaon. Ở đầu cầu thang tầng hai, một tên khác lại nhận một báng súng chí mạng. Boris đã không đắn đo tí mĩ, anh vào phòng khách, súng cầm tay, và đã bắn. Tất cả bọn chúng đều ngã xuống, phần lớn chỉ bị thương, nhưng Mas đã trúng đạn ở chỗ hiểm. Co quắp

1. *Franc-garde*: bộ phận vũ trang của Dân binh Pháp, được thành lập đồng thời với tổ chức Dân binh Pháp, vào đầu năm 1943. Ban đầu lực lượng *franc-garde* chỉ gồm những kẻ tình nguyện, nhưng từ tháng 6 năm 1943, lực lượng chia làm hai, một bộ phận thường trực, tập trung và hưởng phụ cấp, một bộ phận không thường trực, huy động khi cần thiết và không ăn lương. Lực lượng này đã sát cánh cùng quân đội Đức trong các trận đánh chính chống lại các Chiến khu Du kích.

dưới bàn giấy, đầu chúi vào giữa các chân ghế bành, tư thế của thân hình cho ta hiểu là chỉ huy Mas sẽ không bao giờ còn cưỡng bức, không bao giờ còn giết chóc, không bao giờ còn khùng bố được bất kỳ ai nữa.

Báo chí thường gọi chúng tôi là những tên khùng bố, một từ do bọn Đức mang đến và trên các tờ yết thị của chúng thường chỉ những người kháng chiến đã bị chúng bắn chết. Nhưng chúng tôi chỉ khùng bố bọn chúng cùng những tên hợp tác phát xít và tích cực mà thôi. Trở lại nói về Boris, chính sau hành động, sự việc mới thành ra phức tạp. Trong lúc anh xử lý công việc trên gác, thì hai người bạn đảm bảo việc rút lui của anh đã phải đối đầu với bọn dân binh đến tầng viện. Một trận nổ súng khiến cầu thang mù mịt khói. Boris đã nạp thêm đạn vào súng và bước ra đầu cầu thang. Hỡi ôi, các bạn của anh do lực lượng mỏng đã buộc phải rút lui. Boris bị kẹt giữa hai làn đạn. Đạn của những kẻ bắn vào các bạn anh và của những kẻ bắn vào anh.

Trong lúc anh tìm cách thoát khỏi tòa nhà, thì một toán sơ mi đen khác, lần này xuống từ các tầng gác trên, đã thắng được sự kháng cự của anh. Bị ôm ngang lưng và bị nện túi bụi, Boris ngã xuống. Sau khi anh đã xuyên thủng lỗ chỗ lồng ngực tên chỉ huy của chúng và làm bị thương nặng nhiều tên đồng bọn với chúng, có thể đoán chắc rằng chúng sẽ ra tay với anh. Hai anh bạn kia đã thoát được, một anh bị trúng đạn vào hông, nhưng Boris không thể chữa trị cho anh được nữa.

Lại kết thúc một ngày nữa trong những ngày buồn thảm của tháng Tám năm 1943. Một chiến hữu bị bắt, một sinh viên trẻ trung năm thứ ba ngành y, suốt thời thơ ấu đã mơ ước cứu sống những mạng người, bị tống vào một ngục tối trong nhà tù Saint-Michel. Và không ai trong chúng tôi hồ nghi việc viên biện lý Lespinasse, để được chính phủ đánh giá cao hơn, để củng cố vững hơn uy quyền của mình, sẽ muốn đích thân trả thù cho Mas bạn mình, cố chỉ huy Dân binh.

13

Tháng Chín trôi nhanh, những chiếc lá hoe đỏ trên những cây dẻ báo hiệu mùa thu đang đến.

Chúng tôi kiệt sức, đói ăn hơn bao giờ hết, nhưng các hành động gia tăng và cuộc Kháng chiến mỗi ngày lại lan rộng thêm một chút. Trong tháng, chúng tôi đã phá hủy một nhà chứa xe Đức ở đại lộ Strasbourg, rồi chúng tôi đánh vào trại lính Caffarelli nơi một binh đoàn của Quân lực Đức đóng quân; sau đó một chút, chúng tôi tấn công một đoàn tàu quân sự đang trên đường từ Toulouse đến Carcassonne. Vận may đã ủng hộ chúng tôi hôm ấy; chúng tôi đặt chất nổ bên dưới toa tàu chở một khẩu đại bác, nhưng những trái tạc đạn xếp bên cạnh đã hòa vào đám cháy của chúng tôi, và thế là cả đoàn tàu bốc lên trời. Vào giữa tháng, chúng tôi ăn mừng trận Valmy⁽¹⁾ hơi sớm một chút bằng cách tấn

1. Ngày 20 tháng Chín năm 1792, tại Valmy, chiến thắng của quân đội Pháp trước quân đội Phổ là chiến thắng đầu tiên của nền Cộng hòa Pháp, chấm dứt việc các lực lượng ngoại bang xâm lược nước Pháp cách mạng.

công xưởng chế tạo đạn, khiến cho việc làm ra các vỏ đạn không thể tiến hành trong một thời gian dài nữa; Émile còn đến cả thư viện thành phố tìm những ngày có các trận đánh để ăn mừng theo cùng kiểu ấy.

Nhưng tối nay, sẽ không có hành động. Giá như có phải hạ đích thân tướng Schmoutz, thì chúng tôi cũng sẽ ngẫm nghĩ thận trọng; lý do đơn giản thôi, những con gà mái Charles nuôi trong vườn ắt hẳn đã có một tuần lễ “tuyệt vời”, như anh nói: chúng tôi được mời đến nhà anh ăn trứng tráng.

Chúng tôi gặp nhau vào chập tối tại nhà ga nhỏ bỏ không ở Loubers.

Bàn ăn đã dọn và tất cả mọi người đã ngồi quanh bàn. Xét con số thực khách, Charles cho là không đủ trứng, và quyết định trộn thêm mỡ ngỗng vào món trứng tráng. Bao giờ anh cũng có một bình mỡ ngỗng để dẫu đó trong xương, thỉnh thoảng anh dùng chất đó để trét cho những trái bom thêm kín bung, hoặc để bôi trơn lò xo súng của chúng tôi.

Chúng tôi đang liên hoan, các cô gái tình báo có mặt tại đó, và chúng tôi hạnh phúc được ở cùng nhau. Chắc chắn là bữa ăn này vi phạm những quy tắc an toàn sơ đẳng nhất, nhưng Jan biết những khoảnh khắc hiếm hoi ấy chữa lành cho chúng tôi biết chừng nào khỏi trạng thái cô độc mà mỗi người trong chúng tôi đều phải chịu. Nếu những viên đạn của bọn Đức hoặc của lũ dân binh còn chưa phạm đến chúng tôi, thì nó, sự cô đơn, giết chúng tôi dần mòn. Không phải tất cả

chúng tôi đều đã được hai mươi tuổi, những người lớn tuổi nhất cũng chỉ gọi là nhỉnh hơn thế chút ít, thế thì vì không làm no đầy được bụng, sự hiện diện của bạn bè làm no đầy tâm hồn chúng tôi.

Cứ nhìn những ánh mắt đắm đuối mà Damira và Marc trao đổi, thì rành rành là họ say mê nhau. Còn tôi, thì tôi không rời mắt khỏi Sophie. Trong lúc Charles từ xưởng quay lại, tay cắp bình mỡ ngỗng, Sophie đã tặng tôi một nụ cười mà cô nắm được điều bí ẩn, một trong những nụ cười đẹp nhất tôi từng thấy trong đời. Cuốn theo cảm giác sáng khoái của khoảnh khắc ấy, tôi tự hứa sẽ tìm được can đảm để mời cô đi chơi với tôi; thậm chí có thể cùng ăn trưa ngay ngày mai. Xét cho cùng, sao lại chờ đợi chứ? Thế là trong lúc Charles đánh trứng, thì tôi tự thuyết phục mình rằng cô trước khi kết thúc buổi tối gặp mặt. Tất nhiên là tôi phải rình lúc kín đáo, Jan không nghe thấy được; cho dù, từ khi Jan bị bắt gặp ở Địa Đạm tầm cùng với Catherine, những lệnh cấm liên quan đến an toàn yêu đương có nơi lỏng đôi chút trong đội. Nếu ngày mai Sophie không thể, thì cũng không nghiêm trọng, tôi sẽ đề nghị hôm sau. Đã quyết định rồi, tôi sắp chuyển sang hành động thì Jan thông báo là anh cử Sophie vào nhóm giám sát tên biện lý Lespinasse.

Vốn là người can đảm, Sophie nhận lời ngay tức khắc. Jan nói rõ là cô sẽ phụ trách khoảng thời gian từ mười một đến mười lăm giờ. Cái tên biện lý ngu dốt này quả thực sẽ gây phiền toái cho tôi tới cùng.

Buổi tối không hồng hoàn toàn, hãy còn món trắng trắng, nhưng tuy vậy, sao mà Sophie đẹp đến thế, với nụ cười chẳng bao giờ rời khỏi cô. Dù sao thì Catherine và Marianne, vẫn chăm sóc các cô gái trong nhóm tình báo như hai người mẹ, cũng chẳng bao giờ để mặc chúng tôi xử sự mà không can thiệp. Vậy rốt cuộc, lặng lẽ nhìn cô mỉm cười thì tốt hơn.

Charles đọc hết bình mớ ngỗng vào chảo rán, đảo đôi chút rồi đến ngồi cùng chúng tôi và bảo “Bây giờ phải để cho chín”.

Chính trong lúc chúng tôi tìm cách phiên dịch câu nói của anh thì sự cố xảy ra. Tiếng súng nổ ran tứ phía. Chúng tôi lao mình nằm xuống. Jan, vũ khí lăm lăm, giận dữ chửi rủa. Chắc chúng tôi bị theo dõi và bọn Đức đang tấn công chúng tôi. Hai bạn có súng giắt ở thắt lưng can đảm luồn lách giữa làn đạn ra tới gần cửa sổ. Tôi cũng làm như họ, điều này thật ngốc vì tôi không có vũ khí, nhưng nếu một bạn ngã xuống, tôi sẽ cầm lấy súng của bạn ấy và thay thế chiến đấu. Một điều chúng tôi thấy có vẻ khá lạ lùng, là đạn tiếp tục vọt tứ tung trong phòng, những mảnh gỗ bắn trên sàn, tường chỉ chút lỗ thủng vậy mà trước mặt chúng tôi, vùng quê vẫn vắng vẻ không người. Thế rồi tràng tiếng nổ dừng lại. Không còn một tiếng động nào, chỉ có sự tĩnh lặng. Chúng tôi người nọ nhìn người kia, tất cả đều rất băn khoăn tò mò, thế rồi tôi thấy Charles nhòm dây đầu tiên, anh đỏ mặt ría tai và lúng ba lúng búng hơn bao giờ hết. Nước mắt chảy, anh không ngừng lặp đi lặp lại “Xìng nhối, xìng nhối”.

Thực ra, chẳng có một kẻ địch nào ở bên ngoài hết; Charles chỉ quên mất là anh đã dốc những viên đạn 7,65 ly vào bình mỡ ngỗng... để chúng khỏi bị gỉ! Đạn được đã bốc nóng tí chút khi tiếp xúc với chảo rán!

Vì không một ai trong chúng tôi bị thương tổn, có lẽ trừ chuyện bị thương tổn lòng tự ái, chúng tôi nhặt nhanh những gì còn lại của món trứng tráng, chọn lựa để xác minh nó không còn chứa đựng cái gì bất thường nữa, rồi mọi người lại ngồi vào bàn ăn, như không có chuyện gì hết.

Thôi được, tài nghệ chế tạo đạn dược của anh bạn Charles đáng tin cậy hơn tài nấu nướng của anh, nhưng xét cho cùng, vào thời buổi hiện nay, như thế tốt hơn.

Ngày mai, tháng Mười bắt đầu và chiến tranh tiếp tục, cả cuộc chiến của chúng tôi nữa.

14

Những kẻ hèn hạ có mạng sống dai. Khi cuộc theo dõi lần thứ hai của các cô gái hoàn tất, Jan lập tức giao cho Robert nhiệm vụ diệt tên Lespinasse. Boris, đang ở trong tù, sẽ sớm bị đưa ra xét xử và không được mất thời gian nếu muốn tránh cho anh điều xấu nhất. Bằng cách gửi một tín hiệu mạnh cho các quan tòa, cuối cùng sẽ làm cho họ hiểu ra rằng đánh vào sinh mệnh một người kháng chiến tương đương với ký bản án tử hình cho chính mình. Từ vài tháng nay, hể bọn Đức niêm yết một thông báo xử tử trên các bức tường của Toulouse, là chúng tôi lập tức diệt các sĩ quan của chúng, và mỗi lần, chúng tôi lại rải truyền đơn giải thích với dân chúng hành động của chúng tôi. Từ vài tuần nay, chúng ít bắn giết hơn và binh sĩ của chúng không dám đi về một mình ban đêm nữa. Em thấy đó, chúng tôi không bỏ cuộc và Kháng chiến mỗi ngày lại tiến thêm một chút.

Nhiệm vụ phải diễn ra vào sáng thứ Hai, chúng

tôi hẹn nhau tại điểm thu quân, nghĩa là ở bến cuối của đường tàu điện số 12. Khi Robert đến, chúng tôi hiểu ngay là việc chưa thực hiện. Có điều gì đó bất ổn và Jan giận điên lên.

Thứ Hai ấy là ngày khai thẩm và tất cả pháp quan đều có mặt tại Tòa án. Tin tức về cái chết của viên biện lý sẽ có được hơn bao giờ hết hiệu quả xiết bao trông đợi. Ta không giết một con người như vậy, không phải bất kỳ lúc nào, dù rằng trong trường hợp của Lespinasse, thì ngày nào cũng được việc hết. Robert đợi cho Jan bình tĩnh lại, cho bước chân anh chậm lại.

Jan không chỉ giận dữ vì chúng tôi để lỡ dịp khai thẩm. Marcel bị xử chém đã hơn hai tháng nay, Đài Luân Đôn đã nhiều lần thông báo rằng kẻ chịu trách nhiệm về bản án của anh sẽ phải trả giá cho tội ác ghê tởm của y, và chúng tôi rốt cuộc sẽ bị coi như những kẻ bắt lực! Nhưng Robert đã có một cảm giác tồi tệ vào lúc bắt tay hành động, và đây là lần đầu tiên chuyện này xảy ra với anh.

Quyết tâm của anh kết liễu tên biện lý không hề thay đổi, nhưng thế đó, không thể hành động vào hôm nay! Anh thề danh dự là anh không biết gì về tầm quan trọng của ngày mà Jan đã chọn; Robert chưa bao giờ bỏ cuộc; với đặc tính gan góc bình tĩnh, hẳn anh phải có những lý do chính đáng để làm như vậy.

Vào quãng chín giờ anh đã đến con phố nơi Lespinasse cư trú. Theo những tin tức mà các cô gái trong đội thu lượm được, thì ngày nào viên biện lý cũng ra khỏi nhà

vào mười giờ đúng. Marius, từng tham gia hành động lần thứ nhất, và đã suýt diệt tay Lespinasse kia, lần này chỉ đảm bảo việc rút lui.

Robert khoác áo choàng rộng, hai quả lựu đạn trong túi bên trái, một để tấn công và một để phòng ngự, còn súng trong túi phải. Mười giờ, chẳng thấy ai. Mười lăm phút sau, vẫn chẳng thấy Lespinasse. Mười lăm phút trôi qua thật dài dằng dặc khi người ta có hai trái lựu đạn cứ mỗi bước ta đi lại va vào nhau trong túi.

Một viên cảnh sát đạp xe ngược lên con phố và đi chậm lại ngang tầm với anh. Chắc hẳn là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng với cái mục tiêu vẫn không xuất hiện, thì đáng tự đặt cho mình những câu hỏi.

Thời gian thong thả kéo dài, đường phố yên tĩnh; ngay cả khi mình đi đi lại lại, cũng khó mà không bị phát hiện hoặc sớm hoặc muộn.

Phía trên, hai chiến hữu hẳn cũng không phải hoàn toàn chẳng bị ai để ý, với ba chiếc xe đạp sẵn sàng cho việc chạy trốn.

Một xe tải đầy lính Đức rẽ ở góc phố; hai “trùng hợp ngẫu nhiên” trong thời gian ngắn ngủi đến thế, bắt đầu là nhiều rồi đây! Robert cảm thấy bất an. Phía xa, Marius ra hiệu hỏi anh và Robert trả lời cùng một kiểu, rằng lúc này mọi sự vẫn ổn, ta tiếp tục hành động. Vấn đề duy nhất, là vẫn chẳng thấy viên biện lý đâu. Chiếc xe tải Đức đi qua không dừng lại, nhưng tốc độ uể oải và lần này Robert tự đặt cho mình càng lúc càng nhiều câu hỏi. Lẽ đường lại vắng vẻ không người, cuối cùng

cửa tòa nhà mở, một người đàn ông đi ra và băng qua vườn. Bàn tay Robert siết chặt báng súng trong túi áo khoác. Robert vẫn không thể nhìn thấy mặt người đàn ông đang khép cánh cửa song sắt của ngôi biệt thự. Người đó đang tiến về phía xe hơi của mình. Robert có một nghi ngờ kinh khủng. Nếu không phải y? Nếu đó chỉ là một thầy thuốc đến thăm bệnh cho viên chuồng lý nằm nhà vì một bệnh cúm tồi tệ? Khó lòng tự giới thiệu như sau: “Xin chào, anh có đúng là cái gã mà tôi phải trút hết ổ đạn vào người không?”

Robert đến gặp người đó và điều duy nhất anh nghĩ ra, là hỏi giờ hấn. Anh muốn con người ấy, cái kẻ không thể không biết là mình bị đe dọa, phô bày rõ một dấu hiệu nào đó để lộ ra nỗi sợ của hấn, muốn bàn tay hấn run rẩy, muốn mồ hôi đọng trên trán hấn!

Người đàn ông chỉ vén tay áo và nhả nhận trả lời “Muời giờ rưỡi”. Những ngón tay của Robert rời báng súng, bắt lực không thể bắn. Lespinasse chào anh rồi lên xe.

Jan không nói gì nữa, không còn gì để nói nữa. Robert có lý do chính đáng và không ai trách được anh đã bỏ cuộc. Chỉ là vì những kẻ thực sự hèn hạ có mạng sống dai. Lúc chúng tôi chia tay, Jan khẽ nói là phải bắt đầu lại thật nhanh.

*

* *

Nổi cay đắng không rời anh suốt tuần. Và chẳng,

anh không muốn gặp ai hết. Ngày Chủ nhật đến, Robert để đồng hồ báo thức vào sáng sớm. Hương cà phê bà chủ nhà đang pha thoảng lên tận phòng anh. Bình thường, mùi bánh mì nướng sẽ như trêu chọc bụng Robert, nhưng từ thứ Hai vừa rồi, anh thấy buồn nôn. Anh điềm tĩn mặc quần áo, lấy khẩu súng dưới nệm và giắt vào thắt lưng quần. Anh xỏ tay vào áo vét, đội mũ rồi ra khỏi nhà không bảo ai. Chẳng phải hồi ức về thất bại khiến Robert buồn nôn. Làm nổ các đầu tàu, tháo đỉnh ốc các đường ray, phá hủy các trụ điện, đặt mìn các cầu trục, tiêu hủy máy móc dụng cụ của kẻ địch, ta rất sẵn sàng làm những chuyện ấy, nhưng giết người, thì không ai thích cả. Chúng tôi đây, chúng tôi mơ một thế giới nơi con người tự do tồn tại. Chúng tôi muốn làm thầy thuốc, công nhân, thợ thủ công, giáo viên. Không phải khi bọn chúng tước đi của chúng tôi những quyền ấy mà chúng tôi cầm lấy vũ khí, đó là về sau; khi chúng bắt trẻ em đi đây, bắn chết bạn bè. Nhưng với chúng tôi giết người vẫn là một công việc bẩn thỉu. Tôi đã bảo em rồi, người ta không bao giờ quên khuôn mặt của kẻ mà ta sắp bắn, ngay với một kẻ hèn hạ như Lespinasse, chuyện cũng khó khăn.

Catherine đã xác nhận lại với Robert rằng sáng Chủ nhật nào, viên biện lý cũng đi lễ nhà thờ vào mười giờ đúng, thế là, quả quyết, Robert đấu tranh chống lại cảm giác lộn mửa đang chiếm lĩnh mình và trèo lên xe đạp. Với lại cần phải cứu Boris.

Lúc Robert đi vào con phố là mười giờ. Viên

chương lý vừa mới khép cánh cửa song sắt của khu vườn. Cùng vợ và con gái, y đang đi bộ trên lề đường. Robert lấy cò súng lên, tiến về phía y; nhóm người đến ngang tầm anh và vượt qua anh. Robert rút súng, vòng xe lại và nhắm vào mục tiêu. Không bắn sau lưng, thế là anh hét “Lespinasse!”. Kinh ngạc, nhóm người ngoảnh lại, phát hiện khẩu súng đang chĩa tới, nhưng hai phát đạn đã nổ và viên biện lý ngã quy xuống, tay ôm bụng. Mất gương to, Lespinasse chăm chăm nhìn Robert, y nhồm dấy, loạng choạng, vịn vào một thân cây. Quả thực những kẻ hèn hạ có mạng sống dài!

Robert lại gần, viên biện lý khẩn cầu, y lẩm bẩm “Xin dung tha”. Robert nghĩ đến thi hài Marcel, đầu đặt giữa hai bàn tay trong quan tài, anh nhìn thấy gương mặt các bạn bè bị giết. Với tất cả những đứa trẻ đó, đã chẳng có dung tha chẳng có xót thương; Robert xả hết ổ đạn. Hai người phụ nữ rú lên, một khách qua đường định đến giúp họ, nhưng Robert giơ súng và người đàn ông bỏ chạy.

Và trong khi Robert đạp xe bỏ đi, những tiếng kêu cứu cất lên sau lưng anh.

Vào giữa trưa, anh quay về phòng. Tin tức đã lan khắp thành phố. Cảnh sát đã bao vây khu phố, chúng chất vấn người vợ góa của viên chương lý, hỏi xem bà ta có thể nhận ra được người làm chuyện đó hay không. Bà Lespinasse lắc đầu và trả lời rằng có thể, nhưng bà ta chẳng mong điều đó, như thế này đã có quá nhiều người chết rồi.

15

Émile đã xin được việc làm trong ngành đường sắt. Mỗi người trong chúng tôi đều cố kiếm một công việc. Tất cả chúng tôi đều cần một khoản tiền lương; phải trả tiền thuê nhà, tự nuôi sống mình được chẳng hay chớ, và lực lượng Kháng chiến đang phải vất vả để phụ cấp hàng tháng cho chúng tôi. Một việc làm cũng có cái lợi nữa là đánh lừa được mọi người về các hoạt động ngầm của chúng tôi. Ta sẽ khiến cảnh sát hoặc hàng xóm ít để ý hơn, khi sáng sủa ta đều đi làm. Những ai thất nghiệp không có sự lựa chọn nào khác ngoài cách xem như mình là sinh viên, nhưng những người này dễ bị phát hiện hơn nhiều. Dĩ nhiên, nếu công việc kiếm được có thể giúp ích cho sự nghiệp thì thật lý tưởng! Chỗ làm của Émile và Alonso ở nhà ga Toulouse nơi sắp xếp các đoàn tàu là rất quý giá đối với đội. Cùng vài nhân viên hỏa xa các bạn đã thành lập một nhóm nhỏ chuyên trách công việc phá hoại đủ

loại. Một trong những chuyên môn của các bạn là bóc ngay trước mặt bọn lính Đức những tờ nhãn trên thành các toa tàu rồi lập tức dán lại trên những toa tàu khác. Như vậy vào lúc tập hợp các đoàn tàu, những máy móc tháo rời mà bọn quốc xã ngong ngóng chờ đợi ở Calais lại đang phóng tới Bordeaux, những bộ biển áp mà Nantes hy vọng lại đến Metz, những động cơ gửi sang Đức lại được giao ở Lyon.

Bọn Đức lên án ngành Đường sắt Pháp về tình trạng lộn xộn ấy, chế nhạo sự kém hiệu quả của người Pháp. Nhờ vào Émile, vào François và một vài nhân viên hỏa xa đồng nghiệp của các bạn, đồ tiếp tế cần thiết cho kẻ chiếm đóng tản đi mọi hướng, trừ hướng đúng, và lạc đi đâu không biết. Trước khi hàng hóa dành cho kẻ địch được tìm thấy lại và đến đúng chỗ, một hoặc hai tháng trôi qua, và cũng là chừng ấy điều được.

Nhiều lần, vào chập tối, chúng tôi đến gặp các bạn để len lỏi giữa những đoàn tàu đang dừng. Chúng tôi rình mỗi tiếng động xung quanh mình, lợi dụng một tiếng bẻ ghi rìn rít hay một xe kéo có động cơ đi qua để tiến tới mục tiêu mà không bị các đội tuần tra Đức bắt gặp.

Tuần trước, chúng tôi đã lườn xuống dưới một đoàn tàu, trườn ngược lên dưới các trục bánh xe cho đến một toa rất đặc biệt mà chúng tôi thích mê mẩn: *Tankwagen*, dịch ra là "toa-bồn chứa". Mặc dù bắt tay vào làm mà không để mình bị phát hiện là điều đặc biệt

khó khăn, nhưng một khi đã xong xuôi thì thủ thuật phá hoại sẽ hoàn toàn không ai nhận thấy.

Trong lúc một người của chúng tôi canh phòng, thì những người khác leo lên bên trên bồn chứa, mở nắp rồi trút xuống xăng dầu hàng ki lô cat và bã mật. Vài ngày sau, đến nơi, chất lỏng quý hóa mà chúng tôi đã bỏ công pha phách được bơm ra để cung cấp cho các thùng chứa xăng của máy bay ném bom hay máy bay tiêm kích Đức. Kiến thức về cơ khí của chúng tôi cũng đủ để biết rằng ngay sau khi cất cánh, viên phi công chỉ có thể chọn một trong hai giải pháp: tìm hiểu xem tại sao động cơ của hắn vừa tắt ngấm hoặc nhảy dù ngay tức khắc trước khi máy bay của hắn tan tành; trong trường hợp tệ nhất, các máy bay sẽ bị hỏng không dùng được khi chạy đến cuối đường băng, thế cũng là tạm được rồi.

Với một ít cát và cũng chừng ấy liều lĩnh gan góc, các bạn tôi đã hoàn thành được một phương pháp phá hoại không lực địch từ xa hết sức giản đơn, nhưng hết sức hiệu quả. Và khi tôi vừa nghĩ về điều đó vừa cùng các bạn quay về lúc mờ sáng, tôi tự nhủ rằng bằng việc làm của mình, các bạn đã tặng tôi một phần nho nhỏ trong ước mơ thứ hai của tôi: gia nhập Không lực Hoàng gia Anh.

Cũng có khi chúng tôi lướt đi dọc các đường xe lửa tại nhà ga Toulouse-Raynal, để nhắc nhở tấm vải bạt che các sàn tàu và hành động tùy theo những gì mình thấy được. Khi phát hiện ra các cánh máy bay

Messerschmitt, các thân máy bay Junkers hay các cánh bình ổn ở đuôi máy bay Stuka được làm tại các nhà máy Latécoère địa phương, chúng tôi cắt những dây dẫn của các bộ phận điều khiển. Khi gặp các động cơ máy bay, thì chúng tôi đứt bỏ dây điện hoặc các ống dẫn xăng. Tôi không đếm được con số máy bay đã bị chúng tôi giam chân như thế ở mặt đất. Về phần tôi, mỗi lần phá hoại một phi cơ địch theo cách ấy, thì làm cùng một bạn khác bao giờ cũng tốt hơn, vì bản tính lơ đãng của tôi. Hễ vừa bắt tay vào dùi thủng tám kim loại trên một cái cánh, là tôi lập tức tưởng tượng mình đang ngồi trong khoang chiếc Spitfire, ấn chiếc lấy của cần lái, với tiếng gió vi vu ở thân máy bay. May mắn cho tôi, bao giờ những bàn tay nhân đức của Émile hay Alonso cũng vỗ vỗ vào vai tôi, và tôi liền thấy vẻ mặt buồn phiền của các bạn vì phải dẫn tôi trở về với thực tế, khi họ bảo tôi “Nào, lại đây, Jeannot, bây giờ phải về thôi”.

Chúng tôi đã trải qua mười lăm ngày đầu tháng Mười hoạt động như vậy. Nhưng đêm nay, miếng đòn sẽ nhẹ hơn thường lệ rất nhiều. Émile đã biết được điều này, ngày mai mười hai đầu máy sẽ được đưa sang Đức.

Nhiệm vụ có tầm cỡ lớn, và để thực hiện, chúng tôi sẽ gồm sáu người. Hiếm khi chúng tôi hành động đông người như thế; nếu bị bắt, đội sẽ mất gần một phần ba số chiến sĩ. Nhưng sự được mất biên mình cho

việc mạo hiểm đến như vậy. Nói mười hai đầu máy cũng là nói mười hai trái bom. Tuy nhiên không có chuyện đi thành đoàn đến nhà Charles. Chỉ một lần này, chính anh sẽ giao hàng tận nơi.

Trời vừa sáng, anh bạn của chúng tôi đã xếp những kiện hàng quý giá của anh dưới đáy chiếc xe chở hàng nhỏ móc vào xe đạp, phủ lên trên hàng các loại rau sống vừa mới hái trong vườn và một tấm vải bạt. Anh rời nhà ga nhỏ Loubers, vừa đạp xe vừa hát trong miền quê Toulouse. Chiếc xe đạp của Charles, được làm bằng những bộ phận nhặt nhạnh từ các xe chúng tôi lấy trộm, thật có một không hai trong kiểu loại xe đạp. Với tay lái kèn còi còng gần một mét, yên được nâng cao, khung nửa xanh lam nửa vàng cam, bàn đạp không đồng bộ và hai túi da của phụ nữ buộc ở hai bên bánh sau, quả thật nó có một dáng dấp kỳ cục, cái xe đạp của Charles.

Charles cũng có một dáng dấp kỳ cục. Anh không lo lắng khi vào thành phố, thường thường cảnh sát chẳng để ý gì đến anh, tin chắc anh là một gã vô gia cư lang thang trong vùng. Một sự bực mình cho dân chúng, hẳn thế, nhưng nói cho đúng thì không phải là một mối nguy hiểm. Quả thực, với dáng dấp kỳ cục của anh, cảnh sát mặc xác anh, trừ hôm nay, hỡi ôi.

Khi Charles đang băng qua quảng trường Capitole, kéo theo xe hàng hết sức đặc biệt, hai hiến binh chặn anh lại để kiểm soát theo lệ thường. Charles

chìa thẻ căn cước trên đó ghi anh sinh ra ở Lens. Cứ như thế gã đội trưởng không biết đọc cái điều tuy thế được viết rõ ràng mực đen giấy trắng, hấn lại hỏi Charles sinh quán ở đâu. Charles, vốn không hay phản bác, trả lời không do dự.

- Lountz!

- Lountz? gã đội trưởng phân vân hỏi.

- Lountz! Charles nhấn mạnh, hai tay khoanh lại.

- Anh bảo anh sinh ở Lountz còn tôi, trên giấy tờ của anh đây, tôi đọc thấy mẹ anh sinh ra anh ở Lens, thế thì hoặc anh nói dối, hoặc đây là giấy tờ giả?

- Hôngg phải mà, Charles ra sức nói với cái âm sắc hơi đặc biệt của anh. Lountz, đún như tui bảo mà! Lountz ở Pas-dé-Calais!

Tên cảnh sát vừa nhìn anh, vừa tự hỏi liệu có phải cái gã mình chất vấn đang chế nhạo mình hay không. Hấn bẻ lại:

- Có lẽ anh cũng tự xưng là người Pháp chắc?

- Túng dỗi, hoàng toàng túng! Charles khẳng định... (Xin hãy dịch là: “Đúng rồi, hoàn toàn đúng!”)

Lần này tên cảnh sát tự nhủ quả thực nó coi thường cái mặt mình. Hấn hỏi bằng một giọng hách dịch:

- Anh sống ở đâu?

Charles, thuộc bài lâu lâu, trả lời tức khắc “Ở Brist!”

- Ở Brist? Thế Brist ở cái chỗ nào? Tôi thì tôi không biết Brist, tên cảnh sát vừa nói vừa quay sang gã đồng nghiệp.

- Brist, ờ mìn Finistire! Charles đáp với chút bực bội.

- Tôi cho rằng hấn định nói Brest ở miền Finistère, thưa chỉ huy! gã đồng nghiệp thân nhiên nói xen vào.

Còn Charles, hân hoan, gạt đầu ra hiệu đồng ý. Tên đội trưởng, phật lòng, khinh bỉ ngấm anh từ trên xuống dưới. Phải nói rằng với chiếc xe đạp sặc sỡ, tấm áo khoác ngắn của dân vô gia cư và các thứ rau sống đang chuyên chở, Charles không thật có dáng dấp một dân đi biển đánh cá miền Brest. Tên hiến binh, chịu không thể tiếp tục được nữa, bèn ra lệnh cho anh đi theo hấn để kiểm tra căn cước.

Lần này, chính Charles nhìn hấn chăm chăm. Và phải tin rằng những bài học từ vụng của cô bé Camille đã có kết quả, vì anh bạn Charles đang ghé vào tai gã hiến binh và nói khe với hấn:

- Ta chở bom trong xe hàng; nếu mi dẫn ta về đồn, họ sẽ bắn chết ta. Và ngày mai chính mi sẽ bị bắn chết, vì bạn bè Kháng chiến sẽ biết được kẻ nào đã bắt ta.

Thế đấy, khi Charles chịu khó, anh nói tiếng Pháp khá ra trò!

Bàn tay tên cảnh sát đặt trên khẩu súng công vụ. Hấn do dự, rồi bàn tay hấn buông báng súng; một cái liếc nhìn trao đổi với gã đồng nghiệp thế là hấn bảo Charles:

- Thôi, cuốn xéo khỏi đây, gã người Brest!

Vào giữa trưa, chúng tôi nhận mười hai trái bom, Charles kể cho chúng tôi sự biến của anh và điều tệ nhất là chuyện ấy làm anh cười lẩn.

Jan thì không thấy chuyện đó tức cười chút nào. Anh khuyên cáo Charles, bảo rằng anh quá mạo hiểm, nhưng Charles vẫn cười cợt và bẻ lại rằng ngay sau đây, mười hai cái đầu máy sẽ không bao giờ còn kéo được những chuyến tàu chở người đi đây nữa. Anh chúc chúng tôi tối nay may mắn rồi lại lên xe. Giờ đây thỉnh thoảng, vào ban đêm, trước khi thiếp ngủ, có khi tôi vẫn còn nghe thấy anh đang đạp xe về phía nhà ga Loubers, ngất ngểu trên chiếc xe cao sắc sỡ, với những tràng cười ha hả cũng đầy sắc màu y như vậy.

*

* *

Mười giờ, lúc này đêm đã đủ tối để chúng tôi có thể hành động. Émile phát tín hiệu và chúng tôi nhảy qua bức tường bao hai bên đường sắt. Cần phải chú ý khi tiếp đất, vì mỗi chúng tôi mang hai trái bom trong đây vác vai. Trời rét, cái ẩm làm chúng tôi buốt thấu xương. François dẫn đầu, Alonso, Émile, thằng em Claude, Jacques và tôi đi thành hàng len lỏi dọc một đoàn tàu im lìm bất động. Đội gần như đủ mặt.

Phía trước, một tên lính đứng gác và chặn đường tiến của chúng tôi. Thời gian thúc bách, chúng tôi còn phải đi đến tận các đầu máy xếp ở chỗ xa hơn. Chiều nay, chúng tôi đã diễn tập lại nhiệm vụ. Nhờ Émile, chúng tôi biết là tất cả các cỗ máy đều xếp thành hàng trên những đường phân chia nhánh rẽ. Mỗi người sẽ

phải phụ trách hai đầu tàu. Trước hết, trèo lên máy phát động, theo cây cầu nhỏ chạy dọc thành máy, leo lên chiếc thang cất ngang và vươn tới đỉnh nồi hơi. Châm điều thuốc lá, rồi ngòi nổ, và từ từ thả trái bom vào ống khói nhờ sợi dây sắt giữ bom vào một cái móc. Gài móc vào gờ ống khói, sao cho trái bom lơ lửng cách đáy nồi hơi vài centimet. Sau đó, trèo trở xuống, băng qua đường sắt và bắt đầu lại với đầu tàu tiếp theo. Một khi hai trái bom đã đặt xong, chuồn nhanh về phía bức tường nhỏ ở đằng trước cách đó một trăm mét và, thực tế, là chuồn nhanh thế thôi, trước khi cái đó phát nổ. Trong chừng mực có thể, cố gắng khởi động đồng thời với các chiến hữu, để tránh tình trạng người này còn đang làm nhiệm vụ mà các đầu máy của người kia lại nổ tung. Vào lúc ba mươi tấn kim loại vỡ bung ra, thì tốt hơn là hãy ở xa hết mức có thể.

Alonso nhìn Émile, phải rũ được cái gã ngáng đường chúng tôi. Émile rút súng ra. Tên lính đưa một điều thuốc lên môi. Hắn đánh diêm và ánh lửa rọi sáng gương mặt hắn. Bất kể bộ quân phục chần chu, kẻ địch có vẻ một thằng nhãi tội nghiệp cải trang thành lính hơn là một tên quốc xã hung dữ.

Émile cất khẩu súng và ra hiệu cho chúng tôi là chỉ đánh gục hắn mà thôi. Tất cả đều vui mừng vì tin này, tôi mừng ít hơn mọi người một chút vì tôi phải đảm đương việc ấy. Thật kinh khủng khi phải đánh gục ai đó, kinh khủng khi đập vào đầu hắn, với nỗi sợ nhờ mình giết chết hắn.

Tên lính bắt tỉnh được đem vào một toa tàu và Alonso khép lại cửa, nhẹ nhàng hết mức có thể. Lại đi tiếp. Chúng tôi đã đến nơi. Émile giơ cánh tay ra hiệu, ai nấy đều nín thở, sẵn sàng hành động. Tôi ngẩng đầu nhìn lên trời và tự nhủ rằng đánh trận trên không trung, dù sao cũng có đáng đáp thanh nhã hơn là bò lết trên sỏi vụn và những mẩu than, nhưng một chi tiết bỗng thu hút sự chú ý nơi tôi. Trừ phi tật cận thị của tôi bỗng nặng lên đột ngột, hình như tôi thấy khói tỏa ra từ ống khói của tất cả các đầu máy. Mà nói rằng có khói trong ống khói một đầu máy là coi như nồi hơi đã được đốt. Nhờ kinh nghiệm thu được ở phòng ăn nhà Charles trong bữa liên hoan-trưng tráng (theo cách nói của những người Anh thuộc Không lực Hoàng gia ở phòng ăn sĩ quan), từ nay tôi biết rằng bất kỳ thứ gì có chứa thuốc nổ đều nhạy cực kỳ khi ở gần một nguồn nhiệt. Ngoại trừ một phép màu hoặc một tính chất đặc biệt ở những trái bom của chúng tôi nó vượt khỏi phạm vi kiến thức mà tôi đã thu nhận được về môn hóa cho đến ngưỡng cửa kỳ thi tú tài, thì Charles chắc cũng sẽ nghĩ như tôi rằng “Chúng ta có mô độc vắng đề nghim chọng”.

Vì mỗi sự vật đều có một lý do tồn tại, như ông thầy dạy toán của tôi ở trường trung học không ngừng nhắc đi nhắc lại, nên tôi hiểu ra rằng các công nhân hỏa xa, mà chúng tôi quên không báo trước về hành động của mình, đã để máy móc vẫn được đốt nóng, được cung cấp than, nhằm duy trì một mức hơi không thay đổi và đảm bảo đúng giờ giấc buổi sáng của đoàn tàu.

Không muốn làm tan vỡ nhiệt tình ái quốc của các đồng chí mình đứng trước khi hành động, song tôi thấy cần báo cho Émile và Alonso biết điều tôi phát hiện. Dĩ nhiên tôi báo tin bằng cách thì thảo, để khỏi thu hút một cách vô ích sự chú ý của những gã canh gác khác, vì tôi đặc biệt ghét chuyện vừa rồi mình phải đánh gục một tên lính. Thì thảo hay không, thì Alonso cũng có vẻ rụng rời kinh ngạc và giống như tôi, nhìn những ống khói đang bốc khói. Và giống như tôi, cậu phân tích rất rõ tình thế tiến thoái lưỡng nan mà chúng tôi phải đối mặt. Kế hoạch được trù liệu là thả những trái chất nổ qua ống khói, để chúng lơ lửng trong nôi hơi của các đầu máy; thế mà, nếu các nôi hơi đang nóng bỏng, thì thật khó, thậm chí hầu như không thể tính toán được sau bao lâu thì những trái bom, ở nhiệt độ như vậy, sẽ nổ; những chiếc ngòi, trong trường hợp này, đã trở nên một thứ phụ tùng tương đối thừa.

Sau khi hội ý chung, hóa ra là sự nghiệp nhân viên hỏa xa của Émile chưa đủ dài lâu để cho phép chúng tôi ước lượng được tình xác hơn, và quả thật không ai có thể trách cậu về chuyện đó.

Alonso nghĩ là những trái bom có thể nổ vào mặt chúng tôi khi mới ở lưng chừng ống khói, Émile nhiều tin tưởng hơn, cậu nghĩ là chất nổ ở trong những ống gang, nên việc dẫn nhiệt sẽ phải mất một thời gian nhất định. Trước câu hỏi của Alonso “Ừ, nhưng là bao lâu?”, Émile trả lời là cậu không biết tí gì hết. Thắng em tôi

kết luận bằng cách nói thêm rằng đã liệu đến đây rồi, chỉ bằng cú thử làm đi!

Tôi đã nói với em rồi, chúng tôi sẽ không bỏ cuộc. Sáng mai, các đầu máy, bốc khói hay không bốc khói, cũng sẽ vô dụng. Quyết định được đa số tuyệt đối tán thành, chẳng ai không bỏ phiếu, là dù sao cũng cứ làm. Émile lại giơ cánh tay ra hiệu xuất phát, nhưng lần này chính tôi dám đưa ra một câu hỏi, mà rốt cuộc ai nấy đều tự đặt cho mình.

- Thế ta có cú châm ngòi hay không?

Câu trả lời, bực bội, của Émile là có.

Phần tiếp theo diễn ra rất nhanh. Giờ đây mỗi người chạy đến mục tiêu của mình. Ai nấy đều trèo lên đầu máy thứ nhất của mình, số người này thì cầu nguyện cho điều tốt đẹp nhất, số người kia, ít tín ngưỡng hơn, hy vọng điều xấu nhất đừng xảy ra. Bùn nhúi cháy lách tách, tôi có bốn phút, không tính đến tham số nhiệt lượng mà tôi đã nói kỹ rồi, để đặt khối thuốc đầu tiên, phóng nhanh đến đầu máy sau, lặp lại hành động và chạy tới bức tường nhỏ cứu nguy. Quả bom của tôi đúng đưa ở đầu sợi dây sắt và buông xuống mục tiêu. Tôi đoán biết việc neo gài quan trọng đến thế nào; với than hồng trong lò, chỉ bằng tránh mọi tiếp xúc là hơn.

Nếu trí nhớ tôi rành rọt, bất kể cái nóng cái lạnh đang khiến tôi rùng mình, thì hôm trước ba phút đã trôi qua giữa thời điểm Charles đổ mớ ngổng vào chảo và thời điểm mà chúng tôi phải lao mình xuống đất. Thế

thì, nếu vận may mỉm cười với tôi, có lẽ tôi sẽ chẳng kết thúc cuộc đời tan xác trên một nồi hơi đầu máy xe lửa, hoặc dù thế nào cũng không kết thúc như thế trước khi đặt được ít ra là khối thuốc nổ thứ hai của mình.

Vả chăng, tôi đã chạy giữa các đường ray và trèo lên mục tiêu thứ hai. Cách đó vài mét, Alonso ra hiệu cho tôi là mọi sự đều ổn. Tôi hơi yên tâm thấy cậu ta còn áy náy lo ngại hơn mình. Tôi biết có những người thường đứng cách xa khi đánh một que diêm trước bếp ga nhà họ, sợ ngọn lửa bật trở lại; tôi những muốn được nhìn thấy họ đang thông một quả bom nặng ba ki lô vào nồi hơi nóng bỏng của một đầu máy. Nhưng có lẽ điều duy nhất khiến tôi thực sự yên tâm sẽ là biết được thằng em tôi đã xong công việc của nó và đã ở điểm hội tụ xa xa phía trước rồi.

Alonso bị chậm, khi trèo xuống cậu vấp ngã và vướng bàn chân vào giữa đường ray và bánh xe của đầu máy. Ba người chúng tôi cố sức lôi kéo để giải thoát cho cậu và tôi nghe thấy đồng hồ tử thần cùng tiếng tích tắc của nó bên tai.

Bàn chân Alonso bầm dập nhưng cuối cùng cũng gỡ ra được, chúng tôi chạy về nơi thoát hiểm và luồng khí của vụ nổ đầu tiên vừa bùng lên âm âm kinh khủng giúp chúng tôi đổi chút, bởi nó hất cả ba chúng tôi ra tận bức tường nhỏ.

Thằng em đến đỡ tôi dậy, và nhìn bộ mặt non choẹt xám xịt của nó, dù người hơi choáng váng, tôi lại thờ được và kéo nó về phía những chiếc xe đạp.

- Anh thấy rồi đấy, ta đã làm được! nó nói, gần như cười đùa.

- Này, bây giờ em tươi cười rồi à?

- Những buổi tối như tối hôm nay, thì vâng! nó vừa đập vừa trả lời.

Đằng xa, những tiếng nổ kế tiếp nhau, một trận mưa sắt thép từ trên trời rơi trở xuống. Chúng tôi cảm thấy sức nóng đến tận nơi này. Ngồi trên xe đạp trong đêm, chúng tôi chống chân xuống đất và ngoảnh lại.

Em tôi tươi cười là có lý. Không phải đêm 14 tháng Bảy, cũng không phải đêm lễ Thánh-Jean. Chúng tôi đang ở vào đêm 10 tháng Mười năm 1943, nhưng ngày mai, bọn Đức sẽ thiếu mất mười hai đầu máy, đó là trận pháo hoa đẹp nhất mà chúng tôi có thể chứng kiến.

16

Ngày đã rạng, tôi phải đi gặp thằng em và tôi bị muộn. Tối qua, khi chia tay sau vụ nổ đầu tàu, chúng tôi đã hẹn nhau cùng đi uống cà phê. Chúng tôi nhớ nhau, vì các cơ hội gặp gỡ ngày càng hiếm. Mặc quần áo vội vàng, tôi phóng đi gặp nó ở một quán giải khát cách quảng trường Esquirol vài bước.

- Này cậu, đúng ra thì cậu học ngành gì vậy?

Tiếng bà chủ nhà vang lên trong hành lang vào lúc tôi sắp sửa ra ngoài. Qua giọng bà, tôi hiểu rõ câu hỏi không liên quan đến mối quan tâm đột ngột của bà lão Dublanc về chuyên môn đại học của tôi. Tôi ngoảnh lại, đối mặt với bà và cố gắng để có sức thuyết phục nhiều hết mức có thể. Nếu bà chủ nhà nghi ngờ căn cước của tôi, thì tôi sẽ phải dọn đi chỗ khác thật nhanh và có lẽ phải rời thành phố hôm nay.

- Vì sao lại có câu hỏi này, thưa bà Dublanc?

- Vì nếu cậu học ngành y, hoặc hay hơn nữa là học

thứ y, thì sẽ được việc cho tôi lắm. Con mèo nhà tôi bị ốm, nó không muốn dậy.

- Tiếc quá, bà Dublanc ạ, cháu rất muốn giúp bà, à, là giúp con mèo nhà bà, nhưng cháu lại học kế toán.

Tôi tưởng thế là thoát vòng khó khăn, nhưng bà lão Dublanc lập tức nói thêm rằng đáng tiếc thật; bà có vẻ nghĩ ngợi khi bảo tôi như vậy và thái độ của bà khiến tôi lo ngại.

- Cháu có thể giúp bà điều gì khác không, bà Dublanc?

- Dù sao cậu cũng không phiền lòng đến ngõ qua con Gribouille nhà tôi một cái chứ?

Bà lão Dublanc khoác ngay lấy cánh tay tôi và kéo tôi vào phòng bà; như thế muốn làm yên lòng tôi, bà khề thì thảo bên tai tôi rằng nói chuyện trong phòng tốt hơn; tường vách nhà bà không được dày lắm. Nhưng nói như vậy, bà làm được mọi chuyện trừ chuyện khiến tôi yên lòng.

Nơi ở của bà lão Dublanc giống như phòng tôi, có thêm đồ đạc và một buồng tắm giặt, như thế rồi cuộc cũng là khác biệt rất nhiều. Trên ghế bành, một con mèo xám to đang ngủ, bộ dạng nó xem ra chẳng khỏe mạnh hơn tôi, nhưng tôi tránh không bình luận gì. Bà lão vừa đóng cửa lại vừa nói:

- Nghe tôi này, cậu cả. Tôi mớic cần chuyện cậu học kế toán hay đại số; những sinh viên như cậu, tôi đã thấy vài người nối tiếp nhau, và một số đã mất tâm chẳng quay lại lấy đồ đạc nữa. Cậu thì tôi rất mến cậu,

nhưng tôi không muốn có chuyện rầy rà với cảnh sát và càng không muốn rầy rà với Dân binh.

Dạ dày tôi vừa quặn lại, tôi có cảm giác người ta chơi que chuyền trong bụng mình. Tôi lúng búng:

- Tại sao bà lại bảo cháu thế hử bà Dublanc?

- Tại vì trừ phi cậu là một học trò quyết tâm lười nhác, tôi chẳng thấy cậu học hành nhiều. Với lại em cậu thỉnh thoảng đến cùng vài bạn bè khác của cậu, họ có diện mạo của những tên khủng bố; cho nên tôi mới bảo cậu, tôi không muốn rầy rà.

Tôi rất muốn công kích bà lão Dublanc về định nghĩa của bà về sự khủng bố. Niềm thận trọng những muốn tôi im tiếng, đối với tôi bà có những điều còn hơn cả sự nghi ngờ; tuy nhiên, tôi không được.

- Cháu cho rằng những tên khủng bố thực sự là bọn quốc xã và những gã trong Dân binh. Bởi vì nói riêng giữa chúng ta với nhau, bà Dublanc ạ, thì các bạn và cháu chỉ là những sinh viên mơ ước một thế giới yên bình.

- Nhưng tôi cũng muốn yên bình, và trước tiên là yên bình trong nhà mình! Thế thì cháu ạ, nếu không phiền, cháu hãy tránh nói những lời lẽ như thế trong nhà tôi. Bọn dân binh chưa làm gì tôi hết. Và khi tôi gặp họ ngoài đường, thì bao giờ họ cũng ăn mặc tươm tất, rất nhã nhặn và hoàn toàn lịch thiệp; chẳng phải tất cả những người mà ta gặp gỡ ngoài phố đều như vậy cả, còn lâu mới thế, nếu cháu biết tôi muốn nói gì. Tôi không muốn có chuyện ở đây, hiểu chứ?

- Vâng, thưa bà Dublanc, tôi trả lời, rụng rời kinh ngạc.

- Cậu cũng đừng làm tôi phải nói ra những điều tôi chưa nói. Tôi đồng ý rằng, vào thời buổi này, học hành như kiểu cậu và các bạn cậu đang làm đòi hỏi một niềm tin nhất định ở tương lai, thậm chí một sự can đảm nhất định nữa; nhưng tuy nhiên tôi vẫn thích việc học hành của các cậu thực hiện bên ngoài nhà tôi... cậu vẫn theo dõi lý lẽ của tôi đấy chứ?

- Bà muốn cháu đi à, bà Dublanc?

- Chừng nào cậu vẫn trả tiền thuê nhà, thì tôi chẳng có lý do gì đuổi cậu, nhưng cậu hãy từ từ đừng dẫn bạn bè đến ồn bãi ở nhà nữa. Hãy thu xếp sao cho có vẻ một anh chàng không lảm chuyện. Như thế sẽ tốt hơn cho tôi và cho cả cậu nữa. Đấy, tất cả chỉ có thế!

Bà lão Dublanc nháy mắt với tôi một cái và cũng nhân cơ hội ấy bảo tôi đi qua cửa phòng bà mà ra phố. Tôi chào bà rồi chạy đi gặp thằng em chắc hẳn đã đang cầu nhau, tin chắc là tôi đã cho nó leo cây.

Tôi thấy nó ngồi gần cửa kính, đang uống cà phê cùng Sophie. Không phải cà phê thực sự, nhưng trước mặt nó, là Sophie thực sự. Cô không nhìn thấy tôi đã đỏ mặt như thế nào khi đến gần cô, tóm lại tôi không cho là như vậy, nhưng tôi nghĩ nên nói rõ rằng mình vừa chạy nước rút vì bị muộn. Thằng em tôi có vẻ bất cần hoàn toàn chuyện ấy. Sophie đứng dậy định để hai chúng tôi ở lại với nhau, nhưng Claude mời cô chung

vui khoảnh khắc này cùng chúng tôi. Sáng kiến của nó tung hô cuộc trò chuyện riêng tư giữa hai anh em, nhưng tôi xin thú thật rằng tôi không trách nó chút nào.

Sophie hài lòng cùng chung vui khoảnh khắc này. Cuộc sống liên lạc viên của cô chẳng dễ dàng gì. Cũng như tôi, với bà chủ nhà cô làm như mình là sinh viên. Sáng sớm, cô rời căn phòng cô đang ở trong một ngôi nhà tại Dốc Đá lát và chỉ trở về vào buổi tối muộn, như vậy để tránh phương hại đến vỏ bọc của mình. Khi nào không làm nhiệm vụ theo dõi, khi nào không vận chuyển vũ khí, thì cô sải bước trên các đường phố, đợi tối đến để cuối cùng có thể về nhà. Vào mùa đông, các ngày của cô còn cực hơn. Những khoảnh khắc thư thả duy nhất là khi cô tự cho mình được nghỉ một lát bên quầy một quán giải khát, để cho ấm người. Nhưng không bao giờ cô ở lại đó được lâu, vì có thể gặp nguy hiểm. Một phụ nữ trẻ, xinh đẹp và đi một mình, dễ thu hút sự chú ý.

Thứ Tư, cô tự tặng cho mình một chỗ trong rạp chiếu bóng, và Chủ nhật, cô kể lại cho chúng tôi bộ phim. Rốt cuộc, kể lại ba mươi phút đầu của phim, bởi cô thường hay thiếp đi trước giờ nghỉ giải lao, vì sự ám áp ru ngủ cô.

Tôi chẳng bao giờ biết được liệu có một giới hạn nào cho sự dũng cảm của Sophie hay không; cô xinh đẹp, cô có một nụ cười làm người ta bối rối trăm bề, và trong mọi trường hợp đều có cách nói năng xử sự hợp thời đúng lúc đến mức khó tin. Nếu với tất cả những

điều ấy mà mọi người không chấp nhận vài tình tiết giảm nhẹ cho cái việc tôi đổ mặt khi cô hiện diện, thì thế gian quả thật quá bất công.

- Tuần trước mình gặp một chuyện không thể tin được, cô vừa nói vừa đưa tay vuốt mái tóc dài.

Chẳng cần phải nói rõ là cả em tôi và tôi đều không có khả năng ngắt lời cô.

- Các cậu làm sao thế? Các cậu cảm à?

- Không, không, cậu nói đi, cứ tiếp tục đi, em tôi trả lời với một nụ cười hớn hở.

Sophie, phân vân, nhìn hai anh em tôi lần lượt từng người rồi tiếp tục kể chuyện.

- Mình đến Carmaux, mang ba khẩu tiểu liên mà Émile đang chờ. Charles đã giấu súng vào một chiếc va li, dù sao cũng khá nặng. Thế là mình lên tàu ở nhà ga Toulouse; mình mở cửa vào ngăn hành khách và rơi tòm vào tám tên hiến binh! Mình lập tức rón rén đi ra, cầu nguyện sao cho chúng đừng để ý, nhưng một gã đã đứng dậy đề nghị với mình là chúng sẽ ngồi sát lại với nhau để nhường cho mình một chỗ nhỏ. Một gã khác thậm chí còn xin đỡ đàn mình cái va li. Vào địa vị của mình các cậu sẽ làm gì nào?

- À, mình thì mình sẽ yêu cầu chúng bắn mình ngay tắp lự! em tôi trả lời.

Và nó nói thêm:

- Chờ đợi làm gì chứ? Khi việc đã hỏng, là hỏng, đúng không?

- Này, hỏng thì cho hỏng như cậu nói, mình đã

để mặc. Chúng cầm lấy va li, đặt nó cạnh chân mình, dưới gầm ghế. Tàu xuất phát và mình với bọn chúng đã trò chuyện tầm phào cho đến tận Carmaux. Nhưng khoan, chưa hết đâu!

Tôi cho rằng giá lúc ấy Sophie bảo tôi: "Jeannot này, mình rất muốn ôm hôn cậu nếu cậu đổi cái màu tóc kinh khủng kia đi", thì chẳng những tôi sẽ vui lòng chấp nhận, mà còn nhuộm tóc ngay tắp lự. Nhưng thôi, vấn đề đã không được đặt ra, tóc tôi vẫn đỏ hoe và Sophie tiếp tục kể chuyện rôm rả.

- Thế là tàu đến ga Carmaux và á chà chà, một cuộc kiểm soát! Qua cửa sổ, mình nhìn thấy bọn Đức mở mọi hành lý trên sân ga; lần này, mình tự bảo rằng mình toi thật rồi!

- Nhưng cậu đang ở đây mà! Claude đánh bạo nói và nhúng ngón tay, thay cho miếng đường không có, vào chút cà phê còn sót lại ở đáy tách.

- Bọn hiến binh cười đùa khi nhìn thấy bộ mặt mình, chúng vỗ vỗ vào vai mình và bảo rằng chúng sẽ đưa mình ra tận bên ngoài. Và trước sự ngạc nhiên của mình, gã đội trưởng nói thêm rằng hắn thích một cô gái như mình được hưởng lợi từ những tảng giảm bông và những chiếc xúc xích mà mình giấu trong va li hơn là để vài tên lính trong Quân lực Đức được hưởng. Chuyện có thần tình không nào? Sophie vừa kết luận vừa phá lên cười.

Chúng tôi thì lạnh buốt lưng vì câu chuyện của cô bạn, còn cô lại hơn hờ vui cười, thế là chúng tôi thấy

hạnh phúc, hạnh phúc chỉ vì được ở đây gần bên cô. Cứ như thế tất cả những điều này rốt cuộc chỉ là một trò chơi con trẻ, một trò chơi con trẻ trong đó cô có thể bị bắn chết đến mười lần... thực sự.

Năm nay Sophie mười bảy tuổi. Ban đầu, cha cô, một thợ mỏ ở Carmaux, không thật nhiệt tình với việc cô gia nhập đội. Khi Jan đưa cô vào hàng ngũ chúng tôi, thậm chí ông còn đến rầy la anh một trận. Nhưng cha Sophie là một người kháng chiến ngay từ buổi đầu, cho nên ông khó lòng tìm ra một lập luận đích đáng để cấm con gái làm như mình. Việc ông la mắng Jan là để giữ bề ngoài nhiều hơn.

- Khoan đã, đoạn sau còn hay hơn cơ, Sophie nói tiếp, càng vui vẻ hơn.

Claude và tôi sẵn lòng nghe phần kết câu chuyện của cô.

- Tại nhà ga, Émile đang đợi mình ở cuối sân, cậu ấy nhìn thấy mình đi về phía cậu ấy, có tám hiến binh vây quanh, một gã xách cái va li đựng súng tiểu liên. Giá mà các cậu nhìn thấy bộ mặt của Émile!

- Cậu ấy phản ứng thế nào? Claude hỏi.

- Mình ra hiệu cho cậu ta rất nhiều, mình gọi cậu ta là “anh yêu” từ xa, và mình đã đâm bổ vào ôm lấy cậu ta theo nghĩa đen để cậu ta khỏi phớt mắt. Bọn hiến binh giao hành lý của mình cho cậu ta rồi chúng vừa rời đi vừa chúc bọn mình một ngày tốt lành. Vào giờ này, mình cho là Émile vẫn còn run.

- Có lẽ mình sẽ ngừng ăn thức ăn theo quy định

của đạo Do Thái nếu như giảm bông đem lại may mắn đến mức ấy, chẳng em tôi ca cẩm.

- Đây là súng tiểu liên, ngốc ạ, Sophie bẻ lại, và rồi lại đúng lúc bọn hiến binh đang vui tính, thế thôi.

Claude đâu có nghĩ đến cái may Sophie đã có được với bọn hiến binh, mà nghĩ đến cái may của Émile...

Cô bạn nhìn đồng hồ đeo tay, đứng bật dậy và bảo "Mình phải đi đây", rồi cô ôm hôn cả hai chúng tôi và ra đi. Hai anh em tôi ngồi cạnh nhau, chẳng nói gì, một lúc lâu. Đầu buổi chiều chúng tôi chia tay, và người nọ biết rõ người kia đang nghĩ gì.

Tôi đề nghị với nó lùi cuộc gặp riêng tư của chúng tôi đến tối mai, để có thể trò chuyện với nhau ít nhiều. Claude bảo:

- Tối mai ư? Em không thể.

Tôi không hỏi han gì, nhưng qua sự im lặng của nó, tôi biết nó đi công tác, còn nó, nhìn vẻ mặt tôi, thấy rõ là nỗi lo lắng bắt đầu giày vò tôi từ lúc nó ngừng lời. Nó nói thêm:

- Sau đó em sẽ tạt qua chỗ anh. Nhưng không trước mười giờ.

Về phần nó thật là hào hiệp, vì nhiệm vụ hoàn thành rồi, nó còn phải đợi xe một lúc lâu để đến gặp tôi. Nhưng Claude biết là không thể, tôi sẽ không chợp mắt suốt đêm.

- Thế thì hẹn ngày mai nhé, chú em.

- Hẹn ngày mai.



Cuộc trò chuyện nho nhỏ với bà lão Dublanc vẫn khiến tôi lo lắng. Nếu tôi nói điều đó với Jan, anh sẽ buộc tôi rời thành phố. Với tôi không có chuyện đi xa thằng em... và xa Sophie. Mặt khác, nếu tôi không nói điều đó với ai và tôi bị bắt, thì tôi sẽ phạm một sai lầm không thể tha thứ. Tôi lên xe đạp và phóng đến nhà ga nhỏ Loubers. Charles bao giờ cũng có những lời khuyên đúng đắn.

Anh đón tôi với tính tình vui vẻ thường ngày và rủ tôi ra vườn giúp anh một tay. Trước khi tham gia lực lượng Kháng chiến tôi đã trải qua vài tháng làm vườn ở Trang viên và đã đạt được một sự thành thạo nhất định trong việc xới đất và giẫy cỏ. Charles đánh giá cao sự giúp đỡ của tôi. Rất nhanh, chúng tôi đi vào chuyện trò trao đổi. Tôi nhắc lại với anh những lời bà lão Dublanc đã nói và Charles lập tức làm tôi yên tâm.

Theo anh, nếu bà chủ nhà không muốn gặp rắc rối, thì bà ta sẽ không đi tố cáo tôi, vì sợ bị làm rầy theo cách này hay cách khác; thế rồi cái câu nói nho nhỏ về giá trị mà bà thừa nhận ở các “sinh viên” cho thấy bà không xấu đến như thế. Charles còn nói thêm rằng không nên quá vội xét đoán sai về mọi người. Nhiều người không làm gì hết, chỉ bởi họ sợ, song không phải vì thế mà họ thành kẻ tố giác. Bà lão Dublanc là như vậy. Cuộc Chiếm đóng không làm sự sống của bà thay

đổi đến mức khiến bà mạo hiểm để có thể mất đi sự sống đó, thế thôi.

Phải có một sự thức nhận đích thực để hiểu ra rằng mình đang sống, anh vừa giải thích vừa nhổ một mớ củ cải.

Charles có lý, phần lớn mọi người bằng lòng với một việc làm, một mái nhà, vài giờ nghỉ ngơi ngày Chủ nhật và họ tự coi mình như thế là hạnh phúc; hạnh phúc vì đang yên ổn, chứ không phải vì đang sống! Dù những người bên cạnh họ đau khổ, song chừng nào nỗi đau chưa thâm nhập nhà họ, thì họ ưng không nhìn thấy gì hết; làm như là những điều xấu xa không tồn tại. Không phải bao giờ cũng là sự hèn nhát. Với một số người, sống đã đòi hỏi nhiều can đảm rồi.

- Hãy tránh dẫn bạn bè về nhà trong vài ngày. Không bao giờ biết được đâu, Charles nói thêm.

Chúng tôi tiếp tục lặng lẽ xới đất. Anh chăm đám củ cải, tôi chăm rau sống.

- Không chỉ có bà chủ nhà làm cậu phiền muộn, phải không? Charles vừa hỏi vừa đưa cho tôi chiếc cuốc giấy cỏ.

Tôi chần chừ chưa trả lời, thế là anh nói tiếp.

- Có lần, một phụ nữ đã đến đây. Chính Robert nhờ mình cho cô ấy trú ngụ. Cô ấy hơn mình mười tuổi, cô ấy ốm và đến để tính dưỡng. Mình bảo mình không phải là thầy thuốc nhưng mình nhận lời. Trên kia chỉ có mỗi một phòng, vậy thì cậu bảo mình làm thế nào? Chúng mình nằm chung giường; cô ấy một

phía, mình một phía, gối để ở giữa. Cô ấy đã ở nhà mình hai tuần, chúng mình cười đùa suốt, chúng mình kể cho nhau hàng đồng chuyện và mình đã quen với sự có mặt của cô ấy. Một hôm, cô ấy khởi, thế là cô lại ra đi. Mình không yêu cầu gì hết, nhưng mình phải tập lại cho quen sống lặng lẽ. Ban đêm, khi gió thổi, hai chúng mình cùng nghe. Một mình, gió không thổi điệu nhạc giống như thế nữa.

- Anh không bao giờ gặp lại chị ấy ư?

- Hai tuần sau cô ấy gõ cửa nhà mình và bảo rằng cô muốn ở lại với mình.

- Thế rồi sao?

- Mình bảo rằng cô ấy quay về với chồng thì tốt hơn cho bọn mình.

- Sao anh lại kể cho em nghe chuyện này hờ anh Charles?

- Cậu phải lòng cô gái nào trong đội thể?

Tôi không trả lời.

- Jeannot này, mình biết sự cô đơn đè nặng lên chúng ta như thế nào, nhưng đó là cái giá phải trả khi ta hoạt động bất hợp pháp.

Và bởi tôi vẫn im lặng, Charles ngừng xới đất.

Chúng tôi lại quay vào nhà, Charles tặng tôi một bó củ cải để cảm ơn tôi đã giúp anh.

- Cậu biết đấy, Jeannot, cô bạn vừa rồi mình nói với cậu ấy, cô đã cho mình một cơ hội tuyệt vời; cô đã để cho mình yêu cô. Chỉ là mấy ngày thôi, nhưng với cái mặt của mình, thì đó cũng đã là một món quà đẹp để

rồi. Giờ đây, mình chỉ cần nghĩ đến cô là tìm được đôi chút hạnh phúc. Cậu phải về thôi, mùa này trời tối sớm.

Và Charles tiễn tôi ra thêm cửa.

Khi trèo lên xe đạp, tôi ngoảnh lại và hỏi liệu anh có nghĩ dù sao tôi cũng có cơ hội với Sophie hay không, trong trường hợp một ngày kia gặp lại cô, sau chiến tranh, khi chúng tôi không còn sống trong tình trạng bất hợp pháp nữa. Charles có vẻ phiền muộn, tôi thấy anh do dự rồi anh trả lời tôi, với nụ cười buồn:

- Nếu sau chiến tranh Sophie và Robert không cùng nhau nữa, thì biết đâu? Đi đường may mắn nhé, anh bạn, cẩn thận với bọn tuần tra ở cổng làng đấy.

*

* *

Tối đến, khi đi ngủ, tôi nhớ lại cuộc chuyện trò với Charles. Tôi thừa nhận lẽ phải của anh, Sophie sẽ là một cô bạn tuyệt vời và như vậy có lẽ sẽ tốt hơn. Dù thế nào, tôi cũng ghét nhuộm tóc.

*

* *

Chúng tôi quyết định tiếp tục hành động của Boris chống bọn Dân binh. Từ nay, lũ chó hoang mặc đồ đen, những kẻ rình mò chúng tôi để bắt bớ chúng tôi nhiều hơn, những kẻ tra tấn, những kẻ bán nõi

khốn cùng của nhân loại cho bọn trả giá cao hơn sẽ bị đánh không thương xót. Tối nay, chúng tôi sẽ đến phố Alexandre làm nổ tung hang ổ của chúng.

Trong khi chờ đợi, nằm duỗi dài trên giường, hai bàn tay đặt dưới đầu, Claude vừa nhìn lên trần nhà vừa nghĩ đến điều đang chờ đợi mình. Nó nói:

- Tối nay, mình sẽ không trở về.

Jacques bước vào. Anh ngồi xuống bên Claude, nhưng Claude chẳng nói gì; nó dùng ngón tay đo chiếc ngòi nổ cắm vào trái bom - chỉ có mười lăm milimet -, và em tôi thì thầm:

- Thây kệ, dù sao tôi vẫn cứ đi.

Jacques liền mỉm cười buồn bã, anh không ra lệnh gì hết, chính Claude đã đề nghị.

- Cậu chắc chứ? anh hỏi.

Claude chẳng chắc gì hết, nhưng nó vẫn còn nghe thấy câu hỏi của cha tôi ở quán giải khát Tourneurs... Tại sao tôi lại kể cho nó chuyện ấy nhỉ? Thế là nó bảo "Vâng".

- Tối nay, mình sẽ không trở về, thằng em tôi thì thầm, nó chỉ vừa xuýt xoát mười bảy tuổi.

Mười lăm milimet bụi nhụi, ngắn lắm; một phút rưỡi sống khi nghe tiếng lách tách của ngòi nổ; chín mươi giây để tẩu thoát.

- Tối nay, mình sẽ không trở về, nó không ngừng thì thầm, nhưng tối nay, cả bọn dân binh cũng không về nhà chúng. Thế là, hàng bao nhiêu người mà ta không quen biết sẽ được thêm vài tháng để sống, vài

tháng để hy vọng, thời gian mà lũ chó khác đến làm đông đảo lại những hang ổ của hần thù.

Một phút rưỡi với ta và vài tháng với chúng, cũng bỏ công lao, phải không?

Boris đã khởi đầu cuộc chiến của chúng tôi chống bọn Dân binh ngay cái ngày Marcel Langer bị kết án tử hình. Thế thì, chỉ riêng vì anh đang bị giam hãm trong một ngục thất ở nhà lao Saint-Michel, là phải hành động rồi. Cũng vì để cứu anh mà chúng tôi đã hạ tên biện lý Lespinasse. Chiến thuật của chúng tôi đã có tác dụng: trong vụ xử Boris, các thẩm phán hết người này đến người kia lần lượt rút lui, những thẩm phán do tòa cử đã sợ hãi đến mức họ chỉ xử hai mươi năm tù. Tối nay, Claude nghĩ đến Boris, và đến cả Ernest. Chính Ernest sẽ đem lại cho Claude lòng can đảm. Ernest chết khi mười sáu tuổi, em có hiểu không? Hình như khi bị bọn dân binh bắt giữ, cậu đã tè ra ở giữa phố; lũ khốn kiếp đã cho phép cậu mở cửa quần, thời gian để làm vui đi cái sợ, ở đó, trước mặt chúng, nhằm hạ nhục cậu; thực ra, đó là thời gian để tháo chốt trái lựu đạn cậu giấu trong quần và kéo lưễu cẳng ấy xuống địa ngục. Và Claude thấy lại cặp mắt màu xám của cậu bé hy sinh giữa phố; một cậu bé mới mười sáu tuổi.

Hôm ấy là mùng 5 tháng Mười một, gần một tháng đã trôi qua kể từ ngày chúng tôi giết Lespinasse. “Mình sẽ không trở về, em tôi nói, nhưng không quan trọng, những người khác sẽ sống thay mình.”

Đêm đã xuống, kèm theo mưa. “Đến lúc rồi”, Jacques thì thào, và Claude nhấc đầu lên, thả lỏng cánh tay. Hãy đếm các giây phút, em trai, hãy ghi nhớ mỗi khoảnh khắc và để lòng can đảm lan tràn trong em; hãy để sức mạnh ấy dâng đầy bụng em đang trống rỗng hết thảy. Em sẽ không bao giờ quên ánh mắt của mẹ, tình thương mến của mẹ khi mẹ đến ru em ngủ mới cách đây vài tháng. Hãy xem thời gian dài biết mấy kể từ khi đó; thế thì, cho dù em không trở về tối nay, em vẫn còn đôi chút thời gian để sống. Hãy để lồng ngực em đầy áp mùi của nước mưa, hãy cứ làm những cử chỉ từng lặp lại biết bao lần. Anh những muốn ở bên em, nhưng anh đang ở nơi khác, còn em, em ở đó, Jacques ở cùng em.

Claude siết chặt bọc hàng dưới nách, mấy tác phẩm tài ba, thò ra những ngòai bụi nhùi. Em cố quên cái ướt dấp dính trên làn da, giống như mưa bụi trên màn đêm. Em không chỉ một mình, ngay dù ở nơi khác, tôi vẫn ở đó.

Đến quảng trường Saint-Paul em cảm thấy mạch đập dồn hai bên thái dương và cố giữ cho nhịp tim theo nhịp những bước chân dẫn em tới niềm can đảm. Em tiếp tục đi. Nếu vận may mỉm cười với em, lát nữa em sẽ thoát theo con phố Créneaux. Nhưng bây giờ không nên nghĩ đến đường rút... nếu như ít ra vận may mỉm cười với em.

Em tôi đi vào phố Alexandre, lòng can đảm đã đến với em. Tên dân binh canh gác hàng ổ tự nhủ rằng,

để tiến lên với bước chân hết sức quả quyết như thế, thì Jacques và em đều cùng bày đàn với hắn. Cánh cổng đóng lại sau lưng hai người. Em bật diêm, các đầu mứt cháy sáng lách tách, và tiếng tích tắc của tử thần đang lảng vảng gõ trong đầu hai anh em. Ở cuối sân, một chiếc xe đạp dựa sát cửa sổ; một chiếc xe đạp với giỏ đựng hàng nơi đặt trái bom thứ nhất do Charles chế tạo. Một cánh cửa. Em vào hành lang, tiếng tích tắc nối tiếp, còn bao nhiêu giây nữa? Mỗi giây hai bước, tất cả là ba mươi bước, đừng tính đếm, em trai, hãy vạch con đường em đi, sự thoát hiểm ở phía sau, nhưng em, thì em còn phải tiến lên.

Trong hành lang, hai tên dân binh đang nói chuyện, chẳng để ý đến Claude, em vào phòng, đặt cái gói của mình gần một máy sưởi, làm bộ lục lọi trong túi, như thể quên cái gì đó. Em nhún vai, sao người ta có thể đoán đến thế nhỉ, gã dân binh nép mình sát tường lấy lối cho em trở ra.

Tích tắc, phải giữ bước đi đều đặn, không để lộ tí gì cái ướt dấp dính bên dưới áo quần. Tích tắc, em đã ở ngoài sân, Jacques chỉ cho em chiếc xe đạp và Claude thấy cái ngòi cháy sáng mất dạng dưới lớp giấy báo. Tích tắc, còn bao nhiêu thời gian nữa? Jacques đoán được câu hỏi và môi anh thì thầm “Ba mươi giây, có khi ít hơn?” Tích tắc, bọn canh gác để họ đi qua, người ta bảo chúng giám sát người vào, chứ không giám sát người ra.

Đường phố đây rồi và Claude run lập cập khi mồ hôi đến hòa với cái rét. Em còn chưa mỉm cười vì sự că gan của mình, như hôm trước sau vụ các đầu máy. Nếu em tính toán đúng, thì phải vượt qua được sở cảnh sát trước khi vụ nổ chọc thủng màn đêm. Lúc ấy, trời sẽ sáng rõ như ban ngày đối với những đứa con của chiến tranh và em sẽ bị kẻ địch nhìn thấy.

“Bây giờ đây!” Jacques vừa nói vừa siết chặt cánh tay em. Và vòng siết của Jacques nổi ra như một gọng kìm lúc có tiếng nổ đầu tiên. Hơi bom nóng bỏng làm long lở những bức tường, các cửa kính vỡ tan, một phụ nữ hét lên nỗi sợ của mình, bọn cảnh sát huyết lên nỗi sợ của chúng, chạy tứ tung mọi ngả. Đến ngã ba, Jacques và Claude chia tay; đầu lút sâu trong cổ áo khoác ngắn, thẳng em tôi lại thành kẻ ra về từ nhà máy, một trong hàng ngàn người đi làm về.

Jacques đã đi xa rồi, đến đại lộ Carnot, dáng hình anh tan vào chồn mịt mù, và Claude, chẳng hiểu tại sao, tưởng tượng là anh đã chết, em lại cảm thấy sợ. Em nghĩ đến ngày mà một trong hai người sẽ bảo “Tối hôm ấy, tôi từng có một người bạn”, và em tự giận mình khi nghĩ rằng mình sẽ là kẻ sống sót.

Em trai, hãy đến gặp anh ở nhà bà lão Dublanc. Ngày mai Jacques sẽ đến bến cuối của đường tàu điện số 12 và khi nhìn thấy anh ấy, cuối cùng em sẽ yên tâm. Đêm nay, nép mình dưới tấm khăn phủ giường, vùi đầu trong gối, ký ức sẽ tặng em mùi hương của mẹ, một mẫu nhỏ tuổi thơ mà ký ức còn giữ ở nơi sâu thẳm

trong em. Ngủ đi, em trai của anh, Jacques đã về nhà sau hành động. Và cả em cả anh đều không biết rằng một tối tháng Tám năm 1944, trên một chuyến tàu đầy chúng ta sang Đức, chúng ta sẽ nhìn thấy Jacques, nằm sóng soài, một viên đạn xuyên thủng lưng.



Tôi đã mời bà chủ nhà đến nhà hát Nhạc kịch, không phải để cảm ơn thiện chí tương đối của bà, thậm chí cũng không phải để có một chứng cứ ngoại phạm, mà vì theo lời Charles dặn dò, thì tốt hơn là không nên để bà gặp em tôi vào lúc nó đến nhà tôi, khi làm xong nhiệm vụ trở về. Có trời biết được nó sẽ ở trong tình trạng thế nào.

Màn kéo lên và tôi, trong bóng tối ấy, ngồi trên bao lơn nhà hát lớn, tôi nghĩ đến nó không ngừng. Tôi đã giấu chìa khóa dưới tấm thảm chùi chân, nó biết tìm chìa khóa ở đâu. Tuy nhiên, nếu nổi lo lắng giày vò tôi, và tôi chẳng theo dõi gì vở diễn, thì tôi lại cảm thấy dễ chịu lạ lùng chỉ vì mình đang ở đâu đó. Điều ấy dường như chẳng đáng kể gì, nhưng khi ta đang là kẻ trốn tránh, thì có chốn nương náu là một sự thuyên giảm bệnh tình. Biết được rằng suốt hai giờ đồng hồ, mình sẽ không phải ẩn nấp, không phải chạy trốn, khiến tôi chìm vào một tình trạng khoan khoái kỳ lạ. Dĩ nhiên, tôi dự cảm rằng sau quãng nghỉ giải lao, nỗi sợ của việc

quay về sẽ làm hao mòn cái khoảng tự do tôi được hưởng; vở diễn mới được một giờ đồng hồ, song chỉ cần một sự thỉnh lặng là đủ để dẫn tôi trở lại với cái thực tế ấy, với sự cô đơn vốn thuộc về tôi giữa khán phòng đang cuốn theo thể giới diệu kỳ của sân khấu. Điều tôi không thể tưởng tượng, là việc một nhúm hiến binh Đức và dân binh xông vào sẽ đột ngột khiến bà chủ nhà của tôi nghiêng về phía Kháng chiến. Các cánh cửa mở ra âm âm và tiếng sữa của bọn hiến binh Đức đã chấm dứt nhạc kịch. Và nhạc kịch, chính thế, với bà lão Dublanc là cái gì đó thiêng liêng. Ba năm ngược đãi, tước đoạt tự do, giết chóc trắng trợn, toàn bộ sự tàn ác và bạo ngược của thời Chiếm đóng quốc xã đã không khơi dậy được niềm công phần nơi bà chủ nhà của tôi. Nhưng cất ngang buổi công diễn đầu tiên vở *Pelléas và Mélisande*⁽¹⁾, thì quá lắm! Thế là, bà lão Dublanc lẩm bẩm “Thật là đồ man rợ!”.

Nhớ lại cuộc trò chuyện hôm trước với Charles, tối nay tôi hiểu ra rằng khoảnh khắc một con người thức nhận về sự sống của chính mình, đối với tôi, sẽ mãi mãi là một bí ẩn.

Từ bao lâu, chúng tôi nhìn những con chó dữ đang xua khán giả ra khỏi khán phòng với sự hối hả mà chỉ có sự hung bạo của chúng mới vượt được. Quả thực chúng có vẻ như chó dữ, những tên lính đang sửa lên

1. Vở nhạc kịch nổi tiếng, lời thơ của nhà văn Bỉ Maurice Maeterlinck (1862-1949), nhạc của nhạc sĩ Pháp Claude Debussy (1862-1918).

với tám thẻ lưng lửng ở một sợi dây to đeo quanh cổ. Còn bọn dân binh mặc đồ đen đi theo chúng thì giống những con chó khốn khổ, loại chó ra gặp ngoài đường ở những thành phố hoang phế, rớt dãi chảy ròng ròng bên mép, mắt trợn trừng trợn trạo và thèm căn, vì thù ghét hơn vì đói. Nếu Debussy bị nhạo báng, nếu bọn dân binh điên giận, đó là Claude đã thành công trong hành động.

- Ta đi thôi, bà lão Dublanc nói, uy nghi trong tấm áo choàng màu son được bà dùng để tôn lên phong thể đường hoàng.

Để đứng lên, tôi còn phải làm dịu trái tim đang đập thình thịch trong lồng ngực, mạnh đến nỗi khiến chân tôi quy xuống. Thế nếu Claude đã bị bắt? Nếu em đang bị giam trong một nhà hầm ẩm ướt, đối mặt với những kẻ tra tấn em?

- Ta đi chứ? bà lão Dublanc nói tiếp, dù sao ta cũng không đợi lũ súc vật ấy đến đuổi mình.

- Rốt cuộc, thế là xong rồi hở bà? tôi nói, với nụ cười bên khước miệng.

- Xong rồi cái gì cơ? bà chủ nhà tôi hỏi, giận dữ hơn bao giờ hết.

- Cả bà nữa, bà cũng bắt tay vào việc "học hành" hở bà? tôi trả lời và cuối cùng cũng đứng dậy được.

17

Dòng người kéo dài trước cửa hiệu thực phẩm. Ai nấy đều đang chờ đợi, phiếu lương thực trong túi, màu tím để mua mỡ thực vật, đỏ để mua đường, nâu để mua thịt - nhưng từ đầu năm thịt đã không thấy trên quầy hàng, mỗi tuần chỉ có được một lần -, xanh lục cho trà hay cà phê, và từ lâu cà phê đã bị thay bằng rau diếp hay lúa mạch rang. Ba giờ chờ đợi trước khi nhích tới quầy, để được đúng chút gì nuôi sống mình, nhưng mọi người không còn đếm thời gian đang trôi qua nữa, họ nhìn cánh cổng đối diện hiệu thực phẩm. Ở cuối hàng, một khách quen không có đấy. “Một bà thật trung hậu”, những người này nói, “Một phụ nữ can đảm”, số khác than thở. Vào buổi sáng nhợt nhạt này, hai xe hơi màu đen đang đỗ trước tòa nhà nơi gia đình Lormond sinh sống. Một bà nội trợ thì thào:

- Vừa nãy họ đã đưa chồng bà ấy đi, lúc đó tôi đã ở đây rồi.

- Họ đang giữ bà Lormond trên đó. Họ muốn bắt con bé, nó không có nhà khi họ đến, bà gác cổng của tòa nhà nói rõ, cả bà cũng đang xếp hàng.

Con bé họ đang nói đến tên là Gisèle. Gisèle không phải tên thật của em, họ thật của em cũng không phải là Lormond. Ở khu phố này, tất cả mọi người đều biết họ là người Do Thái, nhưng điều duy nhất quan trọng, đó là cảnh sát và Gestapo không biết. Cuối cùng chúng cũng khám phá ra.

- Thật gớm guốc những gì họ làm với người Do Thái, một bà vừa nói vừa khóc.

- Bà Lormond bà ấy dễ thương hết sức, một bà khác vừa đáp vừa chìa cho bà nọ chiếc khăn tay.

Tuy vậy, ở trên kia, trên gác, bọn dân binh chỉ có hai tên, bọn Gestapo đi cùng chúng cũng chừng ấy tên. Tất cả là bốn người với sơ mi đen, quần phục, súng tay thế mà nhiều sức mạnh hơn một trăm người khác, im lìm bất động trong dòng người kéo dài trước hiệu thực phẩm. Nhưng mọi người khiếp sợ, họ chỉ dám nói đôi chút gọi là, còn hành động thì...

Chính bà Pilguez, ở tầng sáu, đã cứu cô bé. Bà đang đứng bên cửa sổ, thì thấy những chiếc xe đi tới từ đầu phố. Bà đã lao vào nhà Lormond để báo cho họ về vụ bắt bớ. Mẹ của Gisèle khẩn cầu bà hãy đưa con gái mình đi, hãy che giấu nó. Con bé mới mười tuổi đầu! Bà Pilguez đồng ý ngay lập tức.

Gisèle không kịp ôm hôn mẹ, và chẳng cả cha em nữa. Bà Pilguez đã nắm lấy tay em lôi về nhà mình.

- Tôi đã thấy nhiều người Do Thái ra đi, đến giờ chưa thấy người nào trở về! một ông già nói trong khi hàng người nhích lên một chút.

- Ông cho là hôm nay có cá trích hay không? một phụ nữ hỏi.

- Tôi chẳng biết được; thứ Hai hầy còn vài hộp, ông già trả lời.

- Họ vẫn không tìm thấy con bé và như thế càng tốt! một phụ nữ thở dài đằng sau họ.

- Phải, như thế thì hay hơn, ông già trang trọng trả lời.

- Hình như họ đưa mọi người đến các trại và ở đấy họ giết nhiều người lắm; một đồng nghiệp công nhân người Ba Lan đã nói điều này với chồng tôi ở nhà máy.

- Tôi chẳng biết gì hết, nhưng tốt hơn là bà đừng nói đến loại chuyện như thế và cả chồng bà nữa.

- Chúng ta sẽ nhớ ông ấy, ông Lormond, bà này lại thở dài. Khi có câu khôi hài nào ở chỗ đông người, bao giờ cũng là ông ấy nói đấy.

Sáng sớm, cổ quần chiếc khăn quàng màu đỏ, ông vẫn đến xếp hàng trước cửa hiệu thực phẩm. Chính ông đã an ủi họ trong thời gian dài chờ đợi vào những sáng sớm giá buốt. Ông chẳng dưng tặng gì ngoài lòng nhiệt tình của con người nhưng trong mùa đông ấy, đó là thứ mọi người thiếu thốn hơn cả. Thế đấy, hết rồi, ông Lormond sẽ không bao giờ nói gì nữa. Những lời lẽ hài hước khi nào cũng khơi lên một tiếng cười, một sự nhẹ nhõm, những câu nói nho nhỏ ngộ nghĩnh hay

dịu dàng chuyển nổi nhục của việc hạn chế khẩu phần thành chuyện để giấu cợt, tất cả đã ra đi trong chiếc xe của bọn Gestapo cách đây hai giờ rồi.

Đám đông im bật, chỉ thoang thoảng một tiếng rì rầm. Đoàn người vừa ra khỏi tòa nhà. Tóc bà Lormond xõa xuống, bọn dân binh vây lấy bà. Bà bước đi, đầu ngẩng cao, bà không sợ. Họ đã cướp mất chồng của bà, họ đã bắt con gái của bà, song họ sẽ không thể tước đoạt phẩm cách làm mẹ, cũng như phẩm cách làm vợ của bà. Tất cả mọi người nhìn bà, thế là bà mỉm cười; những người đang xếp hàng chẳng can dự gì trong chuyện này, đó chỉ là cách của bà để chào tạm biệt họ.

Những tên dân binh đẩy bà về phía xe hơi. Đột nhiên, sau lưng, bà đoán được sự hiện diện của con mình. Cô bé Gisèle đang ở trên kia, dán mặt vào cửa sổ tầng sáu; bà Lormond cảm thấy điều ấy, bà biết. Bà những muốn ngoảnh lại, để tặng con gái một nụ cười cuối cùng, một cử chỉ âu yếm nói lên rằng bà yêu con biết chừng nào; một ánh nhìn, chỉ trong một phần giây đồng hồ, nhưng đủ để em biết rằng cả chiến tranh, cả sự điên rồ của con người cũng sẽ không lấy đi được của em tình yêu của mẹ.

Nhưng thế đấy, nếu ngoảnh lại bà sẽ khiến họ chú ý đến con mình. Một bàn tay bè bạn đã cứu con gái bé bỏng của bà, bà không thể liều để bàn tay ấy gặp nguy hiểm. Lòng như bị kìm kẹp, bà nhắm mắt và tiến về phía chiếc xe, không ngoảnh lại.

Trên tầng gác thứ sáu một tòa nhà, ở Toulouse, một cô bé lên mười nhìn mẹ mình ra đi mãi mãi. Em biết rằng mẹ sẽ không trở lại, cha em đã bảo em điều ấy; những người Do Thái bị người ta đem đi không bao giờ trở lại, chính vì thế mà không bao giờ được nhằm lần khi em nói ra tên họ mới của mình.

Bà Pilguez đặt tay lên vai em, còn tay kia bà giữ tấm rèm che cửa, để từ bên dưới, người ta không nhìn thấy họ. Tuy thế Gisèle nhìn thấy mẹ em bước lên chiếc xe màu đen. Em những muốn nói với mẹ rằng em yêu mẹ và em sẽ mãi yêu mẹ, rằng trong tất cả các bà mẹ thì mẹ là bà mẹ tốt nhất trên đời, rằng em sẽ không có người mẹ nào khác. Nói là điều bị cấm, thế là em nghĩ bằng tất cả sức lực của em rằng nhiều tình yêu đến như thế nhất định phải xuyên qua được một lớp kính. Em tự nhủ rằng, dưới phố, mẹ em nghe thấy những tiếng em đang thì thầm giữa đôi môi, cho dù em mím chặt môi đến thế.

Bà Pilguez áp má lên đầu em, cùng với một nụ hôn. Em cảm thấy nước mắt bà Pilguez chảy trên gáy mình. Em thì em sẽ không khóc. Em chỉ muốn nhìn đến tận cùng, và em thề với mình sẽ không bao giờ quên buổi sáng tháng Chạp năm 1943 ấy, buổi sáng mẹ em ra đi mãi mãi.

Cánh cửa xe vừa đóng lại và đoàn người ra đi. Cô bé gơ hai cánh tay, trong một cử chỉ yêu thương cuối cùng.

Bà Pilguez quỳ xuống để sát gần em hơn.

- Gisèle bé bỏng của bác, bác rất đau buồn.

Bà Pilguez khóc nức nở. Cô bé nhìn bà, em có nụ cười mong manh. Em lau đôi má bà Pilguez và bảo bà:
- Tên cháu là Sarah.



Tại phòng ăn nhà hấn, gã ở tầng gác thứ năm rời cửa sổ, cúi kính. Đang đi, hấn dừng lại và thổi vào khung ảnh đặt trên tủ ngăn. Một lớp bụi đáng ghét đã vương vào ảnh thống chế Pétain. Từ nay, đám hàng xóm tầng dưới sẽ không làm ồn nữa, hấn sẽ không phải nghe tiếng tập đàn dương cầm nữa. Và, trong khi thổi bụi, hấn cũng nghĩ là sẽ phải tiếp tục giám sát và giờ đây tìm ra kẻ nào có thể giấu con bé Do Thái bản thủ.

18

Đã tám tháng ở trong đội và gần như ngày nào chúng tôi cũng hành động. Chỉ riêng tuần qua, tôi đã thực hiện bốn nhiệm vụ. Từ đầu năm tôi đã sụt mười ki lô, và tinh thần tôi cũng khổ sở ngang với thân thể tôi khổ sở vì đói và kiệt sức. Cuối ngày, tôi tạt qua nhà thằng em tìm nó và, chẳng báo trước gì, tôi dẫn nó đi ăn một bữa thật sự ở một nhà hàng trong thành phố. Claude giương to mắt khi đọc thực đơn. Thịt bò hầm, rau và bánh nhân táo; giá cả ở hiệu Bà Hoàng Pédauque vượt ngoài tầm với và tôi bỏ vào đây toàn bộ số tiền mình còn, nhưng tôi đã đinh ninh trong óc rằng mình sẽ chết trước khi hết năm và chúng tôi đang ở đầu tháng Chạp rồi!

Bước vào hiệu ăn chỉ hợp với túi tiền của bọn dân binh và bọn Đức, Claude tưởng tôi dẫn nó đi đánh một đòn. Khi hiểu ra rằng chúng tôi ở đó để ăn uống thỏa thích, tôi thấy sống lại trên gương mặt Claude

những thần sắc của tuổi thơ em. Tôi thấy nó lại nở nụ cười như khi mẹ chơi trốn tìm trong căn hộ của chúng tôi, thấy lại niềm vui trong mắt nó khi mẹ đi qua chiếc tủ, vờ như không nhìn thấy nó đang ở đó.

- Chúng ta ăn mừng điều gì thế? nó thì thào.

- Điều gì tùy ý em! Mùa đông này, chúng mình này, được sống này, anh chẳng biết.

- Mà anh định trả tiền như thế nào?

- Em đừng lo chuyện ấy và hãy thưởng thức đi.

Claude nhìn chòng chọc những miếng bánh mì giòn tan trong giỏ, với nỗi thèm thuồng của một tên cướp nhìn thấy những đồng tiền vàng trong một cái tráp. Cuối bữa ăn, tinh thần phấn chấn lại vì thấy thằng em hạnh phúc đến thế, tôi gọi thanh toán trong khi nó vào nhà vệ sinh.

Tôi thấy nó quay lại với vẻ mặt giễu cợt. Nó không muốn ngồi xuống, chúng ta phải đi ngay lập tức, nó bảo tôi thế. Tôi chưa uống hết tách cà phê, nhưng em tôi nài nỉ để chúng tôi gấp gáp lên. Hẳn nó đã cảm thấy một mối nguy hiểm mà tôi còn chưa biết. Tôi trả tiền, mặc áo khoác và cả hai chúng tôi đi ra. Ở ngoài phố, nó níu cánh tay tôi và kéo tôi về phía trước, ép tôi rảo bước.

- Nhanh lên, em bảo anh thế mà!

Tôi liếc nhìn nhanh qua vai mình, chắc có ai đó đi theo chúng tôi, nhưng đường phố vắng vẻ không người và tôi thấy rõ thằng em cưỡng lại một cách khó khăn cái cười như nắc nẻ đang muốn bật ra.

- Nhưng mẹ kiếp, có chuyện gì thế? Cuối cùng em làm anh sợ đấy!

- Đi nào! nó nài nỉ. Đến kia kìa, ở con phố hẻm, em sẽ giải thích với anh.

Nó dẫn tôi đến cuối một ngõ cụt và, chuẩn bị hiệu quả, nó mở áo khoác ra. Ở phòng treo quần áo của tiệm Bà Hoàng Pédauque, nó đã cuỗm đai lưng của một tên sĩ quan Đức cùng khẩu Mauser, lủng lẳng trong bao súng.

Hai chúng tôi bước đi trong thành phố, đồng lõa hơn bao giờ hết. Buổi tối đẹp trời, thức ăn đã đem lại cho chúng tôi đôi ba sức lực và cũng chừng ấy hy vọng. Lúc chia tay, tôi đề nghị ngay ngày mai lại gặp nhau. Claude khẽ nói:

- Em không đến được, em đi hành động. Ồ, với lại mẹ kiếp lệnh cấm chứ, anh là anh trai em mà. Nếu với anh mà em không kể được những gì em làm, thì tất cả những cái đó để làm gì chứ?

Tôi không nói gì hết, tôi không muốn ép nó nói, cũng không muốn ngăn nó tâm sự với mình.

- Ngày mai, em phải đi cuỗm tiền của bưu điện. Chắc Jan nghĩ rằng em thực sự được tạo ra để ăn cắp vặt đủ kiểu! Nếu anh biết được điều ấy làm em bực bội thế nào!

Tôi hiểu nỗi bối rối của nó, nhưng chúng tôi cần tiền ghê gớm. Những người là “sinh viên” trong chúng tôi cũng phải ăn uống chút ít nếu muốn họ có thể tiếp tục chiến đấu.

- Nguy hiểm lắm phải không?

- Thậm chí không! Có lẽ đó chính là điều xúc phạm nhất, Claude càu nhàu.

Và nó giải thích với tôi kế hoạch thực thi nhiệm vụ.

Mỗi sáng, một nữ nhân viên bưu điện một mình đến bưu cục phố Balzac. Người ấy vận chuyển một đay đựng tiền mặt đủ để tất cả chúng tôi có thể cầm cự được thêm vài tháng nữa. Claude phải đánh gục người ấy để lấy đay tiền. Émile sẽ che chắn.

- Em đã từ chối dùng dùi cui! Claude nói gần như giận dữ.

- Thế em định làm như thế nào?

- Em sẽ không bao giờ đánh một phụ nữ! Em sẽ dọa cho bà ta sợ, tệ nhất là xô đẩy bà ấy một tí; em giằng lấy cái đay và chỉ thế thôi.

Tôi chẳng biết rõ lắm mình nên nói gì. Chắc Jan phải hiểu là Claude sẽ không bao giờ nện một phụ nữ. Nhưng tôi sợ mọi việc không diễn ra như Claude trông đợi.

- Em phải chuyên chở tiền đến tận Albi. Hai ngày sau em mới quay về.

Tôi ôm lấy nó, và trước khi ra đi tôi bắt nó hứa là sẽ thận trọng. Chúng tôi vẫy tay tạm biệt nhau lần cuối. Cả tôi nữa tôi cũng có một nhiệm vụ phải thực hiện vào ngày kia và tôi phải đến nhà Charles lấy đạn dược.

*

* *

Như dự kiến, vào bảy giờ sáng, Claude ngồi xổm sau một bụi cây trong khu vườn nhỏ ven bờ bụi. Như dự kiến, vào tám giờ mười phút, cậu nghe tiếng chiếc xe tải nhỏ chở người nữ nhân viên đến và tiếng sỏi ở lối đi lạo xạo dưới chân người đó. Như dự kiến, Claude nhảy bật dậy, nắm đầm đầy đe dọa. Không hề như dự kiến chút nào, người nữ nhân viên nặng một trăm ki lô, và bà ta đeo kính!

Phần còn lại diễn ra rất nhanh. Claude đã thử xô đẩy bà ta bằng cách sấn vào bà ta; nếu cậu có lao vào một bức tường, thì hiệu quả có lẽ cũng thế thôi! Cậu thấy mình nằm dưới đất, hơi choáng váng. Cậu không còn giải pháp nào khác ngoài cách trở lại với kế hoạch của Jan và đánh gục bà nhân viên. Nhưng nhìn cặp kính của bà ta, Claude nghĩ đến tập cận thị kinh khủng của tôi; ý nghĩ làm những mảnh kính vỡ bắn vào mắt nạn nhân khiến cậu từ bỏ hẳn dự định.

“Cướp!” bà nhân viên rú lên. Claude tập trung mọi sức lực và cố giằng lấy cái dây mà bà ta đang siết chặt vào bộ ngực có kích thước quá cỡ. Có phải lỗi do một xúc động thoáng qua? Do tương quan lực lượng không đồng đều? Cuộc vật lộn bắt đầu và Claude thấy mình nằm dưới đất, với một trăm ki lô nữ tính trên lồng ngực. Cậu cố sức giãy giụa, vùng ra được, nứu chặt lấy cái dây, và, trước ánh mắt rụng rời của Émile, nhảy lên xe đạp. Cậu chạy trốn mà không người nào đuổi

theo. Émile kiểm tra cho chắc điều này rồi đi theo hướng ngược lại. Vài người qua đường tụ tập, bà nhân viên bưu điện đã đứng dậy, mọi người an ủi bà.

Một tên cảnh sát đi xe máy phóng ra từ một con phố chạy ngang và hiểu hết; hắn phát hiện Claude ở đằng xa, nhấn ga và lập tức truy đuổi cậu. Vài giây sau, thằng em tôi cảm thấy cái quạt như sét đánh của cây dùi cui hất nó xuống đất. Tên cảnh sát xuống xe và lao vào nó. Những cái đá hung bạo lạ thường rơi tấp trên người nó. Súng lục kề bên thái dương, Claude đã bị còng tay, nó coi khinh chuyện đó, nó đã bất tỉnh.



Khi Claude tỉnh lại, nó bị trói vào chiếc ghế dựa, hai tay quạt sau lưng. Nó không tỉnh lâu, trận đòn đầu tiên của viên cảnh tra hỏi nó khiến nó bất ngã ngựa. Sợ nó đập xuống đất và bóng tối trở lại. Đã bao nhiêu thời gian trôi qua cho đến khi nó lại mở mắt? Một tấm màn màu đỏ che mờ mắt nó. Các mí sung phòng dính bết máu, miệng nó kêu răng rắc và méo mó dưới những miếng đòn. Claude chẳng nói gì hết, không một tiếng rên, thậm chí không một tiếng thì thầm. Chỉ vài lúc ngất lịm tránh cho nó sự bạo hành, còn khi nó vừa ngóc đầu dậy, là những cây gậy của các viên thanh tra hăm hờ giáng xuống.

- Mày, mày là một thằng Do Thái bẩn thỉu, hử? viên cảnh Fournier hỏi. Còn tiền, là để cho ai?

Claude bịa ra một câu chuyện, một câu chuyện trong đó không có những đứa trẻ chiến đấu cho tự do, một câu chuyện không có các chiến hữu, không có ai để tố giác. Câu chuyện ấy chẳng đúng vưng; Fournat hét lên:

- Cái ổ của mày ở chỗ nào?

Phải trụ được hai ngày trước khi trả lời câu hỏi ấy. Đó là chỉ thị, thời gian cần thiết cho những người khác để đến “dọn dẹp”. Fournat đánh tiếp, ngọn đèn treo trên trần nhà chao đảo và kéo em tôi theo điệu vũ quay tròn của nó. Claude nôn mửa và đầu lại gục xuống.

*

* *

- Hôm nay là ngày bao nhiêu? Claude hỏi.

- Đẳng ấy ở đây được hai ngày rồi, người canh ngục đáp. Họ đã giã đẳng ấy ra trò, nếu đẳng ấy nhìn thấy bộ mặt mình.

Claude giơ tay lên mặt, nhưng chỉ vừa chạm nhẹ vào là cái đầu lại làm em chìm ngộp. Người canh ngục lẩm bầm “Tớ chẳng thích cái đó.” Anh ta để suất ăn lại cho em và đóng cánh cửa lại sau lưng mình.

*

* *

Vậy là hai ngày đã qua. Cuối cùng Claude có thể buông ra địa chỉ của mình.

Émile đảm bảo rằng cậu đã nhìn thấy Claude tẩu thoát. Tất cả mọi người đều nghĩ chắc cậu lần chân ở Albi. Sau đêm thứ hai chờ đợi, đã quá muộn để đến dọn sạch phòng cậu, Fournà và người của y đã bao vây nó rồi.

Bọn cảnh sát thèm khát ngửi thấy mùi của người kháng chiến. Nhưng trong căn phòng tồi tàn chẳng có gì nhiều để mà tìm ra, gần như chẳng có gì để mà phá hủy. Đệm bị rách tung, không gì hết! Chúng xé gối, lại không gì hết! Chúng bẻ gãy ngăn kéo tủ, vẫn không gì hết! Chỉ còn cái lò sưởi ở góc phòng. Fournà đẩy tấm giá đỡ than bằng gang. Y hét lên, mừng như điên:

- Lại xem ta tìm thấy cái gì này!

Y cầm một trái lựu đạn. Nó được giấu trong lò sưởi nguội tắt.

Y cúi xuống, gần như thò cả đầu vào; y lần lượt lấy ra từ lò sưởi những mảnh của một bức thư em tôi viết cho tôi. Tôi đã không bao giờ nhận được bức thư ấy. Vì biện pháp an toàn, em đã ưng xé nó ra. Chỉ thiếu tiền mua một ít than để đốt nó đi.

*

* *

Khi tôi chia tay Charles, anh vui vẻ như thường lệ. Lúc này, tôi không biết em tôi đã bị bắt, tôi hy vọng nó đang ẩn náu ở Albi. Charles và tôi đã trò chuyện đôi chút trong vườn rau, nhưng chúng tôi đã vào nhà vì

trời lạnh buốt. Trước khi tôi đi, anh đã giao tôi vũ khí cho nhiệm vụ mà ngày mai tôi phải thực hiện.

Tôi có hai trái lựu đạn trong túi, một khẩu súng ở thắt lưng quần. Đạp xe trên con đường Loubers không dễ, với đồ lè như thế.

Đêm đã xuống, con phố tôi ở vắng vẻ không người. Tôi để xe đạp trong hành lang và tìm chìa khóa phòng. Tôi mệt lử vì đoạn đường vừa đi. Đây rồi, tôi cảm thấy chiếc chìa khóa ở đáy túi. Mười phút nữa là tôi sẽ nằm trong chăn. Ánh đèn hành lang vụt tắt. Không hề gì, tôi biết tìm ra chỗ của ổ khóa trong bóng tối.

Một tiếng động sau lưng. Tôi không kịp ngoảnh lại; tôi bị đè gí xuống đất. Trong vài giây, cánh tay tôi bị vặn, hai bàn tay bị còng, mặt tóe máu. Bên trong phòng tôi, sáu tên cảnh sát đang đợi. Cũng chừng ấy tên ngoài vườn, không kể bọn bao vây con phố. Tôi nghe thấy bà lão Dublanc hét lên. Tiếng lốp xe lạo xạo, đầu đầu cũng là cảnh sát.

Quả thật là ngu ngốc, trên bức thư em tôi viết cho tôi có địa chỉ của tôi. Em chỉ thiếu vài mẫu than để đốt thư. Sự sống chỉ tùy thuộc có vậy.



Mờ sáng, Jacques không thấy tôi đến chỗ hẹn để

làm nhiệm vụ. Chắc điều gì đó đã xảy ra với tôi dọc đường, một vụ kiểm soát đã xoay chiều bất lợi. Anh lên xe đạp và phóng đến nhà tôi để “dọn sạch” phòng tôi, đó là quy định.

Hai tên cảnh sát mai phục đã bắt anh.



Tôi cũng bị đối xử như em tôi. Viên cảnh Fournat nổi tiếng hung tợn, tiếng căm ấy không phải là đồn thổi quá mức. Mười tám ngày tra hỏi, đấm đá, nện dùi cui; mười tám đêm tiếp nối những vết bỏng vì thuốc lá đốt và những đợt tra tấn đủ kiểu. Khi nào vui tính, tên cảnh Fournat bắt tôi quỳ, hai tay dang ra, mỗi tay cầm một quyển danh bạ. Hễ tôi vừa khuyu xuống, là bàn chân y vung lên đá vào tôi, đôi khi giữa hai xương bả vai, đôi khi trúng bụng, đôi khi vào mặt. Khi cúi kính, y nhằm đứng quần. Tôi không nói. Chúng tôi có hai người trong các phòng giam của sở cảnh sát phố Lữ-Saint-Étienne. Đôi khi, ban đêm, tôi nghe tiếng Jacques rên. Cả anh cũng không nói gì hết.



23 tháng Chạp, hai mươi ngày rồi, chúng tôi vẫn không nói. Giận dữ điên cuồng, cuối cùng tên cảnh

Fourna ký lệnh tạm giam chúng tôi. Sau một ngày cuối cùng khảo đả đúng quy củ, Jacques và tôi được giải đi.

Trong chiếc xe mui kín chở chúng tôi đến nhà tù Saint-Michel, tôi còn chưa biết rằng vài ngày nữa, các tòa án binh đặc biệt sẽ được thiết lập, tôi không biết rằng họ sẽ xử tức thì tại sân nhà tù ngay sau khi tuyên án vì đó là số phận dành cho tất cả những người kháng chiến bị bắt.

Xa lắm bầu trời nước Anh, dưới vầng sọ bầm dập của mình, tôi không còn nghe thấy tiếng động cơ vù vù từ chiếc máy bay Spitfire của tôi.

Trong chiếc xe mui kín chở chúng tôi đến điểm cuối hành trình, tôi nhớ lại những giấc mơ trẻ con của mình. Mới cách đây chưa đầy tám tháng.

*

* *

Và một ngày 23 tháng Chạp, năm 1943, người canh ngục ở nhà tù Saint-Michel đóng lại sau lưng tôi cánh cửa phòng giam bọn tôi. Khó lòng nhìn thấy gì trong cảnh tranh tối tranh sáng này. Ánh sáng chỉ hơi lọt qua những mi mắt sưng tấy. Chúng phồng lên đến mức chúng tôi chỉ hơi hé được mắt.

Nhưng trong bóng tối xà lim ở nhà ngục Saint-

Michel, giờ đây tôi hãy còn nhớ, tôi đã nhận ra một giọng nói mong manh yếu ớt, một giọng nói thân quen với tôi.

- Chúc Noel vui vẻ.
- Chúc Noel vui vẻ, em trai.

PHẦN HAI

19

Không thể nào quen với chốn song nhà tù, không thể không giật nảy mình trước tiếng cánh cửa xà lim đóng lại, không thể chịu đựng những phiên gác của bọn cai ngục. Tất cả những điều đó là không thể, khi người ta say mê tự do. Làm sao tìm được một ý nghĩa cho việc chúng tôi có mặt giữa những bức tường này? Chúng tôi đã bị cảnh sát Pháp bắt giữ, chúng tôi sắp bị đưa ra xử trước một tòa án binh đặc biệt, và những kẻ sẽ bắn chúng tôi trong sân, ngay sau đó, cả chúng cũng sẽ là người Pháp. Nếu như có một ý nghĩa cho tất cả những điều ấy, thì tôi không tìm ra được nó ở đáy sâu nhà ngục của tôi.

Những người ở đây đã nhiều tuần bảo tôi rằng rồi sẽ quen, rằng một cuộc sống mới sẽ sắp đặt theo dòng thời gian trôi đi. Tôi thì tôi nghĩ đến thời gian uống phở, tôi đếm thời gian. Tôi sẽ không bao giờ biết được tuổi hai mươi của mình, tuổi mười tám của tôi đã mất

tăm, mà tôi chẳng bao giờ sống nó. Tất nhiên, có suất ăn buổi tối, Claude bảo. Thức ăn tôm lợm, canh bắp cải, thỉnh thoảng mấy hạt đậu đã bị mối mọt chén ruỗng, chẳng có gì cho chúng tôi tí chút sức lực, chúng tôi đói đến chết. Chúng tôi không chỉ là vài bạn tù thuộc dân lao động nhập cư hoặc nghĩa quân du kích, chung nhau không gian xà lim. Chúng tôi còn phải chung đụng với cả lũ chấy, lũ rận và bệnh ghê đang gặm mòn chúng tôi.

Ban đêm, Claude đeo dím lấy tôi. Tường nhà ngục lấp lánh băng giá. Trong cái lạnh ấy, chúng tôi nằm sát vào nhau để kiếm chút hơi ấm.

Jacques đã không còn như trước. Hết thức giấc là anh lại đi bách bộ, lặng lẽ. Cả anh nữa cũng đếm những giờ uống phí, mất toi mãi mãi. Có thể anh cũng nghĩ đến cả một phụ nữ, ở bên ngoài. Sự thiếu vắng người kia là một vực thẳm; đôi khi, ban đêm, bàn tay anh giơ lên và cố giữ lấy điều không thể, cái vuốt ve không còn nữa, ký ức về một làn da mà hương vị đã tan biến, một ánh mắt nơi sự đồng tình êm đềm tồn tại.

Có khi một người canh ngục thiện chí tuần cho chúng tôi một tờ in bí mật của các chiến hữu nghĩa quân du kích. Jacques đọc cho chúng tôi. Điều ấy bù đắp cho anh cảm giác bị tước đoạt đeo đẳng anh không rời. Tình trạng bất lực không thể hành động cứ mỗi ngày lại làm anh hao mòn thêm một ít. Tôi cho rằng cả sự thiếu vắng Osna nữa.

Tuy nhiên chính khi nhìn anh giam mình trong

nổi tuyệt vọng, ngay tại đây, giữa cái thế giới nhớp nhúa này, tôi lại thấy được một trong những vẻ đẹp chính đáng nhất của nhân gian: một con người có thể quyết chịu mất đi mạng sống của mình, song không thể quyết chịu thiếu vắng những người mà mình yêu quý.

Jacques nín lặng một lúc, anh lại đọc tiếp và cho chúng tôi hay tin tức của bè bạn. Khi chúng tôi biết rằng một đôi cánh máy bay bị phá hoại, một trụ điện nằm gục, bị trái bom của một chiến hữu đánh bật, khi một tên dân binh ngã xuống trên phố, khi mười toa tàu thành vô dụng, những toa tàu thường chở những người vô tội đi đây, chúng tôi cùng chung đôi chút thắng lợi của các bạn.

Nơi đây, chúng tôi ở chốn tận cùng thế giới, trong một không gian tối tăm và chật hẹp; một lãnh thổ chỉ có bệnh tật là chúa tể ngự trị. Nhưng giữa hang hốc bẩn thỉu này, trong đáy sâu đen ngòm nhất của vực thẳm, hãy còn một mảnh nhỏ nhoi ánh sáng, nó như một tiếng thì thầm. Những người Tây Ban Nha ở phòng giam bên cạnh đôi khi hát lên gọi nó vào buổi tối, họ đặt tên cho nó là Hy vọng.

20

Ngày đầu năm, không hề có lễ mừng, chúng tôi chẳng có gì mà mừng. Chính ở đây, giữa không nơi nào hết, tôi đã gặp Chahine. Tháng Giêng đang đi nhanh, một số trong chúng tôi đã bị đưa ra trước các thẩm phán và trong khi diễn ra một phiên tòa vờ vỉnh, thì một xe tải nhỏ đến đặt các quan tài của họ ngoài sân. Sau đó có tiếng súng, tiếng hét của tù nhân, và thỉnh thoảng lại rơi xuống cái chết của họ và cái chết sắp tới của chúng tôi.

Tôi chưa bao giờ biết tên thật của Chahine, anh không còn sức thốt ra nó nữa. Tôi đã đặt cho anh biệt danh trên vì những cơn mê sảng do sốt khiến đêm đêm anh quần quai giãy giụa, đôi khi làm anh nói. Lúc đó anh gọi đến với mình một con chim trắng nó sẽ tới giải thoát cho anh. Trong tiếng Ả Rập, Chahine là tên gọi của loài chim ưng có bộ lông màu trắng. Sau chiến tranh tôi đã đi tìm con chim ấy, vì nhớ đến những khoảnh khắc này.

Bị giam giữ từ nhiều tháng nay, Chahine chết dần chết mòn mỗi ngày. Thân thể anh đau ốm vì thiếu thốn vô số chất và dạ dày anh đã co lại quá nhỏ thậm chí không còn chịu được cả nước xúp.

Một buổi sáng, trong khi tôi đang bắt rận, mắt anh bắt gặp mắt tôi, cái nhìn của anh gọi tôi lặng lẽ. Tôi đến bên anh, và anh phải tập trung rất nhiều sức lực để mỉm cười với tôi; một chút thôi, nhưng dù sao cũng là một nụ cười. Ánh mắt anh chuyển hướng nhìn xuống hai bắp chân mình. Ghê lở đang hoành hành ở đó. Tôi hiểu điều anh thỉnh cầu. Cái chết sẽ sớm đưa anh đi khỏi đây, nhưng Chahine muốn đón gặp nó một cách đường hoàng có phẩm giá, sạch sẽ đến chừng nào còn có thể. Tôi đã chuyển chỗ nằm lại gần anh, và đêm đến, tôi bắt bọ chét cho anh, gỡ những con rận khỏi các nếp áo sơ mi anh mặc.

Thỉnh thoảng, Chahine gửi đến tôi một trong những nụ cười mong manh yếu ớt đòi hỏi bao nhiêu cố gắng nơi anh, nhưng chúng nói lên lời cảm ơn theo cách của anh. Chính tôi lại muốn cảm ơn anh biết mấy.

Khi suất ăn tối được phân phát, anh ra hiệu bảo tôi đưa suất của anh cho Claude. Anh thì thầm:

- Nuôi cái thân thể này làm gì, bởi nó đã chết rồi. Hãy cứu lấy em cậu, nó còn trẻ, nó còn phải sống.

Chahine đợi ngày tàn để nói vài tiếng. Chắc hẳn anh cần thỉnh lặng ban đêm bao quanh mình mới tìm lại được đôi chút sức lực. Ở bên nhau trong những khoảng thỉnh lặng ấy, chúng tôi cùng chia sẻ chút tình người.

Cha Joseph, linh mục tu tể trong nhà tù, hy sinh phiếu lương thực của ông để giúp đỡ anh. Mỗi tuần, ông mang đến cho anh một bọc nhỏ bích quy. Để nuôi Chahine, tôi bẻ vụn bánh và ép anh ăn. Anh phải mất hơn một giờ đồng hồ mới nhấm nổi một chiếc bánh, đôi khi gấp đôi thời gian. Kiệt sức, anh van nài tôi đem số còn lại cho các bạn, để sự hy sinh của cha Joseph giúp được điều gì đấy.

Em thấy đó, đây là câu chuyện về một cha xứ nhịn ăn để cứu một người Ả Rập, về một người Ả Rập cứu một người Do Thái bằng cách cho anh ta còn lý do để mà tin tưởng, về một người Do Thái ôm người Ả Rập trong vòng tay, trong lúc người ấy sắp chết, còn anh ta cũng đang đợi đến lượt mình; em thấy đó, đây là câu chuyện về thế giới những con người với những khoảnh khắc diệu kỳ không ngờ.

Đêm 20 tháng Giêng băng giá, cái lạnh thấu tận xương tủy chúng tôi. Chahine run lập cập, tôi ôm siết lấy anh, những cơn run rẩy làm anh kiệt sức. Đêm đó, anh không chịu ăn thức ăn tôi đưa đến miệng anh. Đột nhiên anh bảo tôi:

- Giúp tôi với, tôi chỉ muốn tìm lại được tự do của mình.

Tôi hỏi anh làm thế nào trao tặng được thứ mà mình không có. Chahine mỉm cười đáp:

- Bằng cách tưởng tượng ra nó.

Đó là những lời cuối cùng của anh. Tôi giữ lời

hứa và lau rửa thì thể anh cho đến rạng đông; rồi tôi mặc quần áo cho anh, đứng trước lúc trời sáng. Những ai trong chúng tôi có tín ngưỡng đều cầu nguyện cho anh; và có quan trọng gì từ ngữ trong lời cầu nguyện bởi lời ấy đến từ con tim. Tôi, người chưa bao giờ tin Chúa, trong một khoảnh khắc tôi cũng cầu nguyện, để điều ước của Chahine được chuẩn nhận, để anh được tự do ở chốn khác.

21

Những ngày cuối tháng Giêng, nhịp độ hành quyết ngoài sân giảm đi khiến một số trong chúng tôi hy vọng rằng đất nước sẽ được giải phóng trước khi họ đến lượt. Khi bọn gác ngục dẫn họ đi, họ hy vọng việc xét xử sẽ hoãn lại, để họ còn có thêm chút thời gian nữa, nhưng điều ấy không bao giờ xảy ra và họ bị bắn chết.

Nếu như chúng tôi bị giam giữa những bức tường u ám này, bất lực không thể hành động, thì chúng tôi biết được rằng ở bên ngoài, hành động của bạn bè chúng tôi đang gia tăng. Kháng chiến đan dệt mạng lưới của mình, nó đang mở rộng. Giờ đây đội có những nhóm được tổ chức trong toàn miền, và chẳng cuộc chiến đấu vì tự do đang hình thành khắp nơi trên nước Pháp. Một hôm Charles bảo rằng chúng tôi đã phát minh ra cuộc chiến tranh đường phố, như vậy là nói quá, chúng tôi không phải những người duy nhất, nhưng trong miền

thì chúng tôi đã nêu gương. Những người khác làm theo chúng tôi và ngày nào công việc của kẻ địch cũng đều bị ngăn trở, bị tê liệt vì con số các hành động của chúng tôi. Không còn một đoàn tàu Đức nào lưu thông mà không gặp nguy cơ một toa, một chuyến hàng bị phá hoại, không còn một nhà máy Pháp nào sản xuất cho quân đội địch mà không bị nổ các bộ biến áp cung cấp dòng điện, mà máy móc không bị phá hủy. Và các chiến hữu càng hành động, dân chúng càng lấy lại được can đảm, và hàng ngũ Kháng chiến càng đông đảo.

Vào giờ đi dạo, những người Tây Ban Nha cho chúng tôi biết là một hành động vang dội của đội vừa được thực hiện hôm qua. Jacques cố tìm hiểu thêm qua một tù nhân chính trị Tây Ban Nha. Anh tên là Boldados, bọn cai ngục hơi sợ anh. Đó là một người Castille⁽¹⁾, giống như mọi người dân Castille, mang trong người niềm tự hào về mảnh đất của mình. Mảnh đất ấy, anh đã bảo vệ nó trong những trận đánh của cuộc chiến Tây Ban Nha, anh đã yêu quý nó trên suốt con đường di cư, đi bộ vượt qua dãy Pyrénées. Và trong những trại miền Tây nơi họ giam giữ anh, anh đã không ngừng ca ngợi nó. Boldados ra hiệu cho Jacques đến bên tấm lưới sắt ngăn khoảnh sân của những người Tây Ban Nha với khoảnh sân của những người Pháp. Và khi Jacques lại gần, anh kể cho Jacques nghe những

1. Một địa phương giàu tính lịch sử, ở miền trung tâm Tây Ban Nha.

gì anh biết được từ miệng một người gác ngục có cảm tình với kháng chiến.

- Chính một người trong bọn các cậu đã làm vớ này. Tuần trước, anh ta lên chuyến tàu điện cuối cùng hơi muộn, thậm chí không biết rằng chuyến tàu ấy dành riêng cho bọn Đức. Phải cho rằng bạn của cậu để đầu óc ở đâu đâu thì mới làm một chuyện như vậy. Một tên sĩ quan lập tức hất anh ta xuống bằng một cái đá vào đít. Anh bạn cậu không thích cái đó chút nào. Tôi hiểu anh ta, đá vào đít, đó là một sự nhục mạ và không hay ho gì. Thế là anh ta thực hiện một kiểu điều tra và biết được rất nhanh rằng chuyến tàu ấy tối nào cũng đưa bọn sĩ quan từ rạp chiếu bóng Variétés về. Đại khái như thế chuyến cuối cùng là dành cho lũ *hijos de putas*⁽¹⁾ ấy. Cùng với ba tay trong bọn các cậu, họ trở lại vào mấy hôm sau, tức là tối hôm qua, ở đúng chỗ bạn cậu bị đá đít, và họ đợi.

Jacques chẳng nói gì, anh uống lấy những lời của Boldados. Trong khi nhắm mắt lại, cứ như thể anh đang hành động, như thể anh nghe thấy tiếng của Émile, đoán được nụ cười ranh mãnh phác trên môi cậu khi cậu đánh hơi thấy một vớ ra trò. Câu chuyện được kể như thế có thể mang về đơn giản. Vài quả lựu đạn quăng vội lên một chuyến tàu điện, những tên sĩ quan quốc xã sẽ không còn hành nghề sĩ quan, những

1. Tiếng Tây Ban Nha: Con cái của đồ đĩ.

chú bé đường phố mang diện mạo anh hùng. Nhưng không hề như thế, chuyện không kể như thế.

Họ mai phục, chỉ hơi giấu được mình trong bóng tối của vài cánh cổng ủ dột, nỗi sợ trong lòng, người run lập cập vì đêm rét buốt, đêm lạnh đến mức nền gạch lát phủ sương giá của đường phố vắng vẻ lóe sáng dưới ánh trăng. Những giọt nước của một trận mưa trước đó lọt qua một ống máng thùng, mát hút trong thinh lặng. Phía xa không một bóng người. Những đám hơi nước hình thành nơi cửa miệng khi họ vừa thở ra. Chốc chốc phải chà xát hai bàn tay để giữ cho các ngón được nhanh nhẹn. Nhưng làm thế nào để chống lại những run rẩy khi cái sợ hòa lẫn cái rét? Chỉ cần một chi tiết nhỏ khiến họ bị lộ, là tất cả sẽ kết thúc ở đó. Émile nhớ đến cậu bạn Ernest, nằm ngửa, ngực bị bấm nát, nửa thân trên nhuộm máu đỏ chảy ra từ cổ họng, từ miệng, bấp chần bẻ ngược, cánh tay lủng lẳng và gáy thông thọc. Trời ạ người ta mềm dẻo làm sao khi vừa bị bắn chết.

Không, hãy tin tôi, chẳng điều gì trong câu chuyện này diễn ra như người ta tưởng tượng. Nỗi sợ cứ tồn tại trong mỗi ngày của bạn, trong mỗi đêm của bạn, tiếp tục sống, tiếp tục hành động, tiếp tục tin rằng mùa xuân sẽ trở lại, điều đó đòi hỏi rất nhiều dũng cảm. Chết vì tự do của những người khác là điều khó khăn khi người ta mới mười sáu tuổi.

Đằng xa, tiếng ầm ào của con tàu cho biết nó đang lại gần. Ánh đèn tàu rọi thành một vệt sáng trong đêm. André tham gia hành động, bên cạnh Émile và François. Chính vì họ bên nhau mà họ có thể hành động. Một người không có những người kia là tất cả sẽ khác đi. Bàn tay họ luồn vào túi áo choàng; họ đã tháo chốt lựu đạn, siết chặt những chiếc ngặc. Chỉ cần một sự vụng về là tất cả kết thúc ở đó. Cảnh sát sẽ nhặt những mảnh của Émile, vương vãi trên mặt đường. Cái chết thật xấu xí, điều này ai cũng biết.

Tàu tiến lại, hình bóng những tên lính phản chiếu trong các cửa kính được đèn các toa chiếu sáng. Còn phải cầm cự nữa, phải nhẫn nại, kiểm soát nhịp tim đập khiến máu dồn đến tận thái dương. “Bây giờ”, Émile khẽ nói. Các chốt tuột xuống mặt đường. Lựu đạn phá vỡ các ô cửa kính, và lăn trên sàn toa.

Bọn quốc xã mất sạch vẻ ngạo mạn, chúng tìm cách trốn chạy địa ngục. Émile ra hiệu cho François ở bên kia đường. Các khẩu tiểu liên lên đạn và bắn, các trái lựu đạn nổ tung.

Những từ ngữ Boldados thốt lên chính xác đến mức Jacques tưởng mình gần như chạm lướt cảnh tàn sát. Anh không nói gì hết, sự tĩnh lặng của anh hòa vào cái im ắng trở lại tối hôm qua nơi con phố tiêu điều. Và trong cảnh im ắng ấy, anh nghe thấy những tiếng rên la đau đớn.

Boldados nhìn anh. Jacques gạt đầu ra hiệu cảm

ơn; hai người rời nhau, mỗi người trở về sân của mình.

“Một ngày kia mùa xuân sẽ trở lại”, anh thì thào khi đến gặp chúng tôi.

22

Tháng Giêng đã tàn. Thịnh thoảng, trong xà lim, tôi lại nghĩ đến Chahine. Claude đã xuống sức rất nhiều. Thịnh thoảng, một anh bạn mang từ bệnh xá về một viên lưu hoàng. Anh không dùng viên thuốc để làm dịu cổ họng đau rát, mà để gại một que diêm. Thế là bạn bè xúm xít quanh một điếu thuốc do một người gác ngục tuồn cho, chúng tôi cùng hút chung. Nhưng hôm nay, lòng dạ ở đâu đâu.

François và André đi hỗ trợ chiến khu vừa thành lập ở Lot-et-Garonne. Làm xong nhiệm vụ trở về, các anh bị một phân đội hiến binh đón bắt. Hai mươi lăm mũ lính chống hai mũ lưỡi trai nhóc, cuộc chiến không cân sức. Các anh tự nhận mình thuộc lực lượng Kháng chiến; vì từ khi tiếng đồn lan truyền về một thất bại có thể xảy đến với bọn Đức, các lực lượng an ninh đôi khi kém tự tin, một số đã nghĩ đến tương lai và tự đặt những câu hỏi. Nhưng những kẻ chờ đợi các chiến hữu

của chúng tôi chưa chuyển ý, cũng chưa chuyển hàng ngũ, chúng đưa các anh đi không gương nhẹ.

Bước vào sở hiến binh, André chẳng sợ hãi. Anh rút chốt lựu đạn và quăng xuống đất. Thậm chí chẳng cố bỏ trốn, trong khi tất cả nằm dán mình xuống đất, anh đứng thẳng, một mình, bất động nhìn trái lựu đạn lăn trên sàn. Cuối cùng nó dừng lại giữa hai tấm ván sàn, nhưng không nổ. Bọn hiến binh xông vào anh và làm anh mất hứng thú can trường.

Mặt bê bết máu, thân thể sưng phù, anh bị tống giam sáng nay. Hiện anh đang ở bệnh xá. Chúng đã làm gãy xương sườn và hàm anh, làm vỡ toạc trán anh, chỉ là chuyện thường ngày.

*

* *

Ở nhà tù Saint-Michel, gã chánh quản ngục tên là Touchin. Chính y mở các xà lim cho buổi đi dạo chiều. Khoảng năm giờ, y khóa chùm chìa khóa, và lúc đó bắt đầu hợp âm chói tai của những chốt cửa loảng xoảng. Chúng tôi phải đợi hiệu lệnh của y để ra ngoài. Nhưng khi tiếng còi của tên chánh quản Touchin vang lên, tất cả chúng tôi đều đợi vài giây rồi mới bước qua ngưỡng cửa buồng giam, chỉ cốt làm y bực bội. Các cánh cửa đồng loạt mở ra lối đi hẹp nơi các tù nhân đứng thành hàng sát tường. Tên chánh quản ngục, có hai đồng nghiệp của y thấp tùng, đứng thẳng đuốn trong bộ

đồng phục. Khi thấy tất cả có vẻ đã vào trật tự, y đi ngược lên dọc đoàn tù nhân, cây gậy trong tay.

Mỗi người phải chào y theo kiểu của mình; một cái gật đầu, một bên lông mày nhướng lên, một tiếng thở dài, không quan trọng, tên chánh quản ngục muốn người ta thừa nhận oai quyền của y. Khi cuộc duyệt binh hoàn tất, đoàn người tiến lên theo những hàng khít nhau.

Sau khi chúng tôi đi dạo về, các bạn Tây Ban Nha được quyền thực hiện cũng nghi thức trên. Họ có năm mươi bảy người ở tầng giam dành cho họ.

Mọi người đi qua trước mặt Touchin và mọi người lại chào y. Nhưng các bạn Tây Ban Nha còn phải cởi quần áo ở lối đi nhỏ và để lại quần áo ở lan can. Mỗi người phải trở về xà lim trần như nhộng. Touchin nói là vì các lý do an ninh nên điều lệ buộc tù nhân ban đêm không mặc quần áo. Cả quần đùi cũng phải cởi. Touchin biện minh: "Hiếm khi thấy một người định tông ngồng mà vượt ngục. Chắc chắn là trong thành phố, hắn sẽ bị phát hiện rất nhanh."

Ở đây, chúng tôi biết rõ đó không phải là lý do của quy định tàn ác ấy; những kẻ lập ra điều này ước lượng được sự nhục nhã mà chúng bắt tù nhân phải chịu.

Cả Touchin cũng biết rõ như thế, nhưng y bắt chặp, thú vui trong ngày của y sắp đến, khi những người Tây Ban Nha sẽ đi qua trước mặt y và sẽ chào y, năm mươi bảy cái chào, bởi họ có năm mươi bảy

người, năm mươi bảy cái rùng mình thích thú với tên chánh quản ngục Touchin.

Thế là những người Tây Ban Nha đi qua trước mặt y và chào y, vì điều lệ buộc họ làm thế. Với họ, Touchin bao giờ cũng hơi bị thất vọng. Ở những gã này có một cái gì đó mà y sẽ không bao giờ khuất phục nổi.

Đoàn người tiến lên, do anh bạn Rubio dẫn dắt. Bình thường thì Boldados phải dẫn đầu, nhưng tôi đã bảo em rồi, Boldados là người xứ Castille và với tính cách kiêu hãnh của anh, rất có thể anh sẽ quăng nắm đấm vào mặt một tên cai ngục, hoặc thậm chí quăng tên cai ngục qua lan can mà gọi hắn là *hijo de puta*; thế là, chính Rubio đi đầu, như thế chắc chắn hơn, đặc biệt là tối nay.

Rubio, tôi biết anh rõ hơn những người khác, cả hai chúng tôi có chung một cái gì đó, một đặc điểm khiến chúng tôi hầu như không thể bị chia tách. Tóc Rubio đỏ hoe, da anh lấm tấm tàn nhang và mắt anh màu sáng, nhưng tạo hóa hào hiệp với anh hơn với tôi. Anh có thị lực hoàn hảo, tôi thì cận thị đến mức không có kính, tôi như mù. Rubio có khiếu hài hước chẳng ai bằng, chỉ cần anh mở miệng là tất cả mọi người cười lẫn. Tại đây, giữa những bức tường u tối, đó là một năng khiếu quý giá, vì hiếm khi người ta muốn cười dưới lớp kính cẩu bản bên trên lối đi hẹp.

Với các cô gái, khi Rubio ở bên ngoài, chuyện ấy là rất thuận lợi. Tôi sẽ phải xin anh tiết lộ cho vài mảnh, chỉ để nếu một ngày nào đó biết đâu tôi gặp lại Sophie.

Đoàn người Tây Ban Nha mà Touchin đếm từng người một, đang tiến lên. Rubio bước đi, mặt thần nhiên, anh dừng lại, nhún gối vãi cái trước tên chánh quản ngục, y hân hoan coi đó là một sự vãi chào, trong khi Rubio công khai nhạo báng cái mặt hăn. Đằng sau Rubio, là vị giáo sư già muốn giảng dạy bằng tiếng catalan⁽¹⁾, là bác nông dân đã học chữ trong tù và giờ đây đọc thơ của García Lorca⁽²⁾, là cựu xã trưởng một làng miền Asturias, là một kỹ sư biết cách tìm ra nguồn nước ngay cả khi nó ẩn mình trong lòng núi, là một thợ mỏ say mê cuộc Cách mạng Pháp và thỉnh thoảng lại hát lên những lời của Rouget de Lisle⁽³⁾ mà người ta chẳng biết bác có thật hiểu hay không.

Các tù nhân dừng bước trước buồng giam và, từng người một, bắt đầu cởi quần áo.

Quần áo họ đang cởi là những quần áo họ từng mặc khi họ đấu tranh trong trận chiến Tây Ban Nha. Quần vải chỉ còn giữ được nhờ những dây đeo nhỏ cũ kỹ, giày họ khâu trong các trại miền Tây hầu như không còn đế, sơ mi tả tơi, nhưng dù ăn mặc rách rưới, các chiến

1. Ngôn ngữ của miền Catalogne, một cộng đồng Tây Ban Nha gồm bốn tỉnh Barcelone, Gérone, Lérída và Tarragone.

2. Federico García Lorca (1898-1936), nhà thơ Tây Ban Nha, xuất thân gia đình tư sản sung túc nhưng đã lập tức đứng về phía những người bị áp bức bóc lột. Trong các tác phẩm, ông kết hợp được di sản văn hóa dân gian và nghệ thuật đương đại. Ông bị bè đảng Franco bắn chết ngay trong những ngày đầu của cuộc nội chiến.

3. Claude Joseph Rouget de Lisle (1760-1836) sĩ quan và nhà soạn nhạc Pháp, tác giả của bài *La Marseillaise*, quốc ca Pháp.

hữu Tây Ban Nha vẫn có một dáng dấp kiêu hãnh. Miền Castille thật đẹp và những người con của nó cũng đẹp.

Touchin xoa bụng, y ợ hơi, đưa tay quạt mũi rồi chùi nước mũi vào ve áo khoác ngắn.

Tối nay, y nhận thấy những người Tây Ban Nha thư thái, họ tử mĩ hơn thường lệ. Kìa họ đang gập lại quần, cởi sơ mi và vắt lên lan can; đồng loạt, họ cúi xuống và xếp những đôi giày trên nền đá lát. Touchin khua khua cây gậy, như thể động tác của y có thể đánh nhịp thời gian.

Năm mươi bảy thân hình gầy guộc nhờ nhờ trắng giờ đây quay về phía hấn. Touchin nhìn, chẩn đoán, một chi tiết không ổn, nhưng nó là cái gì? Tên quân ngục gãi đầu, nhấc mũ, ngửa người ra đằng sau như thể tư thế ấy sẽ cho y lùì lại được một chút. Y chắc chắn, có một cái gì đó chệch choạc, nhưng cái gì? Một cái liếc nhanh sang trái về phía gã đồng nghiệp đang nhún vai, một cái liếc sang phải về phía gã kia cũng đang làm thế, và Touchin khám phá ra điều không thể chấp nhận: "Thế là cái quái gì những chiếc quần đùi chúng còn đang mặc, trong khi lẽ ra phải tòng ngồng kia mà?!" Chắc chắn rằng y là chỉ huy đầu phải vô cố, vì hai gã tùy tùng đã chẳng thấy một tí gì ở mưu đồ hết. Touchin nghiêng sang bên để kiểm tra xem, trong hàng người, liệu ít ra có một kẻ tuân lệnh hay không, nhưng không, ai nấy đều còn mặc quần đùi, chẳng có ngoại lệ.

Rubio cố nín cười, dù anh buồn cười khi nhìn bộ dạng bực bội của Touchin. Đây là một trận chiến đang

diễn ra, nó có vẻ rất ôn hòa vô hại, nhưng sự được mất lại có tầm cỡ. Đó là trận đầu tiên, và nếu thắng, sẽ có những trận khác nữa.

Rubio, chẳng ai sánh tày anh trong việc nhạo báng Touchin, nhìn y với vẻ ngây thơ của người đang hỏi còn chờ gì nữa để trở vào xà lim.

Và bởi Touchin, sống sờ kinh ngạc, chẳng nói gì hết, Rubio bèn tiến lên một bước và đoàn tù nhân cũng làm như vậy. Thế là Touchin, hoang mang, lao về cửa buồng giam và, khoanh tay lại, chặn lối vào. Không muốn có chuyện rắc rối, Touchin cảnh cáo:

- Nào, nào, các người biết rõ quy định. Tù nhân và quần đùi không được cùng vào xà lim. Quần đùi ngủ trên lan can còn tù nhân ngủ trong buồng giam; xưa nay vẫn thế, tại sao tối nay lại khác đi? Nào, nào, Rubio, đừng làm thẳng đàn.

Rubio sẽ không đổi ý, anh khinh bỉ ngấm Touchin và bình tĩnh nói với hắn bằng ngôn ngữ của anh rằng anh sẽ không cời.

Touchin dọa dẫm, y định xô đẩy Rubio, tóm lấy cánh tay anh và lúc lắc người anh. Nhưng dưới chân tên chánh quản ngục, nền đá lát đã mòn vì bước chân các tù nhân trở nên rất trơn trong thời tiết lạnh ẩm này. Touchin lờng lợn và ngã ngửa. Bọn canh ngục vội vã lao đến đỡ y dậy. Điền tiết, Touchin giơ tay lên với Rubio, Boldados bèn tiến một bước và đứng vào giữa. Anh siết chặt nắm tay, nhưng anh đã thề với những người khác là không sử dụng những nắm tay ấy, không phá hỏng

mưu kế của họ bằng một cơn giận dữ, dù chính đáng.

- Cả tôi nữa tôi cũng sẽ không cời quần đùi đâu, chỉ huy ạ!

Touchin, đỏ mặt tía tai, khua gậy và hét toáng lên:

- Một cuộc phản loạn, thế đấy hả? Các người sẽ thấy điều các người sẽ thấy! Giam cả hai vào ngục tối, một tháng, ta sẽ dạy cho các người biết!

Y vừa thốt xong câu nói thì năm mươi lăm người Tây Ban Nha còn lại tiến lên một bước và, cả họ nữa, cũng đi về phía ngục tối. Hai người, trong ngục tối, đã chật chội rồi. Touchin không giỏi hình học lắm, nhưng dù sao y cũng đo được tầm rộng lớn của vấn đề mà y phải đối đầu.

Thời gian ngấm ngấm, y tiếp tục khua cây gậy; ngừng động tác sẽ như thể thừa nhận y đã mất mặt. Rubio nhìn bạn bè, anh mỉm cười, và đến lượt anh cũng khua hai cánh tay song không hề đụng vào một gã canh ngục nào để chúng không có cơ phải lực lượng tăng viện. Rubio khua tay múa chân, tạo những vòng tròn lớn trong không gian, và bạn bè anh cũng làm như anh. Năm mươi bảy đôi cánh tay xoay đảo và từ những tầng bên dưới cất lên tiếng hò la của các tù nhân khác. Chỗ này mọi người hát *Marseillaise*, chỗ kia hát *Quốc tế ca*, ở tầng trệt là *Bài ca quân du kích*.

Tên chánh quản ngục không còn sự chọn lựa, nếu y để vậy, toàn thể nhà tù sẽ làm loạn. Cây gậy của Touchin buông xuống, bất động; y ra hiệu cho các tù nhân vào xà lim của họ.

Em thấy đó, tối hôm ấy, những người Tây Ban Nha đã thắng cuộc chiến quần đùi. Đó chỉ là một trận đầu tiên, nhưng sáng hôm sau trong sân, khi Rubio kể lại cho tôi từng chi tiết, chúng tôi đã siết tay nhau qua tấm lưới. Và khi anh hỏi xem tôi nghĩ gì về tất cả những điều đó, tôi trả lời anh:

- Hãy còn những nhà ngục phải chiếm lấy.

Bác nông dân hát bài *Marseillaise* một hôm đã chết trong xà lim, vị giáo sư già muốn dạy tiếng catalan không bao giờ trở lại từ Mauthausen⁽¹⁾, Rubio bị đi đày nhưng dù sao đã trở về, Boldados bị bắn chết ở Madrid, xã trưởng ngôi làng miền Asturias đã quay về nhà, và ngày mà người ta hạ các bức tượng của Franco xuống, cháu trai ông sẽ tiếp quản chức xã trưởng.

Còn về Touchin, sau Giải phóng y được cử làm giám thị trường nhà tù Agen.

1. Một thành phố của nước Áo, nơi có trại tập trung do bọn quốc xã lập năm 1938.

23

Mở sáng ngày 17 tháng Hai, bọn canh ngục đến tìm André. Khi rời xà lim, anh nhún vai và khẽ liếc nhìn chúng tôi. Cánh cửa đóng lại, anh đi giữa hai tên cai ngục về phía tòa án binh đặc biệt xét xử ngay bên trong thành lũy nhà tù. Sẽ không có tranh luận, không có luật sư.

Trong vòng một phút anh bị kết án tử hình. Tiểu đội hành hình đã chờ anh sẵn trong sân.

Những tên hiến binh đặc cử đến từ Grenade-sur-Garonne, từ chính nơi André đang thực hiện nhiệm vụ thì bị chúng bắt. Phải làm cho xong công việc.

André muốn nói lời từ biệt, nhưng điều này trái với quy định. Trước khi chết, André viết một bức thư ngắn cho mẹ, anh trao thư cho tên giám thị trưởng Theil hôm đó thay Touchin.

Giờ đây chúng trói André vào cột, anh yêu cầu hoãn vài giây, vừa đủ để tháo chiếc nhẫn anh đeo trên

tay. Tên giám thị trưởng Theil cầu nhàu đôi chút nhưng cũng nhận chiếc nhẫn mà André giao phó và anh cầu xin y hoàn lại cho mẹ anh. “Đó là nhẫn cưới của bà”, anh giải thích, bà đã tặng anh vào ngày anh ra đi để gia nhập đội. Theil hứa, và lần này, chúng trời hai cổ tay anh.

Nếu lấy hàng chấn song nhà ngục, chúng tôi tưởng tượng cảnh mười hai kẻ mang mũ cứng xếp thành tiểu đội. André đứng thẳng người. Các khẩu súng giương lên, chúng tôi siết chặt nắm tay và mười hai viên đạn xé nát thân hình gầy guộc của bạn chúng tôi, anh gập đôi người lại và ở đó, thoi thóp thở, bên cây cột, đầu ngã sang bên, mặt rỉ máu.

Việc hành hình kết thúc, bọn hiến binh ra đi. Tên giám thị trưởng Theil xé bức thư của André và cất chiếc nhẫn vào túi. Ngày mai, y sẽ đảm trách một chiến hữu khác của chúng tôi.

Sabatier, sa lưới ở Montauban, bị bắn tại cùng cây cột ấy. Sau lưng anh, máu của André chỉ mới hơi khô.

Ban đêm, thỉnh thoảng tôi còn thấy những mảnh giấy bị xé nhỏ bay lên trong sân nhà tù Saint-Michel. Trong cơn ác mộng của tôi, chúng lượn đến tận bức tường đằng sau cây cột của những người bị xử bắn và dán lại với nhau để tái tạo những từ ngữ mà André đã viết ngay trước khi chết. Khi đó anh vừa mười tám tuổi.

Khi chiến tranh kết thúc, tên chánh quản ngục Theil được cử làm tổng giám thị tại nhà tù Lens.

*

*

*

Vài ngày nữa sẽ đến vụ xét xử Boris và chúng tôi lo sợ điều xấu nhất. Nhưng ở Lyon, chúng tôi có những người anh em.

Nhóm của họ mang tên Carmagnole⁽¹⁾-Tự do. Hôm qua họ đã thanh toán một viên phó chương lý, giống như Lespinasse, y đã làm được cho một người kháng chiến bị xử chém. Chiến hữu Simon Frid chết, nhưng viên biện lý Fauré-Pingelli đã bỏ mạng. Sau miếng đòn ấy, không một quan tòa nào còn dám đòi mạng sống của một người trong chúng tôi nữa. Boris, lĩnh hai mươi năm tù giam, coi khinh hình phạt, cuộc chiến đấu của anh vẫn tiếp tục ở bên ngoài. Chúng có là các bạn Tây Ban Nha cho chúng tôi biết ngôi nhà của một tên dân binh vừa nổ tung tối qua. Tôi đã chuyển được cho Boris một mẫu thư để anh biết tin này.

Boris không biết rằng ngày đầu tiên của mùa xuân 1945, anh sẽ chết ở Gusen, trong một trại tập trung.

*

*

*

- Đừng có làm cái bộ mặt như thế, Jeannot!

1. *La Carmagnole*, bài ca và điệu vũ của quần chúng trong thời kỳ Cách mạng Pháp, được sáng tác năm 1792, khuyết danh tác giả, đến năm 1799 bị Bonaparte cấm.

Tiếng nói của Jacques đưa tôi ra khỏi trạng thái thờ ơ. Tôi ngẩng đầu dậy, cảm thấy thuốc anh đưa và ra hiệu cho Claude để nó lại gần tôi rít vài hơi. Nhưng chẳng em tôi, kiệt sức, ung nằm dài sát tường xà lim hơn. Điều làm Claude kiệt sức không phải là sự thiếu ăn, không phải là cái khát, không phải những cơn bọ chét đêm đêm cắn xé chúng tôi, cũng không phải sự ngược đãi của bọn cai ngục; không, điều khiến thằng em tôi bần thần cau có đến thế, là cứ ở đó, xa sự hoạt động, và tôi hiểu nó vì tôi cũng cảm thấy cùng nỗi buồn ấy.

- Chúng ta sẽ không bỏ cuộc, Jacques nói tiếp. Ở bên ngoài, các anh em tiếp tục đấu tranh và Đồng minh cuối cùng sẽ đổ bộ, rồi cậu sẽ thấy.

Ngay khi Jacques nói với tôi những lời ấy để động viên an ủi tôi, anh không ngờ rằng các chiến hữu đang chuẩn bị một hành động chống lại rạp chiếu bóng Variétés: ở đây chỉ chiếu những bộ phim tuyên truyền cho quốc xã.

Rosine, Marius và Enzo tham gia hành động, nhưng lần này không phải Charles chuẩn bị trái bom. Vụ nổ phải xảy ra khi buổi chiếu đã kết thúc, rạp không còn ai, để tránh bất kỳ nạn nhân nào là dân thường. Khỏi thuốc mà Rosine sẽ phải đặt dưới một ghế ngồi ở tầng trệt được trang bị một bộ phận hãm giờ, và anh bạn làm vườn ở Loubers của chúng tôi không có vật liệu cần thiết để chế tác nó. Hành động phải diễn ra tối qua; vào chương trình phim: *Gã Do Thái Süss*. Nhưng,

cảnh sát ở khắp nơi, các lối vào bị khám xét kỹ, túi xách và cặp bị lục lọi, thế thì các chiến hữu không thể mang hàng của mình vào.

Jan quyết định hoãn công việc đến hôm sau. Lần này, cửa soát vé không bị chặn, Rosine vào phòng và ngồi xuống cạnh Marius, cậu tuồn chiếc túi xách đựng bom xuống dưới ghế của cô. Enzo đến ngồi đằng sau họ, để trông nom giữ gìn cho họ không bị phát hiện. Nếu tôi mà biết chuyện, tôi sẽ ghen tị với cậu ấy, Marius, vì cậu được ở cả một buổi tối trong rạp chiếu bóng bên cạnh Rosine. Cô thật xinh đẹp, với âm sắc hơi véo von và giọng nói khiến người ta rung mình không kiểm soát nổi.

Đèn tắt và tin tức thời sự nổi tiếp trên màn ảnh rạp chiếu bóng Variétés. Rosine ngồi lún sâu trong ghế bành, mái tóc dài màu nâu xòa nhẹ xuống vai. Enzo không bỏ sót tí gì cử động dịu dàng và yếu điệu của chiếc gáy. Khó lòng tập trung vào bộ phim đang bắt đầu, khi ta có hai ki lô thuốc nổ trước chân mình. Marius hoài công tự thuyết phục mình điều ngược lại, song cậu vẫn hơi căng thẳng. Cậu không ưa làm việc với khí cụ mà cậu chẳng thạo. Khi Charles chuẩn bị các khối thuốc, cậu tin tưởng; chưa bao giờ công trình của bạn cậu sai trật; nhưng ở đây, cơ chế khác biệt, theo sở thích của cậu thì quả bom quá cầu kỳ tinh vi.

Cuối buổi chiếu, cậu sẽ phải luồn tay vào túi xách của Rosine và làm vỡ một ống thủy tinh chứa axit sunfuric. Trong ba mươi phút, axit sẽ ăn mòn thành của

một hộp sắt nhỏ nhồi đầy clorat bô tạt. Hòa trộn vào nhau, hai chất này sẽ làm bật tung kíp nổ được cài trong khối thuốc. Nhưng tất cả những trò hóa học ấy quá phức tạp trong mắt Marius. Cậu thì cậu ưa những cơ cấu đơn giản, những cơ cấu do Charles chế tác với thuốc nổ và một cái ngòi. Khi ngòi lách tách, chỉ cần đếm các giây; trong trường hợp có vấn đề, thì với một chút can đảm và lanh lẹn ta vẫn có thể gỡ bỏ dây bụi nhùi. Hơn nữa, người chế tạo còn thêm một hệ thống khác dưới bụng quả bom; bốn chiếc pin nhỏ và một viên thủy ngân được nối liền với nhau để gây nổ tức khắc nếu một gã canh gác tìm thấy nó và định nhấc nó lên, một khi thiết bị đã được đặt trong trạng thái hoạt động.

Thế là Marius toát mồ hôi và cố gắng chú ý đến bộ phim song vô hiệu. Thay vào đó, cậu liếc những ánh mắt kín đáo nhìn Rosine, cô làm như không thấy gì hết; cho đến lúc cô phát một cái vào chân cậu để nhắc nhở cậu rằng chuyện phim đang diễn ra ở phía trước chứ không phải ở cổ của cô.

Ngay cả bên cạnh Rosine, những giây phút đang trôi đi dường như rất dài trong rạp chiếu bóng Variétés. Tất nhiên, Rosine, Enzo và Marius có thể khởi động thiết bị vào lúc nghỉ giải lao và cuốn gói tấp lự. Thế là xong và họ đã về nhà, thay vì khổ sở và toát mồ hôi như họ hiện giờ. Nhưng tôi đã bảo em rồi, chúng tôi chưa bao giờ giết một người vô tội, một kẻ ngu ngốc cũng không. Thế là họ chờ buổi chiếu phim kết thúc, và khi

khán phòng hết người, họ sẽ khởi động thiết bị có hãm giờ, và chỉ lúc ấy mà thôi.

Cuối cùng đèn bật sáng lại. Khán giả đứng lên và tiến về phía cửa ra. Ngồi giữa hàng ghế, Marius và Rosine vẫn ở yên chỗ, đợi mọi người đi khỏi. Đằng sau họ, Enzo cũng không động đậy gì hơn. Ở đầu lối đi, một bà già dềnh dang thư thả mặc lại áo khoác. Người bên cạnh bà không đợi được nữa. Nổi khùng, ông ta xoay người lại và tiến về phía hành lang đối diện.

- Nào, dịch ra chứ, hết phim rồi! ông ta cự.

- Vợ chưa cưới của tôi hơi mệt, Marius trả lời, chúng tôi đang đợi cô ấy lấy lại sức để đứng dậy.

Rosine nạt thẳm và ngầm nghĩ rằng Marius thật táo tợn, rồi cô sẽ nói cho cậu biết điều ấy ngay lúc họ ra đến ngoài! Trong khi chờ đợi, cô những muốn trước hết cái gã này hãy quay về chỗ hắn từ đó đến.

Người đàn ông đưa mắt nhìn hàng ghế, bà già đã ra rồi, nhưng lại phải đi qua lần nữa suốt lối đi. Thây kệ, ông ta ép sát mình vào lưng ghế, cố chen qua trước mặt gã con trai ngu ngốc cứ ngồi yên trong khi phân giới thiệu những người tham gia phim đã xong hết, ông bước qua cô gái ngồi cạnh anh chàng, hơi xô đẩy cô một chút, thấy cô còn quá trẻ để mà mệt mỏi, rồi bước ra xa mà chẳng xin lỗi.

Marius từ từ quay đầu sang Rosine, nụ cười của cô kỳ lạ, có điều gì đó không ổn, cậu biết như thế, cậu cảm thấy như thế. Mặt Rosine thất sắc.

- Thằng ngu ấy đã đâm bẹp túi xách của mình!

Đó là những tiếng cuối cùng Marius còn nghe thấy trong đời; thiết bị đã khởi động; trong lúc xô đẩy, trái bom lật ngược, viên thủy ngân tiếp xúc với những cục pin và lập tức phát hỏa. Marius, đứt đôi người, chết ngay tức khắc. Enzo, bị hất ra phía sau, nhìn thấy trong lúc ngã thân hình Rosine từ từ cất lên rồi rơi xuống trước đó ba hàng ghế. Cậu định đến cứu cô, nhưng đổ vật xuống ngay, bắp chân rách toác, gằn như đứt lìa.

Nằm sóng soài trên đất, màng nhĩ như toác ra, cậu không còn nghe tiếng bọn cảnh sát đang xô đến. Trong phòng, mười dây ghế tan tác.

Họ nhắc cậu lên và khiêng cậu đi, cậu mất máu, tri giác mù mờ. Đằng trước cậu, dưới đất, Rosine đắm mình trong một vũng nước màu đỏ không ngừng lan rộng, gương mặt sưng lại.

Chuyện xảy ra hôm qua, tại rạp chiếu bóng Variétés, vào cuối buổi chiếu, Enzo nhớ lại, Rosine có sắc đẹp của những mùa xuân. Họ được chuyển đến Bệnh viện chính của thành phố.

Mờ sáng, Rosine qua đời mà không hề tỉnh lại lần nào.

Họ đã khâu lại chân cho Enzo, các bác sĩ phẫu thuật làm những gì họ có thể.

Trước cửa phòng bệnh của cậu, ba dân binh canh gác.

Xác Marius bị ném xuống một lỗ huyết ở nghĩa địa Toulouse. Nhiều lần, ban đêm trong xà lim nhà tù Saint-Michel, tôi nghĩ đến họ. Để gương mặt họ không bao giờ mờ phai, và cũng để không bao giờ quên lòng dửng dưng của họ.



Ngày hôm sau, Stefan đi làm nhiệm vụ ở Agen trở về, gặp Marianne; cô chờ anh nơi tàu hỏa đỗ, mặt thất sắc. Stefan quàng tay ngang người cô và kéo cô ra bên ngoài nhà ga.

- Cậu biết chuyện không? cô hỏi, họng nghẹn thất.

Nhìn diện mạo Stefan, cô hiểu là anh chẳng biết gì hết về tấn bi kịch diễn ra hôm qua tại khán phòng rạp chiếu bóng Variétés. Trên lề đường nơi họ bước đi, cô báo cho anh về cái chết của Rosine và Marius. Stefan hỏi:

- Enzo đang ở đâu?

- Ở Bệnh viện chính thành phố, Marianne đáp.

- Mình quen một bác sĩ làm việc ở khoa ngoại.

Ông có tư tưởng khá tự do, mình sẽ xem mình có thể làm được gì.

Marianne đi cùng Stefan đến tận bệnh viện. Suốt dọc đường họ không nói với nhau một lời, mỗi người đều nghĩ đến Rosine và Marius. Đến trước mặt tiền Bệnh viện chính thành phố, Stefan phá vỡ sự thinh lặng.

- Còn Rosine, bạn ấy ở đâu?

- Ở nhà xác. Sáng nay, Jan đã đến thăm cha bạn ấy.
- Minh hiểu. Cậu biết đấy, cái chết của bạn bè chúng ta sẽ chẳng được việc gì nếu chúng ta không đi tới tận cùng.

- Stefan, mình chẳng biết liệu chỗ “tận cùng” mà cậu nói có thực sự tồn tại hay không, liệu một ngày nào đó chúng ta có tỉnh khỏi cơn ác mộng mà chúng ta sống đã nhiều tháng trời hay không. Nhưng nếu cậu muốn biết liệu mình có sợ hay không từ khi Rosine và Marius chết, thì có đấy, Stefan ạ, mình sợ; buổi sáng thức dậy, mình sợ; cả ngày, khi sải bước trên các đường phố để lượm lặt tin tức hay theo dõi một tên địch, mình sợ; ở mỗi ngã ba, mình sợ họ theo mình, sợ họ bắn mình, sợ họ bắt giữ mình, sợ có những Marius và Rosine khác không trở về sau khi hành động, sợ Jeannot, Jacques và Claude bị xử bắn, sợ có điều gì xảy ra với Damira, với Osna, với Jan, với tất cả các cậu, những người là gia đình của mình. Lúc nào mình cũng sợ, Stefan ạ, ngay cả khi đang ngủ. Nhưng không nhiều hơn hôm qua hay hôm kia, không nhiều hơn kể từ ngày đầu tiên mình gia nhập đội, không nhiều hơn kể từ ngày họ tước đoạt của chúng ta quyền được tự do. Thế thì ừ, Stefan ạ, mình sẽ tiếp tục sống với nỗi sợ ấy, cho đến chỗ “tận cùng” mà cậu nói với mình, dù mình chẳng biết nó ở nơi nào.

Stefan lại gần Marianne và những cánh tay vụng về của anh ôm lấy cô. Cũng dè dặt e lệ y như thế, cô ngả đầu vào vai anh; và thầy kệ nếu Jan thấy sự tự tiện này

là nguy hiểm. Ở giữa lòng nỗi cô đơn là tình trạng thường ngày của họ, nếu Stefan muốn, cô sẽ để mặc anh, cô sẽ để mình được yêu, dù chỉ một khoảnh khắc, miễn đó là tình thương mến. Sống một giây lát được an ủi, cảm nhận nơi mình sự hiện diện của một người đàn ông sẽ nói với mình, qua sự dịu dàng của cử chỉ, rằng cuộc sống vẫn tiếp diễn, rằng mình tồn tại, đơn giản thế thôi.

Mỗi Marianne lướt gần mỗi Stefan và họ hôn nhau, ở đó, trước các bậc thềm của Bệnh viện chính, nơi Rosine đang yên nghỉ trong một tầng hầm tối tăm.

Trên hè phố, khách qua đường chậm bước, thích thú nhìn đôi trai gái đang ôm nhau mà nụ hôn dường như không bao giờ muốn chấm dứt. Giữa cuộc chiến tranh gớm guốc này, một số người còn tìm ra sức mạnh để yêu nhau. Mùa xuân sẽ trở lại, một hôm Jacques đã nói thế, và nụ hôn thâm vụng trên sân trước của một bệnh viện u ám khiến người ta tin rằng có lẽ anh đúng.

- Mình phải đến đó, Stefan khẽ nói.

Marianne nắm vòng tay và nhìn bạn trèo lên các bậc. Khi anh tới thềm cửa, cô giơ tay ra hiệu với anh. Một cách để nói với anh "hẹn tối nay", có lẽ.

*

*

*

Giáo sư Ricuneau hành nghề ngoại khoa ở Bệnh viện chính. Ông từng là một trong các thầy dạy Stefan và Boris, khi các anh còn có quyền theo học khoa y.

Rieuneau không ưa những đạo luật hèn hạ vô liêm sỉ của Vichy; vốn yêu mến tự do, lòng ông thiên về ủng hộ lực lượng Kháng chiến. Ông đón cậu học trò cũ với niềm nhân ái và kéo cậu ra chỗ khuất. Giáo sư hỏi:

- Thầy giúp gì được anh?

- Em có một người bạn, Stefan ngần ngừ đáp, một người bạn rất thân hiện đang ở đâu đó trong này.

- Tại khoa nào?

- Nơi người ta chữa trị những người bị đứt lìa chân vì một trái bom.

- Thế thì, thầy cho là ở khoa ngoại, giáo sư đáp. Cậu ấy đã được phẫu thuật chưa?

- Em cho là tối qua ạ.

- Cậu ấy không ở bộ phận của thầy, nếu có, thì khi đi khám bệnh sáng nay thầy đã thấy. Để thầy đi hỏi tin tức.

- Thưa giáo sư, phải tìm cách để...

- Thầy đã hiểu rõ rồi, Stefan, giáo sư ngắt lời cậu, thầy sẽ xem có thể làm được gì. Hãy đợi thầy ở sảnh, thầy đi hỏi về tình trạng sức khỏe của cậu ta.

Stefan nghe lời và đi xuống cầu thang. Đến tầng trệt, anh nhận ra cánh cửa có những tấm ván tróc sơn; ở phía sau, những bậc thang khác dẫn xuống các tầng hầm. Stefan do dự, nếu mọi người bắt gặp anh, họ sẽ chẳng khỏi đặt cho anh những câu hỏi mà anh rất khó trả lời. Nhưng bốn phận cấp bách hơn là mối nguy hiểm có thể gặp, và không đợi thêm nữa, anh đẩy cánh cửa.

Cuối cầu thang, hành lang tựa như một đường hầm dài thâm nhập đáy lòng bệnh viện. Trên trần, những dây dợ nhằng nhịt chạy quanh hệ thống đường ống rỉ rỉ nước. Cứ cách mười mét, một ngọn đèn vách lại tỏa quang sáng nhợt nhạt; có những chỗ bóng đèn bị vỡ và hành lang chìm trong cảnh tranh tối tranh sáng.

Stefan coi khinh bóng tối, anh biết đường. Trước kia, có những lần anh đã phải đến đây. Gian phòng anh tìm ở bên phải, anh đi vào.

Rosine nằm trên một chiếc bàn, một mình trong phòng. Stefan lại gần tấm vải phủ, nhuộm máu đen. Mái đầu hơi nghiêng để lộ chỗ gãy bên dưới gáy. Có phải vết thương này đã giết chết cô hay vô số vết thương khác mà anh đang nhìn thấy? Anh đứng tĩnh tâm trước thi hài.

Anh đến thay mặt các chiến hữu để nói với cô lời tạm biệt, nói với cô rằng gương mặt cô sẽ không bao giờ phai mờ trong ký ức chúng tôi và không bao giờ chúng tôi bỏ cuộc.

“Nếu tại nơi bạn ở, bạn gặp André, hãy chào bạn ấy giúp mình.”

Stefan hôn lên trán Rosine và rời nhà xác, lòng nặng trĩu.

Khi anh trở lại gian sảnh, giáo sư Rieuneau đang chờ anh.

- Thầy tìm anh, chà, anh ở đâu thế? Bạn anh thoát

rồi, các bác sĩ phẫu thuật đã khâu lại chân cho cậu ấy. Hãy hiểu cho rõ rằng thầy không bảo cậu ấy sẽ lại đi được, nhưng cậu ấy sẽ sống sót sau những vết thương.

Và thấy Stefan, lặng lẽ, không rời mắt khỏi mình, vị giáo sư già kết luận:

- Thầy không thể làm gì được cho cậu ta. Thường xuyên có ba dân binh canh gác cậu ta, những tên man rợ ấy thậm chí không để thầy vào gian phòng cậu ta nằm. Hãy bảo bạn bè anh đừng mưu toan làm gì ở đây, như vậy quá nguy hiểm đấy.

Stefan cảm ơn ông thầy và ra đi tức khắc. Tối nay, anh sẽ gặp lại Marianne và sẽ thông báo tin tức cho cô.

Chúng chỉ để Enzo được nghỉ ngơi vài ngày trước khi đưa cậu ra khỏi giường bệnh để chuyển đến bệnh xá nhà tù. Bọn dân binh mang cậu đi không chút gượng nhẹ và trên đường di chuyển Enzo ba lần bất tỉnh.

Số phận cậu đã được định đoạt trước cả khi cậu bị tống giam. Để cậu hồi phục, là chúng sẽ bắn chết cậu trong sân; vì cậu phải bước đi được đến cây cột hành hình, nên chúng tôi sẽ ra sức làm cho cậu không sớm đứng lên được. Lúc này là đầu tháng Ba năm 1944, những tin đồn về một cuộc đổ bộ sắp tới của đồng minh ngày càng nhiều hơn. Ở đây không ai nghi ngờ rằng đến ngày ấy, những cuộc hành hình sẽ chấm dứt và chúng tôi sẽ được thả. Để cứu anh bạn Enzo, phải đối phó với thời gian.

*

*

*

Từ hôm qua, Charles giận điên lên. Jan đã đến thăm anh tại nhà ga nhỏ bỏ không Loubers. Quả thật là cuộc viếng thăm kỳ cục, Jan đến từ biệt anh. Một đội ngũ mới những người kháng chiến Pháp vừa thành lập ở nội địa, họ cần những người có kinh nghiệm, Jan phải đến với họ. Không phải anh quyết định như thế, đó là mệnh lệnh, thế thôi. Anh chỉ phục tùng.

- Nhưng ai ra những lệnh ấy? Charles hỏi, anh chưa hết giận dữ.

Những người kháng chiến Pháp, ở Toulouse, bên ngoài đội, chuyện ấy tháng trước còn chưa tồn tại! Thế là một mạng lưới mới đang được tổ chức và người ta lấy đi người trong nhóm của anh! Những người như Jan, đâu có đủ, rất nhiều chiến hữu đã ngã xuống hoặc bị bắt, vậy phải để anh ra đi như thế, Charles thấy chuyện này bất công. Jan nói:

- Mình biết, nhưng chỉ thị là từ bên trên xuống.

Charles bảo rằng anh cũng chẳng biết "bên trên". Đảng đảng bao tháng nay, cuộc chiến đấu được thực hiện ở bên dưới này. Cuộc chiến tranh đường phố, chính họ sáng tạo ra nó. Bất chúc công việc họ làm là chuyện dễ với những người khác.

Charles không thực sự nghĩ những gì anh nói, chỉ có điều từ biệt chiến hữu Jan, điều ấy gần như làm anh đau hơn cả cái ngày mà anh bảo một phụ nữ rằng cô

trở về bên chồng cô thì tốt hơn.

Dĩ nhiên, Jan kém xinh đẹp hơn cô ấy nhiều và Charles sẽ chẳng bao giờ nằm chung giường với Jan cho dù Jan có ốm yếu đến chết. Nhưng trước khi là chỉ huy của Charles, thoát tiên Jan là bạn của anh, vậy thì nhìn Jan ra đi như thế...

- Cậu có thời gian ăn một đĩa trứng trắng không? Mình có trứng đấy, Charles làm bầm.

- Hãy giữ lại cho những người khác, quả thật mình phải đi đây, Jan đáp.

- Người khác nào chứ? Cứ cái đà này, thì rồi tớ sẽ chỉ còn mỗi một mình trong đội!

- Những người khác sẽ đến, Charles ạ, đừng lo. Cuộc chiến mới chỉ bắt đầu, lực lượng Kháng chiến đang tổ chức và giúp đỡ một tay ở nơi mà mình có thể hữu ích là chuyện bình thường. Nào, tạm biệt mình đi và đừng có làm bộ mặt như thế nữa.

Charles tiễn Jan ra con đường nhỏ.

Họ ôm hôn nhau, thề một ngày kia sẽ gặp lại nhau, khi đất nước được giải phóng. Jan lên xe đạp và Charles gọi anh lần cuối.

- Catherine đi với cậu chứ?

- Phải, Jan đáp.

- Thế thì, hôn cô ấy giúp mình.

Jan gật đầu hứa và mặt Charles rạng lên trong khi anh hỏi Jan một câu cuối cùng.

- Về về phương diện chuyên môn, từ lúc chúng

mình nói lời tạm biệt, cậu không còn là chỉ huy của mình nữa?

- Về phương diện chuyên môn, không! Jan đáp.

- Thế thì, đồ ngốc ạ, nếu ta thắng trong cuộc chiến này, các cậu hãy cố mà sống hạnh phúc, Catherine và cậu ấy. Và chính tớ, người chế tạo thiết bị ở Loubers, sẽ ra lệnh này cho cậu!

Jan chào Charles như ta chào một người lính mà ta kính trọng, rồi anh ra đi trên chiếc xe đạp.

Charles đáp lại cái chào của Jan và anh ở lại đấy, cuối con đường của nhà ga cũ bỏ không, cho đến khi chiếc xe của Jan khuất dạng phía chân trời.

*

* *

Trong khi chúng tôi chết vì đói ở xà lim, trong khi Enzo quần quai vì đau đớn ở bệnh xá nhà tù Saint-Michel, thì cuộc chiến vẫn tiếp tục trên đường phố. Và không một ngày nào trôi qua mà kẻ địch không thấy những đoàn tàu của chúng bị phá hoại, những trụ điện bị đánh bật, những cần trục gục xuống dòng kênh, những xe tải Đức đột nhiên có vài quả lựu đạn rơi vào.

Nhưng, tại Limoges, một kẻ cáo giác đã báo cho chính quyền rằng có những thanh niên, chắc chắn là người Do Thái, thường hội họp lén lút ở một căn hộ trong tòa nhà y ở. Cảnh sát lập tức tiến hành bắt bớ. Chính phủ Vichy bèn quyết định cử đến tại chỗ một

trong những tên chó săn giỏi nhất của nó.

Viên cảm Gillard, phụ trách việc đàn áp chống khủng bố, được cử đi cùng nhóm cộng sự dưới quyền y để điều tra về những gì cuối cùng có thể giúp chúng lần lên tận mạng lưới Kháng chiến miền Tây Nam mà chúng cần tiêu diệt bằng mọi giá.

Ở Lyon, Gillard đã chứng tỏ khả năng của mình, y quen thẩm vấn, y sẽ chẳng chịu tho ở Limoges. Y quay lại sở cảnh sát để đích thân đảm trách các câu hỏi cần đặt ra. Hết ngược đãi đến hành hạ, cuối cùng y biết được rằng có những “kiện hàng” được gửi theo phương thức hòm thư lưu đến Toulouse. Lần này, y biết buông lưới câu ở chỗ nào, sau đó chỉ cần canh chừng con cá sẽ đến cắn câu.

Đã đến lúc rũ một lần cho sạch hết những tên kiêu dân làm rối loạn trật tự công cộng và đặt vấn đề nghi ngờ uy quyền của Nhà nước.

Trời vừa sáng, Gillard bỏ các nạn nhân của y lại cho sở cảnh sát Limoges và lên tàu đi Toulouse cùng nhóm cộng sự dưới quyền y.

24

Vừa đến nơi là Gillard gạt các cảnh sát Toulouse ra khỏi con đường của y và tự cô lập trong một văn phòng ở tầng hai sở cảnh sát. Nếu bọn cớm Toulouse có năng lực, thì người ta đã chẳng cần vội đến y, và đám thanh niên khủng bố đã bị bắt giam rồi. Với lại chẳng phải Gillard không biết rằng ngay trong hàng ngũ cảnh sát, cũng như ở cục, người ta vẫn thấy đây đó một vài người có cảm tình với lý tưởng kháng chiến, đôi khi chính là nguồn gốc rò rỉ thông tin. Thỉnh thoảng người ta chẳng báo trước cho một số tên Do Thái rằng chúng sắp bị bắt giữ đấy sao? Nếu không thế, thì các dân binh đã chẳng thấy những căn hộ không người ở, khi họ tiến hành xét hỏi. Gillard nhắc nhở các cộng sự của y đề phòng, đâu đâu cũng có bọn Do Thái và Cộng sản. Trong khuôn khổ cuộc điều tra của y, y không muốn mạo hiểm một chút nào hết. Cuộc họp kết thúc, việc giám sát sở bưu điện lập tức được tổ chức.



Sáng hôm ấy, Sophie bị ốm. Một trận cúm khiến cô không rời khỏi giường được. Tuy nhiên phải đi lấy kiện hàng được gửi đến, như mỗi ngày thứ Năm, nếu không các chiến hữu sẽ không nhận được khoản phụ cấp; họ phải trả tiền nhà, mua chút gì nuôi sống mình ở mức tối thiểu. Simone, một bạn mới được tuyển, vừa từ Bỉ sang, sẽ đi thay cô. Khi bước vào trạm bưu điện, Simone không phát hiện ra hai gã đàn ông đang giả vờ đi vào các giấy tờ. Bọn chúng thì xác định được ngay con bé đang mở hòm thư số 27, để lấy cái gói trong đó. Simone ra về, chúng đi theo cô. Hai tên cớm từng trải chống lại một thiếu nữ mười bảy tuổi, trò chơi trốn tìm đã định trước thắng thua. Một giờ sau, Simone quay về nhà Sophie mang cho bạn “hàng đi mua về”, cô không biết mình vừa để cho tay chân của Gillard xác định được chỗ ở của bạn.

Cô gái rất tài ẩn nấp để theo dõi kẻ khác, cô gái sai bước không một mảy trên các đường phố để mình không bị phát hiện, cô gái biết ghi lại, giới hơn chúng tôi, những thời gian biểu, những sự di chuyển, những cuộc tiếp xúc, và những chi tiết nhỏ nhặt nhất trong cuộc sống của những kẻ mình theo dõi, không ngờ rằng trước cửa sổ nhà mình, hai gã đàn ông đang rình rập và từ nay chính mình là người bị truy lùng. Mèo và chuột vừa đảo ngược vai trò.

Ngay chiều hôm ấy, Marianne tới thăm Sophie. Tối đến, khi cô ra về, đến lượt cô bị tay chân của Gillard theo dõi.



Họ đã hẹn nhau ở ven con kênh Phương Nam. Stefan ngồi đợi cô trên một chiếc ghế dài. Marianne do dự rồi mỉm cười với anh từ xa. Anh đứng lên chào lại cô. Vài bước nữa thôi và cô sẽ ở trong vòng tay anh. Kể từ hôm qua, cuộc sống không hoàn toàn giống như trước nữa. Rosine và Marius đã chết và không thể làm gì để thôi nghĩ đến chuyện đó, nhưng Marianne không cô đơn nữa. Người ta có thể yêu rất mãnh liệt ở tuổi mười bảy, người ta có thể yêu đến mức quên rằng mình đang đói, người ta có thể yêu đến quên rằng mới hôm qua người ta còn sợ hãi. Nhưng kể từ hôm qua cuộc sống không như trước nữa, bởi từ nay cô nghĩ đến một người nào đó.

Ngồi bên nhau, trên chiếc ghế dài gần cây cầu Thiếu nữ, Marianne và Stefan hôn nhau và chẳng điều gì cũng như chẳng ai có thể đến cướp đi của họ những phút giây hạnh phúc ấy. Thời gian trôi và giờ giới nghiêm sắp đến. Đằng sau họ, các ngọn đèn khí đã thấp sáng, phải chia tay. Ngày mai, mình sẽ gặp lại nhau, và tất cả các buổi tối sau đó. Và tất cả các buổi tối sau đó, ven con kênh Phương Nam, bọn tay chân

của viên cảnh Gillard tha hồ do thám đôi thanh niên yêu nhau giữa cuộc chiến tranh.

Ngày hôm sau, Marianne gặp Damira. Khi họ chia tay, Damira bị theo dõi. Hôm sau, hay muộn hơn? Damira gặp Osna, buổi tối Osna hẹn với Antoine. Trong vài ngày, gần như cả đội bị tay chân của Gillard định vị. Gọng kìm siết lại quanh họ.

Chúng tôi chưa đầy hai mươi tuổi, một vài người trong chúng tôi chỉ nhỉnh hơn đôi chút, và chúng tôi còn rất nhiều điều cần phải học để chiến đấu mà không bị phát hiện, những điều mà lũ chó săn của cảnh sát Vichy thuộc vanh vách.

*

*

*

Mê lưới đang được chuẩn bị, viên cảnh Gillard tập hợp tất cả bọn tay chân trong văn phòng mà chúng đã chiếm lấy tại sở cảnh sát Toulouse. Tuy nhiên để tiến hành bắt giữ, sẽ phải yêu cầu các cảnh sát thuộc đội số 8 tăng viện. Ở trên gác, một viên thanh tra không bỏ sót chút gì trong những điều đang được âm mưu. Anh kín đáo rời nhiệm sở và đến trạm bưu điện trung tâm. Anh tới trước quầy và yêu cầu cô nhân viên một số ở Lyon. Người ta nối liền lạc cho anh trong một buồng điện thoại.

Một cái liếc nhìn qua cửa kính, cô nhân viên

đang bàn luận cùng một nữ đồng nghiệp, đường dây liên lạc chắc chắn.

Người mà anh gọi điện không nói, người đó chỉ nghe cái tin kinh khủng. Hai ngày nữa, đội 35 Marcel Langer sẽ bị bắt giữ toàn bộ. Tin tức là chắc chắn, cần phải cấp tốc báo trước cho họ. Viên thanh tra gác máy và cầu nguyện để tin tức được chuyển tiếp.

Trong một căn hộ ở Lyon, một trung úy thuộc lực lượng Kháng chiến Pháp đặt ống nghe xuống giá đỡ. Viên chỉ huy của anh hỏi:

- Ai đấy?
- Một đầu mối liên lạc ở Toulouse.
- Anh ta muốn gì?
- Báo tin cho chúng ta rằng hai ngày nữa các thành viên đội 35 sẽ bị hạ.
- Dân binh à?
- Không, bọn cớm do Vichy cử đến.
- Thế thì họ chẳng có một cơ may nào hết.
- Không phải vậy nếu ta báo động cho họ; ta hãy còn thì giờ giúp họ lọt lưới.
- Có thể, nhưng ta sẽ không làm thế, viên chỉ huy đáp.
- Nhưng tại sao? người kia hỏi, sững sờ kinh ngạc.
- Tại vì chiến tranh sẽ không kéo dài. Bọn Đức đã mất hai mươi vạn quân ở Stalingrad, người ta bảo là mười vạn quân nữa đang nằm trong tay người Nga, trong số đó có hàng ngàn sĩ quan và khoảng hai chục viên tướng. Quân đội của chúng đang tan tác tại các

mặt trận phía Đông còn ở phía Tây và phía Nam, Đồng minh sẽ sớm đổ bộ. Chúng ta biết rằng Luân Đôn đang chuẩn bị cho chuyện này.

- Tôi biết tất cả những tin ấy, nhưng có liên quan gì tới những người trong đội Langer?

- Từ nay đó là một vấn đề về ý thức chính trị tỉnh táo. Tất cả những người đàn ông và đàn bà mà chúng ta đang nói đến đều là người Hungari, Tây Ban Nha, Italia, Ba Lan và còn nữa; hết thầy hoặc hầu hết là người ngoài. Sau này khi nước Pháp được giải phóng, sẽ hay hơn khi Lịch sử kể lại rằng chính những người Pháp đã chiến đấu vì đất nước.

- Thế ta sẽ bỏ rơi họ như thế sao? người đàn ông bất bình, anh nghĩ đến những thanh niên mới lớn kia, những chiến sĩ của giờ phút đầu tiên.

- Không có gì nói rằng họ sẽ nhất thiết bị giết...

Và trước ánh mắt ngao ngán của viên trung úy, người chỉ huy lực lượng Kháng chiến Pháp thờ dài và kết luận:

- Cậu hãy nghe đây. Một thời gian nữa, đất nước phải hồi phục từ cuộc chiến tranh này, và rất cần để đất nước ngẩng cao đầu, để dân chúng hòa giải xung quanh một người lãnh đạo duy nhất, và đó sẽ là De Gaulle. Chiến thắng phải là chiến thắng của chúng ta. Điều này thật đáng tiếc, tôi thừa nhận như vậy, nhưng nước Pháp sẽ cần để các anh hùng của nó là người Pháp, không phải người nước ngoài!



Tại nhà ga nhỏ Loubers của anh, Charles thấy chán lợm. Vào đầu tuần, người ta đã cho anh biết là đội sẽ không nhận được tiền nữa. Cũng sẽ không có vũ khí gửi đến nữa. Những mối liên hệ đã tạo lập với các mạng lưới Kháng chiến được tổ chức trong miền bị cắt đứt. Lý do nêu lên là cuộc tấn công rạp chiếu bóng Variétés. Báo chí tránh không nói rằng nạn nhân là những người kháng chiến. Trước mắt dư luận, Rosine và Marius được coi như hai thương dân, hai đứa trẻ nạn nhân của một vụ xâm hại hèn nhát, và chẳng ai thêm quan tâm là đứa trẻ anh hùng thứ ba cùng đi với họ đang quần quai đau đớn trên một chiếc giường ở bệnh xá nhà tù Saint-Michel. Người ta đã bảo Charles rằng những hành động như thế khiến toàn bộ lực lượng Kháng chiến bị ô nhục, và lực lượng này muốn cắt đứt liên lạc.

Anh thấy sự bỏ rơi này có một hơi hướng phản bội. Tối hôm ấy, ngồi cùng Robert, chỉ huy đội từ khi Jan ra đi, anh phát biểu toàn bộ nỗi chán lợm của mình. Tại sao người ta có thể bỏ rơi họ, quay lưng lại với họ, những người đã tham gia từ lúc khởi đầu? Robert chẳng biết nói gì, anh yêu quý Charles như người ta yêu quý một người anh, và anh làm Charles yên lòng về điểm mà Charles chắc hẳn bận tâm nhiều nhất, điểm khiến Charles đau đớn nhiều nhất.

- Nghe này, Charles, chẳng ai mắc lừa những gì báo chí viết đâu. Mọi người đều biết điều gì đã thực sự xảy ra ở rạp chiếu bóng Variétés, biết ai đã mất mạng ở đó.

- Với cái giá như thế nào chứ! Charles làu bàu.

- Cái giá của tự do cho họ, Robert đáp, và tất cả mọi người trong thành phố đều biết điều này.

Marc đến với họ sau đó một lát. Nhìn thấy cậu, Charles nhún vai và ra ngoài đi vài bước trong mảnh vườn sau nhà. Vừa đập vào một ụ đất, Charles vừa tự nhủ chắc hẳn Jacques đã nhầm, chúng ta đang ở vào cuối tháng Ba năm 1944 và mùa xuân vẫn chưa thấy đến.

*

* *

Viên cảm Gillard và tên phụ tá Sirinelli tập hợp tất cả bọn tay chân. Ở gác hai sở cảnh sát, đã đến thời gian chuẩn bị. Ngày hôm nay sẽ thực hiện các vụ bắt giữ. Âm hiệu đã ban ra, im lặng tuyệt đối, phải tránh không để ai đó có thể báo động cho những người, vài giờ nữa, sẽ rơi vào lưới của chúng. Tuy nhiên, trong phòng làm việc kề bên, một viên cảm trẻ tuổi nghe thấy những điều đang nói ở bên kia vách ngăn. Công việc của anh ta, đó là những thường phạm, chiến tranh không làm bọn vô lại biến mất và cũng phải có ai đó coi sóc chuyện ấy. Nhưng viên cảm Esparbié chưa bao giờ cho bắt bớ người kháng chiến, trái lại là khác. Khi

có điều gì đó đang được chuẩn bị, chính anh báo trước cho họ, đó là cách tham gia Kháng chiến của anh.

Báo cho họ về sự nguy cấp họ đang gặp chẳng phải sẽ không khó khăn, không mạo hiểm, vì thời hạn rất gấp; Esparbié không đơn độc, một trong các đồng nghiệp cũng là người đồng mưu với anh. Viên cảm trẻ tuổi rời ghế ngồi và lập tức đi tìm người kia.

- Hãy phóng ngay đến văn phòng thủ quỹ chính. Ở bộ phận trợ cấp, cậu xin gặp một cô Madeleine nào đó, bảo cô ta rằng anh bạn Stefan của cô phải đi du lịch ngay.

Esparbié giao nhiệm vụ này cho đồng nghiệp vì anh phải đến một cuộc gặp khác. Mượn một chiếc xe hơi thì nửa giờ nữa anh sẽ tới Loubers. Tại đây anh phải trò chuyện với một người bạn; anh đã trông thấy phiếu nhận dạng người bạn này trong một hồ sơ, mà phiếu ấy giá đừng ở đó thì hay hơn.

Mười hai giờ, Madeleine rời văn phòng thủ quỹ chính và đi tìm Stefan, nhưng cô hoài công đến tất cả những nơi anh thường lui tới, cô không tìm thấy anh. Khi cô về nhà cha mẹ, bọn cảnh sát đang chờ cô. Chúng chẳng biết điều gì về cô hết, trừ việc Stefan hầu như ngày nào cũng ghé thăm cô. Trong lúc bọn cảnh sát lục lọi khám xét, Madeleine, lợi dụng một phút chúng sơ ý, nguệch ngoạc vội vài chữ và giấu vào một bao diêm. Cô bảo cô thấy khó chịu trong người và hỏi xem có thể hóng khí trời bên cửa sổ hay không...

Một trong những người bạn sống bên dưới cửa sổ nhà cô, một người Italia bán hàng thực phẩm, biết cô rõ hơn ai hết. Một bao diêm rơi xuống bên chân anh. Giovanni nhặt lên, ngẩng đầu và mỉm cười với Madeleine. Đến giờ đóng cửa hiệu! Trả lời vị khách mua hàng đang ngạc nhiên về việc này, Giovanni bảo rằng dù sao chẳng nữa thì từ lâu rồi anh cũng chẳng còn gì trên quầy mà bán nữa. Buông bức rèm xuống rồi, anh leo lên xe đạp và đi báo cho người trong cuộc.

Cùng lúc ấy, Charles tiến Esparbié. Anh ta vừa đi khỏi, Charles liền gói ghém đồ đạc, lòng nặng trĩu, đóng lại lần cuối cánh cửa nhà ga bỏ không của mình. Trước khi vặn chìa khóa, anh đưa mắt nhìn gian phòng lần cuối. Trên bếp lò, một chiếc chảo cũ nhắc anh nhớ lại một bữa tối mà món trứng tráng của anh đã suýt chuyển thành thảm họa. Tối hôm ấy, tất cả bạn bè đều họp mặt. Đó là một trong những ngày kinh khủng, nhưng thời thế tốt đẹp hơn bây giờ.

Trên chiếc xe đạp kỳ cục của anh, Charles đạp nhanh hết mức có thể. Có biết bao chiến hữu cần gặp. Thì giờ trôi vùn vụt và bạn bè anh đang lâm nguy.

Được người Italia bán thực phẩm báo tin, Stefan đã lên đường rồi. Anh sẽ không kịp tạm biệt Marianne, cũng chẳng kịp ôm hôn Madeleine, cô bạn mà sự táo tợn cứu mạng cho anh, liều cho tính mạng cô lâm nguy.

Charles gặp Marc trong một tiệm giải khát. Anh cho Marc biết âm mưu đang tiến hành và ra lệnh cho cậu

đi ngay tức khắc, đến với các du kích ở gần Montauban.

- Hãy đến đây cùng Damira, họ sẽ đón nhận các cậu vào đội ngũ.

Trước khi chia tay, anh giao cho Marc một chiếc phong bì. Anh nói:

- Hết sức cẩn thận nhé. Mình đã ghi lại phần lớn các chiến công của chúng ta trong cuốn nhật ký này. Mình nhờ cậu giao nó cho những người cậu sẽ gặp ở đằng ấy.

- Giữ những tài liệu này không nguy hiểm sao?

- Có chứ, nhưng nếu tất cả chúng mình chết đi, sẽ phải có ai đó một ngày kia biết được những gì chúng mình đã làm. Mình chấp nhận để chúng giết mình, nhưng không chấp nhận để chúng làm mình biến mất tăm.

Đôi bạn chia tay nhau, Marc phải tức tốc tìm gặp Damira. Chuyến tàu của họ khởi hành vào chập tối.

*

*

*

Charles đã giấu một số vũ khí ở phố Dalmatie, số khác giấu tại một nhà thờ không xa đó lắm. Phải cố cứu vãn những gì còn có thể cứu vãn. Khi đến gần chỗ cất giấu đầu tiên, Charles nhận thấy, ở ngã ba, có hai gã đàn ông, một gã đang đọc báo.

“Cút thật, hỏng rồi”, anh nghĩ.

Còn ngôi nhà thờ, nhưng khi anh đang tiến lại

gân, thì một chiếc Citroën đen trở tới sân trước, bốn gã đàn ông vọt ra và lao vào anh. Charles hết sức vùng vẫy chống lại, cuộc chiến không cân sức, những miếng đòn tới tấp giáng xuống. Charles thổ máu, loạn choạng, bọn tay chân của Gillard đánh gục anh; chúng mang anh đi.



Ngày tàn, Sophie trở về nhà. Hai gã rình cô ở đầu đường. Cô phát hiện ra chúng, vòng trở lại, nhưng hai gã khác đã tiến về phía cô. Một gã mở áo khoác ngắn, rút súng và nhắm vào cô. Sophie chẳng có đường nào thoát, cô mỉm cười và không chịu giơ tay lên.



Tối nay, Marianne đến ăn với mẹ, thực đơn có một món xúp rau cúc vụ đại khái. Chẳng ngon lành lắm, nhưng dù sao cũng giúp quên được cái đói cho đến hôm sau. Có tiếng gõ cửa dữ dội. Cô gái giật mình, cô đã nhận ra cái kiểu đập dồn như vậy và chẳng có một ảo tưởng nào về bản chất các khách viếng thăm. Mẹ nhìn cô, lo lắng. Marianne vừa đặt chiếc khăn ăn xuống vừa nói:

- Mẹ cứ ngồi yên, họ tìm con đây.

Cô đi vòng quanh bàn, ôm lấy mẹ và siết chặt mẹ vào người.

- Dù người ta có nói gì chẳng nữa, con không hối tiếc chút nào về những gì con đã làm, mẹ ạ. Con đã hành động vì một chính nghĩa đúng đắn.

Mẹ Marianne chăm chú nhìn con, bà vuốt má cô, như thể cử chỉ yêu thương cuối cùng ấy giúp bà cảm được nước mắt.

- Dù người ta có nói gì chẳng nữa, con yêu, con là con gái của mẹ và mẹ tự hào vì con.

Cánh cửa rung lên vì những tiếng đập, Marianne hôn mẹ lần cuối cùng và ra mở cửa.

*

* *

Buổi tối êm dịu; Osna tựa mình bên cửa sổ, cô đang hút điếu thuốc lá. Một chiếc xe hơi ngược lên con phố và đỗ trước cửa nhà cô. Bốn gã đàn ông mặc áo khoác xuống xe. Osna hiểu. Thời gian chúng lên thang gác, có lẽ cô còn lẫn trốn được, nhưng sự mệt mỏi quá lớn, sau tất cả những tháng hoạt động ngấm ngấm bất hợp pháp ấy. Với lại lẫn trốn ở đâu? Thế là Osna đóng lại cánh cửa kính. Cô đến bên bồn rửa mặt, vẩy ra chút nước và xoa lên mặt.

“Thời điểm đến rồi”, cô khẽ nói với bóng mình trong gương.

Và cô đã nghe tiếng chân bước trong cầu thang.



Trên sân ga, đồng hồ chỉ bảy giờ ba mươi hai phút. Damira căng thẳng, cô nghiêng người, hy vọng thấy xuất hiện con tàu sẽ đưa họ đi xa khỏi đây.

- Nó muộn giờ, phải không?

- Không, Marc điềm tĩnh đáp, năm phút nữa nó sẽ đến.

- Cậu cho là các bạn khác thoát chứ?

- Mình chẳng biết gì hết, nhưng về Charles thì mình không quá lo lắng.

- Mình thì lo lắng cho Osna, Sophie và Marianne.

Marc biết rằng không lời lẽ nào làm yên lòng được người phụ nữ mà cậu yêu. Cậu ôm lấy cô trong vòng tay và hôn cô.

- Đừng lo, mình chắc chắn các bạn ấy sẽ được báo trước kịp thời. Cũng như bọn mình ấy.

- Thế nếu chúng bắt giữ bọn mình?

- Thế thì ít ra bọn mình cũng sẽ được bên nhau, nhưng chúng sẽ không bắt giữ bọn mình đâu.

- Mình không nghĩ đến chuyện ấy, mà nghĩ đến cuốn nhật ký của Charles, dù sao thì chính mình đang mang theo nó đây.

- À nhỉ!

Damira nhìn Marc và âu yếm mỉm cười với cậu.

- Mình rất tiếc, đó không phải điều mình muốn nói, mình sợ quá thành thử đâm ra nói lung tung.

Xa xa, phần nhô ra phía trước của đầu máy chấp thoảng nơi đường ray lượn vòng.

- Cậu thấy đấy, mọi sự sẽ ổn, Marc nói.

- Cho đến bao giờ?

- Một ngày kia mùa xuân sẽ trở lại, cậu sẽ thấy, Damira ạ.

Đoàn tàu đi qua trước mặt họ, các bánh xe của đầu máy hãm lại, làm bắn ra phía sau vài chùm tia lửa, và tàu dừng trong tiếng phanh ken két.

- Cậu có cho là cậu sẽ vẫn yêu mình, khi chiến tranh kết thúc hay không? Marc hỏi.

- Ai bảo cậu là mình từng yêu cậu chứ? Damira đáp với một nụ cười láu lỉnh.

Và thế là, trong lúc cô kéo Marc về phía bậc lên xuống toa tàu, một bàn tay nặng nề chụp xuống vai cô.

Marc bị đè gí người xuống đất, hai gã đang còng tay cậu. Damira vùng vẫy, một cái tát cực mạnh hất cô ngã ập vào thành toa. Mặt cô đập vào tấm biển của đoàn tàu. Đúng trước khi bất tỉnh, cô đọc thấy viết bằng chữ to "Montauban".

Ở sở cấm, bọn cảnh sát tìm thấy trên người cô chiếc phong bì mà Charles đã giao cho Marc.



Ngày mồng 4 tháng Tư năm 1944, gần như toàn

đội rơi vào tay cảnh sát. Một vài người vượt qua được. Catherine và Jan thoát khỏi mề lưới. Bọn cảnh sát không tìm ra chỗ của Alonso. Còn Émile, cậu ra đi vừa kịp.

Tối mùng 4 tháng Tư năm 1944, Gillard và tên phụ tá Sirinelli ghé góm cửa y uống sâm banh chúc mừng. Trong khi nâng cốc, chúng tự ca ngợi cùng các cảnh sát đồng nghiệp là đã chấm dứt những hoạt động của một bè nhóm “những tên khủng bố” trẻ tuổi.

Nhờ công việc bọn chúng đã thực hiện, những kẻ ngoại quốc gây hại cho nước Pháp sẽ sống phần đời còn lại sau song sắt. “Mặc dù...! y nói thêm trong khi sẫm soi cuốn nhật ký của Charles, với chừng này bằng chứng hiển nhiên, ta có thể chắc chắn rằng đời những tên kiều dân kia sẽ không kéo dài trước khi người ta xử bắn chúng.”

Trong khi bọn chúng bắt đầu tra tấn Marianne, Sophie, Osna và tất cả những ai bị bắt ngày hôm ấy, con người đã phản bội họ bởi sự im lặng của mình, con người đã quyết định, vì những lý do chính trị, không chuyển đi các tin tức được những người kháng chiến làm việc ở cục cảnh sát thông báo, chính con người ấy đã đang chuẩn bị tham gia bộ tham mưu quân Giải phóng.

Ngày hôm sau, khi được tin đội 35 Marcel Langer, thuộc dân Lao động Nhập cư, bị bắt gần như toàn bộ, người ấy nhún vai và phúi phúi bụi trên áo vét; đúng chỗ mà, vài tháng nữa, người ta sẽ cài vào đấy

một Huân chương Bắc đẩu. Giờ đây là tư lệnh của Lực lượng nội địa Pháp, chẳng bao lâu người ấy sẽ được phong đại tá.

Còn về viên cảm Gillard, được chính quyền khen ngợi, khi chiến tranh chấm dứt người ta giao cho y chỉ huy đội chống ma túy. Y kết thúc bình yên sự nghiệp tại đó.

25

Tôi đã bảo em, chúng tôi chưa bao giờ bỏ cuộc. Những người thoát nạn hiểm họa đã tổ chức lại rồi. Một số chiến hữu ở Grenoble gia nhập cùng họ. Chỉ huy họ từ nay, Urman sẽ không cho kẻ địch ngồi nghỉ chút nào và tuần lễ sau đó, các hành động lại tiếp tục.

*

* *

Trời tối đã lâu. Claude đang ngủ, như phần lớn anh em chúng tôi; còn tôi cố gắng để nhìn thấy những ngôi sao trên bầu trời, bên kia các chân song sắt.

Giữa thỉnh lặng, tôi nghe tiếng nước nở của một người bạn. Tôi lại gần anh.

- Vì sao cậu khóc?

- Em trai tôi, cậu biết đấy, nó không thể giết người, không bao giờ nó có thể giao vũ khí lên với ai đó,

dù là một gã dân binh cứ đái.

Ở Samuel có một sự hòa trộn lạ lùng của hiền minh và giận dữ. Tôi cứ tưởng hai điều ấy xung khắc, cho đến khi tôi gặp anh.

Samuel đưa tay xoa mặt, khi vuốt nước mắt như thế, anh để lộ vẻ nhợt nhạt của đôi má hốc hác. Mắt anh trũng sâu trong hốc mắt, có thể nói chúng còn ở được đây là nhờ phép màu, trên mặt anh gần như không còn thịt, chỉ có làn da trong mờ cho thấy cả xương. Anh nói tiếp bằng giọng thì thầm chỉ hơi nghe được.

- Chuyện đã lâu lắm rồi. Cậu biết không, chúng mình chỉ có năm người thôi. Năm người kháng chiến trong toàn thành phố và cộng chung lại, tuổi chúng mình chưa được một trăm. Tôi thì tôi mới bắn có một lần, mũi súng gì sát đích, nhưng đó là một thằng đê tiện, một trong những kẻ tố giác, cưỡng bức và tra tấn. Em tôi thì không thể làm hại ai, ngay cả những kẻ như thế.

Samuel bắt đầu cười gằn và ngực anh, bị bệnh lao ăn ruỗng, không ngừng khò khè hỗn hển. Anh có một giọng nói kỳ lạ, đôi khi mang âm sắc người lớn, đôi khi trong vắt như trẻ thơ, Samuel hai mươi tuổi.

- Lẽ ra tôi không nên kể cho cậu, tôi biết, như thế không tốt, nó khơi lại đau buồn, nhưng khi tôi nói về em tôi, là tôi làm nó sống thêm một chút, cậu có nghĩ vậy không?

Tôi chẳng biết gì hết, nhưng tôi gật đầu đồng ý. Quan trọng gì đâu điều anh bạn nói, anh cần người ta

nghe mình. Trên bầu trời chẳng có sao và tôi thì quá đói nên không ngủ được.

- Đây là vào thời kỳ đầu. Em tôi có tấm lòng của một thiên thần, bộ mặt của một thằng nhãi. Nó tin vào điều thiện và điều ác. Cậu biết đấy, ngay từ đầu tôi đã biết là nó gay rồi. Với một tâm hồn trong veo như thế, người ta không thể tham chiến. Mà nó, thì tâm hồn nó đẹp đến mức sáng ngời lên bên trên sự bẩn thỉu của xưởng máy, bên dưới sự bẩn thỉu của nhà tù; nó soi tỏ những con đường ban mai, khi cậu đi làm với hơi ấm của giường ngủ hãy còn dính sau lưng.

Với nó, không thể yêu cầu giết người được. Tôi đã bảo cậu rồi, phải không nào? Nó tin ở sự tha thứ. Chú ý này, nó có lòng can đảm, thằng em tôi, không bao giờ nó từ chối ra đi hành động, nhưng không bao giờ mang vũ khí. "Để làm gì chứ, em có biết bắn đâu?" nó vừa nói vừa chế giễu tôi. Chính tấm lòng nó ngăn nó nhằm bắn, một tấm lòng rộng lớn như thế này, tôi bảo cậu thế đấy, Samuel nhấn mạnh và đang hai cánh tay. Nó đi chiến đấu tay không, bình thần, tin chắc vào thắng lợi của mình.

Họ đã yêu cầu chúng tôi phá hoại một dây chuyền lắp ráp tại một nhà máy trong vùng. Ở đấy người ta chế tạo đạn. Thằng em tôi bảo cần phải đi, đối với nó điều ấy là logic, bao nhiêu đạn sẽ không làm ra nữa là bấy nhiêu mạng sống được cứu.

Chúng tôi đã cùng nhau điều tra. Chúng tôi không bao giờ rời nhau. Nó mười bốn tuổi, tôi rất cần coi sóc

nó, chăm lo cho nó. Nếu cậu muốn biết sự thật, thì tôi nghĩ là trong suốt thời gian ấy, chính nó che chở tôi.

Nó có hai bàn tay hết sức tài hoa, giá như cậu nhìn thấy nó cầm cây bút chì, vẽ được mọi thứ và bất kỳ cái gì. Chỉ hai nét chì than, là nó họa xong bức chân dung cậu và mẹ cậu có thể treo trong phòng khách. Thế là, vất vèo trên bức tường bao thấp, giữa đêm khuya, nó đã vẽ hình thể nhà máy, đã tô màu các tòa nhà, mỗi tòa cứ mọc lên trên tờ giấy của nó như lúa mì mọc ra từ đất. Còn tôi thì canh gác và đợi nó bên dưới. Thế rồi bỗng nhiên, nó bật cười, như thế đấy, giữa đêm khuya; một tiếng cười tròn đầy và trong trẻo, tiếng cười mà tôi sẽ mãi mang theo bên mình, cho đến tận năm mô khi bệnh lao của tôi chiến thắng. Thằng em tôi cười vì đã vẽ một thằng người ở giữa nhà máy, một gã có đôi chân vòng kiềng giống như ông hiệu trưởng trường nó.

Vẽ xong, nó nhảy xuống đường và bảo tôi “Lại đây anh, giờ ta đi được rồi.” Cậu thấy đó, thằng em tôi như thế đấy; bọn hiến binh có thể đi qua nơi ấy, chắc chắn là chúng tôi sẽ vào tù, nhưng nó thì nó hoàn toàn móc càn; nó nhìn sơ đồ nhà máy, với thằng người chân vòng kiềng và nó cười rú rượi; cái cười ấy, cậu hãy tin tôi đi, tôi thề với cậu, cái cười đầy ấp đêm khuya.

Một hôm khác, trong khi nó đi học, tôi đến thăm chú nhà máy. Tôi đang la cà ngoài sân, cố gắng để mình đừng bị chú ý quá, thì một người thợ đi về phía tôi. Anh ấy bảo tôi rằng nếu tôi đến xin việc, thì phải đi con đường chạy dọc theo các máy biến áp, mà anh đưa

ngón tay chỉ cho tôi; và vì anh nói thêm “đồng chí ạ”, tôi hiểu thông điệp của anh.

Trở về, tôi kể hết cho thằng em, nó đã bổ sung vào sơ đồ. Và lần này, khi nhìn bức vẽ đã hoàn tất, nó không cười nữa, ngay cả khi tôi chỉ cho nó thằng người có đôi chân vòng kiềng.

Samuel ngừng nói, để có thời gian lấy lại chút hơi. Tôi giữ trong túi một đầu mẩu thuốc lá, tôi châm nó lên nhưng không rủ anh cùng hút, vì anh bị ho. Anh để tôi có thì giờ thưởng thức hơi thuốc đầu tiên rồi anh tiếp tục kể chuyện, với giọng nói thay đổi âm điệu tùy theo anh nói đến mình hay đến em trai.

- Tám ngày sau, cô bạn Louise của tôi xuống ga tàu với một hộp bla cứng cấp dưới nách. Trong hộp, có mười hai quả lựu đạn. Có Chúa mới biết cô làm thế nào mà tìm ra chúng.

Cậu biết đấy, chúng tôi không được quyền nhận đồ tiếp tế thả dù, chúng tôi đơn độc, xiết bao đơn độc. Louise, đó là một cô gái rất cừ, tôi phải lòng cô và cô phải lòng tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi đến yêu nhau ở phía nhà ga nơi phân nhánh các đường tàu, và phải yêu nhau ghê lắm mới không chú ý đến khung cảnh, nhưng dù sao chẳng nữa, chúng tôi cũng chẳng khi nào có thì giờ. Hôm sau ngày Louise trở về với bọc hàng của cô, chúng tôi ra đi để hành động; đó là một đêm rét mướt và tối tăm, như đêm nay, à khác chứ, vì thằng em tôi hãy còn sống. Louise đi cùng chúng tôi, đến tận nhà

máy. Chúng tôi có hai khẩu súng tay, lấy của những tên cảnh sát mà tôi đã nện mỗi tên ít nhiều, ở một phố hẻm. Em tôi không muốn mang vũ khí, thế là tôi có hai khẩu súng trong túi da treo ở xe đạp.

Tôi cần phải nói với cậu điều xảy ra với tôi, vì cậu sẽ không tin đâu, dù tôi có thề trước mặt cậu thế này. Chúng tôi đang đi, xe đạp rung rung trên những viên đá lát đường thì sau lưng mình, tôi nghe thấy một người đàn ông bảo mình “Ông ơi, ông đánh rơi cái gì đó”. Tôi không muốn nghe người ấy, nhưng một kẻ bị mất cái gì đó mà cứ tiếp tục đi thì thật khả nghi. Tôi đặt chân xuống đất và ngoảnh lại. Trên lề đường chạy dọc theo nhà ga, những người thợ từ nhà máy về, túi vải đeo vai. Họ đi từng tốp ba người một, vì lề đường không đủ rộng cho hàng bốn. Cậu phải hiểu rằng toàn bộ công nhân nhà máy đang đi ngược con phố. Và trước mặt tôi, cách ba mươi mét, có khẩu súng của tôi, rơi ra từ túi da, khẩu súng của tôi sáng loáng trên mặt đường. Tôi dựng xe sát tường và đi về phía người đàn ông đang cúi xuống, nhặt súng lên rồi đưa trả tôi như thể đó là một chiếc khăn tay. Anh chàng chào tôi rồi vừa đi đến với bạn bè đang đợi vừa chúc tôi một buổi tối tốt lành. Tối hôm ấy, anh ta về nhà với vợ và với bữa ăn cô ta sửa soạn cho chồng. Còn tôi, thì lại lên xe, vũ khí để dưới áo vét, và tôi đạp để đuổi kịp em trai mình. Cậu có tưởng tượng được không? Cậu thấy bộ mặt cậu như thế nào nếu cậu đánh mất súng khi đi hành động và có ai đó đem trả lại nó cho cậu?

Tôi chẳng nói gì với Samuel, tôi không muốn ngắt lời anh, nhưng lập tức trong ký ức tôi hiển hiện ánh mắt của một viên sĩ quan Đức, hai cánh tay đang ra bên một nhà tiểu, ánh mắt của Robert và cả của Boris bạn tôi nữa.

- Trước mặt chúng tôi, xưởng đan in hình như một nét vẽ bằng mực tàu trong đêm tối. Chúng tôi đi dọc bức tường bao. Thằng em tôi leo lên, bàn chân nó bám vào những viên đá như thể nó đang lên một cầu thang. Trước khi nhảy sang bên kia tường, nó mỉm cười với tôi và bảo tôi rằng chẳng chuyện gì có thể xảy ra với nó đâu, rằng nó yêu quý Louise và tôi. Đến lượt tôi trèo và gặp lại nó như đã thỏa thuận trong sân, sau một trụ điện đã được nó đánh dấu trên sơ đồ. Trong đấy vác vai của chúng tôi, nghe thấy tiếng lựu đạn va vào nhau.

Phải chú ý đến người bảo vệ. Anh ta ngủ ở xa tòa nhà chúng tôi sắp đốt cháy và tiếng nổ sẽ khiến anh ta ra ngoài kịp thời để không gặp nguy hiểm gì, nhưng chúng tôi, chúng tôi sẽ gặp mối nguy hiểm nào nếu anh ta nhìn thấy chúng tôi?

Thằng em tôi đã len lỏi, tiến lên trong làn mưa bụi, tôi theo sau nó cho đến chỗ những con đường của chúng tôi tách khỏi nhau; nó lo nhà kho còn tôi lo xưởng máy và các văn phòng. Tôi có sơ đồ của nó trong đầu và đêm tối không làm tôi sợ. Tôi vào tòa nhà, đi dọc theo dây chuyền lắp ráp và lên các bậc của cầu thang nhỏ dẫn tới khu văn phòng. Cửa được cài một thanh

ngang bằng thép, có ổ khóa chốt lại chắc chắn; thây kệ, các ô kính dễ vỡ. Tôi lấy hai trái lựu đạn, rút chốt và ném mỗi tay một quả. Cửa kính vỡ tung, vừa kịp thời gian để tôi ngồi sụp xuống, luồng khí quạt đến chỗ tôi. Tôi bị hất lên và rơi xuống tay dang ra. Choáng váng, màng nhĩ ù ù, sỏi trong miệng, phổi đầy khói, tôi cố nhổ ra những gì nhổ được. Tôi định đứng dậy, áo sơ mi của tôi đang bốc cháy, tôi sắp bị thiêu sống. Tôi nghe thấy những tiếng nổ khác vang lên đằng xa, phía các nhà kho. Cả tôi nữa tôi cũng phải hoàn thành công việc.

Tôi thả cho mình lăn theo các bậc thang sắt và đáp xuống trước một cửa sổ. Bầu trời ánh đỏ vì hành động của em tôi, đến lượt những tòa nhà khác rực sáng, theo những tiếng nổ khiến chúng bốc cháy trong đêm đen. Tôi lấy lựu đạn trong đây, rút chốt và vừa ném từng quả một, vừa chạy trong làn khói về phía lối ra.

Sau lưng tôi, những vụ nổ nối tiếp nhau; mỗi lần như vậy, toàn thể thân hình tôi lại lao đảo. Lửa cháy nhiều đến mức sáng như ban ngày, và từng lúc, ánh sáng mờ đi, nhường chỗ cho đêm đen dày đặc nhất. Đó là do mắt tôi không nhìn thấy gì, những dòng nước mắt chảy chan hòa đều nóng bỏng.

Tôi muốn sống, tôi muốn thoát khỏi địa ngục, ra khỏi đây. Tôi muốn nhìn thấy thằng em, ôm chặt nó trong vòng tay, bảo nó rằng tất cả chỉ là một cơn ác mộng phi lý; rằng khi tỉnh dậy tôi tìm thấy lại những cuộc sống của chúng tôi, như thế đấy, một cách tình cờ trong chiếc rương nơi mẹ cất đồ đạc áo quần của tôi.

Hai cuộc sống ấy, cuộc sống của nó, của tôi, cuộc sống trong đó chúng tôi đi thó những chiếc kẹo của ông bán hàng thực phẩm ở khu phố, cuộc sống trong đó mẹ đợi chúng tôi khi tan trường, cuộc sống trong đó mẹ ôn bài cho chúng tôi; đúng trước khi chúng nó đến bắt mẹ đi và cướp mất cuộc sống của chúng tôi.

Đằng trước tôi, một thanh xà gỗ vừa sập xuống, nó bốc cháy và chặn đường tôi. Sức nóng thật khủng khiếp nhưng ngoài kia, em tôi đang đợi và, tôi biết điều này, không có tôi nó sẽ không ra đi. Thế là tôi nắm lấy những ngọn lửa trong tay và đẩy cây xà ra.

Sự cản xé của lửa, người ta không thể tưởng tượng được nó khi nó còn chưa tóm lấy mình. Cậu biết đấy, tôi đã rú lên, như một con chó bị đánh đập, tôi đã rú lên đến chết, nhưng tôi muốn sống, tôi đã bảo cậu rồi; thế là tôi tiếp tục con đường của mình giữa lò lửa rừng rực, cầu khẩn người ta hãy chặt bỏ cổ tay mình để cái đau ngừng lại. Và trước mặt tôi, cuối cùng xuất hiện khoảnh sân nhỏ, như em tôi đã vẽ. Xa hơn một chút, chiếc thang nó đã dựa sẵn vào tường. “Em đang tự hỏi anh làm cái gì vậy, anh biết không?” nó bảo tôi khi thấy mặt mũi tôi đen sì như mặt người đốt than. Và nó nói thêm “Anh đã lâm vào một tình trạng kỳ cục”. Nó hạ lệnh cho tôi ra trước, vì các vết thương của tôi. Tôi cố hết sức trèo lên, tì vào các khuỷu tay, vì hai bàn tay quá đau. Ở trên cao rồi, tôi ngoảnh lại và gọi nó để bảo là đến lượt nó, không được lè mè.

Một lần nữa, Samuel ngừng lời. Như để lấy thêm sức kể cho tôi đoạn cuối câu chuyện của anh. Rồi anh xòe hai bàn tay và cho tôi xem lòng tay anh; đó là lòng bàn tay của một con người đã cuộc xới đất suốt đời mình, một con người trăm tuổi; Samuel chỉ mới hai mươi.

- Thằng em tôi ở đây, trong sân, nhưng khi tôi gọi, tiếng một người khác đáp lại. Người bảo vệ nhà máy giương súng và hét "Dừng lại, dừng lại". Tôi rút súng khỏi đây, tôi quên cái đau ở bàn tay, và tôi nhằm bắn; nhưng đến lượt thằng em tôi hét "Anh đừng làm thế!". Tôi nhìn nó và khẩu súng tuột giữa những ngón tay tôi. Khi súng rơi xuống chân em tôi, nó mỉm cười, như yên lòng vì tôi không thể làm điều hại. Cậu thấy đó, tôi đã bảo cậu rồi, nó có tấm lòng của một thiên thần. Hai bàn tay không, nó ngoảnh lại và mỉm cười với người bảo vệ. "Anh đừng bắn, nó bảo người ấy, đừng bắn, đây là lực lượng Kháng chiến." Nó nói như để làm anh ta yên lòng, cái người thấp lùn tròn trịa với khẩu súng giương lên, như để bảo anh ta rằng mọi người không muốn làm hại anh ta đâu.

Thằng em tôi nói thêm "Sau chiến tranh, mọi người sẽ xây dựng lại cho anh một nhà máy mới tinh, nó sẽ còn đẹp đẽ hơn để mà bảo vệ". Rồi nó quay người lại và đặt chân lên thanh đầu tiên của chiếc thang. Cái người tròn trịa lại hét "Dừng lại, dừng lại", nhưng em tôi tiếp tục tiến bước lên trời cao. Người bảo vệ bóp cò.

Tôi nhìn thấy ngực nó nở ra, ánh mắt nó sống lại. Nó mỉm cười với tôi và đôi môi đầm máu thì thầm “Chạy đi anh, em yêu anh”. Thân hình nó rơi xuống phía sau.

Tôi ở bên trên bức tường, nó ở dưới, đầm mình trong cái vũng thắm đỏ đang lan ra bên dưới nó, thắm đỏ toàn bộ tình yêu thương đang cuốn xéo mất.

Suốt đêm Samuel không nói gì nữa. Khi anh kể xong cho tôi câu chuyện của anh, tôi đến nằm bên Claude, nó hơi cầu nhàu vì tôi làm nó thức giấc.

Từ ổ rơm của mình, tôi nhìn thấy bên ngoài chấn song vài ngôi sao rất cuộc cũng sáng lên trên bầu trời. Tôi không tin Chúa, nhưng tối hôm ấy tôi tưởng tượng trên một trong những ngôi sao ấy, đang lấp lánh linh hồn em trai của Samuel.

26

Mặt trời tháng Năm sưởi ấm xà lim của chúng tôi. Vào giữa ngày, các chấn song ở những ô cửa trở trên mái in thành ba vạch đen dưới nền đất. Khi gió thuận, chúng tôi có thể ngửi thấy những mùi hương bồ đề đầu tiên thoảng đến tận chỗ chúng tôi.

- Hình như các chiến hữu đã lấy được một xe hơi.

Giọng nói của Étienne phá vỡ sự thình lạng. Tôi quen Étienne tại đây, cậu gia nhập đội sau khi Claude và tôi bị bắt ít ngày; cậu đã rơi vào lưới của Gillard như những bạn khác. Và trong khi cậu nói, tôi cố tưởng tượng mình đang ở bên ngoài, trong một cuộc sống khác với cuộc sống của mình hiện nay. Tôi nghe ngoài phố người qua đường bước đi bằng những bước chân nhẹ nhàng của tự do nơi họ, chẳng biết rằng cách họ vài mét, sau hai lớp tường, chúng tôi đang bị cầm tù và đợi chết. Étienne hát nho nhỏ, như để diệt nỗi buồn chán. Thế rồi còn có sự giam hãm, nó như một con rắn

quần chặt lấy chúng tôi không ngừng nghỉ. Vết cắn của nó không đau, nọc độc của nó tỏa lan. Thế là, những lời anh bạn chúng tôi đang hát lập tức nhắc nhở chúng tôi; không, chúng tôi không đơn độc, mà tất cả đang cùng nhau ở đây.

Étienne ngồi dưới đất, lưng dựa vào tường, giọng hát mỏng mảnh của cậu êm dịu, gần như giọng một đứa trẻ đang kể chuyện, giọng một chú nhóc can đảm ngâm nga cho niềm hy vọng:

*Trên còn đất này, chẳng có gái lẳng lơ,
Chẳng công tử đẹp trai, cũng chẳng có ma cô.
À, thật là xa cõi xay Galette,
Xa Paname, vua của bọn giả nghĩa giả nhân.*

*Mảnh đất này từng uống bao máu thấm,
Máu thợ thuyền và máu của nông dân,
Bời đám bắt nhân, bọn côn đồ gây chiến,
Có chết trận bao giờ, chúng chỉ giết người vô tội.*

Hòa vào giọng của Étienne là giọng của Jacques; và bàn tay các bạn đang đập xuống ổ rơm vẫn tiếp tục, nhưng giờ đây theo nhịp của điệp khúc.

*Còn đất Đỏ, tên nó đỏ, lễ đặt tên vào một ban mai
Mà những ai trèo lên còn, đều ngã xuống thung sâu,
hết thấy
Giờ đây là vườn nho, nho đang mọc lên nơi ấy*

Ai sẽ uống rượu vang kia, là uống máu bạn bè.

Ở xa lim bên cạnh, tôi nghe thấy âm sắc của Charles và của Boris hòa vào điệu hát. Claude, đang viết ngoáy vài từ trên một tờ giấy, rời cây bút chì để khẽ ngâm nga những từ ngữ khác. Kìa em đang đứng dậy và đến lượt em hát lên.

*Trên cồn đất ấy, người ta chẳng chơi bời
phóng túng,
Như ở Montmartre nơi rượu tuôn tựa nước
tràn bờ.*

*Mà những chàng trai đáng thương để lại con thơ,
Văng vẳng cất lên tiếng ghen ngào nức nở.*

*Mảnh đất này từng uống bao nước mắt,
Nước mắt thợ thuyền và nước mắt nông dân,
Bởi đám bắt nhân, bọn côn đồ gây chiến,
Có khóc bao giờ, chúng là lũ bạo tàn.*

*Cồn đất Đỏ, tên nó đỏ, lẽ đặt tên vào một ban mai
Mà những ai trèo lên cồn, đều ngã xuống thung sâu,
hết thấy
Giờ đây là vườn nho, nho đang mọc lên nơi ấy
Ai uống rượu vang kia, là uống nước mắt bạn bè.*

Sau lưng tôi, những người Tây Ban Nha cũng tham gia, họ không biết lời nhưng cùng ngâm nga với

chúng tôi. Chẳng bao lâu, bài *Còn đất Đỏ*⁽¹⁾ vang lên, đồng thanh, khắp tầng gác. Giờ đây, một trăm con người đang hát:

*Trên còn đất ấy, người ta lại hái nho,
Nghe vang vang tiếng reo cùng tiếng hát hò.
Các cô gái các chàng trai trao nhau khe khẽ
Những lời yêu đương, gây rừng mình nhè nhẹ.*

*Trong ôm ấp đắm say họ có thể nghĩ rằng,
Tại nơi họ trao nhau những nụ hôn nồng,
Tôi đã nghe, đêm đêm, vẳng lên lời than vãn,
Đã nhìn thấy những chàng trai vàng sọ vỡ tan?*

*Còn đất Đỏ, tên nó đỏ, lẽ đặt tên vào một ban mai
Mà những ai trèo lên còn, đều ngã xuống thung sâu,
hết thấy
Giờ đây là vườn nho, nho đang mọc lên nơi ấy
Nhưng tôi lại thấy những cây thập giá, mang tên các
bạn bè.*

Em thấy đó, Étienne có lý, chúng tôi không đơn độc, mà tất cả đang cùng nhau ở đây. Thành lặng lại rơi

1. *La Butte Rouge*, bài ca của quần chúng, bài ca cách mạng, chống chiến tranh, chống đàn áp người lao động, lời của Montéhus, nhạc của Georges Krier, sáng tác năm 1919 sau cuộc đại chiến lần thứ nhất, từng được những ca sĩ danh tiếng hát, thí dụ như Yves Montand (1921-1991) diễn viên và ca sĩ Pháp gốc Italia.

xuống và cùng với nó đêm đen cũng rơi xuống bên cửa sổ. Mỗi người trở về với nỗi buồn chán của mình, với nỗi sợ của mình. Chẳng mấy chốc, phải bước ra lối đi, cởi bỏ áo quần, trừ những chiếc quần đùi, bởi từ nay, nhờ một số bạn bè Tây Ban Nha, chúng tôi có quyền giữ chúng lại.



Buổi sáng tinh mơ đã trở lại. Tù nhân mặc lại áo quần và tất cả đều đợi bữa ăn. Trên lối đi, hai người lao dịch kéo chiếc nôi, múc thức ăn vào những cặp lồng đang giờ ra. Tù nhân trở vào xà lim, cửa đóng lại và bản hòa tấu của các chốt cửa kết thúc. Mỗi người tách ra, mỗi người đi đến với nỗi cô đơn của mình, hơ ấm bàn tay trên vành chiếc bát kim loại. Những cặp môi chila lại gần món canh và thổi thổi thứ nước lỏng bóng mẩn mẩn. Họ đang uống từng ngụm nhỏ chính cái ngày đang đến.

Hôm qua khi chúng tôi hát, thiếu vắng mất một giọng. Enzo đang ở bệnh xá.

- Ta đang ngồi yên đợi chúng xử tử cậu ấy, nhưng tôi nghĩ rằng chúng mình phải hành động, Jacques nói.

- Từ nơi này ư?

- Jeannot, cậu thấy đó, từ nơi này ta chẳng làm được gì nhiều, chính vì thế mà chúng mình phải đến thăm cậu ấy, anh trả lời tôi.

- Và...?

- Chẳng nào cậu ấy chưa đứng được, thì bọn chúng còn chưa thể xử bắn cậu ấy. Chúng mình phải ngăn cậu ấy khỏi quá nhanh, cậu hiểu chứ?

Qua ánh mắt tôi Jacques đoán rằng tôi còn chưa hiểu được vai trò anh dành cho tôi; anh rút thăm xem giữa hai chúng tôi ai sẽ phải quần quai vì đau đớn.

Bao giờ tôi cũng đen khi đánh bạc, và câu ngạn ngữ theo đó tôi phải đổ tình thật ngu xuẩn, tôi biết rõ mình nói gì mà!

Vậy là tôi đang lăn lộn dưới đất, giả vờ bị những chúng đau mà trí tưởng tượng của tôi chẳng phải đi tìm xa xôi lắm.

Bọn gác ngục sẽ đợi cả giờ đồng hồ trước khi đến xem ai đau đến mức rú lên như tôi đang làm; và trong khi tôi tiếp tục rên la, cuộc trò chuyện vẫn rôm rả trong xà lim.

- Có thật là các chiến hữu có xe hơi không? Claude hỏi, nó chẳng để ý chút nào đến tài năng diễn kịch của tôi.

- Ừ, hình như thế, Jacques trả lời.

- Anh thấy không, họ ở bên ngoài, đi xe hơi hành động, còn chúng ta, ở đây, như lũ ngốc chẳng thể làm gì được.

- Ừ, mình thấy rồi, Jacques cần nhàn.

- Anh cho là mình sẽ trở lại chứ?

- Mình không biết, có thể như vậy.

- Biết đâu chúng ta sẽ được giúp đỡ? em tôi hỏi.

- Ý cậu muốn nói là từ bên ngoài chứ gì? Jacques đáp.

- Vâng, Claude nói tiếp, gần như vui vẻ. Có thể họ sẽ đến thử làm một vỏ.

- Họ sẽ không thể. Giữa bọn Đức ở trên các tháp canh và bọn cai ngục Pháp dưới sân, phải cả một đạo quân mới giải thoát được chúng ta.

Thằng em tôi ngấm nghĩ, hy vọng của nó bắt thành, nó lại ngồi dựa lưng vào tường, về mặt ủ dột góp thêm vào nước da xanh tái.

- Này, Jeannot, anh rên khê đi một tí có được không, khó nghe thấy mọi người nói quá! nó cầu nhàu trước khi im tiếng hẳn.

Jacques chăm chú nhìn ra cửa xà lim. Chúng tôi nghe thấy tiếng giày đinh nện trên lối đi hẹp.

Ổ cửa nhỏ nhấc lên và bộ mặt đỏ của gã cai ngục xuất hiện. Mắt gã có vẻ tìm xem tiếng rên từ đâu tới. Ổ khóa lách cách, hai gã cai ngục nhấc tôi lên và kéo tôi ra ngoài. Một tên nói:

- Mày nên bị bệnh gì đó nặng nề, để quấy rầy chúng tao ngoài giờ thế này; nếu không, bọn tao sẽ khiến mày hết cái hứng đi dạo đây.

- Mày có thể tin ở chúng tao! tên kia bổ sung.

Nhưng tôi thì tôi móc cần vài trò ngược đãi thêm thât, bởi lẽ chúng đưa tôi đến gặp Enzo.

Cậu ấy đang ngủ một giấc bất an trên giường.

Người y tá nhận tôi và để tôi nằm dài xuống một chiếc cang, bên cạnh Enzo. Anh ta đợi bọn gác ngục đi khỏi rồi quay sang tôi.

- Cậu vờ vịt để nghỉ ngơi vài giờ hay cậu đau thật ở chỗ nào đó?

Tôi vừa chỉ bụng tôi cho anh ta vừa nhăn nhó, anh ta sờ nắn, ngần ngại.

- Họ đã cắt ruột thừa cho cậu chưa?

- Tôi cho là chưa, tôi áp ứng nói, mà không thật sự nghĩ đến hậu quả của câu trả lời.

- Để tôi giảng giải cho cậu vài điều, người đàn ông lãnh đạm nói tiếp. Nếu cậu vẫn trả lời tôi là không, có thể người ta sẽ mổ bụng cậu ra để cắt nó đi, cái ruột thừa bị viêm tấy đó. Dĩ nhiên, chuyện này có những cái lợi. Cậu sẽ đổi hai tuần trong xà lim lấy chừng ấy ngày nằm trên một chiếc giường êm và sẽ được ăn uống tử tế hơn. Nếu cậu bị xét xử, thì cũng hoãn được chừng đó thời gian và nếu bạn cậu vẫn còn ở kia khi cậu tỉnh dậy, thì cả hai thậm chí còn chuyện trò được chút đỉnh.

Người y tá lấy trong túi áo choàng ra một bao thuốc lá, đưa cho tôi một điếu, ngậm một điếu khác giữa đôi môi và tiếp tục bằng một giọng còn nghiêm trang hơn.

- Dĩ nhiên, cũng có cả những điều bất tiện. Trước hết, tôi không phải bác sĩ phẫu thuật, chỉ là y sinh ngoại trú, nếu không, cậu nghĩ xem, tôi đã chẳng làm y tá ở nhà tù Saint-Michel. Chú ý này, tôi không bảo rằng tôi chẳng có cơ may nào thành công trong việc mổ

cho cậu, tôi thuộc lòng sách giáo khoa; nhưng cậu hiểu rằng dù sao thì cũng không giống như được mổ bởi những bàn tay thành thạo. Sau nữa, tôi chẳng giấu cậu là điều kiện vệ sinh ở đây không lý tưởng. Không bao giờ tránh khỏi nhiễm trùng, và trong trường hợp ấy, tôi cũng chẳng thể giấu cậu là một cơn sốt ác tính có thể đem cậu đi trước đội hành hình nhiều lắm. Thế thì, tôi sẽ ra ngoài đi dạo một vòng, đủ thì giờ để hút hết điều thuốc này. Còn cậu, trong thời gian ấy cậu sẽ cố nhớ xem liệu cái sẹo tôi thấy ở phía dưới bụng cậu, về bên phải, có đúng là sẹo do mổ ruột thừa hay không!

Người y tá rời gian phòng, để tôi ở lại một mình với Enzo. Tôi lay cậu bạn, chắc hẳn kéo cậu ra khỏi một giấc mơ, vì cậu mỉm cười với tôi.

- Cậu làm cái trò gì ở đây thế, Jeannot? Cậu đã bị già cho như tử à?

- Không, tớ chẳng sao cả, tớ chỉ đến thăm cậu thôi.

Enzo nhòm người dậy trên giường và lần này nụ cười của cậu không do một giấc mộng nào hết.

- Thế thì tuyệt hết chỗ nói! Cậu tự làm mình khổ sở thế chỉ để đến thăm tớ thôi ư?

Tôi gật đầu thay cho câu trả lời, vì để nói với em hết mọi điều, thì tôi xúc động lạ lùng khi gặp anh bạn Enzo. Và càng nhìn cậu, nỗi xúc động càng tăng; cũng bởi vì bên cậu, tôi nhìn thấy Marius ở rạp chiếu bóng Variétés và Rosine cạnh Marius đang mỉm cười với tôi.

- Chẳng nên vất vả như vậy, Jeannot, tớ sắp lại đi được rồi, tớ gần như đã khỏi.

Tôi cúi nhìn xuống, tôi không biết nói với cậu ấy thế nào.

- Nay, cậu cả, cậu có vẻ vui vì tớ đỡ hơn chứ!

- Thì chính ra, Enzo ạ, giá như cậu đừng đỡ nhiều như thế lại tốt hơn đấy, cậu hiểu không?

- Không, không thật hiểu!

- Cậu nghe này. Hễ cậu lại đi được, là chúng sẽ dẫn ngay cậu ra sân để quyết định số phận cậu. Chừng nào cậu không thể đi bộ đến cột hành hình, thì cậu sẽ còn hưởng án treo. Lần này thì cậu hiểu chứ?

Enzo không nói gì hết. Tôi thì tôi hổ thẹn, vì lời lẽ của tôi sống sượng và vì nếu tôi ở địa vị cậu, tôi sẽ chẳng thích cậu nói với tôi những lời lẽ ấy. Nhưng đó là để giúp cậu và cứu mạng cậu, thế là tôi đành nuốt xuống sự ngượng ngùng lúng túng của mình.

- Cậu không được khỏi, Enzo ạ. Cuối cùng sẽ có cuộc đổ bộ, chúng ta phải kéo dài thời gian.

Enzo đột ngột vén tấm chăn để lộ bắp chân. Những cái sẹo to tướng, nhưng gần như đã khép miệng.

- Thế tớ có thể làm gì cái chỗ này?

- Jacques còn chưa bảo gì tớ về chuyện ấy, nhưng cậu đừng lo, chúng ta sẽ tìm ra cách. Trong khi chờ đợi, cậu hãy thử giả vờ bị đau trở lại. Nếu cậu muốn, tớ có thể bày cho cậu, tớ đã đạt được một sự thành thạo nào đó.

Enzo bảo tôi rằng trong việc này, cậu chẳng cần đến tôi; về chuyện đau đớn, thì cậu còn những ký ức

mới tỉnh. Tôi nghe thấy người y tá quay lại, Enzo giả vờ đánh tiếp một giấc còn tôi trở về chiếc cáng của mình.

Sau khi nghỉ ngơi kỹ, tôi ưng làm yên lòng người mặc áo choàng; nhờ khoảnh khắc ngắn ngủi nghỉ ngơi, trí nhớ của tôi đã phục hồi; tôi gần như chắc chắn là khi tôi lên năm, người ta đã mổ ruột thừa cho tôi rồi. Dù sao chẳng nữa, hình như cái đau đã hết, thậm chí tôi có thể trở lại xà lim. Người y tá tuồn vào túi tôi vài viên lưu hoàng, để bọn tôi châm thuốc lá. Với những tên canh ngục điệu tôi quay về, anh bảo rằng họ đã làm đúng khi đưa tôi đến tận đây, tôi chớm bị một chứng tắc nghẽn có thể chuyển hướng xấu, và nếu không được họ can thiệp, thậm chí tôi có nguy cơ tử vong.

Với cái kẻ đàn độn hơn trong hai gã, cái kẻ trong lúc đi qua lối hẹp dám nhận xét là hắn đã cứu mạng tôi, tôi phải nói cảm ơn, và cái lời cảm ơn ấy đôi khi hãy còn làm miệng tôi bồng rức; nhưng khi nghĩ rằng đó là để cứu Enzo, thì lửa nguội tắt.



Trở lại xà lim, tôi báo tin về Enzo và đây đúng là lần đầu tiên tôi nhìn thấy những con người buồn bã vì bạn mình khỏi bệnh. Điều đó cũng nói lên rằng thời đại thật điên rồ, rằng cuộc sống đã mất hết mọi ý thức về tính hợp lý và thể giới của chúng ta đảo điên đến mức nào.

Thế là mỗi người đều đi đi lại lại, tay chấp sau lưng, tìm kiếm một giải pháp để cứu mạng một chiến hữu. Tôi nói hơi liều đôi chút:

- Thực ra, chỉ cần tìm được cách nào để các vết sẹo đừng liền miệng.

- Cảm ơn Jeannot nhé, Jacques lâu bầu, cho đến chỗ này, thì tất cả chúng mình đều đồng ý với cậu!

Thằng em tôi, vẫn mơ ước một ngày nào đó theo học ngành y, điều này trong tình cảnh của nó gắn với một tinh thần lạc quan nhất định, lập tức nói tiếp.

- Muốn thế, chỉ cần các vết thương nhiễm trùng.

Jacques khinh khỉnh ngắm Claude, tự hỏi liệu ở hai anh em có một tật xấu di truyền khiến chúng bẩm sinh đã thiên về phát biểu những điều sáo mòn hay không. Claude nói thêm:

- Vấn đề là tìm ra một cách để làm vết thương nhiễm trùng; từ nơi này, thì chẳng dễ!

- Thế thì chúng ta phải vận động để được y tá đồng tình.

Tôi rút trong túi ra điều thuốc và những viên lưu hoàng vừa rồi được anh ta cho, và bảo Jacques rằng tôi cảm thấy người này có một thiện cảm nhất định đối với chúng tôi.

- Đến mức mạo hiểm để cứu một người trong chúng ta ư?

- Anh biết đấy, Jacques ạ, có hàng đồng người hầy còn sẵn sàng mạo hiểm để cứu vớt mạng sống một thằng bé.

- Jeannot này, mình móc cần cái điều mọi người làm hay không làm, điều mình quan tâm, là người y tá mà cậu đã gặp. Cậu ước lượng cơ may chúng mình có với anh ta như thế nào?

- Tôi chẳng biết, à, tôi nghĩ rằng đó không phải là một kẻ xấu.

Jacques đi về phía cửa sổ, anh suy nghĩ; bàn tay anh không ngừng xoa lên gương mặt hốc hác. Anh nói:

- Cần phải quay lại gặp anh ta. Cần phải nhờ anh ta giúp chúng mình để Enzo lại ốm. Anh ta sẽ biết làm như thế nào.

- Thế nếu anh ta không muốn? Claude xen vào.

- Thì sẽ nói với anh ta về Stalingrad, sẽ bảo anh ta rằng người Nga đang ở biên giới nước Đức, rằng bọn quốc xã đang thua trận, rằng sẽ sớm có cuộc đổ bộ và lực lượng Kháng chiến sẽ biết cảm ơn anh ta khi mọi chuyện kết thúc.

- Thế nếu anh ta không chịu để mình bị thuyết phục? thẳng em tôi cứ nói thêm.

- Vậy thì, mình dọa anh ta là sẽ trị anh ta khi Giải phóng rồi, Jacques đáp.

Và Jacques ghét những lời lẽ của chính mình, nhưng có quan trọng gì các phương tiện, cần để cho vết thương của Enzo hoại tử. Claude hỏi:

- Mà ta nói tất cả những điều này với anh ấy như thế nào nhỉ, với anh y tá ấy?

- Mình còn chưa biết. Nếu ta làm lại cái vở ốm đau, bọn quản ngục sẽ đánh hơi ra trò bịp.

- Tôi cho là mình biết một cách, tôi nói mà không nghĩ ngợi gì nhiều.

- Cậu định làm như thế nào?

- Vào lúc đi dạo, bọn canh ngục đều ở hết ngoài sân. Tôi sẽ làm điều duy nhất bọn chúng không ngờ tới: tôi sẽ đào tẩu vào bên trong nhà tù.

- Jeannot, đừng có làm thẳng ngực, nếu cậu bị tóm, chúng sẽ giã cậu như tử.

- Tôi tưởng phải cứu Enzo bằng mọi giá chứ!

Đêm trở lại và buổi sáng ngày hôm sau đến, cũng xám xịt như những buổi sáng khác. Tới giờ đi dạo. Nghe tiếng giày ống của bọn canh ngục tiến bước trên lối đi nhỏ, lời cảnh báo của Jacques trở lại trong ký ức tôi. “Nếu bọn chúng tóm được cậu, chúng sẽ giã cậu như tử”, nhưng tôi nghĩ đến Enzo. Các chốt cửa loảng xoảng, các cánh cửa mở ra và tù nhân xếp hàng trước mặt Touchin, y đếm họ.

Mọi người chào tên chánh quản ngục và đoàn tù đi vào thang gác xoáy tròn ốc dẫn xuống tầng trệt. Chúng tôi đi dưới vòm kính rọi ánh sáng ủa đột xuống nhà cầu; tiếng chân chúng tôi vang trên nền đá mòn vết và chúng tôi bước vào hành lang chạy dài ra phía sân.

Toàn thân tôi căng lên, đến chỗ ngoặt là phải trốn, len lỏi, không để ai trông thấy giữa đoàn người, về phía cánh cửa nhỏ hé mở. Tôi biết là ban ngày cửa không bao giờ đóng, để tên canh ngục có thể từ chiếc

ghế y ngồi đưa mắt nhìn vào xà lim giam các tử tù. Tôi biết lối, hôm qua tôi đã đi theo lối ấy dưới sự canh gác kỹ càng. Đằng trước tôi, một khúc đường chưa đầy một mét và cuối đường, vài bậc dẫn đến bệnh xá. Bọn quản ngục đang ở ngoài sân, vận may ủng hộ tôi.

Trông thấy tôi, người y tá giật nảy mình. Qua dáng vẻ tôi, anh ta hiểu anh ta không có gì phải sợ. Tôi nói với anh, còn anh nghe tôi không ngắt lời, rồi đột nhiên anh ngồi xuống một chiếc ghế đầu, về ủ rũ. Anh nói:

- Tôi không chịu được cái nhà tù này nữa, tôi không chịu được khi biết rằng tất cả các cậu đều ở cao bên trên tôi, tôi không chịu được tình trạng mình bất lực, phải chào hỏi mỗi khi gặp những tên hèn hạ canh giữ các cậu và vớ được cơ gì là đánh đập các cậu. Tôi không chịu được những vụ bắn giết ngoài sân; nhưng mà tôi phải sống, đúng không nào? Tôi phải nuôi vợ, nuôi đứa con chúng tôi sắp có, cậu hiểu chứ?

Và thế là tôi an ủi người y tá! Chính tôi, gã Do Thái, tóc hoe và đeo mực kính, áo quần rách rưới, da bọc xương, đầy những vết rộp do lũ bộ chết để lại mỗi sáng làm kỷ niệm đêm hôm của chúng; chính tôi, tên tù rình đợi cái chết như người ta chờ đợi tới lượt mình tại phòng khám ở nhà ông thầy thuốc, tôi mà bụng đang sôi lọc ọc, tôi làm anh ta an lòng về tương lai của anh ta!

Em hãy nghe tôi nói với anh ta tất cả những điều tôi vẫn còn tin tưởng: người Nga ở Stalingrad, các mặt trận phía Đông suy sụp, cuộc đổ bộ đang được chuẩn

bị và những tên Đức chẳng bao lâu nữa sẽ rơi xuống từ những tháp canh, như táo rụng vào mùa thu.

Và người y tá lắng nghe tôi; anh ta lắng nghe tôi tựa một đứa trẻ hầu như không còn sợ nữa. Cuối câu chuyện, cả hai chúng tôi đã hơi đồng lõa, số phận chúng tôi gắn bó với nhau. Khi cảm thấy nổi cay đắng của anh đã qua đi, tôi nhắc lại với anh rằng trong tay anh là mạng sống của một thằng bé mới mười bảy tuổi đầu. Người y tá nói:

- Cậu nghe này. Ngày mai bọn chúng sẽ đưa cậu ta xuống xà lim tử tù; từ bây giờ đến lúc ấy, nếu cậu ta đồng ý, tôi sẽ quán cho cậu ta một dải băng nhỏ quanh vết thương, nếu gặp may đôi chút, nó sẽ nhiễm trùng trở lại và bọn chúng lại đưa cậu ta lên đây. Nhưng trong những ngày tiếp theo, các cậu phải thu xếp để mưu kế được duy trì.

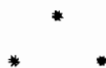
Trong các tù thuốc của anh có thuốc sát trùng, nhưng chất gây nhiễm trùng thì không tồn tại. Thế là, cái cơ may mà người y tá nói đến, đó là đi tiểu lên dải băng. Anh nhìn ra cửa sổ và nói:

- Bây giờ thì cậu chuẩn đi, buổi đi dạo đang kết thúc.

Tôi trở lại với các tù nhân, bọn quản ngục không nhìn thấy gì và Jacques, từng bước một, nhích lại gần tôi. Anh hỏi:

- Vậy thế nào?

- Vậy là, tôi có một kế hoạch!



Và ngày hôm sau, hôm sau nữa rồi tất cả các ngày tiếp theo, vào lúc đi dạo, tôi tổ chức cuộc dạo chơi của mình, tách khỏi những người khác. Khi đi qua khúc đường, tôi lên thật nhanh khỏi đoàn tù nhân. Tôi chỉ cần ngoái đầu là nhìn thấy Enzo, trong xà lim tử tù, nằm ngủ trên cái ổ của cậu. Bao giờ cậu cũng vươn vai mà bảo tôi:

- Kia, cậu lại đến đây à, Jeannot?

Và lần nào cậu cũng nhồm dấy, lo lắng.

- Nhưng cậu lại làm cái gì thế, cậu điên rồi, nếu chúng vợ được cậu, cậu sẽ bị giã cho như tử.

- Tôi biết mà, Enzo, Jacques đã bảo tôi như thế hàng trăm lần rồi, nhưng phải quán băng lại cho cậu.

- Thật kỳ lạ cái câu chuyện của cậu với anh y tá.

- Đừng lo gì hết, Enzo, anh ấy ủng hộ chúng mình, anh biết điều anh làm.

- Thế sao? Các cậu có tin tức không?

- Về cái gì cơ?

- Thì về cuộc đổ bộ chứ sao! Họ đến đâu rồi, những người Mỹ ấy? Enzo hỏi, như một thằng bé tỉnh khỏi cơn ác mộng hỏi xem tất cả những quái vật ban đêm của nó đã chui hết xuống dưới sàn nhà chưa.

- Nghe này, những người Nga đã dồn sức lực, bọn Đức đang tan tác, thậm chí họ còn đồn rằng người ta sắp giải phóng Ba Lan.

- A này, thật là tuyệt vời nhỉ.

- Nhưng về cuộc đổ bộ, thì lúc này mọi người chưa biết gì hết.

Tôi nói câu ấy bằng giọng buồn rầu và Enzo cảm thấy điều đó; mắt cậu nheo lại, như thể tử thần đang kéo tấm vải liệm về phía cậu, thu hẹp các khoảng cách.

Và gương mặt bạn tôi khép kín lại trong khi cậu đếm các ngày.

Enzo ngẩng đầu lên, một chút, vừa đủ để liếc nhìn tôi.

- Jeannot, quả thật cậu phải đi thôi, nếu cậu bị vớ được, cậu có biết không đấy?

- Tớ rất muốn chuồn, nhưng cậu bảo tớ đi đâu bây giờ?

Enzo cười vui và thật dễ chịu khi nhìn thấy bạn mình mỉm cười.

- Còn cái chân cậu?

Cậu nhìn xuống cẳng mình rồi nhún vai.

- À, tớ không thể bảo cậu là mùi của nó dễ ngửi cho lắm!

- Dĩ nhiên rồi, nó sẽ lại làm cậu đau, nhưng còn hơn là điều xấu nhất, phải không nào?

- Đừng lo, Jeannot, mình biết mà; với lại vẫn cứ ít đau hơn những viên đạn sẽ làm mình tan xương. Bây giờ thì cậu đi đi trước khi quá muộn.

Mặt cậu bỗng bệch ra, và tôi cảm thấy một cái đá bật tung vào ngang thắt lưng mình. Tha hồ cho cậu hét lên rằng chúng là lũ đê tiện, bọn cai ngục nện tôi

tới tấp, người tôi gấp làm đôi, vai tôi gí xuống đất và những gót giày tiếp tục giáng xuống. Máu tôi loang trên nền gạch. Enzo vùng dậy, hai bàn tay bám lấy các chân song ngực tôi, cậu van nài chúng để tôi yên. Gã canh ngực cười gần:

- À mày thấy là mày đứng được đấy nhé.

Tôi những muốn mình ngắt đi, đừng cảm thấy những miếng đòn ào ào giáng xuống mặt mình như một trận mưa rào tháng Tám nữa. Mùa xuân sao mà xa xôi đến thế trong những ngày lạnh lẽo tháng Năm này.

27

Tôi từ từ tỉnh dậy. Mắt tôi đau, môi tôi bết lại vì máu khô. Mắt tôi sưng húp thành thử chẳng biết được liệu bóng đèn trên trần hầm giam đã tắt hay chưa. Nhưng tôi nghe thấy tiếng nói qua cửa sổ thông xuống tầng hầm, tôi hãy còn sống. Các bạn đang đi dạo ngoài sân.



Một dòng nước chảy ra từ chiếc vòi cấm trên một bức tường ở bên ngoài. Các bạn nối tiếp nhau đứng vào đó. Những ngón tay lạnh cóng cầm không vững bánh xà phòng dùng để rửa ráy. Rửa xong, họ trao đổi với nhau vài tiếng rồi đến lượt ở chỗ một vệt nắng chiếu xuống nền sân.

Bọn cai ngục nhìn một người trong chúng tôi.

Bọn chúng mang trong mắt ánh nhìn của những con diều hâu. Đôi chân cậu bé bắt đầu run, các tù nhân xúm quanh cậu, vây lấy cậu để che chắn.

- Nào, lại đây với chúng tao! tên chánh quản ngục nói.

- Bọn chúng muốn gì thế? cậu bé Antoine hỏi, mặt lộ vẻ sợ hãi.

- Lại đây, đã bảo mà! tên cai ngục vừa ra lệnh vừa rẽ lối đi giữa các tù nhân.

Những bàn tay giơ ra để siết lấy bàn tay của Antoine đang bị người ta cướp đi khỏi cuộc sống. Một người bạn thì thầm:

- Đừng lo nhé.

- Nhưng bọn chúng muốn gì tôi thế? cậu thanh niên mới lớn bị chúng xốc vai lôi đi không ngừng lặp lại.

Tất cả mọi người ở đây đều biết rõ lý do hâu muốn gì, và Antoine hiểu ra. Vừa rời sân, cậu vừa nhìn bạn bè, cảm nín; cái chào lặng lẽ nhưng những người tù im lìm nghe thấy lời vĩnh biệt của cậu.

Bọn canh ngục dẫn cậu trở lại xà lim. Khi bước vào, chúng ra lệnh cho cậu mang đồ đạc của cậu đi, tất cả đồ đạc của cậu.

- Tất cả đồ đạc của tôi ư? Antoine cầu khẩn.

- Mà điếc à? Tao vừa nói gì đấy!

Và trong lúc Antoine cuộn tấm nệm rơm, chính là cậu đang gói gém cuộc đời mình; mười bảy năm kỷ ức, hành trang dọn dẹp nhanh thôi.

Touchin đứng đưa người trên hai cẳng chân.

- Nào, lại đây, y nói, đôi môi thô dày nhếch lên một cái tởm lợm.

Antoine đến bên cửa sổ, cầm cây bút chì để ngoáy vài chữ cho những người còn ở ngoài sân, cậu sẽ không gặp lại họ nữa.

- Lại còn cái gì nữa thế, tên chánh quản ngục vừa nói vừa quát vào hông cậu.

Chúng túm tóc lôi Antoine, tóc mảnh quá thành thử đứt ra.

Cậu bé đứng dậy cầm lấy gói đồ, ôm vào bụng rồi đi theo hai tên cai ngục.

- Đi đâu thế? cậu hỏi, giọng nhỏ thanh thanh.

- Khi nào đến nơi mày sẽ biết!

Và khi tên chánh quản ngục mở cánh cửa chắn song của xà lim tử tù, Antoine ngược mắt và mỉm cười với người tù đang đón mình.

- Cậu làm cái quái gì ở đây thế? Enzo hỏi.

- Tôi chẳng biết, Antoine trả lời, tớ cho là chúng cử tớ đến để cậu bớt cô độc. Còn có thể có gì khác ư?

- Ừ phải đấy, Antoine ạ, Enzo khẽ đáp, cậu bảo còn có gì khác được chứ?

Antoine không nói gì nữa, Enzo chìa cho cậu nửa phần bánh mì của mình nhưng cậu bé không muốn nhận.

- Cậu phải ăn đi.

- Để làm gì chứ?

Enzo đứng dậy, vừa nhảy lò cò vừa nhả nhó rồi đến ngồi bệt xuống đất, dựa vào tường. Cậu đặt tay lên

vai Antoine và chỉ cho bạn bấp chân mình.

- Cậu thực sự nghĩ rằng tớ tự làm mình đau đớn thế này, nếu không có hy vọng sao?

Hai mắt giương to, Antoine nhìn vết thương đang rỉ mủ. Cậu áp ứng:

- Thế là các bạn ấy đã thành công ư?

-Ừ, cậu thấy đó, các bạn đã thành công. Thậm chí tớ còn có tin tức về cuộc đổ bộ, nếu như cậu muốn biết mọi chuyện.

- Cậu, trong xà lim tử tù, cậu có được loại tin tức ấy sao?

- Hoàn toàn đúng! Với lại, Antoine ạ, cậu chưa hiểu gì hết. Nơi này, không phải gian xà lim cậu nói, mà là xà lim của hai người kháng chiến, hãy còn sống. Lại đây, tớ phải cho cậu xem một thứ.

Enzo lục túi và lấy ra một đồng bốn mươi xu bẹp gí.

- Tớ để nó trong lần lốt, cậu biết đấy.

- Cậu đã làm cho nó thành kỳ cục quá, cái đồng tiền của cậu ấy, Antoine thở dài.

- Thoạt tiên tớ phải cạo bỏ thanh phủ việt⁽¹⁾ của Pétain đi đã. Bây giờ nó nhẵn thín rồi, cậu hãy nhìn những gì tớ đã bắt đầu khắc đây.

Antoine cúi xuống đồng tiền và đọc những chữ đầu tiên.

1. Búa trận của người Franc xưa, được chính phủ Pétain (1940-1944) sử dụng làm biểu tượng.

- Cái cầu mà cậu khắc nói gì thế?

- Chưa xong đâu, nhưng đó sẽ là: "Hãy còn những nhà ngục phải chiếm lấy."

- Enzo này, nói rất trung thực, thì tớ không biết cái trò cậu khắc là hay, hoặc rất ngu.

- Đó là một câu viện dẫn. Không phải của tớ đâu, chính Jeannot một hôm đã nói với tớ câu ấy. Cậu sẽ giúp tớ khắc cho xong, bởi vì để cũng trung thực như cậu, thì với cơn sốt đang quay trở lại, tớ không còn nhiều sức lắm, Antoine ạ.

Và trong lúc Antoine dùng một chiếc đinh cũ vạch chữ lên đồng bốn mươi xu, thì Enzo, nằm dài trên phản, sáng tác cho cậu nghe những tin tức của cuộc chiến.

Émile là tư lệnh, cậu đã lập một đạo quân, giờ đây họ có ô tô, súng cối và sắp có đại bác. Đội đã thành lập lại, họ tấn công khắp nơi. Enzo kết luận:

- Cậu thấy đó, không phải chúng mình toi đâu, hãy tin tớ! Mà tớ còn chưa nói với cậu về cuộc đổ bộ. Sắp rồi, cậu biết đấy. Khi Jeannot ra khỏi hàm giam, thì người Anh và người Mỹ sẽ ở đó, cậu sẽ thấy mà.

Ban đêm, Antoine không rõ lắm liệu Enzo nói thật với mình hay cơn sốt và sự mê sảng nơi bạn đã trộn lẫn mơ với thực.

Sáng ra, cậu tháo những dải băng, nhúng chúng vào thùng nước tiểu trước khi quần lại cho bạn. Thời gian còn lại trong ngày, cậu chăm sóc Enzo, theo dõi

hơi thở của bạn. Khi nào không bắt rận, cậu cặm cũi không ngừng với đồng xu và mỗi lần khắc thêm một chữ mới, cậu lại thì thầm với Enzo rằng rốt cuộc, chính Enzo có lý; họ sẽ cùng nhau thấy cuộc Giải phóng.

*

* *

Cứ cách một ngày, người y tá lại đến thăm họ. Tên chánh quản ngục mở cánh cửa chấn song và giam anh cùng với họ, cho anh mười lăm phút để chăm sóc Enzo, không thêm một phút.

Antoine đã bắt đầu cời dải băng và xin lỗi.

Người y tá để hộp dụng cụ xuống và mở nắp hộp.

- Cứ cái đà này, thì chúng ta sẽ giết chết cậu ấy trước khi đội hành hình lo việc đó.

Anh đã mang đến cho họ aspirine và một ít thuốc phiện.

- Đừng cho cậu ấy uống nhiều quá; hai hôm nữa tôi mới quay lại và ngày mai sẽ còn đau hơn.

- Cám ơn anh, Antoine thì thảo khi người y tá đứng dậy.

- Không có gì, người y tá đáp. Tôi tặng các cậu tất cả những gì tôi có, anh buồn bã nói.

Anh thọc tay vào túi áo choàng và ngoảnh về phía cửa xà lim. Antoine hỏi:

- Anh y tá này, tên anh là gì thế?

- Jules, tôi tên là Jules.

Và người y tá quay mặt lại để đối diện với Antoine.

- Cậu biết đấy, anh bạn Jeannot của cậu đã trở lên gác rồi.

- A! Thật là một tin tốt lành, Antoine nói. Còn người Anh?

- Người Anh nào?

- Thì các Đồng minh, cuộc đổ bộ; anh không biết gì hết sao? Antoine sống sờ sờ chất vấn.

- Tôi có nghe chuyện nhưng không có gì chính xác.

- Không có gì chính xác hay không có điều gì là đích xác? Bởi vì trong trường hợp của cả hai chúng tôi, hai điều trên không giống nhau, anh có hiểu không, anh Jules?

- Thế còn cậu, tên cậu là gì thế? người y tá hỏi.

- Antoine!

- Vậy thì nghe này, Antoine, cái cậu Jeannot mà tôi bảo với cậu ban nãy, tôi đã nói dối cậu ấy khi cậu ấy đến tìm tôi để giúp anh bạn với cái chân mà tôi đã chữa trị quá chu đáo. Tôi không phải bác sĩ, chỉ là y tá thôi, và tôi ở đây vì tôi đã bị bắt gặp khi đang thò khăn trải giường và vài thứ lặt vặt khác trong các tủ của bệnh viện nơi tôi làm việc. Tôi bị án năm năm; tôi cũng như cậu thôi, là một tù nhân. Các cậu, chính trị phạm, tôi thường phạm, tóm lại, không giống các cậu; tôi thì tôi chẳng là cái gì hết.

- À có chứ, anh là một người rất tuyệt, Antoine nói để an ủi người y tá, vì cậu cảm thấy rõ anh buồn phiền vì chuyện trên.

- Tôi đã thất bại mọi sự, tôi những muốn được như cậu. Cậu sắp bảo tôi rằng chẳng có gì để ghen tị với người mà chúng sắp đem bắn, nhưng tôi những muốn được biết niềm tự hào của cậu, được có lòng dũng cảm của cậu, trong một khoảnh khắc. Tôi từng gặp bao nhiêu chàng trai giống như cậu. Tôi đã ở đây rồi, cậu biết đấy, khi chúng xử chém Langer. Tôi sẽ nói gì đây, tôi ấy, sau chiến tranh? Rằng tôi đã bị tù vì chôm khăn trải giường ư?

- Nghe này, Jules, anh sẽ có thể nói rằng anh đã chăm sóc chúng tôi và thế là rất nhiều rồi. Anh cũng có thể nói rằng cứ hai ngày một, anh liều với nguy hiểm để đến băng bó lại cho Enzo. Enzo là cậu ấy đó, là cậu bạn mà anh chăm nom, trong trường hợp nhớ anh không biết tên cậu ta. Những cái tên quan trọng lắm, Jules ạ. Ta nhớ đến mọi người như vậy đấy; ngay cả khi họ đã chết, đôi khi ta vẫn tiếp tục gọi họ bằng tên; nếu không, thì ta chẳng thể gọi được. Anh thấy đó, Jules, mọi sự đều có lý do, mẹ tôi bảo thế đấy. Anh chẳng thó khăn trải giường vì anh là kẻ cắp, mà vì anh cần phải bị bắt để ở đây và giúp đỡ chúng tôi. Được, bây giờ khá hơn rồi, Jules, tôi nhìn thấy điều này qua gương mặt anh, anh đã có lại khí sắc, hãy bảo cho tôi biết, về cuộc đổ bộ, chuyện thế nào?

Jules tiến về phía cửa chấn song và gọi để họ đến đưa anh ra.

- Hãy tha lỗi cho tôi, Antoine, nhưng tôi không thể nói dối được nữa, tôi không còn sức. Về cuộc đổ bộ của cậu, tôi chẳng nghe thấy gì hết.

Đêm ấy, khi Enzo rên rì vì đau đớn, bị cuốn đi trong cơn sốt, thì Antoine, ngồi xổm dưới đất, khắc xong từ “nhà ngục” trên một đồng bốn mươi xu.

Mờ sáng, Antoine nhận ra tiếng các chốt cửa xà lim bên cạnh được mở ra rồi đóng lại. Những bước chân theo nhịp đi xa dần. Vài khoảnh khắc sau, vút lầy chấn song cửa sổ, cậu nghe mười hai tiếng trầm đục đập vào bức tường của những người bị xử bắn. Antoine ngẩng đầu; xa xa, cất lên *Bài ca quân du kích*. Một điệu hát mênh mang, xuyên qua những bức tường nhà ngục Saint-Michel và đến với cậu, như một khúc ca hy vọng.

Enzo mở một con mắt, và nói khẽ:

- Antoine, cậu cho là bạn bè cũng sẽ hát khi chúng bắn tớ chứ?

- Ủ, Enzo ạ, còn to hơn nữa, Antoine dịu dàng đáp. Thậm chí, rất to, tới mức mọi người nghe được tiếng họ cho đến tận cuối thành phố.

28

Tôi ra khỏi hầm giam và gặp lại bạn bè. Họ chung nhau tặng tôi thuốc lá, đủ cuộn được ít ra là ba điếu.

Vào khoảng giữa đêm, máy bay ném bom Anh bay bên trên nhà tù của chúng tôi. Phía xa, nghe tiếng còi báo động; tôi bám lấy chân song và nhìn lên trời.

Tiếng động cơ ù ù xa xa giống như cơn giông đang đến; nó tràn ngập không gian và vang đến tận chỗ chúng tôi.

Trong những vệt sáng quét trên bầu trời, tôi thấy in hình các mái nhà của thành phố chúng tôi. Toulouse, thành phố màu hồng. Tôi nghĩ đến chiến tranh đang diễn ra bên kia các bức tường, tôi nghĩ đến những thành phố của nước Đức và những thành phố của nước Anh.

- Họ đi đâu thế? ngồi trên nệm rom, Claude hỏi.

Tôi ngoảnh lại và, trong bóng tối, nhìn bạn bè với những thân hình gầy guộc. Jacques dựa lưng vào tường, Claude thu mình lại. Những chiếc cặp lồng đập vào

tường và, từ các xà lim khác, những tiếng nói vang lên để bảo chúng tôi “Các chàng trai, nghe thấy chứ?”

Phải, tất cả chúng tôi đều nghe thấy những âm thanh này của tự do, vừa rất gần lại vừa rất xa, bên trên đầu chúng tôi vài ngàn mét.

Trên cao kia, trong máy bay, có những con người tự do, những phích cà phê, có bánh bích quy và vô số thuốc lá; ngay bên trên chúng tôi, em hiểu chứ? Và các phi công, mặc áo blouson da, xuyên qua những đám mây, bồng bềnh giữa các vì sao. Dưới cánh bay của họ, mặt đất tối tăm, không một ánh sáng, không cả ánh sáng của các nhà tù, thế mà họ làm tâm hồn chúng tôi tràn đầy một luồng hy vọng. Trời ả sao mà tôi muốn được ở trong số họ, tôi có thể đổi mạng sống của mình để được ngồi bên họ, nhưng mạng sống của mình, tôi đã tặng cho tự do rồi, tại đây, trong một ngục thất bằng đá ở nhà tù Saint-Michel.

- Vậy thì, họ đi đâu thế? thằng em tôi nhắc lại.

- Anh chẳng biết!

- Sang Italia! một bạn trong chúng tôi khẳng định.

- Không phải, khi họ sang bên ấy, thì họ xuất phát từ châu Phi, Samuel trả lời.

- Thế thì, đi đâu? Claude lại hỏi. Họ làm gì ở đấy?

- Anh không biết, anh không biết, nhưng em hãy ở cho xa cửa sổ, chẳng bao giờ biết được thế nào.

- Thế còn anh thì sao, anh đeo dính lấy chấn song!

- Anh thì anh nhìn và anh kể cho em...

Những tiếng rít xé màn đêm, những tiếng nổ đầu

tiên làm rung chuyển nhà tù Saint-Michel và tất cả tù nhân đứng dậy, hét lên hoan hô. “Các chàng trai, nghe thấy chứ?”

Phải, chúng ta nghe thấy. Họ đang ném bom Toulouse và bầu trời ánh đỏ phía xa xa. Đại bác phòng không bắt đầu đáp trả, nhưng những tiếng rít vẫn tiếp tục. Các bạn đến với tôi bên dưới các chân song. Trận pháo hoa thật ra trò!

- Nhưng họ làm gì thế? Claude van nài.

- Mình không biết, Jacques nói khẽ.

Tiếng một bạn cất lên và bắt đầu hát. Tôi nhận ra giọng Charles, và nhớ lại nhà ga Loubers.

Thằng em trai bên cạnh tôi, Jacques ở trước mặt, François và Samuel trên nệm rơm; bên dưới, có Enzo và Antoine. Đội 35 chưa thôi tồn tại.

- Nếu một trong những trái bom ấy có thể làm đổ những bức tường của cái nhà tù này..., Claude nói.

Và hôm sau thức dậy, chúng tôi được biết là đêm qua, các phi cơ trên bầu trời đã kéo dài bên dưới cánh bay bình minh của cuộc đổ bộ.

Jacques nói đúng, mùa xuân đang trở lại, Enzo và Antoine có thể được cứu sống.

*

*

*

Bình minh ngày hôm sau, ba người mặc đồ đen đi vào trong sân. Một sĩ quan vận quân phục theo sau họ.

Chỉ huy cai ngục tiếp họ, chính y cũng sống sờ kinh ngạc. Y nói:

- Hãy đợi tôi trong văn phòng, tôi phải báo trước cho họ, chúng tôi không ngờ các vị đến.

Và trong khi viên giám thị quay lại, một chiếc xe tải vượt qua cổng và mười hai người đội mũ cứng lần lượt bước xuống.

Sáng nay, Touchin và Theil nghỉ, Delzer trực. Kề thay thế tên chánh quản ngục lảm bảm:

- Chuyện này lại phải rơi vào mình chứ.

Y đi qua khúc đường ngắn và đến gần xà lim. Antoine nghe tiếng chân bước và nhòe dậy.

- Các anh làm gì vậy, trời còn tối mà, chưa đến giờ phát suất ăn chứ?

- Thế đấy, Delzer nói, họ đang ở đó.

- Mấy giờ rồi? cậu bé hỏi.

Viên cai ngục nhìn đồng hồ, năm giờ. Antoine hỏi:

- Cho chúng tôi ư?

- Họ chưa nói gì hết.

- Thế là, họ sẽ đến tìm chúng tôi?

- Nửa giờ nữa, tôi nghĩ thế. Họ phải điền vào giấy tờ, thế rồi còn phải giam các tù lao dịch.

Viên cai ngục lục túi và lấy ra một bao thuốc lá, y đưa nó qua khe chấn song.

- Dù sao thì cậu đánh thức bạn mình dậy cũng tốt hơn.

- Nhưng cậu ấy không đứng được, họ sẽ không làm chuyện này với cậu ấy chứ! Họ không có quyền,

mẹ kiếp! Antoine phản đối.

- Tôi biết, Delzer cúi đầu nói. Tôi đi đây, có khi lát nữa chính tôi sẽ quay lại.

Antoine lại gần nệm rơm của Enzo. Cậu vỗ vỗ vào vai bạn.

- Dậy đi cậu.

Enzo giật mình, mở mắt. Antoine khẽ nói:

- Là bây giờ, chúng đang ở đó.

- Cho hai chúng mình? Enzo hỏi, mắt rơm ướm.

- Không, cậu thì chúng không thể, như thế sẽ quá rớm.

- Đừng nói thế, Antoine, tớ đã quen với chuyện chúng mình ở cùng nhau, tớ sẽ đi với cậu.

- Im đi, Enzo! Cậu thì cậu không bước đi được nữa, tớ cấm cậu dậy, nghe chưa? Tớ có thể đi đến đó một mình, cậu biết mà.

- Tớ biết, anh bạn, tớ biết.

- Nay, ta có hai điều thuốc, thuốc lá thật sự, ta có quyền hút chúng.

Enzo ngồi dậy và đánh diêm. Cậu rít một hơi dài và nhìn các vòng khói.

- Thế là Đồng minh vẫn chưa đổ bộ?

- Phải cho là chưa, anh bạn ạ.



Trong xà lim, mỗi người chờ theo cách của mình.

Sáng nay, xúp đưa đến muộn. Sáu giờ rồi mà tù lao dịch vẫn chưa vào hành lang. Jacques đi đi lại lại; qua nét mặt thấy anh đang lo lắng. Samuel vẫn dựa tường ủ rũ, Claude đứng bên chân song nhưng sân còn mờ xám, nó quay lại ngồi xuống. Jacques trầm ngâm:

- Mẹ kiếp, bọn chúng làm cái quái gì thế?

- Lũ dê tiện! em tôi trả lời.

- Em cho là...?

- Im đi, Jeannot! Jacques ra lệnh, rồi anh quay lại và ngồi xuống, lưng dựa cửa, đầu gục trên đầu gối.

*

*

*

Delzer trở lại xà lim tử tù. Mặt y thất sắc.

- Tôi rất tiếc, các cậu ạ.

- Thế họ sẽ dẫn cậu ấy đi như thế nào? Antoine cầu khẩn.

- Họ sẽ khiêng cậu ấy trên ghế dựa. Chính vì thế mà chậm trễ đấy. Tôi đã cố can họ, cố bảo họ rằng người ta không làm những việc như thế, nhưng họ đã chán đời cho cậu ấy khỏi.

- Bọn dê tiện! Antoine hét lên.

Và chính Enzo động viên cậu.

- Tôi muốn đứng thẳng mà đi tới đó!

Cậu đứng lên, loạng choạng và ngã xuống. Băng quần tuột ra, bắp chân cậu rữa nát. Delzer thờ dãi:

- Họ sẽ đem đến cho cậu một cái ghế. Cậu đau

đón hơn mà làm gì.

Và sau những lời này, Enzo nghe thấy tiếng chân bước về phía họ.

*

*

*

- Cậu nghe thấy rồi chứ? Samuel ngồi thẳng dậy nói.

- Phải, Jacques khẽ nói.

Ngoài sân, vang lên tiếng bước chân của bọn hiến binh.

- Ra cửa sổ đi, Jeannot, và nói cho chúng mình những gì đang xảy ra.

Tôi đến bên chân song, Claude khom người cho tôi trèo lên. Sau lưng tôi, bạn bè chờ đợi tôi kể lại cho họ câu chuyện bí hiểm của một thế giới ở đó hai cậu bé lạc trong buổi sớm tinh mơ đang bị lôi đến cái chết, câu chuyện ở đó một trong hai cậu bé lão đảo trên một chiếc ghế dựa do hai hiến binh khiêng.

Một cậu đứng, bị chúng trói vào cột, cậu kia chúng đặt ngay bên cạnh cậu này.

Mười hai người xếp thẳng hàng. Tôi nghe thấy những ngón tay Jacques kêu rằng rắc vì anh siết chúng mạnh quá, và mười hai phát súng nổ trong buổi bình minh một ngày cuối cùng. Jacques hét một tiếng "Không!" còn to hơn cả những tiếng hát đang cất lên, dài hơn cả những điệp khúc của bài *Marseillaise* mà mọi người ca vang.

Đầu các bạn tôi lắc lư và gục xuống, những lồng ngực bị xuyên thủng chảy máu; ống chân Enzo còn giấy giấy, nó căng ra và chiếc ghế lặn xuống bên cạnh.

Mặt cậu sấp trong cát, và trong thình lặn trở lại, tôi thề với em là cậu ấy mỉm cười.



Đêm ấy, năm ngàn con tàu từ Anh sang đã vượt biển Manche. Sáng ra, mười tám ngàn người nhảy dù từ trên trời xuống và hàng ngàn binh lính Anh, Mỹ, Canada, đổ bộ vào các bờ biển nước Pháp; ba ngàn người đã bỏ mạng trong những giờ đầu tiên của ban mai, phần đông an nghỉ trong các nghĩa trang miền Normandie.

Chúng tôi đang ở vào ngày mùng 6 tháng Sáu năm 1944, lúc ấy là sáu giờ sáng. Lúc bình minh, trong sân nhà tù Saint-Michel, tại Toulouse, Enzo và Antoine bị bắn chết.

29

Trong ba tuần lễ tiếp theo, quân Đồng minh nếm trải cảnh gian nan địa ngục ở Normandie. Mỗi ngày lại đem tới những thắng lợi và hy vọng của nó; Paris chưa được giải phóng, nhưng mùa xuân mà Jacques xiết bao mong đợi đã báo hiệu, và cho dù nó đến chậm, không ai có thể trách cứ anh.

Sáng nào cũng vậy, vào lúc đi dạo, chúng tôi trao đổi cùng các bạn Tây Ban Nha những tin tức về cuộc chiến. Giờ đây, chúng tôi tin chắc rằng người ta sẽ sớm thả chúng tôi. Nhưng tên cục trưởng cảnh sát Marty, chưa bao giờ thôi thù hận, đã quyết định theo cách khác. Vào cuối tháng, y ra lệnh cho ban quản trị các nhà lao giao toàn bộ tù chính trị vào tay bọn quốc xã.

Rạng sáng, chúng tập trung chúng tôi trong hành lang, dưới vòm kính mờ xám. Ai nấy mang hành trang, cặp lồng và chút đồ đạc còm.

Ngoài sân đầy xe tải và bọn Waffen-SS⁽¹⁾ sửa vang để bắt chúng tôi xếp hàng. Nhà tù đặt trong tình trạng giới nghiêm. Chúng vây lấy chúng tôi. Bọn lính hết lác, và dùng báng súng lùa chúng tôi tiến lên. Trong hàng, tôi gặp Jacques, Charles, François, Marc, Samuel, thằng em tôi và tất cả bạn bè còn sống sót của đội 35.

Tay chấp sau lưng, tên giám thị trưởng Theil, có vài quân ngục vây quanh, nhìn chúng tôi, và mắt y long lên cái kinh.

Tôi ghé vào tai Jacques nói khẽ:

- Anh nhìn hấn mà xem, mặt hấn nhợt nhạt. Anh thấy đó, tôi còn thích ở địa vị của tôi hơn là địa vị của hấn.

- Nhưng cậu biết là ta đi đâu chứ, Jeannot!

- Biết, nhưng ta sẽ ngẩng cao đầu mà đi còn hấn sẽ mãi mãi sống thấp hèn.

Tất cả, chúng tôi đều hy vọng tự do và tất cả, chúng tôi xếp hàng đi ra, bị xiềng xích khi cửa nhà tù mở. Chúng tôi băng qua thành phố, có lính áp giải, và những người qua đường thưa thớt, lặng lẽ trong buổi

1. *Schutzstaffel*, viết tắt là SS, tổ chức cảnh sát quân sự hóa của đảng Quốc xã. Hình thành chính thức năm 1926, cho đến 1934, lực lượng SS chỉ là một nhánh đặc biệt của tổ chức "sơ mi nâu" SA (*Sturmabteilung* "đơn vị phản ứng mạnh"), nhưng sau đó trở thành bộ phận ưu tú của phong trào quốc xã, giám sát các miền đất chiếm đóng và các trại tập trung, bên cạnh bọn Gestapo. Khi chiến tranh nổ ra, cũng hình thành tổ chức *Waffen-SS*, những đơn vị chiến đấu ưu tú của nước Đức quốc xã, thu hút cả quân tình nguyện nước ngoài.

sáng nhợt nhạt này, nhìn đoàn tù nhân mà người ta dẫn đến cái chết.

Ở nhà ga Toulouse, nơi những hồi ức trở lại, một đoàn toa chở hàng đang chờ chúng tôi.

Khi xếp hàng trên sân ga, mỗi người trong chúng tôi đều đoán được chuyến tàu này đưa mình đến nơi nào. Nó thuộc những chuyến tàu, từ bao nhiêu tháng nay, xuyên qua châu Âu, những chuyến tàu mà hành khách không bao giờ trở lại.

Bến cuối ở Dachau, Ravensbrück, Auschwitz, Birkenau⁽¹⁾. Chính trên chuyến tàu ma, bọn chúng đang đẩy chúng tôi lên, như súc vật.

1. *Dachau*, thành phố miền Bavière nước Đức, nơi một trại tập trung quốc xã được lập năm 1933, cho đến 1945 đã giam giữ 206.000 người.

Ravensbrück, thành phố thuộc nước Đức, có trại tập trung lập năm 1934, chủ yếu dành cho phụ nữ. Hơn 90.000 tù nhân, chủ yếu là phụ nữ Ba Lan, đã chết ở đó trong Đại chiến thứ hai.

Auschwitz, một trong những trại tập trung lớn nhất, thành lập tại Ba Lan từ 1940. Khoảng 3 đến 4 triệu người, trong đó chừng 1 triệu người Do Thái, đã chết ở đây.

Birkenau cách Auschwitz 3 cây số, là một trong ba trại thuộc Auschwitz.

PHẦN BA

30

Mặt trời chưa lên cao lắm, bốn trăm tù nhân của trại Vernet đứng đợi trên sân ga dù sao cũng đã nhuốm cái nóng ban ngày. Một trăm năm mươi người bị giam ở nhà ngục Saint-Michel đến nhập bọn cùng họ. Trong đoàn tàu, giữa các toa chở hàng dành cho chúng tôi, có móc vài toa hành khách. Những tên Đức phạm các tội vặt được đưa lên đó. Chúng trở về nhà, có người áp giải. Rồi đến lượt các nhân viên Gestapo, được hồi hương cùng gia đình, trèo lên toa. Bọn Waffen-SS ngồi ở các bậc lên xuống, súng đặt trên lòng. Gần bên đầu máy, chỉ huy chuyển tàu, tên trung úy Schuster đang hạ lệnh cho binh lính. Ở cuối đoàn tàu, chúng cho nổi vào một mặt sàn bên trên lắp một đèn chiếu cực lớn và một khẩu súng liên thanh. Bọn SS xô đẩy chúng tôi. Mặt một người tù không hợp mắt một tên trong bọn. Y nện người đó một báng súng. Anh ngã lăn xuống đất rồi ngồi dậy, tay ôm bụng. Cửa các toa chở súc vật mở ra.

Tôi ngoảnh lại và nhìn một lần cuối sắc màu của ban ngày. Không một gợn mây, một ngày hè nóng nực đang báo hiệu, và tôi ra đi, sang nước Đức.

Sân ga tuy thế đen đặc người, những đoàn rù hình thành trước mỗi toa, còn tôi, thật kỳ lạ, tôi không nghe thấy một tiếng động nào nữa. Trong khi bọn chúng đẩy chúng tôi lên, Claude ghé vào tai tôi.

- Lần này, là chuyến đi cuối cùng.

- Em im đi!

- Anh cho là ở trong ấy chúng ta sẽ trụ được bao lâu?

- Lâu chừng nào cần thiết. Anh cấm em chết!

Claude nhún vai, đến lượt nó trào lên, nó giơ tay cho tôi, tôi đi theo nó. Sau lưng chúng tôi, cánh cửa toa đóng lại.

Mất tôi phải mất một ít thời gian để quen với bóng tối. Những tấm ván có dây thép gai bao quanh được đóng đinh vào cửa sổ. Bảy mươi người chúng tôi chôn chặt trong toa, có thể nhiều hơn một ít. Tôi hiểu rằng để nghỉ ngơi, sẽ phải nằm duỗi người thay phiên nhau.

Chẳng mấy chốc đã là giữa trưa, cái nóng không sao kham nổi và đoàn tàu vẫn không nhúc nhích. Nếu tàu chạy, có lẽ chúng tôi sẽ được một chút gió, nhưng chẳng có gì xảy ra hết. Một người Italia không chịu nổi cái khát, đi tiểu vào hai bàn tay và uống nước giải của chính mình. Kìa anh ta đang lão đảo và ngất đi. Ba

người chúng tôi đỡ lấy anh dưới luồng không khí mỏng manh đi qua khe cửa sổ. Nhưng trong lúc chúng tôi giúp anh hồi lại, thì một số khác bất tỉnh và ngã lộn xuồng.

- Hãy nghe này! thằng em tôi nói khế.

Tất cả chúng tôi căng tai ra và nhìn nó, nghi hoặc.

- Suyt, nó nài thêm.

Đó là tiếng ào ào của cơn giông mà nó nghe thấy, và những giọt mưa lớn đã lộp bộp trên nóc toa. Meyer lao người, gơ hai cánh tay về phía dây thép gai và bị thương; có hề gì, hòa với máu chảy trên da anh là một ít nước mưa, anh liếm nó. Chỗ của anh bị một số người khác tranh giành. Khát, kiệt sức, sợ hãi, những con người đang trở thành những con vật; nhưng, xét cho cùng, làm sao trách họ đã mất lý trí, chúng tôi chẳng đang bị nhốt trong toa chở súc vật đó sao?

Một cái lắc giật, đoàn tàu rục rịch. Nó chạy vài mét rồi đứng yên.

Đến lượt tôi ngồi. Claude ở bên cạnh tôi. Lưng dựa vào thành toa, đầu gối co quắp lại để chiếm ít chỗ hết mức có thể. Bốn mươi độ trong toa và tôi cảm nhận hơi thở hỗn hển của nó, như hơi thở của những con chó buông mình vào giấc ngủ trưa trên tảng đá nóng.

Toa tàu lặng lẽ. Thỉnh thoảng, một người ho lên trước khi ngất đi. Tại phòng chờ cửa tử thần, tôi tự hỏi cái người điều khiển đầu máy đang nghĩ gì, các gia đình người Đức yên vị trên những ghế dài nhỏ tiện nghi

trong ngăn của họ đang nghĩ gì, những người đàn ông đàn bà kia, cách chúng tôi hai toa tàu, đang ăn no uống đủ. Trong số họ liệu có vài kẻ tưởng tượng ra những tù nhân đang ngạt thở, những thanh thiếu niên bất tỉnh, tất cả những con người mà người ta muốn tước đoạt phẩm giá trước khi sát hại?

- Jeannot, phải chuồn khỏi đây trước khi quá muộn.

- Bằng cách nào?

- Em không biết, nhưng em muốn anh nghĩ đến chuyện này cùng với em.

Tôi không biết liệu Claude nói thế vì nó thật sự tin là có thể trốn thoát, hoặc chỉ vì nó cảm thấy tôi đang tuyệt vọng. Mẹ luôn bảo chúng tôi rằng cuộc sống chỉ giữ vững được nhờ niềm hy vọng mà người ta cho nó. Tôi những muốn ngửi thấy mùi hương của mẹ, nghe giọng nói của mẹ và nhớ lại rằng chỉ mới vài tháng trước, tôi còn là một đứa trẻ. Tôi nhìn nụ cười của mẹ sống lại, mẹ nói với tôi những lời mà tôi không nghe thấy. Mối mẹ thốt lên "Hãy cứu lấy mạng sống của em con, đừng bỏ cuộc, Raymond, đừng bỏ cuộc!"

- Mẹ?

Một cái tát kêu bốp trên má tôi.

- Jeannot?

Tôi lúc lắc đầu và trong màn sương mù mờ, tôi nhìn thấy bộ mặt then thùng của thằng em. Nó nói để xin lỗi tôi:

- Em nghĩ anh sắp bắt bất tỉnh đến nơi.

- Đừng gọi anh là Jeannot nữa, điều ấy không còn ý nghĩa!

- Chẳng nào chúng ta chưa thắng trong cuộc chiến tranh, em còn tiếp tục gọi anh là Jeannot!

- Tùy em thôi.

Tối đến. Cả ngày con tàu vẫn không nhúc nhích. Ngày mai, nó sẽ nhiều lần thay đổi đường ray, song chẳng rời nhà ga. Binh lính la hét, họ nối thêm những toa mới. Sẩm tối hôm sau, bọn Đức phân phát cho mỗi người một ít bột trái cây và một nắm bánh lúa mạch cho ba ngày, song vẫn không có nước.

Ngày hôm sau, khi cuối cùng con tàu ra đi, chẳng ai trong chúng tôi có sức để nhận ra điều đó ngay.

Álvarez nhóm dậy. Cậu quan sát các vết do ánh sáng vẽ trên nền toa, qua những tấm ván đóng đinh vào cửa sổ. Cậu ngoảnh lại và nhìn chúng tôi, trước khi đẩy những sợi dây thép gai ra khiến bàn tay rách toạc.

Một người sợ sệt hỏi:

- Cậu đang làm gì thế?

- Theo ý cậu?

- Tôi mong rằng cậu không định đào tẩu chứ?

- Điều ấy động gì đến cậu nhỉ? Álvarez vừa đáp vừa mút chỗ máu đang chảy ra từ ngón tay mình.

- Nó động đến tôi ở chỗ nếu cậu bị tóm, chúng sẽ bắn chết mười người trong chúng ta để trả đũa. Cậu không nghe thấy điều ấy khi chúng nói ở nhà ga sao?

- Vậy nếu cậu quyết định ở lại đây và nếu chúng chọn cậu, thì cậu hãy cảm ơn tớ đi. Tớ sẽ rút ngắn các đau đớn cho cậu. Cậu cho là con tàu này đưa ta đến đâu đây?

- Tớ không biết gì hết và tớ không muốn biết! người tù vừa rên rỉ vừa bám lấy áo của Álvarez.

- Đến các trại tử thần! Chính ở đó sẽ gặp lại nhau tất cả những người nào trước đây chưa chết ngạt, chưa bị nghẹt thở vì lưới của bản thân họ sưng phồng lên. Cậu hiểu chứ? Álvarez vừa hét vừa gỡ mình khỏi sự nắm vứu của người bạn tù.

- Cậu tẩu thoát đi và để cho anh ta yên, Jacques can thiệp; và anh giúp Álvarez xê dịch những tấm ván khỏi ô cửa sổ.

Álvarez kiệt sức, cậu mới mười chín tuổi và niềm tuyệt vọng hòa lẫn nỗi giận dữ nơi cậu.

Các tấm ván được kéo ngả vào bên trong toa. Cuối cùng gió thổi vào, và dù một số người sợ hãi những gì anh bạn mưu toan, song tất cả đều thường thức cái mát đang thâm nhập. Álvarez cần nhàn:

- Mặt trăng chết tiệt! Hãy nhìn cái ánh sáng cứut đá kia, cứ như thể giữa ban ngày.

Jacques nhìn ra cửa sổ, xa xa là một khúc ngoặt, một khu rừng in hình trong đêm tối.

- Nhanh lên cậu, nếu cậu muốn nhảy thì là bây giờ đây!

- Ai muốn theo tôi?

- Tôi, Titonel đáp.

- Cả tôi nữa, Walter nói thêm.

- Chúng ta sẽ xem sau, Jacques ra lệnh, nào, trèo lên, tớ cúi làm thang cho cậu leo.

Và thế là anh bạn chuẩn bị thực hiện kế hoạch mang trong đầu từ khi những cánh cửa toa đóng lại cách đây hai hôm. Hai ngày và hai đêm, dài hơn tất cả những ngày đêm của địa ngục.

Álvarez nhào lên cửa sổ và đưa hai chân ra ngoài trước khi lật người lại. Sẽ phải bám lấy thành toa, và để thân mình trườn xuống. Gió quất vào hai má cậu và đem lại cho cậu chút sức lực, trừ phi những sức lực đó tái sinh từ niềm hy vọng thoát hiểm. Chỉ cần tên lính Đức ở cuối đoàn tàu, cái tên đứng sau khẩu súng liên thanh, không trông thấy cậu; chỉ cần hắn không nhìn về phía cậu. Vài giây thôi, thời gian để khu rừng nhỏ lại gần, cậu sẽ nhảy ở đó. Và nếu cậu không gãy cổ khi rơi xuống nền đá và cát của đường tàu, thì cậu sẽ tìm thấy nó trong bóng tối khu rừng, cái sự thoát hiểm ấy. Vài giây nữa, và Álvarez buông tay. Lập tức, vang lên tiếng súng liên thanh; chúng bắn từ khắp nơi.

- Tôi đã bảo các cậu rồi mà! người tù khi nãy kêu lên. Thật là một sự điên rồ.

- Cậu im đi! Jacques ra lệnh.

Álvarez lăn mình trên mặt đất. Đạn cào xé đất xung quanh cậu. Xương sườn cậu gãy, nhưng cậu sống. Kìa cậu đang vất chân lên cổ chạy. Sau lưng, cậu nghe thấy tiếng phanh tàu nghiêng. Một bày đã lao theo cậu; và trong lúc cậu luồn lách giữa các thân cây, phóng đến

đút hơi, những tiếng súng nổ vang xung quanh cậu, làm bắn ra những mẩu vỏ của các cây thông bao bọc cậu.

Rừng thưa dần; phía trước, dòng sông Garonne trải ra như một dải băng dài ánh bạc trong đêm.

Tám tháng giam cầm, tám tháng thiếu ăn, lại thêm hai ngày kinh khủng trên tàu; nhưng Álvarez có tâm hồn của một người năng nổ chiến đấu. Cậu có trong mình sức mạnh mà tự do trao cho. Và trong lúc lao xuống dòng sông, Álvarez tự nhủ nếu cậu thành công, những người khác sẽ làm theo; thế thì cậu sẽ không chết đuối, các chiến hữu đáng để cậu làm cuộc lữ hành này. Không, Álvarez sẽ không chết tối nay.

Xa hơn bốn trăm mét, cậu trườn lên bờ sông bên kia. Loạng choạng, cậu bước về phía đốm sáng duy nhất lấp lánh trước mặt mình. Đó là khung cửa sổ sáng đèn của một ngôi nhà ven cánh đồng. Một người đàn ông đến với cậu, ông ta xốc nách cậu và dìu cậu về tận nhà mình. Ông đã nghe thấy những tràng súng nổ. Con gái ông và ông tiếp đón cậu.

Quay lại đường tàu, bọn SS điên giận vì không tìm thấy con mồi, chúng đá và nện báng súng vào các thành toa, như để cấm mọi sự thì thầm bên trong. Chắc hẳn sẽ có sự trả đũa, nhưng không phải ngay lập tức. Tên trung úy Schuster quyết định cho đoàn tàu lại khởi hành. Với lực lượng Kháng chiến từ nay lan rộng trong miền, lần chần ở đây là không hay. Đoàn tàu có thể bị tấn công. Binh lính trở lên tàu và đầu máy chuyển mình.

Nuncio Titonel, lẽ ra phải nhảy ngay sau Álvarez, đành bỏ cuộc. Anh hứa lần sau sẽ thử làm. Lúc anh nói, Marc cúi đầu xuống. Nuncio là anh của Damira. Sau khi bị bắt, Marc và Damira bị tách khỏi nhau và từ sau cuộc thẩm vấn, cậu không biết tình hình cô ra sao. Ở nhà tù Saint-Michel, cậu chưa bao giờ được tin cô và ý nghĩ của cậu không thể rời khỏi cô. Nuncio nhìn Marc, anh thở dài rồi đến ngồi bên cậu. Họ chưa bao giờ dám nói với nhau về người phụ nữ lẽ ra có thể khiến họ thành anh em nếu quyền tự do yêu nhau được trao cho họ. Nuncio hỏi:

- Tại sao cậu không bảo tôi là cậu với nó cùng nhau?
- Vì bạn ấy cấm em làm thế.
- Ý nghĩ thật kỳ cục!
- Bạn ấy sợ phản ứng của anh, Nuncio ạ. Em

không phải người Italia...

- Nếu cậu biết rằng tôi móc càn cậu không phải người đồng hương với chúng tôi, khi mà cậu yêu nó và tôn trọng nó. Tất cả chúng ta đều là người ngoài của một ai đó.

- Đúng, tất cả chúng ta đều là người ngoài của một ai đó.

- Dù sao chẳng nữa, thì tôi cũng biết từ ngày đầu tiên.

- Ai bảo anh?

- Giá cậu nhìn thấy bộ mặt nó khi nó về nhà, cái lần đầu tiên chắc hẳn cô cậu đã hôn nhau! Và hể đi làm nhiệm vụ cùng cậu, hoặc đến nơi nào mà nó phải gặp

cậu, thì nó từng mất bao nhiêu thì giờ sửa soạn. Chẳng cần phải tinh ranh lắm mới hiểu.

- Em xin anh, Nuncio, đừng nói về Damira ở thì quá khứ.

- Cậu biết đấy, Marc, vào giờ này, chắc nó phải đang ở Đức, tôi không quá nhiều ảo tưởng đâu.

- Thế thì, tại sao bây giờ anh lại nói với em về những chuyện ấy?

- Bởi vì, trước đây, tôi từng nghĩ rằng ta sẽ thoát, rằng ta sẽ được thả, tôi đã không muốn cậu bỏ cuộc.

- Nếu anh đào tẩu, em sẽ đi cùng anh, Nuncio!

Nuncio nhìn Marc, anh đặt tay lên vai cậu và ôm riết cậu vào người.

- Điều khiến tôi yên lòng, là Osna, Sophie và Marianne ở cùng nó; rồi cậu xem, họ sẽ giúp đỡ nhau. Osna sẽ lo toan sao cho họ thoát được, không bao giờ cô ấy buông tay đâu, cậu có thể tin ở tôi!

- Cậu cho là Álvarez thoát chứ? Nuncio nói tiếp.

Chúng tôi không biết anh bạn của chúng tôi có sống sót hay không, nhưng dù thế nào, anh đã tẩu thoát được và với tất cả chúng tôi, niềm hy vọng lại nảy nở.

Vài giờ sau, chúng tôi tới Bordeaux.

*

*

*

Mờ sáng, các cánh cửa mở ra. Cuối cùng, họ phát

cho chúng tôi một ít nước, thoát tiên phải uống bằng cách thấm cho ướt môi, rồi hớp từng ngụm nhỏ, trước khi họng chịu mở để cho chất lỏng đi qua. Tên trung úy Schuster cho phép chúng tôi xuống từng nhóm bốn hoặc năm người. Thời gian để đại tiểu tiện ở cách xa đường tàu. Mỗi róp đi đều có lính mang súng vây quanh; vài tên mang lựu đạn để đề phòng một cuộc chạy trốn tập thể. Chúng tôi ngồi xổm xuống trước mặt chúng; đó chỉ là thêm một sự nhục mạ nữa, phải sống cùng thôi. Thằng em nhìn tôi, vẻ buồn bã. Tôi cố mỉm cười với nó dù khéo dù vụng, tôi cho là vụng nhiều hơn.

31

Ngày 4 tháng Bảy

Các cánh cửa lại đóng và cái nóng tăng lên tức khắc. Đoàn tàu khởi hành. Trong toa, mọi người nằm xuống sàn. Chúng tôi, các chiến hữu trong đội, ngồi dựa lưng vào thành toa trong cùng. Nhìn chúng tôi như vậy, có thể ngỡ chúng tôi là con cái những người kia, ấy thế mà, thế mà...

Chúng tôi bàn về hành trình. Jacques đánh cuộc là Angoulême, Claude mơ Paris, Marc tin chắc chúng tôi đang đi về Poitiers, số đông đồng ý là Compiègne. Ở đó, có một trại chuyển tiếp dùng làm ga thông tàu. Tất cả chúng tôi đều biết là cuộc chiến đang tiếp diễn tại Normandie, hình như có đánh nhau ở miền Tours. Các đạo quân Đồng minh đang tiến về phía chúng tôi, còn chúng tôi đang tiến về phía cái chết. Thằng em tôi nói:

- Anh biết đấy, em cho rằng chúng mình là con

tin nhiều hơn là tù nhân. Có thể chúng sẽ thả chúng mình ở biên giới. Tất cả lũ Đức kia đều muốn về nhà chúng, và nếu tàu không đi được đến Đức, thì Schuster và quân của hắn sẽ bị bắt. Thực ra, chúng sợ lực lượng Kháng chiến gây cho chúng quá nhiều chậm trễ bằng cách làm nổ đường sắt. Chính vì thế mà tàu không tiến lên. Schuster cố lách giữa các mắt lưới. Một mặt, hắn bị kẹp bởi gọng kìm của bạn bè chúng ta ở các chiến khu, còn mặt khác, hắn sợ chết khiếp một trận ném bom của không quân Anh.

- Em lấy ở đâu ra ý tưởng ấy? Em tự nghĩ một mình ư?

- Không, nó thú nhận. Trong khi ta đi tiểu trên đường tàu, Meyer đã nghe thấy hai thằng lính nói với nhau.

- Thế Meyer hiểu tiếng Đức sao? Jacques chất vấn.

- Cậu ấy nói tiếng yiddish...

- Thế bây giờ Meyer ở đâu?

- Ở toa bên cạnh, Claude trả lời.

Và nó vừa nói hết câu là tàu lại dừng. Claude trườn lên cửa sổ. Xa xa, nhìn thấy sân một nhà ga nhỏ, đó là Parcoul-Médillac.

Lúc ấy là mười giờ sáng, không bóng dáng một hành khách, cũng chẳng thấy một nhân viên hỏa xa. Thình lạng bao trùm vùng quê lân cận. Ngày kéo dài trong cái nóng không kham nổi. Chúng tôi ngạt thở. Để giúp chúng tôi trụ được, Jacques kể một câu chuyện, François ngồi bên nghe anh, chìm trong suy

nghĩ. Một người rên rỉ ở cuối toa, anh ngất đi. Ba chúng tôi khiêng anh về phía cửa sổ. Ở đây có một chút gió. Một người khác xoay tròn, hình như anh chồm phát điên, anh bắt đầu hét lên, tiếng anh than nhức nhối và đến lượt anh gục xuống. Ngày trôi qua như thế, cách nhà ga nhỏ vài mét, một ngày mỏng 4 tháng Bảy, ở Parcoull-Médillac.

32

Lúc ấy là bốn giờ chiều. Jacques không còn nước bọt nữa, anh ngừng lời. Vài tiếng rì rầm khuấy động sự đợi chờ không sao chịu nổi. Tôi ngồi xuống cạnh Claude và nói:

- Em có lý, phải nghĩ đến chuyện tẩu thoát.
- Chúng ta chỉ mưu sự khi nào chắc chắn tất cả có thể cùng thoát, Jacques ra lệnh.
- Suyt! thằng em tôi nói khē.
- Gì thế?
- Anh im đi mà nghe!

Claude đứng dậy, tôi làm theo. Nó tiến về phía cửa sổ và nhìn ra đằng trước. Lại là tiếng của cơn giông mà em tôi nghe thấy trước những người khác hay sao?

Bọn Đức rời tàu và chạy về phía các cánh đồng, Schuster dẫn đầu. Các nhân viên Gestapo và gia đình chúng lao đến nấp sau các bờ dốc. Binh lính đặt trên

đó những khẩu liên thanh nhắm vào chúng tôi, như để phòng trước mọi cuộc bỏ trốn. Giờ đây Claude đang nhìn lên trời, căng tai nghe ngóng. Nó hét:

- Máy bay! Anh lùi lại đi! Tất cả mọi người lùi lại và nằm xuống!

Nghe tiếng ù ù của những máy bay đang đến gần.

Chàng thanh niên đội trưởng đội phi cơ khu trục vừa tổ chức mừng sinh nhật hai mươi ba tuổi, ngày hôm qua, ở nhà ăn sĩ quan tại một phi trường phía Nam nước Anh. Hôm nay, anh lướt trên không trung. Tay anh giữ cần lái, ngón cái đặt trên nút bấm điều khiển các khẩu liên thanh bên cánh. Trước mặt anh, một đoàn tàu đứng im trên đường sắt, việc tấn công sẽ dễ dàng. Anh ra lệnh cho các đội viên vào đội hình, chuẩn bị oanh kích, và máy bay của anh lao xuống mặt đất. Các toa tàu in hình trong kính ngắm, chắc chắn đây là một chuyến hàng của bọn Đức nhằm tiếp tế cho mặt trận. Lệnh ban ra là phá hủy hết. Phía sau anh, các phi cơ biên xếp thành hàng trên nền trời xanh, họ đã sẵn sàng. Đoàn tàu ở trong tầm bắn. Ngón cái của phi công chạm nhẹ vào cò súng. Trong buồng lái, cũng cảm thấy cái nóng.

Bây giờ đây! Tiếng nổ giòn từ các cánh phi cơ và những vạch đạn dài như những lưỡi dao xuyên về phía con tàu mà đội bay đang lượn bên trên, trước sự đáp trả của bọn lính Đức.

Trong toa chúng tôi, những vách gỗ vỡ ra dưới làn xạ kích. Đạn rít khắp nơi; một người rú lên và lăn xuống, một người khác ôm lấy ruột gan đang bung ra

từ vùng bụng bị xé rách, người thứ ba bị tiện đứt chân; đúng là một cuộc tàn sát. Các tù nhân cố ẩn nấp sau những hành lý còm của mình; mỗi hy vọng nực cười được sống sót sau cuộc không kích. Jacques lao mình đè lên François, lấy thân mình che chắn cho cậu. Bốn phi cơ Anh nối tiếp nhau, tiếng động cơ gầm gào đập thình thịch tận thái dương chúng tôi, nhưng kìa chúng đã bay ra xa và lên cao trên bầu trời. Qua ô cửa sổ, bọn tôi thấy chúng lượn ở phía xa và bay ngược dọc đoàn tàu, lần này ở tầm cao.

Tôi lo lắng cho Claude và ôm chặt nó vào lòng. Mặt nó tái xanh tái nhợt.

- Em không sao chứ?

- Không, nhưng anh, thì anh đang chảy máu ở cổ, em tôi vừa nói vừa vuốt tay lên vết thương của tôi.

Chỉ là một mảnh đạn làm xước da. Xung quanh chúng tôi nổi ảo não ngự trị. Trong toa có sáu người chết và chừng ấy người bị thương. Jacques, Charles và François an toàn. Chúng tôi không biết gì về tổn thất ở các toa khác. Trên bờ dốc, một tên lính Đức đầm mình trong máu.

Xa xa, chúng tôi rình nghe tiếng máy bay đang đến gần. Claude thông báo:

- Họ trở lại.

Tôi nhìn nụ cười buồn bã phác trên môi nó, như thể nó muốn nói với tôi lời vĩnh biệt mà không dám bất tuân mệnh lệnh tôi đã ra cho nó là phải sống. Tôi chẳng biết điều gì xảy ra với tôi. Các động tác của tôi

chỉ nói tiếp, vận hành do cái mệnh lệnh khác mà mẹ đã ban cho tôi trong một cơn ác mộng gần đây. "Hãy cứu lấy mạng sống của em con." Tôi hét bảo Claude:

- Đưa áo sơ mi cho anh!

- Gì cơ?

- Cởi ngay áo và quần cho anh.

Tôi cũng làm như vậy với sơ mi của mình, nó màu lam, áo em tôi trắng trắng và trên thân hình một người nằm sóng sượt trước mặt, tôi giăng ra một mảnh vải nhuộm màu đỏ.

Tay cầm ba mảnh vải, tôi lao ra cửa sổ, Claude đứng làm thang cho tôi. Tôi thò cánh tay ra ngoài, và vừa nhìn những chiếc máy bay đang lao xuống chúng tôi, vừa vẫy tay cùng với lá cờ ứng tác của mình.

Trong buồng lái, chàng đội trưởng trẻ tuổi chói mắt vì ánh nắng. Anh hơi nghiêng đầu sang bên, để khỏi bị lóa. Ngón cái của anh vuốt ve cò súng. Con tàu còn ở ngoài tầm, nhưng vài giây nữa, anh có thể hạ lệnh bắn loạt thứ hai. Xa xa, đầu máy tỏa khói ở chỗ xiên ngang. Bằng chứng cho thấy đạn đã xuyên thủng nồi hơi.

Một chuyến tạt qua nữa có lẽ, và đoàn tàu này sẽ không bao giờ lại ra đi được nữa.

Ở đầu cánh trái của anh, cánh của phi công biên gần như hòa nhập. Anh ra hiệu cho anh ta, sắp tấn công đến nơi. Anh nhìn vào kính ngắm và ngạc nhiên vì một đốm màu hiện ra bên sườn một toa tàu. Như

thể nó lay động. Ánh lấp lánh của một nòng súng chẳng? Chàng phi công trẻ biết rõ các nhiễu xạ lạ thường của ánh sáng. Đã bao lần, trên không trung kia, anh từng xuyên qua những chiếc cầu vồng mà người ta không nhìn thấy từ mặt đất, như những vạch muôn màu nối liền các áng mây.

Máy bay chồm nhào xuống, và trên cần lái bàn tay người phi công đang chuẩn bị. Phía trước anh, cái vệt đỏ và lam tiếp tục vậy. Làm gì ra những khẩu súng có màu, thế rồi còn miếng vải trắng ở giữa, chẳng phải tạo nên một lá cờ Pháp đó sao? Ánh mắt anh chăm chăm vào những mảnh vải mà người ta đang vấy vấy từ bên trong một toa tàu. Chàng đội trưởng người Anh bàng hoàng, ngón tay cái của anh im lặng lại.

- *Break, break, break*⁽¹⁾! anh hét vào máy vô tuyến, và để biết chắc các phi công biên đã nghe được lệnh mình, anh nhấn lại ga, đập mạnh cánh và lấy lại độ cao.

P phía sau anh, các phi cơ phá đội hình và cố theo anh; cứ như thể một bầy ong hoàng hốt đang bay lên trời.

Từ cửa sổ, tôi nhìn thấy các phi cơ xa dần. Tôi cảm thấy rõ những cánh tay của thằng em trữu xuống dưới bàn chân mình, nhưng tôi vúi lấy thành toa, để nhìn các phi công tiếp tục bay.

Tôi những muốn được là một người trong số họ; tối nay, họ sẽ trở về nước Anh.

1. *Dừng lại, dừng lại, dừng lại!* (tiếng Anh).

- Thế nào? Claude cầu khẩn.

- Thế thì, anh cho là họ đã hiểu. Cái đập cánh của họ là một lời chào.

Trên cao, các máy bay lại tập hợp. Người đội trưởng trẻ thông báo tin tức cho những phi công khác. Đoàn tàu mà họ đã nã liên thanh, không phải một chuyến tàu chở hàng. Trên toa là các tù binh. Anh đã nhìn thấy một người trong các tù binh ấy vẫy cờ để báo cho họ biết.

Viên phi công ngã cần lái, máy bay nghiêng mình và lướt cánh. Bên dưới, Jeannot nhìn thấy nó vòng lại và bay ngược đường để ở vào vị trí phía sau đoàn tàu. Thế rồi, kìa nó lại chúc xuống đất; lần này, với tốc độ chậm chạp. Máy bay ngược lên theo chiều ngang con tàu. Có thể nói nó gần như là là, chỉ cách mặt đất vài mét.

Đọc các bờ dốc, binh lính Đức kinh ngạc, không một tên nào dám cựa quậy. Còn người phi công không rời mắt khỏi lá cờ ứng tác mà một tù binh tiếp tục vẫy vẫy bên cửa sổ một toa tàu. Khi đến ngang tầm lá cờ, anh giảm tốc độ hơn nữa, ở giới hạn của sự ngừng hoạt động. Anh quay mặt lại. Khoảnh khắc vài giây, hai cặp mắt xanh nhìn nhau đăm đăm. Mắt một trung úy trẻ tuổi người Anh trên chiếc máy bay khu trục thuộc Không lực Hoàng gia và mắt một tù nhân trẻ tuổi người Do Thái đang bị đày sang Đức. Bàn tay người phi công đưa lên vành mũ và bàn tay ấy tôn vinh người

từ đang chào lại anh.

Rồi máy bay cất mình lên cao, kèm theo một cái nghiêng cánh chào lần cuối.

- Họ đi rồi ư? Claude hỏi.

- Ủ. Tối nay, họ sẽ ở bên Anh.

- Một ngày kia anh sẽ lái máy bay, Raymond, em thề với anh đấy!

- Anh tưởng em muốn gọi anh là Jeannot cho đến...

- Ta gần như thắng cuộc chiến rồi, anh ơi, hãy nhìn những vết khói trên trời đi. Mùa xuân đã trở lại. Jacques nói đúng.

Ngày 4 tháng Bảy năm 1944, vào bốn giờ mười phút chiều, hai ánh mắt giao nhau giữa cuộc chiến tranh; chưa đầy vài giây, nhưng với hai chàng trai trẻ, đó là thời gian của một sự vĩnh cửu.

*

* *

Bọn Đức đứng dậy và lại xuất hiện giữa những đám cỏ dại. Chúng trở về với con tàu. Schuster lao đến đầu máy để đánh giá thiệt hại. Trong lúc ấy bốn người bị dẫn tới bức tường của một nhà kho dựng gần ga. Bốn tù nhân định chạy trốn, lợi dụng cuộc không kích. Chúng để họ xếp hàng và lập tức hạ sát họ bằng súng

liên thanh. Nằm dài trên sân ga, những thân hình bất động của họ đầm máu, những con mắt lơ đãng như quan sát chúng tôi và bảo chúng tôi rằng với họ, địa ngục đã kết thúc hôm nay, dọc con đường sắt này.

Cửa toa chúng tôi mở ra, tên quân cảnh Đức ọc một cái. Y lùi lại một bước và nôn mửa. Hai tên lính khác vào tiếp, một tay che miệng để khỏi ngửi thấy không khí hôi thối ngự trị nơi này. Mùi khai của nước tiểu hòa lẫn với mùi phân, với xú uế của phũ tạng Bastien, người bị thủng bụng.

Một gã phiên dịch thông báo rằng vài giờ nữa những người chết sẽ được đưa ra khỏi toa, và chúng tôi biết rằng với cái nóng đang ngự trị, mỗi phút sắp tới sẽ khó mà sống nổi.

Tôi tự hỏi liệu chúng có bỏ công chôn cất hay không bốn người bị giết hấy còn nằm sóng sượt, cách đó vài mét.

Ở các toa bên cạnh mọi người cầu cứu. Trên con tàu này có đủ mọi loại nghề nghiệp. Những bóng ma trên tàu là công nhân, công chứng viên, thợ mộc, kỹ sư, giáo viên. Một thầy thuốc, cũng là tù nhân, được phép cứu chữa số người bị thương đồng đảo. Ông tên là Van Dick, một bác sĩ ngoại khoa người Tây Ban Nha từng làm thầy thuốc ba năm ở trại Vernet trợ lực cho ông. Trong những giờ tiếp theo họ đã cố hết sức để cứu lấy vài mạng sống, song vô hiệu; họ chẳng có một phương tiện nào và cái nóng nặng nề gay gắt sẽ sớm kết liễu

những người còn đang rên rỉ. Một số cầu khẩn hãy báo cho gia đình mình, số khác dường như mỉm cười khi tắt thở, như được giải thoát khỏi các đau khổ. Ở chỗ này tại Parcoult-Médillac, vào lúc chập tối, hàng mấy chục người chết đi.

Đầu máy không dùng được nữa. Tối nay tàu sẽ không lên đường. Schuster gọi một đầu máy khác, sẽ tới trong đêm.

Từ nay đến lúc ấy các nhân viên hỏa xa sẽ có thì giờ phá hoại đầu máy đó đôi chút, bầu chứa nước của nó sẽ bị rò rỉ, và đoàn tàu sẽ phải dừng lại nhiều hơn để lấy nước.

Đêm tĩnh lặng. Lẽ ra chúng tôi phải phản kháng nhưng chúng tôi không còn sức nữa. Cái nóng giữa hè đè nặng lên chúng tôi như một lớp chì úp xuống và đìm tắt cả chúng tôi vào một trạng thái nửa vô ý thức. Lưỡi chúng tôi bắt đầu sưng phồng lên, khiến việc thở hít trở thành khó khăn. Álvarez đã không nhâm.

- Cậu cho là cậu ấy thoát rồi chứ? Jacques hỏi.

Álvarez xúng với vận may mà cuộc đời đã ban tặng cho cậu. Người đàn ông và cô con gái đã đón cậu về nhà đề nghị cậu ở lại với họ cho đến Giải phóng. Tuy nhiên, vừa khỏi các vết thương là Álvarez cảm ơn họ đã chăm sóc và nuôi nấng mình, cậu phải quay lại chiến đấu. Người đàn ông không nài ép, ông biết người trò chuyện với mình có quyết tâm. Thế là, ông cắt ra một bản đồ địa phương trên cuốn lịch Thông tin Bưu điện của mình và tặng anh bạn. Ông cũng tặng cậu một con dao và khuyên cậu đến Sainte-Bazille. Tại đó, người trưởng ga tham gia lực lượng Kháng chiến. Khi Álvarez đến nơi, cậu ngồi trên chiếc ghế dài đối diện sân ga. Viên trưởng ga nọ phát hiện ra cậu ngay và lập tức đưa cậu vào văn phòng của mình. Ông ta cho cậu biết bọn SS trong miền vẫn đang truy tìm cậu. Ông dẫn cậu đến một nhà kho nhỏ có để vài dụng cụ và y phục của nhân

viên hỏa xa, cho cậu khoác một áo vét màu xám, đội lên đầu cậu chiếc mũ lưới trai và giao cho cậu một khối đồ nhẹ. Sau khi đã kiểm tra về tề chỉnh của trang phục, ông yêu cầu cậu đi theo mình dọc đường tàu. Trên đường, họ gặp hai đội tuần tra Đức. Đội thứ nhất không để ý gì đến họ, đội thứ hai chào họ.

Họ đến nhà ông trưởng ga vào chập tối. Ở đó Álvarez được vợ ông và hai người con tiếp đón. Gia đình không hỏi gì cậu hết. Ba ngày liền, cậu được nuôi nấng chăm sóc với một tình thương yêu vô bờ. Các cứ tính của cậu là người xứ Basque⁽¹⁾. Sáng ngày thứ ba, một xe dẫn động bánh trước, màu đen, dừng trước ngôi nhà nhỏ nơi Álvarez đang dưỡng sức. Trên xe, ba chiến sĩ du kích đến đón cậu để cùng cậu tiếp tục đi chiến đấu.

*

* *

Ngày 6 tháng Bảy

Tảng sáng, tàu lại lên đường. Chẳng bao lâu chúng tôi đi qua nhà ga nhỏ ở một làng mang cái tên ngộ nghĩnh. Trên các tấm biển, có thể đọc thấy “Khả

1. Các miền Basques (Pays basques) là một tổng thể địa lý ở hai triền dãy núi Pyrénées phía Tây, có phần thuộc Tây Ban Nha, có phần thuộc Pháp.

Ái". Xét hoàn cảnh, sự mĩa mai về địa lý này khiến chúng tôi cười lẫn. Nhưng đột nhiên, đoàn tàu lại đứng im lìm. Khi chúng tôi đang ngạt thở trong toa, thì Schuster điên tiết vì lần dừng thứ mấy mươi này, và nghĩ đến một lộ trình khác. Tên trung úy Đức biết rằng đi về phía Bắc là không thể. Quân Đồng minh đang tiến bước không gì cản nổi và y ngày càng lo sợ hơn những hành động của lực lượng Kháng chiến, họ phá hỏng đường tàu để trì hoãn việc đưa chúng tôi đi đây.



Đột nhiên cánh cửa mở ra và xoay chuyển ầm ầm. Chối mắt, chúng tôi nhìn thấy trong khung cửa tên lính Đức đang sửa ống ồng. Claude nhìn tôi, nghi hoặc. Một người tù làm công việc phiên dịch nói:

- Hội Chữ thập Đỏ đang ở đây, cần đi lấy một thùng trên sân ga.

Jacques chỉ tôi. Tôi nhảy khỏi toa và ngã quỵ xuống. Chắc là cái đầu tóc đỏ của tôi khiến tên quân cảnh Đức đứng đằng trước tôi không ưa: thời gian ánh mắt của hắn và tôi giao nhau và thế là hắn nện báng súng vào mặt tôi một cái thật ác liệt. Tôi bị hất ra phía sau và ngã phệt xuống đất. Tôi sờ soạng tìm kính. Cuối cùng, kính ở dưới tay tôi đây rồi. Tôi nhặt những mảnh vỡ nhét vào túi, và trong một màn sương mù dày đặc, tôi bám sát gót tên lính đang đưa tôi đến sau một hàng

rào. Hắn dùng nòng súng chỉ cho tôi một thùng nước và một hộp bla cứng đựng những nắm bánh mì đen để chia nhau. Việc tiếp tế cho mỗi toa được tổ chức như vậy. Và tôi hiểu rằng những người trong hội Chữ thập Đỏ và chúng tôi không bao giờ được nhìn thấy nhau.

Khi tôi trở lại toa tàu, Jacques và Charles lao ra cửa để giúp tôi trèo lên. Xung quanh mình, tôi chỉ thấy một màn sương dày đặc nhuốm đỏ. Charles lau rửa mặt cho tôi nhưng sương mù không tan. Thế là tôi hiểu điều vừa xảy đến với mình. Tôi đã bảo em rồi, tạo hóa thấy chẳng đủ hài hước khi ban cho tóc tôi màu cà rốt, tạo hóa còn phải khiến tôi thành cận thị như một chú chuột chũi. Không mục kính, thế giới mờ ảo, tôi mù lòa, chỉ đủ biết được liệu bây giờ đang là ngày hay đêm, và hơi hơi phân biệt được các hình thù chuyển động xung quanh mình. Tuy thế, tôi nhận ra sự hiện diện của thằng em bên cạnh tôi.

- Này, tên đê tiện ấy làm anh bị tổn hại quá tệ.

Tôi cầm trong tay những gì còn lại của cặp kính. Một mẫu kính ở bên phải gọng, một mẫu khác chỉ nhỉnh hơn tí chút lõng thõng phía trái. Chắc Claude phải mệt mỏi lắm, nên mới không thấy anh nó chẳng đeo gì trên mũi cả. Và tôi biết nó còn chưa ước lượng được tầm rộng lớn của bi kịch. Từ giờ, nó sẽ phải tẩu thoát mà chẳng có tôi; không có chuyện vướng víu thêm một kẻ tàn tật. Jacques thì hiểu hết; anh bảo Claude để chúng tôi lại và đến ngồi xuống cạnh tôi. Anh thì thảo:

- Đừng bỏ cuộc!

- Thì anh bảo tôi làm thế nào bây giờ?

- Chúng ta sẽ tìm ra một giải pháp chứ.

- Jacques ạ, tôi thấy anh bao giờ cũng lạc quan nhưng ở chỗ này thì anh vượt quá giới hạn rồi!

Claude tự đến với chúng tôi và gần như xô đẩy tôi để tôi nhường cho nó một ít chỗ.

- Nay, em đã nghĩ đến một điều cho cặp kính của anh. Phải đem trả lại cái thùng chứ?

- Thế thì sao nào?

- Thế thì, vì chúng không cho phép một sự tiếp xúc nào giữa hội Chữ thập Đỏ và chúng ta, mình vẫn sẽ phải để lại cái thùng ở sau hàng rào, một khi nó rỗng không rồi.

Tôi đã nhầm, chẳng những Claude hiểu tình thế của tôi, mà nó đã đang xây dựng một kế hoạch rồi. Và dù điều này khó xảy ra đến mấy, tôi vẫn đi đến chỗ tự hỏi liệu từ nay trở đi, trong hai đứa, có phải thằng em sẽ là tôi hay không.

- Anh vẫn không hiểu em định đi đến đâu?

- Mỗi bên gọng của anh còn một mẫu kính. Đủ để một thầy thuốc nhãn khoa biết được độ cận thị của anh.

Với một mảnh gỗ và một sợi chỉ dút ra từ áo sơ mi, tôi đang cố vấn hỏi điều bất khả văn hỏi. Nổi xung, Claude đã đặt tay nó lên bàn tay tôi.

- Thôi đừng cố vá víu nữa! Mẹ kiếp, anh hãy nghe em này. Anh sẽ không bao giờ nhảy được qua cửa sổ,

cũng không thể chạy vắt chân lên cổ với cặp kính ở tình trạng này. Ngược lại, nếu ta đặt những gì còn lại ở đáy thùng, có lẽ ai đó sẽ hiểu ra và sẽ giúp đỡ chúng ta.

Tôi rơm rớm nước mắt, xin thứ nhận như vậy. Không phải vì giải pháp của thằng em chan chứa tình yêu thương của nó, mà vì vào khoảnh khắc ấy, ở tận cùng nỗi hoang mang bối rối của chúng tôi, Claude vẫn còn đủ sức mạnh để tin vào niềm hy vọng. Ngày hôm ấy tôi đã hết sức tự hào vì nó, tôi đã yêu nó mãnh liệt đến mức bây giờ tôi vẫn còn tự hỏi không biết mình đã dành thì giờ nói với nó điều ấy chưa. Jacques bảo:

- Ý tưởng của nó được đấy.
- Còn lâu mới ngốc nhé, François bổ sung, và tất cả những người khác đều tán thành.

Tôi chẳng tin điều ấy một giây một phút nào. Tưởng tượng rằng chiếc thùng thoát khỏi sự lục soát trước khi hội Chữ thập Đỏ thu hồi nó. Mơ rằng một người đàn ông hay đàn bà nào đó phát hiện trong thùng những mẫu kính của tôi và quan tâm đến số phận tôi, đến vấn đề thị lực của một tù nhân đang bị đày sang Đức, còn hơn cả khó tin. Nhưng ngay cả Charles cũng thấy kế hoạch của thằng em tôi “đắt cừ”.

Thế là, coi khinh những nghi ngờ và nỗi bi quan của mình, tôi chấp nhận xa rời hai mẫu kính bé tí mà giá như giữ lại thì chúng cũng khiến tôi vừa vận nhận ra được các vách của toa tàu.

Để trả lại bạn bè một chút xiu của niềm hy vọng mà họ đã xiết bao hào hiệp tặng mình, cuối buổi chiều, như Claude đã đề nghị, tôi đặt vào chiếc thùng rỗng sẽ rời khỏi toa tàu, những gì còn lại từ cặp kính của tôi. Và khi cánh cửa đóng lại, tôi đã nhìn thấy, trong bóng người nữ y tá thuộc hội Chữ thập Đỏ đang đi ra xa, màu đen của cái chết chìm ngợp lấy tôi.

Đêm ấy, một cơn giông nổ ra bên trên làng Khả Ái. Mưa tràn trề trên nóc và chảy vào trong toa qua những lỗ thủng do đạn máy bay Anh để lại. Những người hầy còn đủ sức đều đứng dậy, đầu ngẩng lên, miệng há to để hứng lấy các giọt nước.

34

Ngày 8 tháng Bảy

Chúng tôi lại ra đi, hồng rồi, tôi sẽ chẳng bao giờ thấy lại kính của mình nữa.

Tầng sáng, chúng tôi tới Angoulême. Xung quanh chúng tôi, tất cả đều hoang tàn; nhà ga đã bị bom của Đồng minh phá hủy. Trong khi đoàn tàu giảm tốc độ, chúng tôi nhìn, sống sờ, các tòa nhà toang hoác, các khung toa cháy đen cái nọ xô lồng vào cái kia. Các đầu máy, đôi cái lật nghiêng, vẫn đang cháy nốt trên các con đường sắt. Những căn trực thẩm đạm nằm sóng sượt, tựa như các bộ xương. Và dọc những thanh ray bị bật tung đang chĩa lên trời, vài người thợ, hoài nghi, tay cầm xẻng cuốc, hoảng sợ nhìn đoàn tàu của chúng tôi đi qua. Bảy trăm bóng ma băng qua một phong cảnh của ngày tận thế.

Phanh nghiền ken kết, đoàn tàu đứng im. Bọn

Đức cầm các nhân viên hỏa xa lại gần. Không ai được biết điều gì đang diễn ra bên trong các toa, không người nào được biểu lộ mối ghê sợ. Schuster ngày càng e ngại một cuộc tấn công. Ở y nổi sợ quân du kích đã trở thành ám ảnh. Phải nói rằng từ khi chúng tôi bị đưa lên toa, con tàu chưa bao giờ đi được quá năm mươi cây số một ngày và trận tuyến của lực lượng Giải phóng đang tiến về phía chúng tôi.

Chúng tôi bị cấm ngặt giao thiệp toa này với toa khác, nhưng tin tức vẫn cứ lan truyền. Nhất là những tin nói về chiến trận và về bước tiến của quân Đồng minh. Mỗi lần một nhân viên hỏa xa can đảm lại gần được đoàn tàu, mỗi lần một người dân hào hiệp, nhờ đêm tối, mang đến được cho chúng tôi chút an ủi, chúng tôi lại lượm lặt được tin tức. Và mỗi lần, lại nảy nở niềm hy vọng là Schuster không đến nổi biên giới.

Chúng tôi là chuyến tàu cuối cùng sang Đức, đoàn tàu cuối cùng chở những người đi đây, và một số muốn tin rằng cuối cùng chúng tôi sẽ được người Mỹ hoặc lực lượng Kháng chiến giải thoát. Chính nhờ lực lượng Kháng chiến mà chúng tôi không tiến lên, chính nhờ lực lượng Kháng chiến mà các đường sắt nổ tung. Xa xa, bọn quân cảnh Đức đang tấn công hai nhân viên hỏa xa định đi về phía chúng tôi. Từ nay, với đội quân đang rút lui này, đâu đâu cũng là kẻ địch. Ở mỗi người dân muốn giúp đỡ chúng tôi, ở mỗi người thợ, bọn quốc xã đều nhìn thấy những kẻ khủng bố. Ấy thế mà, chính chúng

gào thét với súng lăm lăm trong tay, với lựu đạn giắt thắt lưng, chính chúng đánh đập những người yếu ớt nhất trong chúng tôi, hành hạ những người già cả nhất, chỉ để xả bớt sự căng thẳng đang quá nhiều chúng.

Hôm nay, chúng tôi sẽ không lên đường. Các toa vẫn đóng kín, được canh gác kỹ. Và vẫn cứ là cái nóng không ngừng tăng lên và giết chúng tôi từ từ. Bên ngoài, ba mươi lăm độ; bên trong, không ai có thể nói là bao nhiêu, tất cả chúng tôi gần như mất ý thức. Niềm an ủi duy nhất trong cảnh ghê sợ này là thoáng nhìn thấy gương mặt thân quen của bạn bè. Tôi đoán ra nụ cười phác trên môi Charles khi tôi nhìn anh, Jacques dường như luôn coi sóc chúng tôi. François vẫn ở kê bên anh, như một đứa con trai bên người cha mà cậu không còn nữa. Tôi thì tôi mơ đến Sophie và Marianne; tôi tưởng tượng cái mát mẻ của dòng kênh Phương Nam và tôi thấy lại chiếc ghế dài nhỏ nơi chúng tôi ngồi để trao đổi các thông điệp. Trước mặt tôi, Marc có vẻ rất buồn; tuy nhiên chính cậu ấy gặp may. Cậu nghĩ đến Damira, và tôi chắc chắn rằng cả cô nữa cũng đang nghĩ đến cậu, nếu cô vẫn còn sống. Không tên canh ngục nào, không kẻ tra tấn nào có thể giam cầm những ý nghĩ ấy. Tình cảm phiêu du qua các chấn song chật hẹp nhất, chúng ra đi chẳng sợ xa cách, và chẳng biết đến giới tuyến của các ngôn ngữ, cũng như giới tuyến của các tôn giáo, chúng gặp gỡ nhau vượt ra bên ngoài những nhà tù do con người tạo nên.

Marc có sự tự do ấy. Tôi những muốn tin rằng tại nơi Sophie đang ở, cô nghĩ đến tôi một chút; vài giây là đủ, vài ý nghĩ cho anh bạn là tôi... nếu không được là gì hơn thế đối với cô.

Ngày hôm nay, chúng tôi sẽ chẳng có nước cũng chẳng có bánh mì. Một số trong chúng tôi không thể nói được nữa, họ không còn sức để nói. Claude và tôi không rời nhau, cứ mỗi lúc lại kiểm tra xem người nọ hay người kia có bất tỉnh không, có phải tử thần đang mang người ấy đi không, và chốc chốc, bàn tay chúng tôi lại gặp nhau, chỉ để kiểm tra...

*

* *

Ngày 9 tháng Bảy

Schuster quyết định quay trở lại. Lực lượng Kháng chiến đã làm nổ một cây cầu, khiến chúng tôi không qua được. Chúng tôi lại đi về Bordeaux. Và trong lúc đoàn tàu rời xa Angoulême cùng nhà ga tan hoang của nó, tôi lại nghĩ đến chiếc thùng trong đó tôi đã để tuột mất cơ may cuối cùng nhìn được rõ. Đã hai ngày trong sương mù rồi và trước mặt tôi vẫn là đêm đen.

Chúng tôi đến nơi vào đầu buổi chiều. Nuncio và anh bạn Walter của anh chỉ nghĩ đến chuyện bỏ trốn. Buổi tối, để qua thời gian, chúng tôi bắt bọ chét và lú rận đang xâu xé chút da thịt còn lại ở chúng tôi. Bọn

ký sinh trùng cư trú ở những nếp khâu trên áo sơ mi và quần. Phải rất khéo léo mới xua được chúng ra, và đàn này vừa bị đuổi đi, là một đàn khác lại sinh sôi nảy nở. Lần lượt thay phiên, số người này nằm dài để cố nghỉ ngơi trong khi số người khác ngồi xồm để nhường chỗ cho họ. Chính nửa đêm hôm ấy, câu hỏi kỳ cục này đến với tôi: nếu như chúng tôi sống sót sau địa ngục này, chúng tôi có thể quên nó dù chỉ một ngày hay không? Chúng tôi có quyền lại sống như những người bình thường hay không? Người ta có thể tẩy đi cái phần ký ức làm rối loạn tâm trí hay không?



Claude nhìn tôi một cách lạ lùng. Nó hỏi tôi:

- Anh đang nghĩ gì thế?
- Nghĩ đến Chahine, em còn nhớ anh ấy không?
- Em cho là có. Tại sao bây giờ anh lại nghĩ đến anh ấy?

- Vì những nét đặc biệt của anh ấy sẽ không bao giờ phai mờ.

- Thực sự anh đang nghĩ đến điều gì, hử Jeannot?
- Anh tìm một lý do để sống sót được sau tất cả những chuyện này.

- Anh đang có nó trước mặt mình đây, ngốc ạ! Một ngày kia, chúng ta sẽ tìm lại được tự do. Và rồi, em đã hứa với anh là anh sẽ bay, em hy vọng anh còn nhớ chứ?

- Còn em, sau chiến tranh em muốn làm gì?

- Đi vòng quanh đảo Corse bằng xe máy, với cô nàng đẹp nhất trần gian bám vào eo em.

Mặt thẳng em cúi về phía tôi để tôi nhìn thấy rõ hơn các đường nét của nó.

- Em biết ngay mà! Em đã phát hiện được cái cười khẩy nho nhỏ của anh. Gì cơ? Anh cho là em không có khả năng quyến rũ một cô gái và đưa cô ấy đi du lịch ư?

Tôi tìm đủ mọi cách để tự kiểm chế song vô hiệu, tôi cảm thấy cái cười đang dâng lên nơi mình và thẳng em đang nổi cáu. Đến lượt Charles bật cười, ngay cả Marc cũng tham gia cùng chúng tôi. Claude tức tối hỏi:

- Nhưng tất cả các anh làm sao thế?

- Em hơi khùng khiếp, cậu em ạ, giá em nhìn thấy bộ dạng mình nhì! Với tình trạng của em, anh không chắc thậm chí một con gián có muốn theo em đến bất cứ nơi nào hay không.

Claude hít ngửi tôi và hòa vào trận cười phì lý như điên không rời chúng tôi.

*

*

*

Ngày 10 tháng Bảy

Vào những giờ đầu tiên trong ngày, cái nóng đã không chịu nổi. Và con tàu chết tiệt vẫn chẳng nhúc

nhích. Không một gợn mây phía chân trời, không hy vọng có một giọt mưa đến làm dịu đi nỗi đau đớn của tù nhân. Thiên hạ bảo rằng người Tây Ban Nha thường hát khi tình hình không hay. Một điệu ca buồn bỗng cất lên, đó là ngôn ngữ đẹp đẽ miền Catalogne đang thoát ra từ các tấm ván của toa bên cạnh. Claude trườn lên cửa sổ và nói:

- Hãy nhìn kia!

- Cậu nhìn thấy cái gì thế? Jacques hỏi.

- Bọn lính đang rồi rít dọc đường tàu. Những chiếc xe tải nhỏ của hội Chữ thập Đỏ đến nơi, các nữ y tá xuống xe, họ mang nước và đến với chúng ta.

Họ tiến đến sân ga nhưng bọn quân cảnh Đức ra lệnh cho họ dừng lại, đặt những chiếc thùng của họ xuống và rút lui. Tù nhân sẽ đến lấy những chiếc thùng này khi họ đi rồi. Không được phép có một sự tiếp xúc nào với những kẻ khủng bố!

Nữ y tá trưởng phẩy tay đẩy tên lính ra. Bà tức giận hỏi:

- Những kẻ khủng bố nào cơ? Những người già ư? Phụ nữ ư? Những người đàn ông đói khát trong các toa chở súc vật này ư?

Bà sĩ mắng y và bảo rằng bà đã chán ngấy những mệnh lệnh của y rồi. Một thời gian nữa, sẽ đòi hỏi phải giải thích đấy. Các nữ y tá của bà sẽ mang đồ tiếp tế đến tận các toa, đúng như thế và không khác đi! Và bà nói thêm rằng chẳng phải vì y mặc bộ quân phục mà gây được ấn tượng với bà.

Và khi tên trung úy vung khẩu súng lên mà hỏi bà rằng điều này liệu có gây ấn tượng với bà hơn chút nào không, thì bà y tá trưởng khinh khỉnh nhìn Schuster và lịch sự yêu cầu một đặc ân. Nếu y có can đảm bắn một phụ nữ, và hơn nữa lại bắn sau lưng, thì bà sẽ xin y có nhĩa ý nhằm vào giữa chữ thập bà mang trên bộ đồng phục. Bà nói thêm rằng thật may mà chữ thập ấy đủ to để ngay một thằng ngu như y cũng có khả năng ngắm trúng. Điều ấy sẽ khiến y có lý lịch công tác tốt khi y trở về nhà, và còn tốt hơn nữa nếu y bị người Mỹ hay lực lượng Kháng chiến bắt giữ.

Lợi dụng tình trạng sững sờ kinh ngạc của Schuster, bà y tá trưởng ra lệnh cho đoàn quân kỳ cục của mình tiến về phía các toa tàu. Trên sân ga, binh lính dường như thú vị về oai quyền của bà. Có thể chúng chỉ thấy nhẹ nhõm vì có ai đó buộc tên chỉ huy của chúng phải nhân đạo một chút.

Bà là người đầu tiên mở then cửa một toa tàu, những người phụ nữ khác làm theo bà.

Bà y tá trưởng của hội Chữ thập Đỏ miền Bordeaux tưởng rằng trong cuộc đời mình, đã nhìn thấy hết mọi sự. Hai cuộc chiến tranh và những năm chăm sóc những người bị thiếu thốn, bị tước đoạt nhiều nhất đã khiến bà tin chắc rằng không gì còn có thể khiến mình ngạc nhiên nữa. Ấy thế mà, khi phát hiện ra chúng tôi, hai mắt bà giương to, bà ọc một cái và không kìm nổi tiếng “Trời ơi” buột ra khỏi miệng.

Các nữ y tá, bàng hoàng tê liệt, nhìn chúng tôi; trên mặt họ các chiến hữu có thể thấy sự ghê tởm và niềm phẫn nộ mà tình trạng của chúng tôi làm nảy sinh trong lòng họ. Chúng tôi đã cố chỉnh trang lại quần áo hết mức có thể, song những gương mặt hốc hác vẫn để lộ trạng thái của chúng tôi.

Ở mỗi toa, một nữ y tá mang đến một thùng nước, tặng bánh bích quy và trao đổi vài lời với các tù nhân. Nhưng Schuster đã đang gào lên để hội Chữ thập Đỏ rút đi và bà y tá trưởng xét thấy hôm nay đã sử dụng sự may mắn của mình đủ rồi. Các cánh cửa đóng lại.

- Jeannot! Lại xem này, Jacques nói, anh đang phân phát bánh bích quy và suất nước uống cho mỗi người.

- Có chuyện gì vậy?

- Có chuyện là cậu phải nhanh nhanh lên!

Đứng đây đòi hỏi nhiều cố gắng và với tình trạng mờ mờ ảo ảo trong đó tôi sống từ mấy hôm nay thì việc này lại càng vất vả hơn. Nhưng tôi cảm thấy ở các bạn một sự cấp thiết buộc tôi phải đến với họ. Claude nắm lấy vai tôi. Nó bảo:

- Anh nhìn đi!

Nó cứ đùa, cái thằng Claude! Ngoài đầu mũi mình, tôi chẳng nhìn thấy gì mấy, vài hình bóng thấp thoáng trong đó tôi nhận ra hình bóng của Charles, và tôi đoán được Marc cùng François đứng đằng sau anh.

Tôi cảm nhận được hình dáng chiếc thùng mà Jacques nhắc lên gần tôi, và bỗng nhiên, ở đáy thùng, tôi nhìn thấy bộ gọng của một cặp kính mới. Tôi thò bàn tay xuống nước, và tóm lấy cái mà tôi vẫn còn chưa muốn tin.

Các bạn, lặng lẽ, nín thở đợi tôi đặt kính lên mũi. Và bỗng nhiên, gương mặt của thằng em tôi lại thành rõ ràng như trong những ngày đầu, tôi nhìn thấy niềm xúc động trong mắt Charles, vẻ mặt hớn hở của Jacques, vẻ mặt của Marc và François đang ôm chặt lấy tôi trong vòng tay.

Ai đã hiểu được thế? Ai đã đoán được số phận của một kẻ đi đày vô hy vọng, khi phát hiện trong đáy một chiếc thùng đôi kính bị vỡ? Ai đã có lòng nhân từ nghĩa hiệp cho làm cặp kính mới, dõi theo đoàn tàu trong nhiều ngày, xác định không lầm lẫn toa tàu xuất xứ của cặp kính và làm những gì cần thiết để một cặp kính mới ở vào đó?

- Người nữ y tá của hội Chữ thập Đỏ, Claude trả lời. Còn ai khác nữa?

Tôi muốn nhìn lại thế gian, tôi không mù lòa nữa, sương mù đã bay biến. Thế là tôi ngoảnh đầu và nhìn xung quanh. Khung cảnh đầu tiên phô bày trước cái nhìn mới hồi phục của tôi buồn vô tận. Claude kéo tôi về phía cửa sổ.

- Anh hãy nhìn xem bên ngoài trời đẹp biết bao.

- Ừ, em tôi nói đúng, bên ngoài trời đẹp hết sức.

*

* *

- Em cho là cô ấy có xinh không?

- Ai cơ? Claude hỏi.

- Cô y tá!

Tối hôm ấy, tôi tự nhủ rằng, có lẽ, cuối cùng số phận tôi đang dần rõ nét. Những sự khước từ của Sophie, của Damira và, để nói cho hết, của tất cả các cô gái trong đội, chẳng chịu hôn tôi, rốt cuộc có một ý nghĩa. Người phụ nữ của đời tôi, người phụ nữ đích thực, sẽ là người đã cứu con mắt nhìn của tôi.

Khi phát hiện cặp kính trong đáy thùng, nàng đã hiểu ngay tức khắc tiếng kêu cứu mà tôi gửi cho nàng từ đáy địa ngục của mình. Nàng đã giấu cặp gọng trong khăn tay, gìn giữ vô cùng cẩn thận những mẫu kính còn dính trên đó. Nàng đã ra thành phố đến nhà một thầy thuốc nhãn khoa gần gũi với lực lượng Kháng chiến. Ông thầy thuốc này đã tìm kiếm không ngừng nghỉ những mắt kính tương ứng với những mẫu mà ông nghiên cứu kỹ. Kính lắp rồi, nàng lại đạp xe, đi dọc con đường sắt cho đến lúc xác định được đoàn tàu. Nhìn thấy nó quay trở lại Bordeaux, nàng biết rằng mình sẽ giao được món đồ. Với sự đồng tình của bà y tá trưởng, trước khi đến sân ga nàng chọn toa tàu mà nàng nhận ra được nhờ những vết đạn rạch vào thành toa. Cặp kính trở về với tôi như thế đấy.

Người phụ nữ ấy phải có biết bao chân tình, lòng hào hiệp và sự dũng cảm, thành thử tôi tự hứa, nếu thoát được, sẽ tìm gặp nàng ngay khi chiến tranh kết thúc và cầu hôn nàng. Tôi đã tưởng tượng mình, trên một con đường miền quê, tóc bay trong gió, phóng một chiếc Chrysler có thể bỏ mui, hay tại sao lại không phóng một chiếc xe đạp, như vậy chỉ càng thú vị hơn mà thôi. Tôi sẽ gõ cửa ngôi nhà của nàng, tôi sẽ gõ hai tiếng nho nhỏ, và khi nàng mở cửa, tôi sẽ nói với nàng “Tôi là người mà em đã cứu vớt cuộc đời và đời tôi từ nay thuộc về em”. Chúng tôi sẽ ăn tối bên lò sưởi, và mỗi người chúng tôi sẽ kể cho nhau những năm vừa qua, tất cả những tháng ngày đau khổ trên con đường dang dở mà cuối cùng chúng tôi đã gặp lại nhau. Và chúng tôi sẽ cùng nhau khép lại những trang quá khứ để cả đôi cùng viết nên những ngày sắp tới. Chúng tôi sẽ có ba con hoặc nhiều hơn nếu nàng mong muốn thế và chúng tôi sẽ sống hạnh phúc. Tôi sẽ học lái máy bay như Claude từng hứa với tôi và khi có được bằng, ngày Chủ nhật tôi sẽ đưa nàng đi, bay trên miền quê nước Pháp. Đó, từ nay mọi sự đều hợp lý; giờ đây đối với tôi cuộc đời cuối cùng cũng có một ý nghĩa.

Xét đến vai trò của thằng em tôi trong việc cứu tôi, và xét mối quan hệ gắn bó chúng tôi, chuyện tôi lập tức nhờ nó làm chứng cho mình là điều hoàn toàn bình thường.

Claude vừa nhìn tôi vừa khẽ húng hắng ho.

- Hãy nghe này, ông anh, em chẳng có gì phản đối

nguyên tắc là người làm chứng khi anh kết hôn, thậm chí em còn lấy làm vinh dự, nhưng dù sao em cũng phải nói với anh vài điều trước khi anh quyết định hẳn.

Người nữ y tá đem lại kính cho anh cận thị nặng hơn anh gấp nghìn lần, xét độ dày của cặp kính người ấy đeo trên mũi. Được, anh sẽ bảo em là điều đó thì ta móc cần; nhưng em cũng còn phải bảo anh, vì anh hãy còn ở trong màn sương khi người ấy ra đi: người ấy hơn anh bốn chục tuổi, chắc người ấy phải lấy chồng rồi và có ít ra là mười hai đứa con. Em không bảo rằng trong tình thế của chúng ta thì chúng ta có phương tiện để đòi hỏi khắt khe, nhưng rút cuộc, chỗ này...



Chúng tôi bị nhốt ba ngày trong những toa tàu im lìm bất động trên một sân ga ở Bordeaux. Các bạn ngạt thở, thỉnh thoảng một người đứng dậy, tìm kiếm chút không khí, nhưng chẳng có.

Con người quen với mọi sự, đó là một trong những bí ẩn lớn của con người. Chúng tôi không còn nghĩ thấy sự hồi hám của chính mình, chẳng ai để ý đến cái người đang cúi xuống bên trên lỗ hổng nhỏ xú ở sàn toa để đại tiểu tiện. Cái đói đã bị quên đi từ lâu, riêng nỗi ám ảnh của cái khát vẫn còn dai dẳng; nhất là khi một chỗ phồng rộp mới hình thành trên lưỡi. Không khí hiếm hoi chẳng những trong toa mà trong cả cổ

họng chúng tôi; việc nuốt ngày càng trở nên khó khăn. Nhưng chúng tôi đã có thói quen chịu đựng nỗi đau thể xác này, nó không rời chúng tôi nữa; chúng tôi quen với tình trạng phải nhìn mọi thứ, kể cả nhìn ngủ. Và những người duy nhất, trong từng khoảnh khắc ngắn ngủi, tìm được một sự giải thoát, thì đó là chạy trốn vào sự điên loạn. Họ đứng lên, bắt đầu rên rỉ hoặc gào rú, đôi khi một số người khóc lóc trước khi ngã vật xuống, bất tỉnh.

Còn những người vẫn trụ được, thì họ cố làm an lòng những người khác được chằng hay chớ.

Trong toa bên cạnh, Walter giải thích cho những ai muốn nghe mình rằng bọn quốc xã sẽ không bao giờ đưa được chúng tôi sang tận nước Đức, người Mỹ sẽ giải thoát chúng tôi trước đó. Trong toa của chúng tôi, Jacques tận lực kể cho chúng tôi những câu chuyện, để qua thời gian. Khi nào miệng anh khô quá không nói tiếp được, thì nỗi lo âu lại nảy nở trong thinh lặng đang bùng xuống.

Và trong khi bạn bè lặng lẽ chết đi, thì tôi lại sống lại vì đã khôi phục được thị lực; và ở đâu đây, tôi cảm thấy mình có tội.



Ngày 12 tháng Bảy

Hai giờ rưỡi sáng. Đột nhiên, các cánh cửa được

tháo chốt. Nhà ga Bordeaux lúc nhúc những lính, bọn Gestapo được điều động tại chỗ. Binh lính trang bị vũ khí đầy mình gào thét và ra lệnh cho chúng tôi mang theo chút đồ đạc còn lại của mỗi người. Bằng cách đá và nện báng súng, chúng đưa bọn tôi xuống toa và tập hợp trên sân ga. Trong các tù nhân, một số kinh hoàng khủng khiếp, số khác chỉ uống lấy từng hớp lớn không khí.

Theo hàng năm, chúng tôi đi sâu vào thành phố tối đen và lặng lẽ. Chẳng có ngôi sao nào trên bầu trời.

Bước chân chúng tôi vang trên mặt đường vắng vẻ nơi đoàn người kéo thành dãy dài. Từ hàng nọ đến hàng kia, tin tức được truyền đi. Vài người bảo rằng họ đưa chúng tôi đến đồn Hà, số khác chắc chắn họ dẫn chúng tôi tới nhà tù. Nhưng những ai hiểu tiếng Đức thì biết được, qua những lời bàn tán của bọn lính áp giải chúng tôi, là tất cả các xà lim trong thành phố đều đông chật. Một tù nhân khế nói:

- Thế thì ta đi đâu?

- *Schnell, schnell*⁽¹⁾, một tên quân cảnh Đức vừa hét vừa đâm một quả vào lưng anh.

Cuộc hành trình ban đêm trong thành phố cảm lạnh kết thúc ở phố Laribat, trước những cánh cửa rộng mênh mang của một ngôi đền. Đây là lần đầu tiên thẳng em tôi và tôi bước vào một giáo đường Do Thái.

1. Tiếng Đức: *Nhanh lên, nhanh lên*.

35

Không còn một đồ đạc nào. Nền đất đã được trải rơm và một dây thừng chúng tỏ bọn Đức đã nghĩ tới việc đại tiểu tiện của chúng tôi. Ba gian chính có thể tiếp nhận sáu trăm năm mươi tù nhân của đoàn tàu. Kỳ lạ là tất cả những ai đến từ nhà ngục Saint-Michel đều tụm lại với nhau, gần ban thờ. Những phụ nữ mà từ toa tàu của mình chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy bị nhốt ở một gian bên cạnh, bên kia một hàng chấn song.

Một vài đôi tìm lại được nhau dọc những chấn song ngăn cách họ. Một số người đã không gặp nhau từ rất lâu rồi. Rất nhiều người khóc, khi những bàn tay họ lại chạm vào nhau. Phần đông vẫn lặng lẽ, ánh mắt đủ nói lên tất cả khi người ta yêu nhau. Số khác chỉ hơi thò thăm, có thể kể gì về mình, về những ngày đã qua, mà không làm người kia đau?

Sáng ra, bọn cai ngục phải sử dụng toàn bộ sự tàn bạo của chúng mới chia cắt được những đôi ấy, đôi khi bằng cách nện báng súng. Vì, lúc bình minh, chúng đưa những người phụ nữ đến một trại lính trong thành phố.

Các ngày trôi qua và mỗi ngày lại giống như hôm trước. Tối đến, họ phát cho chúng tôi một bát nước nóng trong đó lều bều một lá bắp cải, đôi khi vài sợi mì. Chúng tôi đón suất ăn này như một bữa tiệc. Thỉnh thoảng, binh lính đến tìm một số người trong chúng tôi, không bao giờ thấy họ trở lại và tin đồn cho chúng tôi biết họ bị sử dụng làm con tin; hể một hoạt động nào của lực lượng Kháng chiến được thực hiện trong thành phố, là họ bị giết.

Một số người nghĩ đến chuyện vượt ngục. Ở đây, các tù nhân của trại Vernet có cảm tình với các tù nhân Saint-Michel. Những người trại Vernet ngạc nhiên vì tuổi của chúng tôi. Những thằng bé đi chiến đấu, họ không tin vào mắt mình.



Ngày 14 tháng Bảy

Chúng tôi quyết tổ chức ngày lễ này cho xứng đáng. Ai nấy đều tìm kiếm những mẫu giấy để làm phù hiệu. Chúng tôi đeo phù hiệu trên ngực. Chúng tôi hát

bài *Marseillaise*. Bọn canh ngục nhắm mắt làm ngơ. Nếu đàn áp sẽ quá bạo liệt.



Ngày 20 tháng Bảy

Hôm nay, ba người kháng chiến, mà chúng tôi gặp gỡ tại đây, định vượt ngục. Họ bị một tên lính gác bắt gặp, trong lúc đang bơi đồng rơm đằng sau cây đại phong cầm, nơi có một lớp chắn song. Quesnel và Damien, hôm nay vừa tròn hai mươi tuổi, đã kịp chuồn đi.

Roquemaurel bị một trận đá bằng giày ống, nhưng lúc thẩm vấn, anh nhanh trí bảo là mình tìm một đầu mẩu thuốc lá vừa nhìn thấy. Bọn Đức tin lời anh và không bắn anh. Roquemaurel là một trong những người sáng lập chiến khu Bir-Hakeim hoạt động trong miền Languedoc và dãy Cévennes. Damien là bạn thân nhất của anh. Cả hai đều lính án tử hình sau khi bị bắt.

Vừa mới lành các vết thương là Roquemaurel và các đồng chí của anh xây dựng ngay một kế hoạch mới, để chờ một ngày khác chắc chắn sẽ đến.

Vệ sinh ở đây không hơn gì trên tàu, và bệnh ghê hoành hành dữ. Các đàn ký sinh trùng lúc nhúc. Chúng tôi đã cùng nhau bày một trò chơi. Từ sáng,

mỗi người thu nhặt bỏ chết và rặn nơi mình. Lũ bỏ được dồn vào những chiếc hộp nhỏ tự chế. Khi bọn quân cảnh Đức đi qua để đếm chúng tôi, thì chúng tôi mở hộp và rắc lên chúng cái thứ đựng trong hộp.

Ngay ở đây, chúng tôi cũng không bỏ cuộc, và cái trò chơi có thể mang về thô tục này, với chúng tôi lại là một cách kháng cự, bằng thứ vũ khí duy nhất còn lại với mình và giày vò mình hàng ngày.

Tùng nghĩ rằng mình đơn độc hoạt động, chúng tôi lại gặp gỡ tại đây những người, giống như chúng tôi, chưa bao giờ thừa nhận thân phận mà người ta muốn áp đặt cho mình, chưa bao giờ chấp nhận cho người ta xâm phạm đến phẩm giá con người. Có biết bao nhiêu can đảm trong tòa giáo đường Do Thái này. Một sự dũng cảm đôi khi bị chìm ngợp bởi nỗi cô đơn, nhưng lại mạnh mẽ đến mức, một số buổi tối, niềm hy vọng xua đi những ý nghĩ u ám nhất đang làm bận lòng chúng tôi.

*

* *

Ban đầu, không thể có bất kỳ sự tiếp xúc nào với thế giới bên ngoài, nhưng từ hai tuần lễ chúng tôi bị giam hãm ở đây, mọi việc được sắp xếp đôi chút. Mỗi lần các “tù cấp dưỡng” ra sân để lấy thức ăn, một cặp vợ chồng nhiều tuổi sống trong ngôi nhà gần đó ráng sức hát vang các tin tức mặt trận. Một bà già ở căn hộ

trông sang giáo đường tối nào cũng viết về bước tiến của quân đội Đồng minh, bằng chữ to, trên một tấm bảng đá mà bà gơ ra trước cửa sổ.

Vậy là Roquemaurel tự hứa mưu toan một cuộc vượt ngục mới. Vào giờ bọn Đức cho phép vài tù nhân trèo lên gác để lấy vài cái quần áo (chúng đã chất trên nhà cầu số hành lý ít ỏi của những người đi đây), anh lao lên cùng ba người bạn. Cơ hội quá tốt đẹp. Ở đầu lối đi hẹp nằm cao bên trên phòng lớn của giáo đường có một buồng kho nhỏ. Kế hoạch của anh mạo hiểm nhưng khả thi. Cái kho nhỏ liền kề một trong các ô cửa ghép kính trang hoàng mặt tiền nhà thờ. Roquemaurel và các bạn trốn ở đó đợi trời tối. Hai giờ đồng hồ trôi qua và niềm hy vọng lớn dần. Nhưng đột nhiên, anh nghe tiếng giày óng. Bọn Đức đã đếm người và thấy không đủ. Chúng tìm họ, các bước chân lại gần, và ánh sáng rọi vào nơi họ ẩn nấp. Nhìn về mặt hân hoan của tên lính đến xua họ ra người ta có thể đoán được điều gì đang chờ đợi họ. Những miếng đòn quá dữ dội đến nỗi Roquemaurel ngất đi, nằm sổng sượt, người đầm đìa máu. Sáng hôm sau khi tỉnh lại, anh bị lôi đến trước mặt tên trung úy trực ban. Christian, đó là tên của Roquemaurel, không mấy ảo tưởng về hậu quả của các biến cố.

Tuy nhiên, cuộc đời không dành cho anh số phận mà anh đoán định.

Tên sĩ quan hỏi cung anh chắc khoảng ba mươi tuổi. Y ngồi cưỡi lên một chiếc ghế dài trong sân và im lặng nhìn Roquemaurel. Y hít vào thật sâu, ung dung

xem xét ước lượng người mình thẩm vấn. Y nói bằng một thứ tiếng Pháp gần như hoàn hảo:

- Bản thân tôi đã từng bị bắt làm tù binh. Đó là trong chiến dịch bên Nga. Tôi cũng đã vượt ngục, và đã đi hàng chục hàng chục cây số trong những điều kiện còn hơn cả cực nhọc vất vả. Những khổ sở tôi từng phải chịu, tôi cũng chẳng mong ai phải chịu hết, và tôi không phải là người khoái tra tấn.

Christian im lặng nghe gã trung úy trẻ đang nói với mình. Và đột nhiên, anh hy vọng được toàn mạng. Tên sĩ quan nói tiếp:

- Ta hãy hiểu nhau, và tôi tin chắc rằng các người sẽ không có cơ hội để lộ điều bí mật mà tôi sắp giải bày với các người. Tôi thấy việc một người lính tìm cách vượt ngục là bình thường, hầu như chính đáng. Nhưng các người cũng sẽ thấy như tôi là bình thường việc kẻ bị bắt phải chịu hình phạt nó chứng thực lỗi của kẻ ấy trước địch thủ của y. Và địch thủ của các người, đó là tôi!

Christian nghe phán quyết. Suốt cả ngày, anh phải đứng nghiêm, bất động, đối mặt với một bức tường, không bao giờ được dựa lưng vào đó hay tìm ở đó một điểm tựa nhỏ nhoi nào. Anh sẽ cứ đứng như vậy, hai cánh tay buông dọc thân hình, dưới vầng mặt trời nặng như chì sắp rơi xuống lớp nhựa rải đường phủ mặt sân.

Mỗi cử động sẽ bị phạt đòn, mỗi lần bất tỉnh sẽ kéo theo hình phạt tối cao.

Người ta bảo rằng lòng nhân đạo của một số người nảy sinh do nhớ lại những đau khổ từng phải

chịu, do sự tương đồng bỗng nhiên gắn bó họ với kẻ địch của mình. Đó là hai lý do khiến Christian thoát được án xử bắn. Nhưng phải tin rằng loại tình nhân đạo này có những giới hạn của nó.

Bốn tù nhân mưu toan vượt ngục đứng như vậy, đối mặt với bức tường, cách xa vài mét. Suốt buổi sáng, mặt trời lên cao dần cho đến đỉnh điểm. Cái nóng không sao chịu nổi, các khớp chân họ co cứng, cánh tay trở thành nặng nề như thể làm bằng chì, gáy dờ ra.

Tên lính canh đang bước đi sau lưng họ nghĩ gì?

Đầu buổi chiều, Christian lao đảo, lập tức anh nhận một cái đâm vào gáy khiến anh ngã bật vào bức tường. Hàm dập vỡ, anh ngã xuống và đứng ngay dậy, sợ phải chịu hình phạt tối hậu.

Có gì thiếu trong tâm hồn tên lính đang rình rập anh và thỏa thích với sự đau đớn mà y bắt con người kia phải chịu?

Rồi đến sự co cứng cơ, các bắp thịt co rút lại không thể nào giãn ra được. Cái đau không sao chịu nổi. Toàn thân bị chuột rút.

Chất nước đang chảy vào họng tên trung úy kia sẽ có vị gì, trong khi các nạn nhân của y héo rụi đi trước mắt y?

Câu hỏi giờ đây thỉnh thoảng hãy còn ám ảnh tôi ban đêm, khi ký ức làm tái hiện những gương mặt sung phù của họ, những thân hình bị cái nắng thiêu đốt của họ.

Tối đến, những kẻ tra tấn dần họ trở lại giáo đường. Chúng tôi đón họ với tiếng reo hò mà người ta dành cho những ai chiến thắng trong một cuộc chạy đua, nhưng tôi không tin họ biết được điều đó trước khi ngã gục xuống nền rơm.

*

*

*

Ngày 24 tháng Bảy

Các hoạt động do lực lượng Kháng chiến thực hiện trong thành phố và các vùng lân cận khiến bọn Đức ngày càng bị kích động. Từ nay cách xử sự của chúng thường xuyên gần với chứng loạn thần kinh, và chúng đánh đập chúng tôi vô cớ, chỉ do vi phạm trong nói năng hoặc sai lầm vì có mặt không đúng chỗ, không đúng lúc. Giữa trưa, chúng tập hợp chúng tôi dưới giảng đàn. Một tên lính gác đứng canh ngoài phố bảo là nghe thấy tiếng giũa ở bên trong giáo đường. Nếu kẻ nào có một dụng cụ nhằm vượt ngục không nộp ra trong vòng mười phút, mười tù nhân sẽ bị bắn. Bên cạnh tên sĩ quan, một khẩu liên thanh nhắm vào chúng tôi. Và trong khi các giây đồng hồ trôi qua, gã đứng đằng sau cái miệng súng đang sẵn sàng phả ra hơi thở ăn thịt sống của nó, thích thú ngắm bắn chúng tôi. Y chơi trò lên đạn rồi tháo đạn khẩu súng. Thời gian trôi đi, không ai nói cả. Bọn lính đầm đá, gào thét,

khủng bố, mười phút đã hết. Gã chỉ huy tóm lấy một tù nhân, kê khẩu súng tay vào thái dương anh, chuẩn bị bóp cò và hét lên lệnh cuối cùng.

Lúc đó, một người tù tiến lên một bước, tay run run. Lòng bàn tay anh mở ra cho thấy một chiếc giũa, loại dùng để giũa móng tay. Dụng cụ này thậm chí chẳng vạch xước nổi những bức tường dày của giáo đường. Với chiếc giũa ấy, anh chỉ hơi mài sắc được chiếc thìa gỗ của mình để cắt bánh mì khi nào có bánh. Đó là một mẹo học được trong các nhà tù, một trò xua như thế gian, kể từ khi người ta giam cầm những con người.

Các tù nhân thấy sợ. Chắc tên chỉ huy sẽ nghĩ rằng mọi người chế nhạo hấn. Nhưng “tội phạm” bị dẫn đến bức tường và một phát súng búng đi nửa vầng sọ của anh.

Suốt đêm chúng tôi đứng, trong luồng ánh sáng của một ngọn đèn chiếu, dưới sự đe dọa của khẩu liên thanh nhằm vào chúng tôi và của cái kẻ rác rưởi, để giữ cho mình tỉnh ngủ, đang tiếp tục chơi đùa với ổ đạn.



Ngày 7 tháng Tám

Hai mươi tám ngày đã trôi qua kể từ khi chúng tôi bị giam giữ trong giáo đường. Claude, Charles, Jacques, François, Marc và tôi tụ tập gần ban thờ.

Jacques đã trở lại thói quen kể cho chúng tôi các câu chuyện, để giết thời gian và những nỗi lo âu của chúng tôi. Marc hỏi:

- Có thật là anh em cậu chưa bao giờ vào một giáo đường Do Thái trước khi đến đây?

Claude cúi đầu, như thể nó cảm thấy có lỗi. Tôi trả lời thay nó.

- Phải, đúng thế, đây là lần đầu tiên.

- Với một cái họ đặc Do Thái như họ của các cậu, cũng lạ đấy. Cậu đừng cho tớ bảo thế là có ý chê trách nhé, Marc nói lại ngay. Chỉ vì tớ nghĩ rằng...

- Vậy thì cậu nhầm rồi, gia đình tớ không theo các nghi thức giáo luật. Tất cả những người mang họ Dupont và Durand không nhất thiết đến nhà thờ vào Chủ nhật.

- Nhà cậu không làm gì hết, ngay cả vào những dịp lễ trọng hay sao? Charles hỏi.

- Nếu anh muốn biết mọi điều thì, ngày thứ Sáu, cha em làm lễ sabbat⁽¹⁾.

- À ra thế, vậy ông làm gì? François tò mò hỏi.

- Không có gì hơn các buổi tối khác, trừ việc ông đọc một bài kinh bằng tiếng hébreu⁽²⁾ và tất cả chúng tôi cùng uống một cốc rượu vang.

- Một cốc duy nhất ư? François hỏi.

1. Ngày nghỉ cuối tuần của đạo Do Thái.

2. Hébreu: tên gốc của dân tộc Do Thái (dân tộc này chỉ mang tên Do Thái từ cuộc Lưu đày, vào thế kỷ IV trước CN). Tiếng hébreu là ngôn ngữ của người Do Thái cổ xưa.

- Ủ, một cốc duy nhất.

Claude mỉm cười, tôi thấy nó thú vị vì câu chuyện của tôi. Nó lấy khuỷu tay hích tôi.

- Nào, anh kể chuyện cho các anh ấy đi, rốt cuộc có quy định mà.

- Chuyện gì cơ? Jacques hỏi.

- Có gì đâu!

Các bạn, thêm khát những câu chuyện do nỗi buồn chán không rời họ từ gần một tháng nay, đồng thanh nài nỉ.

- Thế thì, mỗi ngày thứ Sáu lúc ngồi vào bàn ăn, cha đọc cho chúng tôi một bài kinh bằng tiếng hébreu. Ông là người duy nhất hiểu được ngôn ngữ đó, trong gia đình, không một ai nói hay hiểu tiếng hébreu. Chúng tôi đã làm lễ sabbat như thế hàng nhiều năm nhiều năm. Một hôm, chị chúng tôi thông báo là chị đã gặp một người và muốn kết hôn với anh ấy. Cha mẹ chúng tôi vui vẻ đón nhận tin này và bảo chị mời anh ấy đến ăn tối, để làm quen. Chị Alice đề nghị ngay là thứ Sáu tuần sau anh ấy sẽ tới cùng mừng lễ sabbat với cả nhà.

Trước sự ngạc nhiên chung, cha có vẻ không vui mừng gì về ý tưởng này. Ông bảo rằng tối đó là dành cho gia đình và bất kỳ buổi tối nào khác trong tuần đều thích hợp hơn.

Mẹ hoài công lưu ý cha rằng, do đã chinh phục được trái tim con gái ông, nên chàng khách mời có thể coi như người trong nhà rồi, song không gì khiến được

cha tôi đối ý. Ông cho là để giới thiệu lần đầu tiên, ngày thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư và thứ Năm thích hợp hơn. Tất cả chúng tôi đều đồng tình với mẹ và nài nỉ để cuộc gặp diễn ra vào tối sabbat, hôm ấy bữa ăn thịnh soạn hơn và khăn trải bàn đẹp hơn. Cha tôi giơ hai tay lên trời mà rên rĩ và hỏi rằng tại sao gia đình bao giờ cũng cứ liên kết chống lại ông thế. Ông rất thích tự coi mình là nạn nhân.

Ông nói thêm là ông lấy làm lạ, rằng trong khi ông đề xuất không cần nhần nhặn nhớ, không đặt một câu hỏi cởn con nào (điều này chứng tỏ tinh thần cởi mở bao la của ông), mở cửa nhà mình tất cả các ngày trong tuần trừ một ngày, thì gia đình lại thích đón tiếp anh chàng không quen biết ấy (dù sao anh ta cũng sắp mang con gái ông đi) vào buổi tối duy nhất không hợp với ông.

Mẹ, bản tính bướng bỉnh, muốn biết tại sao việc chọn tối thứ Sáu lại có vẻ đặt ra cho chồng mình một vấn đề lớn đến thế.

- Chẳng tại sao cả! ông kết luận, thừa nhận mình thất bại.

Cha tôi chưa bao giờ biết nói “không” với vợ mình. Bởi vì ông yêu bà hơn mọi thứ trên đời, hơn các con của chính ông, tôi cho là thế, và tôi không nhớ có một ước nguyện nào của mẹ tôi mà ông không cố sức thực hiện. Tóm lại, tuần lễ qua đi mà cha tôi chẳng hề hé răng. Và các ngày càng trôi, chúng tôi càng cảm thấy ông căng thẳng.

Hôm trước của bữa ăn tối mà tất cả chúng tôi đều hết sức chờ đợi, cha gọi riêng con gái ra và thì thào hỏi rằng vị hôn phu của con có phải người Do Thái hay không. Và khi Alice trả lời “Có ạ, dĩ nhiên rồi”, thì cha tôi lại giơ hai tay lên trời mà rên rỉ “Cha biết chắc như vậy mà!”.

Các bạn có nghĩ rằng phản ứng của ông chẳng khỏi khiến chị tôi sững sờ kinh ngạc, chị hỏi tại sao tin này rõ ràng là trái ý ông.

- Nhưng có sao đâu, con yêu, ông trả lời chị, và nói thêm với tà ý rành rành: Con định tìm cái gì ở đó nào?

Chị Alice chúng tôi, thừa hưởng tính cách của mẹ, giữ lấy cánh tay cha khi ông định lĩnh vào phòng ăn, chị ngạo nghễ đứng đối diện với ông.

- Con xin lỗi cha, nhưng dù sao con cũng hết sức ngạc nhiên vì phản ứng của cha! Con cứ sợ cha có kiểu thái độ ấy nếu con thông báo rằng vị hôn phu của con không phải người Do Thái, nhưng lại ra thế này!!!

Cha bảo Alice là chị thật kỳ quái khi tưởng tượng ra những điều như vậy, và thề rằng ông hoàn toàn mớ cằn gốc gác, tôn giáo hay màu da của người mà con gái ông đã chọn, trong trường hợp người ấy là một trang hào hoa phong nhã và khiến con gái ông hạnh phúc như ông từng biết yêu mẹ của cô. Alice không thật tin, nhưng cha tìm cách thoát khỏi chị và lập tức đổi đề tài trò chuyện.

Cuối cùng tối thứ Sáu cũng đến, chưa bao giờ chúng tôi thấy cha chúng tôi căng thẳng như vậy. Mẹ cứ trêu cha suốt, nhắc lại với cha tất cả những lần hơi

bị đau một tí, hơi bị phong thấp một tí là ông rên rĩ rằng mình sẽ chết trước khi gã chồng được cho con gái... ông đang hoàn toàn khỏe mạnh và Alice từ nay đã có người yêu, vậy là gộp đủ mọi lý do để vui mừng, chẳng có cơ gì mà lo âu. Cha thề rằng thậm chí ông chẳng biết vợ mình đang nói gì nữa.

Alice và Georges, đây là tên vị hôn phu của chị chúng tôi, bấm chuông vào đúng bảy giờ và cha tôi giật nẩy mình, trong lúc mẹ ngược mắt lên trời và ra đón anh chị.

Georges đẹp trai, vẻ thanh lịch ở anh hoàn toàn tự nhiên, có thể tưởng anh là người Anh. Alice và anh rất đẹp đôi thành thử việc họ lấy nhau dường như là một điều dĩ nhiên. Vừa mới tới, Georges đã được gia đình chấp nhận rồi. Ngay cả cha tôi cũng khiến mọi người có cảm giác ông bắt đầu thư giãn trong lúc dùng đồ khai vị.

Mẹ thông báo rằng bữa ăn đã sẵn sàng. Tất cả mọi người yên vị quanh bàn, kính cẩn đợi cha tôi đọc bài cầu nguyện lễ sabbat. Lúc ấy chúng tôi thấy ông hít vào thật sâu, nửa thân trên của ông phồng ra và... xẹp xuống tức khắc. Thử lần nữa, kìa ông lấy lại hơi và... lại ỉu xiu. Một ý đồ thứ ba và đột nhiên, ông nhìn Georges và thông báo:

- Tại sao chúng ta không để cậu khách mời đọc thay tôi nhỉ? Rốt cuộc, tôi thấy rõ là cả nhà đã tán thành cậu ấy rồi và một người cha phải biết né mình đi trước hạnh phúc của con cái khi thời điểm đến.

- Mình nói gì vậy? mẹ hỏi. Thời điểm nào chứ? Và ai yêu cầu mình né đi nào? Đã hai mươi năm nay mình tự đặt bốn phận thứ Sáu nào cũng đọc bài cầu nguyện ấy, mà chỉ có mình hiểu được ý nghĩa, vì ở đây không ai nói tiếng hébreu hết. Mình sẽ không bảo em rằng bỗng nhiên mình thấy hoảng trước mặt bạn của con gái mình đấy chứ?

- Tôi có hoảng gì đâu, cha tôi vừa quả quyết, vừa xát xát ve áo vết.

Georges chẳng nói gì, nhưng tất cả chúng tôi đều thấy anh biến sắc đôi chút, khi cha đề nghị anh làm lễ thay ông. Từ lúc được mẹ cứu viện, vẻ mặt anh đã tươi hơn rồi. Cha tôi lại nói:

- Được, được. Thế thì có lẽ ít ra Georges cũng nhận lời cùng làm lễ với tôi chứ?

Cha bắt đầu đọc, Georges đứng lên và nhắc lại sau cha từng từ một.

Cầu nguyện xong, cả hai lại ngồi xuống, và bữa tối là cơ hội cho một khoảnh khắc thân tình mà ai nấy đều cười vui hết lòng.

Cuối bữa, mẹ bảo Georges cùng bà xuống bếp, một dịp để hai người làm quen với nhau đôi chút.

Bằng một nụ cười a tòng, Alice trấn an anh, mọi sự đều tốt đẹp. Georges thu nhặt các đĩa ăn trên bàn rồi đi theo mẹ chúng tôi. Vào đến bếp rồi, mẹ bỏ bát đĩa xuống cho anh và mời anh ngồi xuống một chiếc ghế dựa.

- Hãy nói với tôi đi, Georges, cậu không hề là người Do Thái!

Georges đỏ mặt và hứng hăng ho.

- Cháu cho là có, một ít về đảng cha cháu... hay một trong những ông anh của cha cháu; mẹ cháu từng theo đạo Tin Lành.

- Cháu nói về mẹ ở thì quá khứ ư?

- Mẹ cháu mất năm ngoái.

- Bác rất tiếc, mẹ khế nói, chân thành.

- Có vấn đề nếu...?

- Nếu cháu không phải là người Do Thái? Không có vấn đề gì hết, mẹ cười mà nói. Cả bác trai và bác đều không coi sự dị biệt của người khác là quan trọng. Ngược lại, bao giờ hai bác cũng nghĩ rằng sự dị biệt ấy rất thú vị và là nguồn gốc của vô số hạnh phúc. Điều quan trọng nhất, khi ta muốn sống thành đôi suốt đời, là biết chắc rằng ở cùng nhau ta sẽ không buồn chán. Sự buồn chán trong một đôi lứa, đó là điều tệ hại nhất, chính nó giết chết tình yêu. Chừng nào cháu còn làm Alice cười vui, chừng nào cháu còn khiến nó mong muốn gặp lại cháu, khi cháu vừa mới rời nó để đi làm, chừng nào cháu còn là người chia sẻ tâm sự cùng nó và nó cũng thích thổ lộ tâm tình với cháu, chừng nào cháu còn sống những ước mơ của cháu cùng với nó, ngay cả những ước mơ mà cháu không thể thực hiện, thì bác chắc chắn rằng dù gốc gác của cháu ra sao, điều duy nhất xa lạ với hai đứa sẽ là thế gian và những kẻ ganh ghét.

Mẹ ôm lấy Georges và đón nhận anh vào gia đình. Bà nói, gần như rơm nước mắt:

- Nào, vào nhanh với Alice đi. Nó sắp ghét việc mẹ nó giữ vị hôn phu của nó làm con tin. Và nếu nó biết là bác đã thốt ra cái từ vị hôn phu, thì nó giết bác đấy!

Trong lúc đi về phía phòng ăn, Georges ngoảnh lại và đứng ở ngưỡng cửa nhà bếp hỏi mẹ làm thế nào bà đoán được anh không phải người Do Thái. Mẹ mỉm cười thốt lên:

- A! Đã hai mươi năm nay tối thứ Sáu nào chồng bác cũng đọc một bài kinh bằng một ngôn ngữ do ông sáng tác ra. Ông chưa từng biết một từ hébreu nào! Nhưng ông rất tha thiết với khoảnh khắc mà, mỗi tuần, ông phát ngôn trước gia đình. Đó như là một truyền thống mà ông lưu truyền bất kể sự dốt nát của mình. Và ngay cả khi các từ ngữ của ông chẳng có nghĩa gì, bác biết dù sao đó cũng là những lời cầu nguyện yêu thương mà ông phát biểu và sáng tạo cho vợ con. Cho nên, cháu thấy là ban nãy khi bác nghe cháu lặp lại gần y hệt thứ tiếng lú lo trợn trợn của bác trai, thì bác chẳng khó khăn gì cũng hiểu... Chuyện này chỉ giữa cháu và bác thôi nhé. Chồng bác tin chắc là không ai nghi ngờ gì việc thu xếp nhỏ nhỏ của ông với Chúa, nhưng bác yêu ông từ bao nhiêu năm nay rồi thành thử Chúa của ông và bác chẳng còn điều gì bí mật nữa.

Vừa trở lại phòng ăn, Georges thấy mình bị cha chúng tôi kéo riêng ra một chỗ. Cha lầm bầm:

- Cảm ơn vì lúc nãy nhé.
- Vì cái gì ạ? Georges hỏi.
- Vì không cáo giác bí mật chứ gì nữa. Về phía

cháu thế là rất hào hiệp. Bác cho rằng cháu ắt đánh giá bác không hay. Không phải bác thích thú gì việc duy trì điều nói dối ấy; nhưng từ hai mươi năm nay... bây giờ nói với cả nhà thế nào đây? Phải, bác không nói tiếng hébreu, đúng vậy. Nhưng đối với bác làm lễ sabbat là gìn giữ truyền thống và truyền thống là quan trọng, cháu hiểu chứ?

- Thưa bác, cháu không phải là người Do Thái, Georges đáp. Ban nãy, cháu chỉ lặp lại những từ ngữ của bác mà chẳng có một khái niệm gì về nghĩa của những từ ngữ ấy, và chính cháu muốn cảm ơn bác đã không cáo giác điều bí mật.

- A! cha thốt ra và buông xuôi hai cánh tay.

Hai người đàn ông nhìn nhau một lát, rồi cha đặt tay lên vai Georges và bảo anh:

- Được, cháu nghe đây, bác đề nghị với cháu rằng câu chuyện nhỏ này của chúng ta chỉ đúng có hai ta biết. Bác thì bác đọc kinh sabbat còn cháu, thì cháu là người Do Thái!

- Đồng ý hoàn toàn ạ, Georges trả lời.

- Được, được, được, cha vừa nói vừa trở lại phòng khách. Thế thì, tối thứ Năm tuần sau cháu tạt qua xưởng của bác, chả là để ta cùng nhau lặp lại kỹ những từ ngữ mà ta sẽ đọc vào hôm sau, vì giờ đây, hai chúng ta sẽ cầu kinh.

Bữa tối kết thúc, Alice tiễn Georges ra tận ngoài phố, chờ cho cả hai đứng khuất dưới cổng lớn và ôm lấy vị hôn phu.

- Chuyện quả thật rất ổn, với lại xin bái phục, anh xoay xở cừ lắm. Em chẳng biết anh đã làm thế nào, nhưng cha không thấy gì hết, còn lâu cha mới ngờ được rằng anh không phải người Do Thái.

- Ủ, anh cho là ta đã giải quyết được rất tốt, Georges vừa ra đi vừa mỉm cười.

Vậy đó, đúng như thế, Claude và tôi chưa từng có dịp bước vào một giáo đường Do Thái, trước khi bị giam ở đây.

*

* *

Tối hôm ấy, bọn lính gào thét ra lệnh gói ghém cặp lồng và hòm xiểng với những ai có hòm xiểng, và tập hợp mọi thứ tại hành lang chính của giáo đường. Người nào lè mè liền bị đám bị đá để nhắc nhở trật tự. Chúng tôi không có một khái niệm gì về nơi mình tới, nhưng một điều khiến chúng tôi an lòng: khi bọn chúng đến tìm tù nhân để mang đi bắn, những người ra đi không bao giờ trở về phải bỏ lại đồ đạc.

Chập tối, những người phụ nữ đã bị chuyển đến đồn Hâ được đưa trở lại và nhốt ở một gian bên cạnh. Vào hai giờ sáng các cánh cửa giáo đường mở ra, chúng tôi lại đi thành hàng và băng qua thành phố vắng vẻ lặng lẽ, bước ngược lại con đường đã dẫn mình đến đây.

Chúng tôi lại lên tàu. Các tù nhân ở đồn Hâ và tất cả những người kháng chiến bị bắt trong mấy tuần

vừa rồi đi cùng chúng tôi.

Từ nay, có hai toa phụ nữ ở đầu đoàn tàu. Chúng tôi lại khởi hành theo hướng Toulouse, và một số người cho rằng chúng tôi trở về nhà. Nhưng Schuster có những dự định khác trong đầu. Y đã thề rằng đích đến cuối cùng sẽ là Dachau và không gì ngăn chặn được y, quân đội Đồng minh đang tiến lên cũng không, những trận bom san phẳng các thành phố chúng tôi đi qua cũng không, những nỗ lực của lực lượng Kháng chiến để trì hoãn bước tiến của chúng tôi cũng không.

Gần Montauban, cuối cùng Walter cũng trốn thoát được. Anh phát hiện ra rằng một trong bốn đai xoắn vít chặt các chấn song vào ô cửa sổ đã bị thay bằng một đinh ốc. Với chút nước bọt còn sót lại và toàn bộ sức lực của các ngón tay, anh cố xoay chiếc đinh, và khi miệng quá khô, thì chính máu từ vết thương ở các ngón tay có lẽ sẽ khiến chúng đủ ẩm ướt để làm lung lay chiếc đinh ốc. Sau hàng giờ rồi lại hàng giờ đau đớn, cái vật kim loại bắt đầu trượt đi, Walter muốn tin ở cơ may của mình, anh muốn tin ở hy vọng.

Những ngón tay anh sưng tấy đến nỗi, khi đạt được mục đích, anh không xòe được chúng ra nữa. Bây giờ chỉ phải đẩy thanh chấn song là khoảng trống ở cửa sổ sẽ đủ để lách người qua. Nép mình trong bóng tối toa tàu, ba chiến hữu nhìn anh, Lino, Pipo và Jean, tất cả đều là những người trẻ tuổi mới gia nhập đội 35. Một cậu khóc, cậu không chịu được nữa, cậu sắp hóa

điên. Phải nói rằng chưa bao giờ cái nóng lại dữ dội đến thế. Mọi người ngột ngạt và toàn bộ toa tàu dường như thở hắt ra theo nhịp khò khè của những tù nhân đang tắc nghẹn. Jean van nài Walter giúp họ trốn, Walter ngần ngại, thế rồi làm sao lại không nói gì, làm sao lại không giúp những người như thể anh em với mình. Thế là anh ôm lấy họ bằng những bàn tay bầm dập của anh và tiết lộ với họ điều anh đã thực hiện. Họ sẽ đợi đến đêm để nhảy, đầu tiên là anh, sau đó là những người khác. Họ khe khẽ nhắc lại cách làm. Bám vào trụ cửa, thời gian để chui toàn thân ra ngoài, rồi nhảy xuống và chạy ra xa. Nếu bọn Đức bắn, thì ai lo phận này; nếu thành công, khi ngọn đèn đỏ khuất dạng, họ sẽ đi ngược dọc con đường sắt để tập hợp lại.

Ánh ngày bắt đầu tắt, thời điểm xiết bao chờ đợi sắp đến, nhưng số phận dường như đã định đoạt theo cách khác. Đoàn tàu giảm tốc độ ở ga Montauban. Qua tiếng bánh xe, thấy tàu đi vào một đường đổ tránh. Và khi bọn Đức với các khẩu liên thanh được bố trí trên sân ga, thì Walter tự nhủ thế là hỏng rồi. Lòng đau đốn, bốn anh em ngồi xồm xuống và mỗi người trở về với nỗi cô đơn của mình.

Walter muốn ngủ, lấy lại đôi chút sức lực, nhưng máu đập dồn ở các ngón tay anh và cái đau quá mãnh liệt. Trong toa, nghe thấy vài tiếng than vãn.

Hai giờ sáng, đoàn tàu chuyển mình. Tim Walter không còn đập dồn ở những bàn tay nữa mà là trong ngực. Anh lay các chiến hữu và họ cùng nhau chờ thời

điểm thuận lợi. Đêm quá sáng, mặt trăng gần như tròn đang chiếu rọi trên bầu trời sẽ làm lộ họ quá dễ dàng. Walter rình bên cửa sổ, tàu lặn nhanh, xa xa, một khu rừng thấp in hình.



Walter và hai chiến hữu trốn khỏi con tàu. Sau khi rơi xuống đường hào, anh ngồi xồm ở đó rất lâu. Và khi ngọn đèn đỏ của đoàn tàu mờ xóa trong bóng đêm, anh giơ hai tay lên trời mà kêu “Mẹ ơi”. Anh đi bộ nhiều cây số, Walter. Đến ven một cánh đồng, anh gặp phải một gã lính Đức đang đại tiện, khẩu súng có cắm lưới lê đặt bên cạnh. Nằm giữa đám ngô, Walter chờ đợi khoảnh khắc thuận lợi và lao mình vào tên lính. Anh tìm đâu ra chút sức lực còn lại này để thắng tên lính trong lúc vật lộn? Lưới lê cắm vào thân thể tên lính; trong khi đi nhiều cây số nữa, Walter có cảm giác mình đang bay, như một cánh bướm.

Tàu không dừng lại ở Toulouse, chúng tôi không trở về nhà. Chúng tôi đã vượt qua Carcassonne, Béziers, Montpellier.

36

Các ngày trôi đi và cái khát trở lại. Trong các thôn làng chúng tôi đi qua, mọi người cố hết sức giúp đỡ chúng tôi. Bosca, một tù nhân trong số bao tù nhân khác, ném qua cửa sổ một bức thư mà một phụ nữ tìm thấy gần đường tàu và chuyển đến cho người nhận. Trên mẫu giấy, người tù gắng làm yên lòng vợ mình. Anh báo tin cho vợ là mình ở trên một đoàn tàu đi qua Agen ngày 10 tháng Tám và mình vẫn khỏe, nhưng chị Bosca sẽ không bao giờ gặp lại chồng.

Trong lúc dừng ở gần Nîmes, bọn chúng cho chúng tôi một ít nước, bánh khô và mứt đã hỏng. Thực phẩm không thể nào ăn được. Trong các toa, một số người bị thác loạn tâm thần. Rớt dãi ứa ra ở khốe môi họ. Họ đứng dậy, xoay tròn người và gào rú trước khi ngã lăn ra, lên những cơn co giật trước khi chết. Cứ như thế những con chó đại. Bọn quốc xã sẽ làm tất cả chúng tôi chết đi như vậy. Những người vẫn còn tỉnh táo không dám nhìn họ nữa. Thế là các tù nhân nhấm

mất, co rúm người lại và bịt lấy tai. Claude hỏi:

- Cậu cho là chứng thác loạn tinh thần có lây thật không?

- Mình chẳng biết gì hết, nhưng xin hãy làm cho họ im đi, François van nài.

Xa xa, bom rơi xuống Nîmes. Tàu dừng ở Remoulins.

*

*

*

Ngày 15 tháng Tám

Đã nhiều ngày đoàn tàu không động đậy. Họ mang khởi toa thí thể một tù nhân chết vì đói. Những người ốm yếu hơn cả được phép xuống đi đại tiện dọc đường sắt. Họ rút những cọng cỏ và phân phát khi trở lại tàu. Những người tù đói khát tranh giành nhau thứ thức ăn này.

Người Mỹ và người Pháp đổ bộ ở Sainte-Maxime. Schuster tìm cách đi qua giữa những phòng tuyến đồng mình đang bao vây y. Nhưng làm thế nào để ngược lên thung lũng sông Rhône, và trước đó, qua được con sông mà mọi cây cầu đều đã bị ném bom?

*

*

*

Ngày 18 tháng Tám

Có lẽ tên trung úy Đức đã tìm được một giải

pháp cho vấn đề của y. Tàu lại lên đường. Khi qua một chỗ bẽ ghi, một nhân viên hỏa xa đã mở chốt một toa. Ba tù nhân trốn thoát nhờ một đường hầm. Một số khác sẽ làm như vậy, sau đó một chút, trên quãng đường vài cây số ngăn cách chúng tôi với Roquemaure. Schuster cho đoàn tàu đứng im, trú trong một lối trở vào núi đá; tại đó, tàu sẽ tránh được các trận ném bom; những ngày gần đây, các máy bay Anh hoặc Mỹ nhiều lần bay lượn bên trên chúng tôi. Nhưng, trong lối trở vào núi này, lực lượng Kháng chiến cũng sẽ không tìm thấy chúng tôi. Không một đoàn tàu nào có thể gặp chúng tôi, hoạt động của đường sắt bị gián đoạn trên toàn đất nước. Cuộc chiến dữ dội và lực lượng Giải phóng đang tiến lên, giống như một làn sóng bao phủ xứ sở mỗi ngày thêm một ít. Vì không thể qua sông Rhône bằng tàu hỏa, cần gì đâu, Schuster sẽ cho chúng tôi đi bộ vượt sông. Xét cho cùng, y chẳng có trong tay bảy trăm năm mươi nô lệ đó sao, để vận chuyển số hàng hóa đi kèm các gia đình Gestapo và bọn lính mà y đã thề sẽ đưa về nhà?

Ngày 18 tháng Tám ấy, dưới ánh nắng nóng bỏng thiêu cháy chỗ da ít ỏi mà lũ bộ chết và lũ rận còn để lại trên người, chúng tôi đi bộ thành hàng. Những cánh tay gầy guộc của chúng tôi mang vác các va li Đức, các hòm rượu vang mà bọn quốc xã ăn cướp ở Bordeaux. Thêm một sự tàn ác nữa, đối với chúng tôi những người đang chết khát. Những ai ngã xuống bắt

tỉnh sẽ không đứng dậy nữa. Một viên đạn vào gáy kết liễu họ như người ta giết một con ngựa đã thành vô dụng. Những ai còn có thể đứng được, giúp đỡ người khác làm như vậy. Khi một người lão đảo, bạn bè quây lấy anh ta để che giấu việc anh ngã và nâng anh dậy thật nhanh, trước khi một tên lính canh nhận thấy. Xung quanh chúng tôi, những cánh đồng nho trải ra ngút tầm mắt. Cành nho trĩu những chùm quả mà mùa hè nóng như thiêu đã làm chín sớm. Chúng tôi những muốn hái và để những trái nho vỡ ra trong cái miệng khô rang của mình, nhưng chỉ có bọn lính, đang hò hét chúng tôi giữ nguyên hàng lối, là được lấy nho đầy mủ và nhấm nháp, trước mặt chúng tôi.

Và chúng tôi đi qua, như những bóng ma, cách các gốc nho vài mét.

Lúc ấy tôi nhớ đến lời bài hát *Còn đất Đỏ*. Em còn nhớ chứ? *Ai sẽ uống rượu vang kia, là uống máu bạn bè.*

Đã mười cây số rồi, bao nhiêu người nằm sóng sượt trong các đường hào đằng sau chúng tôi? Khi chúng tôi đi ngang qua các thôn làng, dân chúng hoảng sợ nhìn đoàn người lạ lùng đang tiến bước. Một số người muốn giúp đỡ chúng tôi, họ chạy đến với chúng tôi mang theo nước, nhưng bọn quốc xã hung tợn đẩy họ ra. Khi các cánh cửa sổ một ngôi nhà mở ra, binh lính bắn vào ô cửa.

Một tù nhân rào bước. Anh biết rằng vợ anh đi ở

phía đầu đoàn người, cô xuống tàu từ một trong những toa đầu tiên. Chân rướm máu, anh đuổi kịp cô và, chẳng nói gì, cầm lấy chiếc va li trong tay cô và xách thay cho cô.

Họ cùng sóng bước bên nhau, cuối cùng cũng được sum họp, nhưng chẳng có quyền nói rằng mình yêu nhau. Họ chỉ dám trao lén cho nhau một nụ cười, e rằng vì thế mà mất đi cuộc sống. Còn lại gì đây, từ cuộc sống của họ?

Một thôn làng khác, ở một khúc ngoặt, cánh cửa một ngôi nhà mở ra. Bọn lính, bản thân chúng cũng bất hoại vì cái nóng, bắt theo dõi chặt chẽ. Người tù cầm lấy tay vợ và ra hiệu cho cô lên vào khuôn cửa, anh sẽ che chắn cho cô trốn. Anh run giọng thì thào:

- Đi đi em.

- Em sẽ ở lại với anh, cô đáp. Em không đi cả con đường vừa qua để giờ đây rời bỏ anh. Chúng ta sẽ trở về cùng nhau, hoặc không hề.

Cả hai người cùng chết ở Dachau.

Cuối buổi chiều, chúng tôi đến Sorgues. Lần này, hàng trăm người dân nhìn chúng tôi đi qua thị trấn của họ và đến nhà ga. Bọn Đức lúng túng, Schuster đã không dự đoán được dân chúng sẽ đổ ra đông đến thế. Mọi người sáng tạo ra những cách trợ giúp. Binh lính không thể ngăn giữ họ, chúng bị quá tải. Trên sân ga, dân làng mang đến thức ăn, rượu vang mà bọn quốc xã liền chiếm lấy. Lợi dụng sự đông đúc hỗn độn, một số

người giúp vài tù nhân trốn thoát. Họ trèo lên người các anh một chiếc áo khoác ngắn của nhân viên hỏa xa, của nông dân, luồn dưới nách các anh một sọt nhỏ trái cây, cố làm cho các anh giống như một trong những người đến trợ giúp, và kéo các anh ra xa nhà ga trước khi đưa về giấu ở nhà mình.

Lực lượng Kháng chiến, được báo trước, đã dự tính một hành động vũ trang để giải thoát đoàn tàu, nhưng binh lính quá đông, nếu vậy sẽ xảy ra một vụ tàn sát. Thất vọng, họ nhìn chúng tôi bị đưa lên một con tàu mới đang đợi trên sân ga. Nếu như khi bước chân lên những toa này, chúng tôi biết được rằng chưa đầy tám ngày nữa, Sorgues sẽ được quân đội Mỹ giải phóng...

*

* *

Đoàn tàu lại lên đường nhân lúc đêm tối. Một con giông nổ ra, đem lại chút mát mẻ và vài giọt nước mưa; những giọt nước tuôn rùng rùng qua các khe hở trên nóc tàu, và chúng tôi uống lấy.

37

Ngày 19 tháng Tám

Tàu đang phóng nhanh. Đột nhiên, phanh nghiền ken kết và đoàn tàu trượt trên các thanh ray, từng chùm tia lửa tóe ra dưới bánh xe. Bọn Đức nhảy khỏi toa và lao xuống lề đường. Đạn xối ào ào xuống các toa, một đoàn phi cơ Mỹ bay lượn trên bầu trời. Chuyển lướt qua đầu tiên của các máy bay đã gây nên một vụ thảm sát thực sự. Mọi người lao ra cửa sổ, vẩy vẩy những mảnh vải, nhưng phi công ở quá cao nên không nhìn thấy và tiếng động cơ đã đang vang to hơn khi các máy bay lao xuống chúng tôi.

Thời khắc đông cứng lại và tôi không còn nghe thấy gì nữa. Mọi sự diễn ra như thể đột nhiên, thời gian làm mỗi cử động của chúng tôi chậm lại. Claude đang nhìn tôi, Charles cũng vậy. Đối diện chúng tôi, Jacques mỉm cười, rặng rờ, và miệng anh thổ ra một bụm máu;

từ từ, anh quy xuống. François lao đến giữ lấy anh lúc anh ngã. Cậu đón anh trong vòng tay. Jacques có một lỗ thủng toang hoác ở lưng; có lẽ anh muốn nói với chúng tôi điều gì đó, nhưng không một âm thanh nào thoát khỏi cổ họng anh. Mất anh mờ đi, François cố đỡ lấy đầu anh song vô hiệu, nó ngoẹo sang bên, giờ đây khi Jacques đã chết.

Má nhuộm máu người bạn tốt nhất của mình, người chưa bao giờ rời cậu trong cuộc hành trình dài này, François gào lên một tiếng “KHÔNG” tràn ngập không gian. Và chúng tôi không sao giữ nổi cậu, cậu lao mình đến cửa sổ, dùng hai bàn tay trần dứt bỏ dây thép gai. Một viên đạn Đức rít lên và cướp đi tai cậu. Lần này, chính máu cậu chảy xuống gáy, nhưng chẳng làm gì được, cậu cứ bám lấy thành toa và lách người ra bên ngoài. Vừa rơi mình xuống đất, cậu đứng ngay dậy, lao đến cửa toa và nhấc chót lên để chúng tôi ra.

Tôi hãy còn nhìn thấy hình dáng François nổi rõ trong làn ánh sáng ban ngày. Phía sau cậu, trên bầu trời, những chiếc máy bay xoay lượn và lại bay về phía chúng tôi, và sau lưng cậu, tên lính Đức đang nhằm và bắn. Thân hình François bị hất về phía trước và một nửa gương mặt cậu ập xuống áo sơ mi của tôi. Người cậu giật nảy lên, một cái rung cuối cùng và François gặp Jacques trong cõi chết.

Ngày 19 tháng Tám, ở Pierrelatte, trong bao người khác, chúng tôi đã mất đi hai người bạn.

*

*

*

Đầu máy bốc khói khắp chỗ. Hơi nước phì ra từ các thành máy bị thủng. Đoàn tàu sẽ không đi tiếp. Có rất nhiều người bị thương. Một tên quân cảnh Đức vào làng tìm một thầy thuốc. Người đàn ông ấy có thể làm gì được, ông hoang mang trước các tù nhân nằm duỗi dài, ruột gan phơi ra, một số người chân tay đầy những vết thương toang hoác. Máy bay trở lại. Lợi dụng nỗi kinh hoàng trong những tên lính, Titonel chạy trốn. Bọn quốc xã bắn theo, một viên đạn xuyên trúng anh, nhưng anh tiếp tục băng qua các cánh đồng. Một nông dân cho anh nướng náu và đưa anh đến bệnh viện Montélimar.

Bầu trời trở lại yên tĩnh. Dọc đường sắt, người thầy thuốc nông thôn van nài Schuster giao cho ông những người bị thương mà ông còn có thể cứu được, nhưng tên trung úy không muốn biết gì hết. Buổi tối, chúng đưa họ lên các toa tàu, đúng lúc một đầu máy mới từ Montélimar đến.

*

*

*

Gần một tuần lễ nay các Lực lượng Pháp tự do và ở nội địa chuyển sang tấn công. Bọn quốc xã tán loạn, việc rút lui bắt đầu. Các đường sắt, cũng như quốc lộ 7,

là mục tiêu của những trận chiến dữ dội. Các đạo quân Mỹ, đoàn xe bọc thép của tướng de Lattre de Tassigny, đổ bộ ở Provence, đang tiến lên phía Bắc. Thung lũng sông Rhône là một ngõ cụt đối với Schuster. Nhưng các Lực lượng Pháp thoái lui để đến hỗ trợ cho quân Mỹ đang nhằm vào Grenoble; họ đã tới Sisteron. Mới hôm qua thôi, chúng tôi chẳng có cơ hội nào băng qua được thung lũng, nhưng quân Pháp đã nhất thời nói lỏng gọng kìm. Tên trung úy lợi dụng điều đó, đây chính là lúc qua, hoặc không bao giờ hết. Ở Montélimar, đoàn tàu dừng tại ga, trên con đường mà các tàu xuống phía Nam thường đi qua.

Schuster muốn rũ đi thật nhanh những người chết và bỏ họ lại cho hội Chữ thập Đỏ.

Richter, chỉ huy Gestapo tại Montélimar, có mặt ở hiện trường. Khi bà phụ trách hội Chữ thập Đỏ yêu cầu y giao cho bà cả những người bị thương, y dứt khoát từ chối.

Thế là bà quay lưng lại với hắn và bỏ đi. Y hỏi bà đi đâu vậy.

- Nếu các người không để tôi mang những người bị thương đi cùng tôi, thì các người hãy tự xoay xở với các tử thi của các người.

Richter và Schuster hội ý với nhau, cuối cùng chúng nhượng bộ và thề rằng chúng sẽ quay lại tìm các tù nhân này ngay khi họ khởi.

Từ cửa sổ các toa, chúng tôi nhìn bạn bè ra đi trên những chiếc cồng, có những người rên rỉ, có

những người không nói gì nữa hết. Các thi hài được xếp trên nền đất của phòng đợi. Một nhóm nhân viên hỏa xa buồn rầu nhìn họ, ngả mũ và tôn vinh họ lần cuối. Hội Chữ thập Đỏ đưa những người bị thương về bệnh viện, và để gạt mọi thềm muộn của bọn quốc xã vẫn đang chiếm đóng thành phố, bà phụ trách hội Chữ thập Đỏ bịa ra là tất cả họ đều bị sốt phát ban, một bệnh dễ lây kinh khủng.

Trong khi những xe tải nhỏ của hội Chữ thập Đỏ đi xa dần, người ta đưa những người chết ra nghĩa trang.

Trong số những thi hài nằm trong huyết, đất khép lại trên gương mặt của Jacques và của François.

*

*

*

Ngày 20 tháng Tám

Tàu lăn bánh về hướng Valence. Nó dừng lại trong một đường hầm để ẩn nấp tránh một phi đội. Dương khí thiếu đến nỗi tất cả chúng tôi đều bất tỉnh. Khi đoàn tàu vào ga, một phụ nữ lợi dụng sự sơ ý của một tên quân cảnh Đức và vung vẩy một tấm biển từ cửa sổ nhà mình. Chúng tôi đọc thấy: "Paris đang bị bao vây, can đảm lên."

Ngày 21 tháng Tám

Chúng tôi đi ngang qua Lyon. Vài giờ sau khi

chúng tôi qua, Lực lượng nội địa Pháp đốt các kho nhiên liệu của sân bay Bron. Bộ tham mưu Đức rời bỏ thành phố. Mặt trận tiến gần lại chúng tôi, nhưng đoàn tàu tiếp tục đi. Ở Chalon, lại dừng, nhà ga tan hoang. Chúng tôi gặp các đơn vị của Luftwaffe⁽¹⁾ đang đi về phía Đông. Một viên đại tá Đức suýt nữa cứu được mạng sống của vài tù nhân. Y đòi lấy của Schuster hai toa tàu. Binh sĩ và vũ khí của y quan trọng hơn nhiều so với những kẻ vật vờ xơ xác mà viên trung úy đang giữ trên tàu. Hai tên gần như xô xát, nhưng Schuster có miệng lưỡi cay chua gay gắt. Y sẽ chờ tất cả những tên Do Thái, ngoại kiều và khủng bố này tới tận Dachau. Không một ai trong chúng tôi sẽ được thả và đoàn tàu lại lên đường.

Trên toa của tôi, cửa mở ra. Ba lính Đức trẻ có gương mặt lạ chĩa cho chúng tôi những miếng phô mai và cánh cửa đóng lại ngay tức khắc. Từ ba mươi sáu giờ nay, chúng tôi chưa nhận được nước uống cũng như thực phẩm. Bạn bè lập tức tổ chức phân phối một cách công bằng.

Tại Beaune, dân chúng và hội Chữ thập Đỏ đến giúp đỡ chúng tôi. Họ mang cho chúng tôi đồ tiếp tế. Bọn lính chiếm lấy các hòm rượu vang. Chúng uống say, và khi tàu lại khởi hành, chúng chơi trò bắn súng tiểu liên vào mặt tiền các ngôi nhà ven đường sắt.

Đi chưa được ba mươi cây số, giờ đây chúng tôi

1. Không lực của nhà nước quốc xã Đức.

đang ở Dijon. Một sự lộn xộn kinh khủng ngự trị tại nhà ga. Không một con tàu nào còn lên được phía Bắc. Trận chiến đường sắt rất dữ dội. Các nhân viên hỏa xa muốn ngăn không cho tàu ra đi. Các trận bom liên miên. Nhưng Schuster sẽ không bỏ cuộc và, bất kể sự phản đối của các công nhân Pháp, đầu máy rít còi, các thanh chuyển lại chuyển động, và đầu máy lại kéo đi đoàn người kinh khủng của nó.

Nó sẽ chẳng đi xa được mấy, phía trước, các thanh ray bị chuyển dịch. Bọn lính lửa chúng tôi xuống và bắt chúng tôi làm việc. Thế là từ người đi đày, giờ đây chúng tôi trở thành tù khổ sai. Dưới ánh nắng thiêu đốt, trước bọn quân cảnh Đức lăm lăm chĩa súng vào mình, chúng tôi đặt lại những thanh ray mà lực lượng Kháng chiến đã tháo dỡ. Chúng tôi sẽ không được uống nước cho đến khi việc sửa chữa hoàn tất, đứng trên mặt sàn của đầu máy, Schuster gào lên.

*

* *

Dijon ở phía sau chúng tôi. Vào lúc sắp tối, chúng tôi vẫn còn muốn tin rằng mình sẽ thoát. Du kích tấn công đoàn tàu, không khỏi thận trọng để tránh làm chúng tôi bị thương, và bọn lính Đức lập tức đánh trả từ sàn toa móc ở đầu đoàn tàu, đẩy lui địch thủ. Nhưng trận đánh lại tiếp tục, du kích đi theo chúng tôi trong hành trình địa ngục dẫn chúng tôi đến

gần biên giới Đức một cách tàn khốc không gì lay chuyển nổi; một khi đã vượt qua biên giới ấy, chúng tôi biết, mình sẽ không trở lại. Và cứ mỗi cây số trôi nhanh dưới các bánh xe, chúng tôi lại tự hỏi còn bao nhiêu cây số nữa ngăn cách mình với nước Đức.

Thình thoảng, bọn lính lại bắn súng liên thanh vào miền quê, chúng thấy một bóng dáng khiến chúng lo ngại chăng?

Ngày 23 tháng Tám

Chưa bao giờ cuộc hành trình lại không sao chịu nổi như thế này. Những ngày cuối cùng nóng như thiêu đốt. Chúng tôi không còn đồ ăn, nước uống. Các quang cảnh chúng tôi đi qua tiều điều hoang phế. Đã hai tháng kể từ khi rời sân nhà ngục Saint-Michel, hai tháng từ khi cuộc hành trình khởi đầu, và trên gương mặt hốc hác của chúng tôi, những con mắt trũng sâu trong hố mắt nhìn thấy xương cốt mình in rõ từng chi tiết dọc các thân hình đã róc hết thịt. Những người đã chống lại được sự rồ dại thác loạn đắm mình trong niềm căm lạng sâu thẳm. Thằng em tôi, với đôi má hóp, giống như một ông lão ấy thế mà, mỗi lần tôi nhìn nó, là nó lại mỉm cười với tôi.

Ngày 25 tháng Tám

Hôm qua, có những tù nhân bỏ trốn, Nitti và

một vài người bạn của anh tháo được các tấm ván, lợi dụng bóng đêm họ nhảy xuống đường ray. Tàu vừa qua ga Lécourt. Người ta tìm thấy thi thể một người, bị tiệt làm đôi, một người khác bị đứt rời chân, cả thấy sáu người chết. Nhưng Nitti và mấy người khác đã trốn thoát. Chúng tôi xúm quanh Charles. Với tốc độ của đoàn tàu, vấn đề chỉ còn tính bằng giờ trước khi chúng tôi vượt qua biên giới. Các phi cơ bay lượn nhiều lần bên trên chúng tôi song vô hiệu, họ sẽ không giải thoát được chúng tôi.

- Chúng ta chỉ có thể tự trông cậy vào mình mà thôi, Charles cầu nhàu.

- Ta thử làm chứ? Claude hỏi.

Charles nhìn tôi, tôi gật đầu đồng ý. Chúng tôi có gì để mất nào?

Charles nói tỉ mỉ với chúng tôi kế hoạch của anh. Nếu chúng tôi mở được vài tấm ván ở sàn toa, chúng tôi sẽ để mình trườn qua lỗ hổng. Lần lượt, bạn bè sẽ giữ lấy người chui xuống đó. Khi có tín hiệu, họ sẽ thả anh ta ra. Lúc đó anh ta sẽ phải để mình rơi xuống, hai tay buông dọc theo người để khỏi bị bánh xe cán đứt. Nhất là không được ngẩng đầu lên, kéo có nguy cơ bị chiếc trục sẽ lướt tới hết tốc lực tiệt mất đầu. Phải đếm những toa sẽ đi qua bên trên mình, mười hai, mười ba có lẽ? Rồi chờ đợi, bất động, cho làn ánh sáng đỏ của con tàu đi xa ra trước khi nhòe dậy. Để tránh kêu lên một tiếng sẽ báo động cho bọn lính trên sàn, người nào nhảy xuống sẽ nhét một miếng giẻ vào miệng mình. Và

trong khi Charles cho chúng tôi nhắc lại cách làm, thì một người đứng dậy và bắt tay vào việc. Dùng hết sức lực, anh nhổ một chiếc đinh. Những ngón tay anh trườn dưới mẩu kim loại và cố làm nó xoay không ngừng nghỉ. Thời gian hồi thức, liệu chúng tôi có còn đang ở trên đất Pháp hay không?

Chiếc đinh long ra. Hai bàn tay đầy máu, người đó cầm lấy nó và hì hục với lớp gỗ cứng; anh lôi kéo những tấm ván chỉ hơi động dậy và lại đào khoét nữa. Lòng bàn tay bị xuyên thủng khắp chỗ, anh không biết đến cái đau và tiếp tục công việc. Chúng tôi muốn giúp anh nhưng anh đẩy ra. Chính là cánh cửa tự do đang được anh vẽ nên trên sàn toa tàu ma này, và anh nài nỉ mọi người để anh làm. Con người này sẵn sàng chết nhưng không phải chết mà chẳng được việc gì, nếu ít ra anh có thể cứu được những mạng sống xứng đáng, thế thì mạng sống của anh cũng giúp được điều gì đó. Anh không bị bắt vì hoạt động kháng chiến, mà chỉ vì vài trò trộm vặt, do ngẫu nhiên mà anh thấy mình ở trong toa của đội 35. Thế là anh van nài chúng tôi để anh làm, anh nợ chúng tôi điều đó, anh vừa nói vừa đào khoét thêm nữa thêm nữa.

Giờ đây, hai bàn tay anh chỉ còn là những mảnh thịt da tươi tắn, nhưng cuối cùng sàn toa xê dịch. Armand lao đến và tất cả chúng tôi giúp anh lật lên một tấm ván đầu tiên, rồi một tấm nữa. Lỗ hổng đã đủ rộng để trườn người qua. Tiếng bánh xe ầm ầm tràn ngập trong toa, các thanh ray lướt qua dưới mắt chúng tôi nhanh vùn vụt.

Charles quyết định thứ tự theo đó chúng tôi sẽ nhảy.

- Jeannot, cậu ra đầu tiên, rồi đến Claude, sau đó là Marc, Samuel...

- Tại sao chúng tôi ra trước tiên?

- Vì các cậu là những người ít tuổi nhất.

Marc, kiệt sức, ra hiệu cho chúng tôi phục tùng. Claude không tranh cãi.

Chúng tôi phải mặc lại y phục. Lồng áo quần vào lớp da đầy mụn nhọt là một cực hình. Armand, người thứ chín sẽ nhảy, rủ anh bạn đã khoét lỗ hồng cùng vượt ngục với chúng tôi.

- Không, anh nói, tôi sẽ là kẻ giữ chân người cuối cùng nhảy xuống trong các anh. Cũng phải có một kẻ chứ, phải không nào?

- Các anh không thể đi bây giờ được, một người khác ngồi dựa vào thành toa nói. Tôi biết khoảng cách ngắn mỗi trụ đường, tôi đã đếm số giây đồng hồ giữa chúng. Tàu đang chạy ít ra là sáu mươi cây số một giờ, tất cả các anh sẽ gãy cổ với tốc độ đó. Phải đợi cho đoàn tàu giảm tốc độ, bốn mươi cây số một giờ, là tối đa.

Người ấy hiểu mình đang nói gì: trước chiến tranh, anh lắp đặt các đường ray xe hỏa.

- Thế nếu đầu máy lại ở đuôi đoàn tàu chứ không ở đầu thì sao? Claude hỏi.

- Thì các anh sẽ toi hết, người đàn ông trả lời. Còn có nguy cơ nữa là nhỡ bọn Đức đóng một thanh ngang ở cuối toa sau cùng, nhưng đó là một nguy cơ phải liệu.

- Tại sao chúng lại làm như thế?

- Thì chính là để người ta không thể nhảy xuống đường ray chứ sao!

Và đột nhiên, trong lúc chúng tôi đang cân nhắc lợi hại, thì đoàn tàu giảm tốc độ.

- Đây chính là thời điểm hoặc không bao giờ, người lắp đặt các đường tàu khi đất nước còn yên bình nói.

- Đi đi anh! Claude nói. Dù sao anh cũng biết điều gì đang chờ chúng ta khi tới nơi.

Charles và Claude đỡ lấy nách tôi. Tôi nhét miệng giẻ vào miệng và hai cẳng chân thò xuống lỗ hổng toang hoác. Phải giữ không cho chân mình chạm đất trước khi các bạn phát tín hiệu, nếu không thân thể tôi sẽ lộn ngược lại, bị bóp lấy và xé nát trong một giây đồng hồ. Bụng tôi đau, ở đó chẳng còn một cơ bắp nào để giúp tôi giữ lấy tư thế này.

- Bây giờ! Claude kêu lên với tôi.

Tôi rơi xuống, mặt đất va vào lưng tôi. Không động cựa, tiếng âm ầm đĩnh tai nhức óc. Cách vài centimet mỗi bên, các bánh xe lướt qua, kêu rin rít trên đường ray. Mỗi trục bánh xe lướt qua mình, tôi lại cảm thấy luồng không khí do trục làm chuyển động và mùi kim loại. Đếm các toa, tìm tôi đập thật mạnh trong lồng ngực. Còn ba toa nữa, có lẽ là bốn? Claude đã nhảy chưa? Tôi muốn được ôm nó một lần nữa trong vòng tay, bảo nó rằng nó là em tôi, rằng nếu không có nó, chẳng bao giờ tôi còn sống sót, chẳng bao giờ tôi có thể thực hiện cuộc chiến đấu này.

Tiếng âm ầm lịm tắt và tôi nghe con tàu đi xa dần

trong lúc bóng đêm bao quanh tôi. Có phải cuối cùng tôi đang hít thở không khí của tự do?

Xa xa, ánh đèn đỏ của đoàn tàu mờ dần rồi biến mất ở khúc quanh đường sắt. Tôi vẫn sống; trên bầu trời, mặt trăng tròn đầy.

- Đến lượt cậu, Charles ra lệnh.

Claude nhét khăn tay vào miệng và trườn hai ống chân giữa các tấm ván. Nhưng các chiến hữu lại kéo nó lên ngay lập tức. Con tàu lắc lư, nó đang dừng sao? Báo động giả. Nó đang qua một cây cầu xập xệ. Mọi người làm lại và lần này, gương mặt của Claude khuất dạng.

Armand ngoảnh lại, Marc quá kiệt lực không nhảy được.

- Hãy lấy lại sức, mình cho các bạn khác qua rồi chúng ta sẽ qua sau.

Marc gật đầu đồng ý. Samuel nhảy, Armand là người cuối cùng chui xuống lỗ hổng. Marc không muốn xuống. Người đàn ông đã khoét sàn toa xóc lấy Marc.

- Đi thôi, cậu có gì để mất nào?

Thế là cuối cùng Marc quyết định. Đến lượt anh thả mình và trườn xuống. Đoàn tàu bỗng hãm phanh đột ngột. Bọn quân cảnh Đức lập tức xuống tàu. Nằm nép giữa hai thanh ray, anh thấy chúng đi về phía mình, chân anh không còn sức giúp anh chạy trốn và bọn lính bắt anh. Chúng dẫn anh trở lại một toa. Dọc đường, chúng đánh đập anh dữ dần đến mức anh bất tỉnh.

Armand vẫn nằm bám lấy các trục bánh xe để thoát khỏi ánh đèn của bọn lính đi tuần tìm kiếm

những người vượt ngục khác. Thì giờ trôi qua. Anh cảm thấy các cánh tay mình sắp rời ra. Gần kề mục tiêu đến thế, không thể nào, thế là anh cưỡng lại; tôi đã bảo em rồi, chúng tôi không bao giờ bỏ cuộc. Và đột nhiên, đoàn tàu chuyển mình. Anh bận chờ cho tàu lấy lại chút tốc độ và để mình rơi xuống đường. Và anh là người cuối cùng nhìn thấy ánh đèn đỏ tắt đi ở đằng xa.

Con tàu khuất dạng có lẽ đã nửa giờ đồng hồ. Như đã thỏa thuận với nhau, tôi đi ngược lên con đường sắt, để gặp các bạn. Claude có sống sót hay không? Chúng tôi có đang ở nước Đức hay không?

Trước mặt tôi thấp thoáng một cây cầu do một tên lính Đức canh gác. Đó là cây cầu mà em tôi suýt nữa nhảy xuống, đúng trước lúc Charles giữ nó lại. Tên lính gác đang ngâm nga bài hát *Lili Marlene*. Điều đó dường như trả lời một trong hai câu hỏi ám ảnh tôi; câu kia liên quan đến em tôi. Cách duy nhất để vượt chướng ngại vật này là trườn trên một trong những thanh xà đỡ lấy bản cầu. Cheo leo trên khoảng không, tôi tiến lên giữa đêm khuya trong sáng, mỗi lúc lại sợ người ta chụp được mình

*

* *

Tôi đã đi lâu đến mức không còn đếm nổi các

bước chân của mình, cũng như các thanh ray mà mình đi dọc theo. Mà phía trước tôi, vẫn là sự tĩnh lặng ấy và không một bóng người. Tôi là người duy nhất còn sống sót hay sao? Tất cả các chiến hữu đều chết hay sao? “Cơ hội thoát được của các anh là một phần năm”, cựu công nhân đặt đường ray đã bảo thế. Còn thằng em tôi, mẹ kiếp? Không thể thế được! Giết tôi tấp lự đi nhưng nó thì không. Sẽ không xảy ra điều gì với nó, tôi sẽ dẫn nó trở về, tôi đã thề với mẹ như vậy, trong giấc mơ tệ hại nhất của mình. Tôi tưởng mình không còn nước mắt nữa, không bao giờ còn lý do để khóc nữa, ấy thế mà, quỳ giữa những thanh ray, một mình trong miền quê vắng vẻ này, thú thật với em, tôi đã khóc như một đứa trẻ. Không có thằng em tôi, thì tự do để làm gì? Con đường trải dài ra phía xa và chẳng thấy Claude đâu.

Một bụi cây rung rinh khiến tôi ngoái đầu lại.

- Nào, anh có định thôi khóc nhè và đến giúp em một tay không? Những cái gai này đau thấy mồ.

Claude, đầu chúc xuống dưới, bị vướng vít trong một bụi gai. Nó làm thế nào để lâm vào tình thế như vậy chứ?

- Hãy gỡ em ra đã rồi em giải thích cho anh sau! nó cầu nhẫu.

Và trong khi đang lôi nó ra khỏi những cành cây giữ chặt lấy nó, tôi nhìn thấy hình bóng của Charles lao đảo đi về phía chúng tôi.

Con tàu đã mất tăm mãi mãi. Charles ôm lấy chúng tôi, khóc lóc đôi chút. Claude cố hết sức nhỏ những chiếc gai cắm vào đùi nó. Samuel giữ lấy gậy, che một vết thương tai ác bị khi nhảy xuống. Chúng tôi vẫn không biết mình đang ở Pháp hay đã ở trên đất Đức.

Charles lưu ý chúng tôi rằng chúng tôi đang ở chỗ trống và đã đến lúc ra khỏi đây. Chúng tôi đi vào một khu rừng nhỏ, khiêng Samuel không còn sức, và nấp sau cây cối chờ trời sáng.

38

Ngày 26 tháng Tám

Bình minh lên. Samuel đã mất rất nhiều máu trong đêm.

Trong lúc những người khác còn ngủ, tôi nghe tiếng anh rên rỉ. Anh gọi tôi, tôi lại gần anh. Mặt anh trắng bệch. Anh thì thầm:

- Ngu thế chứ, gần kè đích đến vậy!

- Anh đang nói về chuyện gì?

- Đừng làm thằng ngốc, Jeannot, mình sắp đi, mình không còn cảm nhận được chân mình nữa và mình thấy lạnh ghê gớm.

Môi anh tím ngắt, anh run lập cập, thế là tôi ôm chặt lấy anh để sưởi ấm cho anh hết mức mình có thể.

- Dù sao cũng là một cuộc vượt ngục ra trò, phải không?

- Đúng, Samuel ạ, đó là một cuộc vượt ngục ra trời.

- Cậu có nghĩ thấy không khí thơm biết mấy?

- Hãy giữ sức, anh bạn ạ.

- Để làm gì chứ? Với mình chỉ còn tính giờ thôi. Jeannot này, một ngày nào đó cậu sẽ phải kể lại câu chuyện của chúng ta. Không được để nó tan biến đi như mình.

- Im đi, Samuel, anh đang nói những điều vô vẩn và tôi không biết kể chuyện.

- Nghe này, Jeannot, nếu cậu không làm được việc ấy, thì các con cậu sẽ làm thay cậu, cậu cần phải yêu cầu chúng làm. Thề với mình đi.

- Con cái nào cơ?

- Cậu sẽ thấy, Samuel tiếp tục nói trong cơn mê sảng đầy ảo giác. Sau này cậu sẽ có con, một đứa, hai đứa, hay hơn nữa mình không biết, quả thực mình không còn thì giờ đếm nữa. Lúc đó cậu cần phải yêu cầu chúng một điều gì đó do mình nhờ, cần bảo chúng là điều ấy rất quan trọng với mình. Cũng tựa như chúng thực hiện một điều mà cha chúng đã hứa trong một quá khứ sẽ không tồn tại nữa. Bởi vì cái quá khứ chiến tranh này sẽ không tồn tại nữa, rồi cậu sẽ thấy. Cậu sẽ bảo chúng kể lại câu chuyện của chúng ta trong thế giới tự do của chúng. Rằng chúng ta đã chiến đấu vì chúng. Cậu sẽ dạy cho chúng biết rằng trên trái đất này không gì quan trọng hơn cái tự do

chết tiệt có thể phục tùng kẻ nào trả giá cho nó nhiều hơn. Cậu cũng bảo chúng rằng cái ả tệ mạt ấy ưa tình yêu của con người, rằng nó sẽ luôn tuột khỏi tay những kẻ muốn giam cầm nó, rằng nó sẽ luôn đem chiến thắng đến cho người nào tôn trọng nó mà chẳng bao giờ hy vọng giữ nó trong giường mình. Hãy bảo chúng, Jeannot, bảo chúng kể lại tất cả những điều ấy hộ mình, với những từ ngữ của chúng, những từ ngữ của thời đại chúng. Từ ngữ của mình chỉ được tạo ra bằng âm sắc của xứ sở mình, bằng máu mình đang có trong miệng và trên tay.

- Đừng nói nữa, Samuel, anh làm mình kiệt sức vô ích.

- Jeannot, hãy hứa với mình điều này: hãy thề với mình là một ngày kia cậu sẽ yêu. Mình muốn làm điều đó biết mấy, muốn có thể yêu biết mấy. Hứa với mình là cậu sẽ bồng một đứa trẻ trên tay và trong ánh nhìn đầu tiên của cuộc sống mà cậu sẽ tặng cho nó, trong ánh nhìn của người cha, cậu sẽ để vào đó một chút tự do của mình. Thế thì, nếu cậu làm điều ấy, sẽ còn lại cái gì đó của mình trên trái đất chết tiệt này.

Tôi đã hứa và Samuel chết lúc trời sáng. Anh hít vào thật mạnh, máu chảy ra từ miệng anh, rồi tôi thấy hàm anh co rút lại bởi cái đau dữ dội quá. Vết thương nơi cổ anh đã ngã sang tím nhạt. Nó vẫn giữ màu như vậy. Tôi tin rằng dưới lớp đất phủ lên anh, trong cánh

đồng miền Marne-Thượng này, một chút sắc tím đỏ vẫn chống lại với thời gian, và với sự phi lý của con người.



Vào giữa ngày, chúng tôi thấy ở phía xa một nông dân đang tiến bước trên cánh đồng. Trong tình trạng của chúng tôi, đói khát và bị thương, chúng tôi sẽ không trụ được lâu nữa. Sau khi bàn bạc, chúng tôi quyết định là tôi sẽ đến gặp người ấy. Nếu người ấy là dân Đức, tôi sẽ giơ hai tay lên trời, các bạn sẽ vẫn ẩn nấp trong khu rừng nhỏ.

Trong lúc đi về phía người ấy, tôi không biết ai trong hai người sẽ làm người kia hoảng sợ hơn. Tôi, tả tôi rách rưới, trong áo quần của hồn ma, hay người mà tôi còn chưa biết là sẽ nói với tôi bằng ngôn ngữ nào. Tôi vừa kêu lên vừa chìa tay ra với người ấy:

- Tôi là một tù nhân trốn khỏi một đoàn tàu đưa người đi đày và tôi cần được giúp đỡ.

- Anh chỉ có một mình ư? người ấy hỏi tôi.

- Vậy bác là người Pháp ư?

- Chắc chắn tôi là người Pháp chứ sao, rõ thật!

Hỏi gì lạ! Nào, lại đây, tôi đưa anh về trại, người chủ trại kinh hãi nói, anh ở trong tình trạng tệ hại quá!

Tôi ra hiệu cho các bạn, họ lập tức chạy đến.



Hôm ấy là ngày 26 tháng Tám năm 1944, và chúng tôi được cứu thoát.

39

Marc tỉnh lại sau khi chúng tôi đào thoát ba hôm, đoàn tàu do Schuster dẫn dắt đi vào trại tử thần Dachau, đích cuối cùng mà nó đạt tới vào ngày 28 tháng Tám năm 1944.

Trong số bảy trăm tù nhân tuy thể vẫn còn sống sót sau cuộc hành trình khủng khiếp, chỉ một nhóm người thoát chết.

Trong khi quân đội đồng minh đang giành lại quyền kiểm soát đất nước, Claude và tôi lấy được một chiếc xe hơi do bọn Đức bỏ lại. Chúng tôi đã đi ngược các trận tuyến và đến Montélimar tìm thi hài của Jacques và François để đem về cho gia đình các bạn.

Mười tháng sau, một sáng mùa xuân năm 1945, sau hàng rào sắt của trại Ravensbrück, Osna, Damira, Marianne và Sophie nhìn thấy các đạo quân Mỹ đến và

giải thoát họ. Trước đó ít lâu, ở Dachau, Marc còn sống sót cũng đã được giải thoát.

Claude và tôi không bao giờ gặp lại cha mẹ.



Chúng tôi đã nhảy khỏi con tàu ma vào ngày 25 tháng Tám năm 1944, đúng ngày Paris được giải phóng.

Những ngày sau, người chủ trại và gia đình chăm sóc chúng tôi tận tình. Tôi còn nhớ cái buổi tối họ làm cho chúng tôi món trứng tráng. Charles lặng lẽ nhìn chúng tôi; gương mặt các chiến hữu ngồi quanh bàn ăn tại nhà ga nhỏ Loubers trở lại trong ký ức chúng tôi.



Một buổi sáng, thằng em đánh thức tôi.

- Lại đây anh, nó vừa nói vừa lôi tôi ra khỏi giường.

Tôi theo nó ra bên ngoài nhà kho nơi Charles và những người khác vẫn đang ngủ.

Chúng tôi bước đi như vậy, bên nhau, không nói một lời, cho đến khi thấy mình ở giữa một cánh đồng rộng lớn. Claude cầm tay tôi mà bảo:

- Nhìn đi anh.

Những hàng chiến xa Mỹ và những hàng chiến xa của binh đoàn Leclerc đang quy tụ phía xa xa về hướng Đông. Nước Pháp được giải phóng.

Jacques nói đúng, mùa xuân đã trở lại... và tôi cảm thấy bàn tay của thằng em siết chặt lấy tay mình.

Trên cánh đồng rạ ấy, thằng em tôi và tôi đã là và mãi mãi sẽ là hai đứa con của tự do, lạc giữa sáu mươi triệu người chết.

Đoạn kết

Một buổi sáng tháng Chín năm 1974, tôi sắp mười tám tuổi, mẹ bước vào phòng tôi. Mặt trời chỉ vừa mới mọc và mẹ thông báo rằng tôi sẽ không đến trường.

Tôi nhồm dậy trên giường. Năm nay, tôi chuẩn bị thi tú rài và tôi ngạc nhiên vì mẹ đề nghị tôi bỏ buổi học. Mẹ đi với cha cả ngày và muốn em gái tôi và tôi cùng đi. Tôi hỏi đi đâu, mẹ nhìn tôi với nụ cười chẳng bao giờ rời mẹ.

- Nếu con hỏi cha, có lẽ dọc đường cha sẽ nói với con về một câu chuyện mà cha chưa bao giờ muốn kể cho các con.

Chúng tôi tới Toulouse vào giữa ngày. Một xe hơi đợi chúng tôi ở nhà ga và đưa chúng tôi đến quảng trường lớn của thành phố.

Trong lúc em gái tôi và tôi ngồi vào các bậc khán

đài gần như vắng vẻ không người, thì cha tôi và chú em cha, cùng đi có một số nam giới và phụ nữ, bước xuống các bậc, tiến về một lễ đài dựng giữa sân cỏ. Mọi người xếp thành hàng, một bộ trưởng tiến về phía họ và đọc một bài diễn văn:

“Vào tháng Mười một năm 1942, những người Lao động nhập cư ở miền Tây Nam đã tự tổ chức thành phong trào kháng chiến vũ trang để lập ra đội 35 FTP-MOI⁽¹⁾.”

Là người Do Thái, công nhân, nông dân, đa số là người nhập cư Hungari, Tiệp Khắc, Ba Lan, Rumani, Italia, Nam Tư, hàng trăm hàng trăm người trong số họ đã tham gia giải phóng Toulouse, Montauban, Agen; họ đã có mặt ở mọi trận chiến để đuổi quân thù ra khỏi Garonne-Thượng, khỏi Tarn, khỏi Tarn-et-Garonne, khỏi Ariège, khỏi Gers, khỏi các miền Pyrénées-Thượng và Hạ.

Nhiều người trong số họ đã bị đi đày hoặc đã hy sinh, theo gương người chỉ huy Marcel Langer...

Bị truy đuổi, chịu khổ nhọc, thoát khỏi lãng quên, họ là biểu tượng của tình anh em được đào luyện trong cảnh đau khổ sinh ra từ sự chia rẽ, và cũng là biểu tượng cho sự dân thân của những người phụ nữ, những trẻ em và những người đàn ông đã góp phần khiến đất nước chúng ta, đất nước đã bị nộp cho bọn quốc xã làm con tin, từ từ ra khỏi sự thình lểng để cuối cùng phục sinh...

1. FTP (Francs-tireurs et partisans): Nghĩa quân và du kích.

MOI (Main-d'oeuvre immigrée): Lao động nhập cư.

Cuộc chiến đấu, bị pháp luật thời ấy kết tội, là một cuộc chiến đấu vinh quang. Nó là thời kỳ mà cá nhân vượt lên thân phận của chính mình khi khinh thường thương tích, sự tra tấn, cảnh tù đầy và cái chết.

Chúng ta có bốn phận dạy cho con cái chúng ta biết cuộc chiến đấu ấy mang những giá trị xiết bao thiết yếu, biết cuộc chiến đấu ấy, do phải trả giá hết sức nặng nề cho tự do, nên xiết bao xứng đáng được khắc ghi trong ký ức của nước Cộng hòa Pháp.⁽¹⁾

Bộ trưởng cài một huân chương lên ve áo của họ. Khi một người trong số họ, nổi bật bởi màu tóc đỏ hoe, đến lượt nhận huân chương, thì một người đàn ông bước lên lễ đài. Ông mặc trang phục màu xanh nước biển của Không lực Hoàng gia Anh và đội mũ lưỡi trai trắng. Ông lại gần con người, thời xưa, mang tên Jeannot và thông thả chào người đó như người ta chào một quân nhân. Thế là, cặp mắt của một cựu phi công và cặp mắt của một cựu tù nhân đi đây lại gặp nhau.

*

* *

Vừa bước xuống khỏi lễ đài, cha tôi tháo huân chương cất vào túi áo vét. Ông đến bên tôi, khoác vai

1. Diễn văn của Charles Hernu, bộ trưởng bộ Quốc phòng (chú thích của tác giả).

tôi và nói khê “Lại đây, cha cần phải giới thiệu con với bạn bè, rồi ta về nhà”.



Buổi tối, trong chuyến tàu đưa chúng tôi trở lại Paris, tôi chợt thấy cha nấu mình trong thình lạng, nhìn đồng quê lướt qua. Bàn tay cha đặt lơ đãng trên chiếc bàn nhỏ ngăn giữa chúng tôi. Tôi đã áp bàn tay mình lên bàn tay ấy, điều này không phải là vô nghĩa, cha con tôi chẳng mấy khi chạm vào nhau. Cha không ngoảnh đầu lại, nhưng tôi có thể nhìn thấy, trong kính cửa sổ, bóng nụ cười của cha. Tôi hỏi cha tại sao cha đã không kể cho tôi tất cả những điều ấy sớm hơn, tại sao lại chờ đợi suốt thời gian ấy.

Cha nhún vai.

- Con muốn cha nói gì với con nào?

Tôi thì tôi nghĩ rằng tôi những muốn được biết cha là Jeannot, tôi những muốn được mang theo câu chuyện của cha dưới bộ đồng phục học sinh của mình.

- Rất nhiều chiến hữu đã ngã xuống dưới những thanh ray này, chúng ta đã giết người. Về sau, cha chỉ muốn con nhớ rằng cha là cha của con.

Và, rất lâu về sau, tôi hiểu rằng cha đã muốn làm đầy tuổi thơ tôi bằng một tuổi thơ khác với tuổi thơ cha.

Mẹ không rời mắt khỏi cha. Mẹ đặt một nụ hôn lên môi cha. Qua ánh nhìn hai người trao cho nhau,

em gái tôi và tôi đoán hiểu được họ đã yêu nhau biết mấy từ ngày đầu tiên.

Tôi nhớ lại những lời cuối cùng của Samuel.

Jeannot đã giữ lời hứa.

Như thế đó, em yêu. Người đàn ông đứng tựa khuỷu tay bên quầy quán giải khát phố Tourneurs và mỉm cười trong vẻ thanh nhã của mình, đó là cha tôi.

Dưới mảnh đất Pháp này, bạn bè của cha yên nghỉ.

Mỗi lần ở nơi này hay nơi nọ tôi nghe thấy người nào đó phát biểu những ý tưởng của anh ta giữa một thế giới tự do, tôi lại nghĩ đến họ.

Lúc đó tôi nhớ lại rằng cái từ “Người nước ngoài” là một trong những lời hứa hẹn đẹp đẽ nhất của thế gian, một lời hứa hẹn đầy sắc màu, đẹp như Tự do.

Tôi sẽ không bao giờ có thể viết được cuốn sách này nếu không có những lời kể và các câu chuyện thu thập từ *Une histoire vraie* (Claude và Raymond Levy, NXB Français Réunis), *La Vie des Français sous l'Occupation* (Henri Amouroux, NXB Fayard), *Les Parias de la Résistance* (Claude Levy, NXB Calmann-Lévy), *Ni travail, ni famille, ni patrie - Journal d'une brigade FTP-MOI, Toulouse, 1942-1944* (Gérard de Verbizier, NXB Calmann-Lévy), *L'Odyssée du train fantôme. 3 juillet 1944: une page de notre histoire* (Jürg Altwegg, NXB Robert Laffont), *Schwarzenmurtz ou l'Esprit de parti* (Raymond Levy, NXB Albin Michel) và *Le Train fantôme - Toulouse-Bordeaux, Sorgues-Dachau* (Études Sorguaises).

Lời cảm ơn

Emmanuelle Hardouin

Raymond và Danièle Levy, Claude Levy

Claude và Paulette Urman

Pauline Lévêque

Nicole Lattès, Leonello Brandolini, Brigitte Lannaud, Antoine Caro, Lydie Leroy, Anne-Marie Lenfant, Elisabeth Villeneuve, Brigitte và Sarah Forissier, Tine Gerber, Marie Dubois, Brigitte Strauss, Serge Bovet, Céline Ducournau, Aude de Margerie, Arié Sberro, Sylvie Bardeau và tất cả các thành viên của Nhà xuất bản Robert Laffont

Laurent Zahut và Marc Mehenni

Léonard Anthony

Éric Brame, Kamel Berkane, Philippe Guez

Katrin Hodapp, Mark Kessler, Marie Garnero, Marion Millet, Johanna Krawczyk

Pauline Normand, Marie-Ève Provost

và

Susanna Lea và Antoine Audouard

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 8222135

E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRUNG TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo

PHẠM SÔNG HỒNG

* Biên tập: **NGUYỄN ÁNH NGÂN**

* Thiết kế bìa: **HỮU KHOA**

* Trình bày: **HỒNG NHUNG**

* Sửa bản in: **MINH THU**

Liên kết xuất bản và phát hành:

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÀ NAM

1B/IF1, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.5146875 - Fax: 04.5146965

Blog: <http://360.yahoo.com/nhanambook>

Email: nhanambook@vnn.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

**Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh**

Điện thoại: 08.8479853

Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 2.000 cuốn, khổ 13 x 20,5cm tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - BQP, Căn cứ trên sổ đăng ký kế hoạch xuất bản: 231-2008/CXB/57-10/HNV và quyết định xuất bản số 114/QĐ-NXB HNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 30.06.2008. In xong và nộp lưu chiểu năm 2008.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhà Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.

*Tất cả chúng ta
đều là người ngoài
của một ai đó.*



Giá: 70.000đ

